

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 10032/BTC-CST

Hà Nội, ngày 13 tháng 7 năm 2026

V/v xin ý kiến thẩm định về dự án
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của
Luật Thuế sử dụng đất phi nông
nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh
nghiệp

Kính gửi: Bộ Tư pháp.

Ngày 03/4/2026, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 123/2026/UBTVQH15 về điều chỉnh Chương trình lập pháp năm 2026, theo đó, bổ sung dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp vào Chương trình lập pháp năm 2026, trình Quốc hội cho ý kiến và thông qua tại Kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XVI.

Ngày 24/6/2026, Bộ Tài chính đã có công văn số 8765/BTC-CST gửi lấy ý kiến các Đoàn đại biểu Quốc hội, các Bộ ngành, địa phương, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam về hồ sơ dự án Luật, đồng thời gửi đăng dự thảo trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, của Bộ Tài chính để lấy ý kiến rộng rãi của nhân dân.

Căn cứ quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính xin gửi Bộ Tư pháp hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp để Quý Bộ sớm có ý kiến thẩm định để kịp thời gian trình các cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

(Hồ sơ gửi kèm: Dự thảo Tờ trình Chính phủ; Dự thảo Luật; Báo cáo tổng kết thi hành Luật Thuế SDDPNN, Luật Thuế TNDN; Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, VBQPPL, điều ước quốc tế có liên quan; Bản thuyết minh quy phạm hóa chính sách; Bản so sánh dự thảo Luật với Luật Thuế SDDPNN, Luật Thuế TNDN hiện hành; Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu giải trình ý kiến góp ý, phản biện xã hội).

Bộ Tài chính trân trọng sự phối hợp công tác của Quý Bộ./. *W*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ PC, Cục Thuế;
- Lưu: VT, CST (5b). *C*



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Tấn Cận
Lê Tấn Cận



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH

Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL), thực hiện Chương trình lập pháp năm 2026 của Quốc hội, Bộ Tài chính kính trình Chính phủ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (SDĐPNN), Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

1.1. Cơ sở chính trị

Hiến pháp năm 2013 và Văn kiện Đại hội XIV của Đảng đều nhất quán khẳng định chủ trương giáo dục và đào tạo cùng với khoa học, công nghệ là quốc sách hàng đầu, là động lực then chốt, là “đột phá chiến lược” để phát triển nhanh và bền vững đất nước, cụ thể như sau:

- Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo có nêu nhiệm vụ, giải pháp: “Sửa đổi, bổ sung các VBQPPL có liên quan để bổ sung các quy định không thu tiền sử dụng đất, giảm tiền thuê đất, tiền thuế đất đối với các cơ sở giáo dục trong nước. Không áp dụng thuế TNDN đối với cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục tư thực hoạt động không vì lợi nhuận”.

- Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị có giao nhiệm vụ cho Bộ Tài chính xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thuế SDĐPNN và Luật Thuế TNDN trong năm 2026.

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới: “Khẩn trương sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật đáp ứng yêu cầu thực hiện chủ trương tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính...”.

- Tại Nghị quyết số 123/2026/UBTVQH15 ngày 03/4/2026 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định bổ sung vào Chương trình lập pháp năm 2026 trình Quốc hội cho ý kiến và thông qua tại Kỳ họp thứ 2 (tháng 10/2026) đối với dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế SDĐPNN.

1.2. Cơ sở pháp lý

- Hiến pháp năm 2013 quy định: *“Phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu nhằm nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Nhà nước ưu tiên đầu tư và thu hút các nguồn đầu tư khác cho giáo dục...”* (Điều 61);

- Tại Khoản 4 Điều 8 Luật Ban hành VBQPPL quy định: *“4. Ban hành VBQPPL thay thế VBQPPL hiện hành thuộc một trong các trường hợp sau đây:*

a) Thay đổi cơ bản chính sách, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng;

b) Sửa đổi, bổ sung về nội dung quá một phần hai tổng số điều”.

- Tại khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước quy định: *“Cơ quan, người có thẩm quyền phải ban hành VBQPPL theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành VBQPPL theo trình tự, thủ tục rút gọn để xử lý các văn bản chịu sự tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy, bảo đảm hoàn thành trước ngày 01/3/2027”.*

Theo đó, để thể chế hóa đầy đủ chủ trương, định hướng của Đảng, của Nhà nước về việc “không thu tiền ... thuế đất đối với các cơ sở giáo dục trong nước. Không áp dụng thuế TNDN đối với cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục tư thực hoạt động không vì lợi nhuận” nêu tại điểm 2 Phần III Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 281/NQ-CP của Chính phủ cần thiết nghiên cứu sửa đổi, bổ sung một số quy định của Luật Thuế SDĐPNN, Luật Thuế TNDN.

2. Cơ sở thực tiễn

2.1. Đáp ứng các yêu cầu từ thực tiễn, đảm bảo tính đồng bộ của hệ thống pháp luật

Qua hơn 15 năm triển khai thực hiện chính sách thuế SDĐPNN, qua rà soát, đánh giá cho thấy quy định về đối tượng chịu thuế tại Luật Thuế SDĐPNN đã bao quát tương đối đầy đủ các loại đất theo quy định của pháp luật về đất đai tại thời điểm ban hành (Luật Đất đai năm 2003). Tuy nhiên, Luật Đất đai năm 2024 đã có sự thay đổi, trong đó có sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện quy định về phân loại đất¹. Do đó, để đảm bảo tính thống nhất, tính đồng bộ với hệ thống pháp luật chuyên ngành cần thiết phải rà soát, hoàn thiện quy định về các phân loại đất chịu thuế/đất không chịu thuế SDĐPNN cho phù hợp.

¹ Tại Luật Đất đai số 31/2024/QH15 (có hiệu lực thi hành từ 01/8/2024) đã sửa đổi, bổ sung Điều 9 về phân loại đất (chi tiết hóa và sửa đổi, bổ sung về phân loại đất cụ thể trong nhóm đất phi nông nghiệp). Trong đó, nhóm đất phi nông nghiệp đã mở rộng danh mục các loại đất sử dụng vào mục đích công cộng và hạ tầng.

2.2. Thúc đẩy, khuyến khích, thu hút nguồn lực xã hội đầu tư vào lĩnh vực giáo dục và đào tạo, giảm áp lực lên khu vực công lập và mở rộng khả năng cung ứng dịch vụ công chất lượng cao

Luật Giáo dục năm 2019 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Giáo dục năm 2025) quy định: *Cơ sở giáo dục* là tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân gồm nhà trường và cơ sở giáo dục khác (khoản 12 Điều 5). Thực hiện đa dạng hóa các loại hình cơ sở giáo dục và hình thức giáo dục; khuyến khích, huy động và tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân tham gia phát triển sự nghiệp giáo dục; khuyến khích phát triển cơ sở giáo dục dân lập, tự thực đáp ứng nhu cầu xã hội về giáo dục chất lượng cao (khoản 2 Điều 16).

Tại Luật Thuế SĐTPNN quy định miễn thuế đối với đất của cơ sở thực hiện xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo (khoản 2 Điều 9). Đối với đất phi nông nghiệp sử dụng không vào mục đích kinh doanh (đất sử dụng vào mục đích công cộng gồm đất giáo dục và đào tạo) thuộc đối tượng không chịu thuế SĐTPNN (khoản 1 Điều 3).

Đẩy mạnh xã hội hóa trong cung ứng dịch vụ công trong đó có lĩnh vực giáo dục và đào tạo, trong thời gian qua, Chính phủ đã ban hành nhiều VBQPPL khuyến khích xã hội hóa, được đánh giá là tương đối đầy đủ, phù hợp với thực tiễn. Để được hưởng chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa, các cơ sở thực hiện xã hội hóa là cơ sở được thành lập, cấp phép hoạt động đảm bảo theo quy hoạch, phải thuộc danh mục các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn do Thủ tướng Chính phủ quy định². Các chính sách ưu đãi được hưởng gồm ưu đãi về đất đai, về thuế, tín dụng.

Theo thống kê của Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm học 2024-2025, cả nước có khoảng 41.000 cơ sở giáo dục và đào tạo (trong đó có khoảng 3.900 cơ sở ngoài công lập). Đánh giá xu hướng phát triển cơ sở giáo dục và đào tạo cho thấy số lượng cơ sở giáo dục ngoài công lập phát triển nhanh trong những năm gần đây (đặc biệt tại khu vực TP. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh và các đô thị lớn). Riêng bậc mầm non có khoảng 15.200 cơ sở giáo dục (trong đó có khoảng 3.100 cơ sở ngoài công lập) cho thấy xu hướng nhu cầu tăng mạnh ở cấp học mầm non. Kinh phí thực hiện nghĩa vụ về thuế theo quy định pháp luật hiện hành³, chiếm khoảng 5% - 20% chi phí hoạt động hàng năm của các cơ sở giáo dục và đào tạo ngoài công lập, tùy khả năng đáp ứng các điều kiện ưu đãi đầu tư trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

Để tiếp tục khuyến khích, thu hút thêm nguồn lực xã hội đầu tư vào lĩnh vực giáo dục và đào tạo, tại Nghị quyết số 71-NQ/TW Bộ Chính trị đã chủ

² Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ về Danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013; Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 22/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ).

³ Thuế TNDN với thuế suất 20%, thuế GTGT với thuế suất 5-10% (đối với các dịch vụ cung cấp), thuế TNCN với thuế suất 10% (đối với chuyên gia, giảng viên...), thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu (đối với các trang thiết bị dạy học, y tế...) thuế SĐTPNN, các loại phí, lệ phí (lệ phí cấp phép thành lập...)

trương không thu tiền sử dụng đất, giảm tiền thuê đất, tiền thuế đất đối với các cơ sở giáo dục trong nước, đồng thời không áp dụng thuế TNDN đối với cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục tư thực hoạt động không vì lợi nhuận. Theo đó, việc bổ sung, mở rộng ưu đãi thuế SDĐPNN và thuế TNDN đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo là đề cụ thể hóa chủ trương ưu tiên này của Đảng đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo, không phân biệt cơ sở giáo dục công lập và ngoài công lập.

2.3. Góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ giáo dục nhằm cải thiện chất lượng nguồn nhân lực, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, tạo nền tảng cho tăng trưởng kinh tế dài hạn

Ưu đãi thuế nói chung và ưu đãi thuế SDĐPNN, thuế TNDN nói riêng là công cụ hỗ trợ tài chính trực tiếp của Nhà nước đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Về mặt kinh tế, chính sách này giúp các cơ sở giáo dục đào tạo giảm bớt gánh nặng chi phí vận hành, nâng cao năng lực tài chính để duy trì hoạt động và chủ động mở rộng quy mô. Sự đồng hành về mặt tài khóa này tạo điều kiện cho các đơn vị hạ giá thành dịch vụ, giúp người dân - đặc biệt là các nhóm yếu thế - dễ dàng tiếp cận các dịch vụ công thiết yếu một cách công bằng.

Bên cạnh đó, việc mở rộng và đa dạng hóa các hình thức ưu đãi thuế sẽ kích thích sự tham gia mạnh mẽ của nhiều thành phần kinh tế vào lĩnh vực giáo dục. Môi trường cạnh tranh lành mạnh này là động lực cốt lõi buộc các cơ sở đào tạo phải không ngừng đổi mới phương pháp giảng dạy, hiện đại hóa chương trình và nâng cao chuẩn mực đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng phong phú của xã hội.

Xét trên bình diện vĩ mô, đầu tư cho giáo dục thông qua chính sách ưu đãi thuế chính là một trong nhiều phương thức để tích lũy vốn nhân lực quốc gia. Nguồn nhân lực chất lượng cao, có tư duy đổi mới sáng tạo được hình thành từ một hệ thống giáo dục tiên tiến sẽ là đòn bẩy quyết định để nâng cao năng suất lao động xã hội, tạo nền tảng vững chắc cho sự tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững của đất nước trong dài hạn.

2.4. Phù hợp với thông lệ quốc tế

Để thu hút, khuyến khích đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo, các quốc gia trên thế giới⁴ áp dụng phối hợp nhiều hình thức khác nhau như hỗ trợ tài chính trực tiếp (cung cấp quỹ hỗ trợ phát triển cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục xã hội hóa, cho vay ưu đãi, hợp tác công tư) hoặc các ưu đãi thuế (ưu đãi

⁴ Ví dụ như: Tại Anh, áp dụng các chính sách ưu đãi thuế, hỗ trợ tài chính trực tiếp cho các trường tư thục và cơ sở đào tạo nghề ngoài công lập; Miễn, giảm thuế BDS cho cơ sở giáo dục phi lợi nhuận, hỗ trợ vốn vay ưu đãi để đầu tư cơ sở vật chất, công nghệ. Tại Đức, áp dụng ưu đãi thuế cho cơ sở phi lợi nhuận và doanh nghiệp đầu tư vào giáo dục, bao gồm miễn thuế đất, thuế thu nhập từ hoạt động giáo dục. Ngoài ra, khuyến khích các tập đoàn tư nhân và hiệp hội phi lợi nhuận đầu tư vào trường mầm non và trường dạy nghề, cung cấp quỹ hỗ trợ phát triển cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục xã hội hóa. Tại Pháp, cho phép các cơ sở giáo dục ngoài công lập được hưởng ưu đãi thuế (giảm thuế đất và miễn một số lệ phí hành chính), trợ cấp trực tiếp và hỗ trợ dài dài, cung cấp cơ chế hợp tác công - tư (PPP) cho các dự án trường học mới. Tại Hồng Kông, các cơ sở giáo dục phi lợi nhuận có thể được hỗ trợ thông qua cơ chế hoàn trả toàn bộ hoặc một phần các khoản thuế, tiền thuê đất đã nộp hoặc các hỗ trợ tài chính khác.

thuế thu nhập, thuế đối với đất, công trình).

- Về thuế sử dụng đất: Các quốc gia trên thế giới⁵ đều có ưu đãi thuế cao đối với công trình phục vụ cho mục đích công cộng dưới 2 hình thức: đưa công trình giáo dục, đào tạo vào đối tượng không chịu thuế hoặc miễn, giảm thuế giúp giảm gánh nặng chi phí cố định cho các cơ sở giáo dục, đặc biệt là các tổ chức phi lợi nhuận hoặc xã hội hóa, hỗ trợ cơ sở quy mô nhỏ hoặc ở các khu vực khó khăn và tăng tính bền vững tài chính của hệ thống giáo dục.

Kinh nghiệm các quốc gia cho thấy ưu đãi thuế sử dụng đất đối với các cơ sở giáo dục thường được thiết kế gắn với cơ sở hoạt động phi lợi nhuận và mục đích phục vụ cộng đồng, hơn là ngành nghề cụ thể. Việc khuyến khích đầu tư vào dịch vụ công cũng bao gồm hỗ trợ phát triển cho cơ sở quy mô nhỏ và khu vực khó khăn, ví dụ như tại New Zealand, các cơ sở do tổ chức từ thiện sở hữu được miễn hoặc giảm thuế đất tại địa phương; ở Đức, các cơ sở giáo dục phi lợi nhuận được miễn thuế sử dụng đất nếu đất được sử dụng trực tiếp cho mục đích phục vụ cộng đồng. Các hỗ trợ này có ý nghĩa quan trọng đảm bảo cơ sở giáo dục quy mô nhỏ không bị loại khỏi thị trường vì chi phí đất đai cao, thúc đẩy bình đẳng trong tiếp cận dịch vụ.

- Về thuế TNDN: Kinh nghiệm quốc tế cho thấy nhiều quốc gia áp dụng chính sách miễn hoặc ưu đãi thuế TNDN đối với cơ sở giáo dục công lập và cơ sở giáo dục tư thục hoạt động không vì lợi nhuận nhằm khuyến khích cung ứng dịch vụ giáo dục mang tính công ích⁶. Xu hướng chung của nhiều quốc gia là chỉ đánh thuế đối với hoạt động mang tính thương mại, đồng thời gắn ưu đãi thuế với điều kiện tái đầu tư lợi nhuận cho mục tiêu giáo dục và có cơ chế đảm bảo tính minh bạch tài chính.

Do đó, để cụ thể hóa Nghị quyết số 66-NQ/TW, Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội và Nghị quyết số 281/NQ-CP của Chính phủ, cần thiết sửa đổi, bổ sung Luật Thuế SDPNN, Luật Thuế TNDN.

⁵ Tại Hoa Kỳ quy định về miễn thuế BĐS đối với các trường học, cao đẳng/đại học (bao gồm các trường công lập và phi lợi nhuận), tổ chức giáo dục phi lợi nhuận, cơ sở nghiên cứu khoa học của chính phủ. Tại khu vực Châu Âu (Pháp, Anh, Tây Ban Nha, Thụy Điển...): Ở Đức, theo Luật Thuế BĐS, các tổ chức phi lợi nhuận và tổ chức công dùng tài sản vì mục đích phục vụ cộng đồng thường được miễn thuế BĐS địa phương; Ở Pháp, hệ thống thuế BĐS cho phép miễn hoặc không áp thuế tài sản định kỳ đối với tài sản được coi là phục vụ "lợi ích công cộng" - bao gồm trường học, bệnh viện, cơ sở xã hội - nếu tài sản đó được sử dụng phù hợp. Tại Hà Lan, cơ sở giáo dục phi lợi nhuận được miễn thuế BĐS và một số loại thuế thu nhập liên quan đến hoạt động giáo dục, khuyến khích đầu tư tư nhân thông qua cơ chế hợp tác công - tư, đặc biệt ở giáo dục mầm non và tiểu học. Tại khu vực Châu Á (Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản...): Trung Quốc miễn hoặc giảm thuế thu nhập đối với phần lợi nhuận tái đầu tư vào hoạt động giáo dục, miễn thuế sử dụng đất hoặc giảm tiền thuê đất đối với các cơ sở giáo dục phi lợi nhuận và tư thục; Hàn Quốc miễn, giảm thuế sử dụng đất đối với đất dành cho hoạt động giáo dục của các cơ sở giáo dục phi lợi nhuận (tư thục, trường mầm non, trường phổ thông ngoài công lập). Tại Indonesia, tài sản được sử dụng cho các hoạt động phi lợi nhuận, chẳng hạn như dịch vụ xã hội, giáo dục hoặc y tế, có thể được giảm 50% thuế tài sản.

⁶ Tại các quốc gia OECD, Mỹ, Đức, Pháp Nhật Bản, Hàn Quốc, các tổ chức giáo dục phi lợi nhuận hoặc tổ chức giáo dục được công nhận là phục vụ lợi ích công cộng được miễn thuế thu nhập đối với thu nhập từ hoạt động đào tạo, nghiên cứu, học thuật,... các hoạt động kinh doanh ngoài mục tiêu giáo dục (cho thuê thương mại, kinh doanh độc lập, đầu tư tài chính, dịch vụ ngoài giáo dục...) thực hiện kê khai và nộp thuế thu nhập theo quy định.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG LUẬT

1. Mục đích ban hành

Thể chế hóa đầy đủ các chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển giáo dục và đào tạo, khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư vào lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

2. Quan điểm xây dựng Luật

Quan điểm chỉ đạo xây dựng luật theo các nguyên tắc sau:

- Việc xây dựng dự án Luật phù hợp với Hiến pháp năm 2013, nhằm cụ thể hóa kịp thời, đầy đủ các chủ trương của Đảng, Nhà nước đã nêu tại Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị, Luật Giáo dục năm 2019 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Giáo dục năm 2025), Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về việc xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.

- Bám sát các mục tiêu, định hướng được xác định trong Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/4/2022.

- Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung những quy định nhằm đáp ứng với yêu cầu quản lý KT-XH và quản lý thuế.

- Đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG LUẬT

Thực hiện Luật Ban hành VBQPPL, Bộ Tài chính đã phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương xây dựng hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế SĐTPNN, Luật Thuế TNDN.

Ngày 18/5/2026, Bộ Tài chính đã có Quyết định số 1178/QĐ-BTC về việc thành lập Tổ soạn thảo xây dựng dự án Luật. Ngày 26/5/2026, Bộ Tài chính đã tổ chức họp Tổ soạn thảo, theo đó, đã thống nhất các nội dung về phạm vi điều chỉnh, các nội dung sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Luật và tên gọi của Luật.

Ngày 24/6/2026, Bộ Tài chính đã có công văn số 8765/BTC-CST gửi lấy ý kiến các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, trong đó có 06 Bộ phải lấy ý kiến theo quy định của Luật Ban hành VBQPPL, bao gồm: Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp và Bộ Khoa học và Công nghệ.

Đồng thời, đã đăng tải toàn bộ Hồ sơ dự án Luật trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và của Bộ Tài chính để lấy ý kiến rộng rãi trong nhân dân, doanh nghiệp và các tổ chức liên quan.

Bộ Tài chính đã nhận được các văn bản tham gia ý kiến. Ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị đã được Bộ Tài chính nghiên cứu, tiếp thu, giải trình và

hoàn thiện hồ sơ dự án Luật.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO LUẬT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Phạm vi điều chỉnh: Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản, điểm của Luật Thuế SDĐPNN về: đối tượng chịu thuế (Điều 2); đối tượng không chịu thuế (Điều 3); đăng ký, khai, tính và nộp thuế (Điều 8); miễn thuế (Điều 9) và 01 Điều của Luật Thuế TNDN về các trường hợp miễn thuế, giảm thuế khác (Điều 15).

1.2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng của Luật này bao gồm:

- Người nộp thuế theo quy định tại Luật Thuế SDĐPNN, Luật Thuế TNDN.
- Cơ quan quản lý thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.
- Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

2. Bố cục của dự thảo Luật

Dự thảo Luật được bố cục thành 03 Điều như sau:

- Điều 1. Quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế SDĐPNN.
- Điều 2. Quy định sửa đổi, bổ sung khoản 5 và bổ sung khoản 6 Điều 15 của Luật Thuế TNDN.
- Điều 3. Quy định điều khoản thi hành.

3. Nội dung cơ bản

Để đảm bảo mục đích, quan điểm nêu trên, dự thảo Luật dự kiến sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện một số quy định như sau:

3.1. Nội dung sửa đổi, hoàn thiện

Dự thảo Luật quy định sửa đổi, hoàn thiện 03 nội dung:

(1) Sửa đổi, hoàn thiện quy định về đối tượng chịu thuế SDĐPNN để phù hợp với phân loại đất theo quy định pháp luật đất đai hiện hành

Luật Thuế SDĐPNN hiện hành quy định đối tượng chịu thuế SDĐPNN bao gồm (i) Đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị; (ii) Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp bao gồm: đất xây dựng khu công nghiệp; đất làm mặt bằng xây dựng cơ sở sản xuất, kinh doanh; đất khai thác, chế biến khoáng sản; đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm; (iii) Đất phi nông nghiệp thuộc đối tượng không chịu thuế nhưng sử dụng vào mục đích kinh doanh (Điều 2).

Qua rà soát, đánh giá cho thấy quy định về đối tượng chịu thuế tại Luật Thuế SDĐPNN đã bao quát tương đối đầy đủ các loại đất theo quy định của

pháp luật về đất đai tại thời điểm ban hành (Luật Đất đai năm 2003). Tuy nhiên, pháp luật về Luật Đất đai năm 2024 đã có sự thay đổi, trong đó có sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện về phân loại đất dẫn đến cách phân loại đối tượng chịu thuế SDĐPNN còn chưa thống nhất với cách phân loại đất phi nông nghiệp theo quy định của Luật Đất đai năm 2024, cụ thể:

Tại Luật Đất đai năm 2024 quy định nhóm đất phi nông nghiệp theo mục đích sử dụng: (i) Đất ở, gồm đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị; (ii) Đất xây dựng trụ sở cơ quan; (iii) Đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; (iv) Đất xây dựng công trình sự nghiệp; (v) Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp; (vi) Đất sử dụng vào mục đích công cộng; (vii) Đất sử dụng cho hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng; (viii) Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng, đất cơ sở lưu trữ tro cốt; (ix) Đất có mặt nước chuyên dùng; (x) Đất phi nông nghiệp khác. Trong đó, Luật Đất đai năm 2024 đã có sửa đổi về phân loại đất so với Luật Đất đai năm 2003 đối với đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp như sau:

- Bổ sung “đất cụm công nghiệp”, “đất thương mại, dịch vụ”.

- Thay thế cụm từ “đất làm mặt bằng xây dựng cơ sở sản xuất, kinh doanh” thành “đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp”; thay thế cụm từ “đất khai thác, chế biến khoáng sản” thành “đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản”.

- Bỏ “đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm”.

Do đó, Bộ Tài chính đề xuất sửa đổi quy định về đối tượng chịu thuế SDĐPNN là đất phi nông nghiệp theo cách phân loại đất của Luật Đất đai 2024 như sau:

- Đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị.

- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp bao gồm: đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp; đất thương mại, dịch vụ; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản.

- Đất phi nông nghiệp thuộc đối tượng không chịu thuế sử dụng vào mục đích kinh doanh.

(2) Sửa đổi, hoàn thiện quy định về đối tượng không chịu thuế để phù hợp với phân loại đất theo Luật Đất đai hiện hành

Luật Thuế SDĐPNN quy định đối tượng không chịu thuế SDĐPNN là đất phi nông nghiệp sử dụng không vào mục đích kinh doanh bao gồm: (i) Đất sử dụng vào mục đích công cộng bao gồm: đất giao thông, thủy lợi; đất xây dựng công trình văn hóa, y tế, giáo dục và đào tạo, thể dục thể thao phục vụ lợi ích công cộng; đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; đất xây dựng công trình công cộng khác theo quy định của Chính phủ; (ii) Đất do cơ sở tôn giáo sử dụng; (iii) Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa; (iv) Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối và mặt nước chuyên dùng; (v) Đất có công trình là đình, đền, miếu, am, từ đường, nhà thờ họ; (vi) Đất xây dựng trụ sở cơ quan, xây dựng công trình

sự nghiệp, đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; (vii) Đất phi nông nghiệp khác theo quy định của pháp luật (Điều 3).

Qua rà soát, đánh giá cho thấy quy định về đối tượng không chịu thuế tại Luật Thuế SDĐPNN đã bao quát tương đối đầy đủ các loại đất theo quy định của pháp luật về đất đai tại thời điểm ban hành. Tuy nhiên, qua rà soát thì Luật Đất đai năm 2024 sửa đổi, bổ sung về phân loại đất đối với nhóm đất phi nông nghiệp thuộc đối tượng không chịu thuế SDĐPNN như sau:

- Thay thế cụm từ “đất giao thông” thành “đất công trình giao thông”; “đất thủy lợi” thành “đất công trình thủy lợi”; “đất do các tổ chức tôn giáo sử dụng” thành “đất sử dụng cho hoạt động tôn giáo”; “đất có công trình là đình, đền, miếu, am, từ đường, nhà thờ họ” thành “đất sử dụng cho hoạt động tín ngưỡng”; “đất làm nghĩa trang, nghĩa địa” thành “đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt”.

- Bỏ “đất xây dựng các công trình văn hóa, y tế, giáo dục và đào tạo, thể dục thể thao phục vụ lợi ích công cộng”, “đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối”.

- Bổ sung “đất công trình cấp nước, thoát nước”; “đất công trình phòng, chống thiên tai”, “đất có di sản thiên nhiên”; “đất công trình xử lý chất thải; đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng; đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin; đất chợ dân sinh, chợ đầu mối; đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng”; “Đất xây dựng công trình sự nghiệp bao gồm: đất xây dựng cơ sở văn hóa, xã hội, y tế, giáo dục và đào tạo, thể dục, thể thao, khoa học và công nghệ, môi trường, khí tượng thủy văn, ngoại giao và công trình sự nghiệp khác hoặc đất xây dựng trụ sở của đơn vị sự nghiệp công lập khác”.

Theo đó, kế thừa quy định về đối tượng không chịu thuế đối với đất phi nông nghiệp và rà soát đảm bảo phù hợp với cách phân loại đất của Luật Đất đai năm 2024, đề xuất sửa đổi quy định về đối tượng không chịu thuế SDĐPNN đối với đất phi nông nghiệp không sử dụng vào mục đích kinh doanh như sau:

- Đất sử dụng vào mục đích công cộng gồm: đất công trình giao thông; đất công trình thủy lợi; đất công trình cấp nước, thoát nước; đất có công trình phòng, chống thiên tai; đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; di sản thiên nhiên; đất công trình xử lý chất thải; đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng; đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin; đất chợ dân sinh, chợ đầu mối; đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng.

- Đất sử dụng cho hoạt động tôn giáo, đất sử dụng cho hoạt động tín ngưỡng.

- Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt.

- Đất có mặt nước chuyên dùng.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan, đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an

ninh.

- Đất xây dựng công trình sự nghiệp bao gồm: đất xây dựng cơ sở văn hóa, xã hội, y tế, giáo dục và đào tạo, thể dục, thể thao, khoa học và công nghệ, môi trường, khí tượng thủy văn, ngoại giao và công trình sự nghiệp khác hoặc đất xây dựng trụ sở của đơn vị sự nghiệp công lập khác.

- Đất phi nông nghiệp khác theo quy định pháp luật đất đai.

(3) Sửa đổi, hoàn thiện quy định về đăng ký, khai, tính và nộp thuế

Tại khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 190/2025/QH15 quy định: 2. *Cơ quan, người có thẩm quyền phải ban hành VBQPPL theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành VBQPPL theo trình tự, thủ tục rút gọn để xử lý các văn bản chịu sự tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, bảo đảm hoàn thành trước ngày 01/3/2027.*

Tại Điều 8 Luật Thuế SDĐPNN quy định: “Người nộp thuế đăng ký, khai, tính và nộp thuế tại cơ quan thuế *huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh* nơi có quyền sử dụng đất” (khoản 2 Điều 8); “Người nộp thuế đăng ký, khai, tính và nộp thuế tại cơ quan thuế *huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh* nơi có quyền sử dụng đất” (điểm a khoản 3 Điều 8); “Người nộp thuế được lựa chọn hạn mức đất ở tại một *huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh* nơi có quyền sử dụng đất. Giá tính thuế được áp dụng theo giá đất của từng *huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh* tại nơi có thửa đất” (điểm a khoản 3 Điều 8). Thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp, hiện nay không còn cấp hành chính huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh. Cơ quan quản lý thuế đã thay đổi từ “Chi cục thuế” thành “Thuế cơ sở thuộc thuế tỉnh”.

Do vậy, Bộ Tài chính đề xuất sửa đổi các quy định về nơi đăng ký, khai, nộp thuế; xác định hạn mức đất ở và giá đất để đơn giản hóa thủ tục trong việc kê khai, nộp thuế SDĐPNN⁷ và đồng bộ với Luật Quản lý thuế năm 2025, phù hợp với tên gọi theo tổ chức bộ máy mới sau sắp xếp và đảm bảo thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 190/2025/QH15, cụ thể như sau:

- Bỏ các nội dung quy định chi tiết về quản lý thuế quy định tại khoản 2 Điều 8 Luật Thuế SDĐPNN và thực hiện theo quy định pháp luật về quản lý thuế, đồng thời bổ sung quy định cơ quan thuế căn cứ hệ thống thông tin quản lý thuế để hỗ trợ người nộp thuế trong việc kê khai và tính số thuế phải nộp, đơn giản hóa thủ tục kê khai, nộp thuế đối với trường hợp người nộp thuế có nhiều thửa đất ở trong phạm vi một tỉnh.

⁷ Tại các văn bản hướng dẫn Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 (Nghị định số 252/2026/NĐ-CP của Chính phủ và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính) đã sửa đổi, bổ sung các quy định: (i) Bổ sung quy định người nộp thuế không phải nộp hồ sơ khai thuế SDĐPNN trong trường hợp cơ quan thuế đã kết nối, chia sẻ, sử dụng được thông tin có trong cơ sở dữ liệu quốc gia; (ii) Đơn giản hóa tờ khai thuế SDĐPNN của hộ gia đình, cá nhân, cụ thể lược bỏ phần xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (UBND cấp xã, Văn phòng đăng ký đất đai) tại tờ khai thuế SDĐPNN đối với hộ gia đình, cá nhân. Ngoài ra, Bộ Tài chính (Cục Thuế) đã phối hợp với các cơ quan để triển khai xây dựng kế hoạch và phương án để kết nối, liên thông, chia sẻ thông tin với cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai, triển khai điện tử hóa thủ tục Đăng ký biến động tài sản của cơ quan nông nghiệp và môi trường trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Bổ sung quy định cụ thể về cách xác định hạn mức đất ở làm căn cứ tính thuế trong các trường hợp có một thửa đất vượt hạn mức, có nhiều thửa đất vượt hạn mức, không có thửa đất nào vượt hạn mức nhưng tổng diện tích các thửa đất vượt hạn mức để đảm bảo tính rõ ràng, minh bạch trong việc xác định hạn mức.

(4) Sửa đổi khoản 5 Điều 15 Luật Thuế TNDN về tổ chức khoa học công nghệ công lập được miễn thuế TNDN

Thể chế hóa chủ trương tại Nghị quyết số 57-NQ/TW và căn cứ nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ, trong quá trình xây dựng dự án Luật Thuế TNDN, Bộ Tài chính đã phối hợp với các cơ quan liên quan trình Chính phủ báo cáo Quốc hội bổ sung quy định về miễn thuế TNDN tại khoản 5 Điều 15 Luật Thuế TNDN như sau: “5. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập, *cơ sở giáo dục đại học công lập* hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận được miễn thuế theo quy định của Chính phủ”.

Qua rà soát các VBQPPL thì hiện chưa có văn bản quy định rõ khái niệm “đơn vị công lập hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận” nói chung hay “*Tổ chức khoa học và công nghệ công lập*” và “*Cơ sở giáo dục đại học công lập*” hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận nói riêng. Tuy nhiên, theo quy định tại Luật Viên chức năm 2025 thì bản thân đơn vị sự nghiệp công lập (bao gồm cả cơ sở giáo dục công lập hay tổ chức khoa học và công nghệ công lập) đã là tổ chức hoạt động không vì lợi nhuận.

Theo đó, để khắc phục vướng mắc được một số cơ quan thuế địa phương phản ánh trong thời gian vừa qua, đồng thời đảm bảo không trùng lặp với việc bổ sung khoản 6 nêu trên, Bộ Tài chính trình Chính phủ sửa đổi quy định khoản 5 Điều 15 Luật Thuế TNDN theo hướng bỏ cụm từ “cơ sở giáo dục đại học công lập” và cụm từ “hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận” tại khoản này. Cụ thể như sau: “5. *Tổ chức khoa học và công nghệ công lập, cơ sở giáo dục đại học công lập hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận* được miễn thuế theo quy định của Chính phủ”.

3.2. Nội dung bổ sung

Dự thảo Luật quy định bổ sung 02 nội dung:

(1) Bổ sung quy định trường hợp miễn thuế SDĐPNN của cơ sở giáo dục

Tại Điều 9 Luật Thuế SDĐPNN quy định miễn thuế đối với đất của cơ sở thực hiện xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Đánh giá tác động chính sách miễn thuế SDĐPNN trong những năm vừa qua cho thấy: (i) miễn thuế đối với đất của cơ sở thực hiện xã hội hóa là công cụ chính sách có tác động tích cực trong việc giảm chi phí đầu vào, khuyến khích đầu tư xã hội, nâng cao chất lượng dịch vụ và sử dụng hiệu quả nguồn lực đất đai cho các mục tiêu phát triển con người; (ii) góp phần thực hiện chính sách của Đảng và Nhà nước về xã hội hóa giáo dục và đào tạo; (iii) phù hợp và thống nhất với pháp luật về đầu tư, góp phần thực hiện chính sách an sinh xã hội.

Đánh giá xu hướng phát triển xã hội hóa lĩnh vực giáo dục và đào tạo

trong những năm tới cho thấy, dưới tác động của quá trình đô thị hóa, số lượng cơ sở giáo dục ngoài công lập phát triển nhanh chóng, đặc biệt là bậc học mầm non⁸. Số lượng cơ sở ngoài công lập ở bậc mầm non đã vượt khu vực công lập, cho thấy nhu cầu xã hội và vai trò ngày càng lớn của khu vực tư nhân trong cung ứng dịch vụ giáo dục. Đánh giá kết quả thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục cho thấy, số lượng cơ sở giáo dục ngoài công lập đạt 9,6% và hơn 2,3 triệu học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục ngoài công lập đạt 9,29%, chưa đạt so với mục tiêu đề ra⁹. Các cơ sở giáo dục và đào tạo ngoài công lập không đáp ứng tiêu chí xã hội hóa hiện nay không thuộc diện được hưởng ưu đãi theo chính sách xã hội hóa hiện hành, khó tiếp cận nguồn lực hỗ trợ cơ sở vật chất, trang thiết bị giảng dạy và hạn chế trong ưu tiên thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư. Sự gia tăng nhanh chóng số lượng cơ sở ngoài công lập đòi hỏi các chính sách xã hội hóa, trong đó có ưu đãi về đất đai và thuế nhằm tạo động lực thu hút nguồn lực xã hội tham gia phát triển giáo dục; bảo đảm tiếp cận công bằng trong đầu tư giáo dục, đảm bảo người học được tiếp cận cơ hội giáo dục và hưởng lợi từ chính sách phát triển giáo dục của Đảng và Nhà nước.

Thực hiện nhiệm vụ tại điểm 2 Phần III Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ¹⁰, Nghị định số 105/2020/NĐ-CP của Chính phủ¹¹, các Nghị quyết của Bộ Chính trị và Quốc hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia và phát triển kinh tế tư nhân, để tạo cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội cho phát triển giáo dục và đào tạo, phù hợp với xu hướng phát triển, khuyến khích, thu hút nguồn lực xã hội đầu tư vào lĩnh vực giáo dục và đào tạo, giảm áp lực lên khu vực công lập và mở rộng khả năng cung ứng dịch vụ công chất lượng cao, đề xuất sửa đổi, bổ sung cơ chế ưu đãi về thuế đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo chưa đáp ứng đầy đủ các tiêu chí xã hội hóa theo hướng: Miễn thuế SDĐPNN đối với đất sử dụng vào mục đích giáo dục và đào tạo của cơ sở giáo dục không thuộc trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 3 và khoản 2 Điều này.

Trên thực tế phát sinh trường hợp diện tích đất vừa sử dụng vào mục đích giáo dục và đào tạo (được miễn thuế), vừa sử dụng vào mục đích kinh doanh, thương mại, dịch vụ (không được miễn thuế). Trên cơ sở ý kiến đề xuất của Bộ Giáo dục và Đào tạo (tại công văn số 2625/BGDĐT-KHTC ngày 15/5/2026), trong đó đề xuất chỉ miễn thuế đối với đất sử dụng vào mục đích giáo dục và

⁸ Theo số liệu thống kê, năm học 2024-2025, cả nước có khoảng 3.935 cơ sở giáo dục ngoài công lập, trong đó có 3.083 trường mầm non ngoài công lập, 487 cơ sở giáo dục phổ thông ngoài công lập và 67 cơ sở giáo dục đại học ngoài công lập.

⁹ Tại Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 04/6/2019 của Chính phủ về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư cho phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 - 2025 có nêu mục tiêu: "*Đẩy mạnh huy động các nguồn lực của xã hội, thúc đẩy sự phát triển của các cơ sở giáo dục ngoài công lập đạt tỷ lệ 8,75% số cơ sở và 8,9% người học vào năm 2020 và lần lượt là 13,5% và 16% vào năm 2025*".

¹⁰ Sửa đổi, bổ sung các VBQPPL có liên quan để bổ sung các quy định không thu tiền sử dụng đất, giảm tiền thuê đất, tiền thuế đất đối với các cơ sở giáo dục trong nước.

¹¹ Nhà đầu tư thực hiện hoạt động đầu tư trong lĩnh vực giáo dục mầm non được hưởng các chính sách ưu đãi về đất đai, thuế, tín dụng và các chính sách khuyến khích xã hội hóa theo quy định của pháp luật (Khoản 1 Điều 6).

đào tạo và ý kiến của Thành viên Tổ soạn thảo từ các Bộ: Quốc phòng, Công an, Ngoại giao, dự thảo Luật đã thể hiện: diện tích đất được miễn thuế là tổng diện tích đất được nhà nước giao, cho thuê, nhận chuyển nhượng theo quy định pháp luật đất đai sử dụng vào mục đích giáo dục và đào tạo (không bao gồm diện tích đất sử dụng vào mục đích kinh doanh, thương mại, dịch vụ) *ghi trên một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, Quyết định giao đất, Quyết định hoặc Hợp đồng cho thuê đất, hoặc các loại Giấy tờ khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền*. Theo đó, nguyên tắc chỉ miễn thuế đối với diện tích đất sử dụng vào mục đích giáo dục và đào tạo thể hiện trên giấy tờ hợp lệ do cơ quan có thẩm quyền cấp.

Trường hợp sử dụng đất giáo dục và đào tạo vào mục đích khác thì thực hiện theo quy định của Luật Đất đai và Luật Quản lý sử dụng tài sản công (không phục hiện trạng, xử phạt vi phạm hành chính hoặc yêu cầu chuyển mục đích sử dụng).

(2) *Bổ sung nội dung sửa đổi về thuế TNDN đối với cơ sở giáo dục hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận*

- Về đối tượng được miễn thuế TNDN:

Theo quy định tại Nghị quyết số 71-NQ/TW thì đối tượng được miễn thuế TNDN là “*cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục tư thực hoạt động không vì lợi nhuận*”.

Qua rà soát các VBQPPL cho thấy:

- Tại khoản 1 Điều 5 Luật Viên chức năm 2025 (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2026) quy định: “*1. Đơn vị sự nghiệp công lập là tổ chức do cơ quan có thẩm quyền thành lập theo quy định của pháp luật, có tư cách pháp nhân, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, cung cấp dịch vụ công phục vụ xã hội, hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước*”.

Theo quy định của Luật Viên chức năm 2025 nêu trên thì bản thân đơn vị sự nghiệp công lập (bao gồm cả cơ sở giáo dục công lập hay tổ chức khoa học và công nghệ công lập) đã là tổ chức hoạt động không vì lợi nhuận.

- Các Luật về giáo dục (Luật Giáo dục năm 2019, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Giáo dục năm 2025); Luật Giáo dục đại học năm 2025, Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2025) và các văn bản hướng dẫn *đã có quy định* về cơ sở giáo dục tư thực hoạt động không vì lợi nhuận, trong đó *xác định rõ*: nguyên tắc hoạt động không vì lợi nhuận, không rút vốn, không hưởng lợi tức, chênh lệch thu chi tích lũy hàng năm là tài sản không phân chia của nhà trường, được sử dụng đầu tư phát triển cơ sở giáo dục theo nguyên tắc không hoàn lại.

Do đó, để thể chế hóa chủ trương tại Nghị quyết số 71-NQ/TW nêu trên, phù hợp với quy định của các Luật về giáo dục, về khoa học, công nghệ, về viên chức và pháp luật có liên quan, tránh vướng mắc trong thực hiện, Bộ Tài chính trình Chính phủ bổ sung khoản 6 mới vào Điều 15 Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15 quy định đối tượng được miễn thuế như sau: “Cơ sở giáo dục

công lập; cơ sở giáo dục tư thực hoạt động không vì lợi nhuận thành lập theo quy định của pháp luật. Việc xác định cơ sở giáo dục công lập; cơ sở giáo dục tư thực hoạt động không vì lợi nhuận thực hiện theo quy định của pháp luật về giáo dục”.

Đồng thời, để đảm bảo tính đồng bộ với việc bổ sung khoản 6 nêu trên, phù hợp với Luật Viên chức và khắc phục được các vướng mắc từ việc thực hiện chính sách miễn thuế đối với “tổ chức khoa học và công nghệ công lập và cơ sở giáo dục đại học công lập hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận” trong thời gian qua theo phản ánh của Kiểm toán Nhà nước cũng như cơ quan thuế, Bộ Tài chính trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 15 Luật thuế TNDN số 67/2025/QH15 như sau:

“5. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập, cơ sở giáo dục đại học công lập hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận được miễn thuế theo quy định của Chính phủ”. Theo đó, “Tổ chức khoa học và công nghệ công lập” được miễn thuế không cần gắn với tiêu chí “hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận” vì bản thân đơn vị sự nghiệp công lập đã là tổ chức hoạt động không vì lợi nhuận theo quy định của Luật Viên chức năm 2025.

- Về xác định khoản thu nhập được miễn thuế TNDN:

Qua nghiên cứu quy định tại Luật Giáo dục năm 2019 (Điều 95); Luật Giáo dục đại học năm 2025 (khoản 1 Điều 39), Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2025 (khoản 1 Điều 37)¹² và các văn bản hướng dẫn, trong đó có Nghị định số 238/2025/NĐ-CP (khoản 4 Điều 3)¹³, Bộ Tài chính thấy rằng: theo các luật này

¹² Điều 95 Luật Giáo dục năm 2019 quy định:

“Điều 95. Nguồn tài chính đầu tư cho giáo dục

Nguồn tài chính đầu tư cho giáo dục bao gồm: 1. Ngân sách nhà nước; 2. Nguồn vốn đầu tư hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; 3. Nguồn thu từ dịch vụ giáo dục, đào tạo, khoa học và công nghệ; dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục; nguồn thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh; lãi tiền gửi ngân hàng và nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật; 4. Kinh phí đặt hàng, giao nhiệm vụ của Nhà nước; 5. Nguồn vốn vay; 6. Nguồn tài trợ, viện trợ, tặng cho của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài”.

Khoản 1 Điều 39 Luật Giáo dục đại học năm 2025 quy định:

“Điều 39. Tài chính của cơ sở giáo dục đại học công lập

1. Nguồn tài chính của cơ sở giáo dục đại học công lập bao gồm: a) Ngân sách nhà nước; b) Kinh phí tài trợ, viện trợ, cho, tặng hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; c) Thu từ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, dịch vụ hỗ trợ giáo dục, sản xuất, kinh doanh; d) Nguồn vốn vay hợp pháp ở trong và ngoài nước; đ) Nguồn thu khác theo quy định của pháp luật”.

Khoản 1 Điều 37 Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2025 quy định:

“Điều 37. Tài chính của cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập

1. Nguồn tài chính của cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập bao gồm:

a) Ngân sách nhà nước; b) Kinh phí tài trợ, viện trợ, tặng cho hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; c) Thu từ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ; thu từ dịch vụ hỗ trợ giáo dục, sản xuất, kinh doanh; thu từ việc cho thuê tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản thu hợp pháp khác; d) Nguồn vốn vay hợp pháp ở trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật; đ) Các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật”.

¹³ Khoản 4 Điều 3 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo quy định:

thì nguồn thu tài chính phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài các nguồn thu nhập liên quan đến hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ thì còn bao gồm nguồn thu từ sản xuất, kinh doanh, từ nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Trong các khoản thu nêu trên:

(i) Nguồn vốn vay không phải là thu nhập của cơ sở giáo dục nên không thuộc thu nhập chịu thuế TNDN.

(ii) Các nguồn ngân sách nhà nước, khoản tài trợ, viện trợ nhận được phục vụ cho giáo dục đã được miễn thuế TNDN theo quy định tại khoản 8 Điều 4 Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15.

(iii) Các khoản thu liên quan đến hoạt động giáo dục và đào tạo đề xuất được miễn thuế TNDN tại dự thảo Luật bao gồm: Thu từ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ; thu từ dịch vụ hỗ trợ giáo dục; kinh phí đặt hàng, giao nhiệm vụ của Nhà nước; lãi tiền gửi ngân hàng.

(iv) Các khoản thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh khác thực hiện nộp thuế TNDN theo quy định.

Để đảm bảo việc miễn thuế được áp dụng đúng các nguồn thu nhập từ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục, tại dự thảo Luật quy định thu nhập của cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục tư thực hoạt động không vì lợi nhuận được miễn thuế TNDN, bao gồm: *thu nhập từ hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục; lãi tiền gửi ngân hàng; kinh phí đặt hàng, giao nhiệm vụ của Nhà nước.*

Ngoài ra, để đảm bảo Chính phủ có thể linh hoạt quy định các khoản thu nhập được miễn thuế có thể thay đổi nhằm phù hợp với thực tiễn hoạt động của cơ sở giáo dục trước các biến động về kinh tế - xã hội, tại dự thảo Luật quy định *“Trường hợp phát sinh các khoản thu nhập khác với quy định tại khoản này cần được miễn thuế thì giao Chính phủ quy định”*.

Theo đó, trường hợp cơ sở giáo dục phát sinh các khoản thu nhập ngoài các khoản thu nhập quy định nêu trên thì thực hiện nộp thuế theo quy định của pháp luật thuế TNDN hiện hành.

- Về nguyên tắc quản lý, sử dụng các khoản thu nhập được miễn thuế:

Luật Giáo dục năm 2019 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025); Luật Giáo

“4. Dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục là dịch vụ được tổ chức để tạo điều kiện thuận lợi, nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục đáp ứng nhu cầu phát triển toàn diện của người học và hoạt động của cơ sở giáo dục nhưng không được ngân sách nhà nước đảm bảo hoặc chưa được cấu thành trong học phí. Dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục bao gồm các dịch vụ như: dịch vụ ăn uống, bán trú; dịch vụ đưa đón người học; dịch vụ y tế học đường; dịch vụ tư vấn tâm lý, hướng nghiệp, trải nghiệm hướng nghiệp; dịch vụ thư viện; dịch vụ công nghệ, học tập số; hoạt động ngoại khóa, kỹ năng sống; dịch vụ trông giữ, chăm sóc trẻ em, học sinh ngoài giờ; dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục khác”

dục đại học năm 2025, Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2025 và các văn bản hướng dẫn *đã có quy định về khái niệm* cơ sở giáo dục tự thực hoạt động không vì lợi nhuận, trong đó, xác định rõ: nguyên tắc hoạt động không vì lợi nhuận, *không rút vốn, không hưởng lợi tức, chênh lệch thu chi tích lũy hàng năm là tài sản không phân chia của nhà trường, được sử dụng đầu tư phát triển cơ sở giáo dục theo nguyên tắc không hoàn lại.* Theo đó, để đảm bảo việc miễn thuế được thực hiện đúng mục đích, nguyên tắc quản lý, sử dụng khoản thu nhập được miễn thuế, Bộ Tài chính trình Chính phủ quy định tại dự thảo Luật theo hướng: Trường hợp cơ sở giáo dục tự thực hoạt động không vì lợi nhuận thực hiện rút vốn hoặc chia lợi tức thì phải nộp lại toàn bộ tiền thuế đã được miễn và tiền chậm nộp, tiền phạt (nếu có) thực hiện theo pháp luật về quản lý thuế.

3.3. Nội dung lược bỏ: Không.

3.4. Nội dung phân cấp, phân quyền: Không.

3.5. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính; việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Dự thảo Luật không làm phát sinh thủ tục hành chính, không có nội dung liên quan đến ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

3.6. Về tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên

Qua rà soát về các Điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên, các nội dung được đề xuất tại dự án Luật đều đảm bảo phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam và không trái với các cam kết tại các Điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia và là thành viên.

3.7. Về bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh

Dự thảo Luật đảm bảo yêu cầu về quốc phòng, an ninh theo quy định.

3.8. Về việc bảo đảm bình đẳng giới

Dự thảo Luật đảm bảo yêu cầu về bình đẳng giới theo quy định.

3.9. Về việc thực hiện chính sách dân tộc

Dự thảo Luật không có nội dung đề cập trực tiếp đến việc thực hiện chính sách dân tộc.

3.10. Các vấn đề còn ý kiến khác nhau cần xin ý kiến: Không.

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO LUẬT GỬI BỘ TƯ PHÁP THẨM ĐỊNH

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH LUẬT VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA LUẬT

1. Dự kiến nguồn lực để thi hành Luật như sau

- Về nguồn nhân lực: Các quy định điều chỉnh, bổ sung nhằm nâng cao hiệu quả, phù hợp với thực tế, việc triển khai thi hành Luật sau khi được thông qua sẽ tiếp tục sử dụng nguồn lực về bộ máy tổ chức tại các cơ quan thuế hiện hành. Do đó, việc thi hành Luật sau khi được ban hành về cơ bản không làm phát sinh tăng nhu cầu mới về nguồn nhân lực để triển khai thực hiện.

- Về nguồn lực tài chính: Quy định trong dự thảo Luật sẽ tiếp tục sử dụng nguồn lực tài chính đang sử dụng cho việc thực hiện công tác quản lý thu thuế SDDPNN, TNDN hiện hành. Do đó, việc thi hành Luật sau khi được ban hành về cơ bản không làm phát sinh nhu cầu mới về nguồn tài chính mới để triển khai thực hiện.

2. Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Luật

Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Luật bao gồm các nội dung được xác định như sau:

- Ban hành văn bản quy định chi tiết và chỉ đạo, đôn đốc thi hành: Các cơ quan có thẩm quyền ban hành kịp thời các VBQPPL hướng dẫn thi hành Luật.

- Tuyên truyền, phổ biến Luật: Các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ thực hiện phổ biến, giáo dục Luật và các quy định liên quan. Bộ Tài chính xây dựng nội dung thông tin, tuyên truyền phổ biến những yêu cầu, nội dung và các quy định của Luật kịp thời đến các cơ quan, tổ chức và người dân, giúp hiểu biết, nắm bắt pháp luật kịp thời để thực hiện.

- Bảo đảm nguồn lực thực hiện:

+ Bộ Tài chính có chỉ đạo, hướng dẫn cụ thể để cơ quan thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức triển khai thực hiện Luật.

+ Được bố trí nguồn kinh phí để thực hiện các quy định trong Luật, ngoài nguồn kinh phí do NSNN cấp, huy động nguồn lực từ cơ quan, đơn vị và địa phương, hỗ trợ của các tổ chức xã hội, tổ chức quốc tế hoặc lồng ghép vào các chương trình, dự án khác để có nguồn kinh phí bảo đảm cho việc thực hiện Luật.

- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện:

Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát tình hình thi hành Luật và các VBQPPL quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật.

3. Thời gian dự kiến trình thông qua

Tại khoản 1 Điều 39 Luật Ban hành VBQPPL quy định: “Quốc hội xem xét, thông qua dự thảo luật, nghị quyết tại một kỳ họp, trừ trường hợp quy định

tại khoản 11 Điều 40¹⁴ của Luật này.”

Căn cứ quy định nêu trên, các nội dung tại dự thảo Luật đã được quy định đầy đủ, cụ thể và có thể thực hiện ngay, không cần thiết giao Chính phủ quy định chi tiết, do đó, Bộ Tài chính trình Chính phủ trình Quốc hội xem xét, thông qua dự án Luật tại 01 kỳ họp (Kỳ họp Quốc hội tháng 10/2026); Luật có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2027.

VII. VỀ ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG LUẬT NĂM 2026

- Tại Nghị quyết số 123/2026/UBTVQH15 ngày 03/4/2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH) quy định bổ sung vào Chương trình lập pháp năm 2026 trình Quốc hội cho ý kiến và thông qua tại Kỳ họp thứ 2 (tháng 10/2026) đối với *dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế SDĐPNN*.

- Tại Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo có nêu nhiệm vụ, giải pháp: *“Sửa đổi, bổ sung các VBQPPL có liên quan để bổ sung các quy định không thu tiền sử dụng đất, giảm tiền thuê đất, tiền thuế đất đối với các cơ sở giáo dục trong nước. Không áp dụng thuế TNDN đối với cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục tư thực hoạt động không vì lợi nhuận”*. Tại Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị có giao nhiệm vụ cho Bộ Tài chính xây dựng *dự án Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thuế SDĐPNN và Luật Thuế TNDN* trong năm 2026.

- Tại công văn số 89/UBTVQH16-PLTP ngày 25/6/2026 của UBTVQH có hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ dự án theo quy trình “2 trong 1”, trong đó cho phép cơ quan soạn thảo trình UBTVQH cho ý kiến về nội dung dự án, đồng thời với việc xem xét, quyết định bổ sung vào Chương trình kỳ họp.

- Tại số thứ tự 30, Mục II Phụ lục I kèm theo Kế hoạch tại Nghị quyết số 185/NQ-CP, Chính phủ đã phân công Bộ Tài chính chủ trì nhiệm vụ “sửa đổi, bổ sung Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp và Luật thuế thu nhập doanh nghiệp” trình Quốc hội tại kỳ họp thứ 2.

Thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 281/NQ-CP, Nghị quyết số 185/NQ-CP của Chính phủ, việc bổ sung đồng bộ các nội dung liên quan đến chính sách thuế đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo trong cùng dự án Luật là cần thiết, góp phần thể chế hóa kịp thời, đầy đủ các chủ trương, định hướng của Đảng về phát triển giáo dục và đào tạo; đồng thời tránh phải xây dựng riêng một dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế TNDN để xử lý các nội dung có cùng phạm vi, mục tiêu điều chỉnh. Bên cạnh đó, việc lồng ghép các nội dung sửa đổi trong cùng dự án Luật sẽ góp phần giảm

¹⁴ Khoản 11 Điều 40 Luật Ban hành VBQPPL quy định: *“Trường hợp dự thảo luật, nghị quyết chưa được thông qua, Quốc hội xem xét, quyết định lùi thời điểm thông qua để tiếp tục hoàn thiện, trình Quốc hội thông qua tại kỳ họp tiếp theo hoặc trình lại.”*

số lượng dự án luật phải xây dựng, trình Quốc hội trong cùng thời điểm, đơn giản hóa hồ sơ, thủ tục xây dựng VBQPPL, tiết kiệm nguồn lực của cơ quan nhà nước, đồng thời bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật và nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện sau khi Luật được ban hành.

Theo đó, Bộ Tài chính trình Chính phủ, trình UBTVQH điều chỉnh Chương trình lập pháp năm 2026 đối với dự án Luật này, cho phép sửa đổi tên *dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế SDĐPNN* tại Nghị quyết số 123/2026/UBTVQH15 thành *dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế SDĐPNN, Luật Thuế TNDN*.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế SDĐPNN, Luật Thuế TNDN. Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: Dự thảo Luật; Báo cáo tổng kết thi hành Luật; Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, VBQPPL, điều ước quốc tế có liên quan; Bản thuyết minh quy phạm hóa chính sách; Bản so sánh dự thảo Luật với Luật Thuế SDĐPNN, Luật Thuế TNDN hiện hành; Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu giải trình ý kiến góp ý, phản biện xã hội).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó TTgCP Nguyễn Văn Thắng (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, CST (b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Tấn Cận

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Luật số: .../2026/QH16

LUẬT
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT
PHI NÔNG NGHIỆP, LUẬT THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp số 48/2010/QH12, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 116/2025/QH15, Luật số 127/2025/QH15, Luật số 133/2025/QH15, Luật số 141/2025/QH15, Luật số 143/2025/QH15 và Luật số 09/2026/QH16.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 2 như sau:

“Điều 2. Đối tượng chịu thuế

- Đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị.
- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp bao gồm: đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp; đất thương mại, dịch vụ; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản.

3. Đất phi nông nghiệp quy định tại Điều 3 của Luật này sử dụng vào mục đích kinh doanh”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

“Điều 3. Đối tượng không chịu thuế

Đất phi nông nghiệp sử dụng không vào mục đích kinh doanh, bao gồm:

- Đất sử dụng vào mục đích công cộng bao gồm: đất công trình giao thông; đất công trình thủy lợi; đất công trình cấp nước, thoát nước; đất công trình phòng, chống thiên tai; đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên; đất công trình xử lý chất thải; đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng; đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin; đất chợ dân sinh, chợ đầu mối; đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng.



2. Đất sử dụng cho hoạt động tôn giáo, đất sử dụng cho hoạt động tín ngưỡng.

3. Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt.

4. Đất có mặt nước chuyên dùng.

5. Đất xây dựng trụ sở cơ quan, đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh.

6. Đất xây dựng công trình sự nghiệp bao gồm: đất xây dựng cơ sở văn hóa, xã hội, y tế, giáo dục và đào tạo, thể dục, thể thao, khoa học và công nghệ, môi trường, khí tượng thủy văn, ngoại giao và công trình sự nghiệp khác hoặc đất xây dựng trụ sở của đơn vị sự nghiệp công lập khác.

7. Đất phi nông nghiệp khác theo quy định pháp luật đất đai”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

“Điều 8. Đăng ký, khai, tính và nộp thuế

1. Người nộp thuế đăng ký, khai, tính và nộp thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

2. Trường hợp người nộp thuế có quyền sử dụng nhiều thửa đất ở trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì cơ quan thuế căn cứ hệ thống thông tin quản lý thuế để hỗ trợ người nộp thuế trong việc khai thuế và tính số thuế chênh lệch tăng thêm do có quyền sử dụng nhiều thửa đất ở. Căn cứ tính thuế thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 7 Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp số 48/2010/QH12 và quy định sau:

a) Diện tích tính thuế là tổng diện tích các thửa đất ở tính thuế trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

b) Hạn mức đất ở làm căn cứ tính thuế là hạn mức đất ở tại xã, phường, đặc khu nơi có thửa đất. Trường hợp có nhiều thửa đất ở vượt hạn mức đất ở hoặc không có thửa đất nào vượt hạn mức đất ở nhưng tổng diện tích các thửa đất vượt hạn mức đất ở thì hạn mức đất ở làm căn cứ tính thuế là hạn mức đất ở tại xã, phường, đặc khu nơi có thửa đất để người nộp thuế có số thuế phải nộp là thấp nhất.

c) Giá tính thuế được áp dụng theo giá đất tại Bảng giá đất do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành tại nơi có thửa đất”.

4. Bổ sung khoản 10 Điều 9 như sau:

“10. Đất sử dụng vào mục đích giáo dục và đào tạo của cơ sở giáo dục không thuộc trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 3 và khoản 2 Điều này.

Diện tích đất được miễn thuế là tổng diện tích đất được Nhà nước giao, cho thuê, nhận chuyển nhượng theo quy định pháp luật đất đai sử dụng vào mục đích giáo dục và đào tạo (không bao gồm diện tích đất sử dụng vào mục đích

kinh doanh, thương mại, dịch vụ) ghi trên một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, Quyết định giao đất, Quyết định hoặc Hợp đồng cho thuê đất, hoặc các loại Giấy tờ khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền”.

Điều 2. Sửa đổi khoản 5 và bổ sung khoản 5a vào sau khoản 5 Điều 15 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

“5. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập được miễn thuế theo quy định của Chính phủ.

5a. Cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục tư thực hoạt động không vì lợi nhuận được miễn thuế đối với: thu nhập từ hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục; lãi tiền gửi ngân hàng; kinh phí đặt hàng, giao nhiệm vụ của Nhà nước. Trường hợp phát sinh các khoản thu nhập khác với quy định tại khoản này cần được miễn thuế thì giao Chính phủ quy định.

Trường hợp cơ sở giáo dục tư thực hoạt động không vì lợi nhuận thực hiện rút vốn hoặc chia lợi tức thì phải nộp lại toàn bộ tiền thuế đã được miễn theo quy định tại khoản này và tiền chậm nộp, tiền phạt (nếu có) theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Việc xác định cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục tư thực hoạt động không vì lợi nhuận và việc sử dụng khoản thu nhập được miễn thuế quy định tại khoản này thực hiện theo quy định của pháp luật về giáo dục”.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2027.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XVI, kỳ họp thứ... thông qua ngày... tháng... năm ...

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn



Số: 539 /BC-BTC

Hà Nội, ngày 13 tháng 7 năm 2026

BÁO CÁO**Tổng kết thi hành Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp,
Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã tiến hành tổng kết việc thi hành Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (SDĐPNN) và Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN), trong đó có đánh giá về thực thi chính sách SDĐPNN và thuế TNDN đối với cơ sở giáo dục và đào tạo. Kết quả như sau:

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN TỔNG KẾT**1. Bối cảnh trong nước và quốc tế**

Hệ thống giáo dục và đào tạo của Việt Nam giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong phát triển nguồn nhân lực, nâng cao dân trí và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - xã hội (KT-XH). Trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế, giáo dục và đào tạo được xác định là một trong những động lực then chốt của phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Nhận thức phát triển giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, quyết định tương lai của dân tộc, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách nhằm ưu tiên phát triển giáo dục và đào tạo, coi đây là động lực quan trọng để phát triển nguồn nhân lực, nâng cao dân trí và thúc đẩy tăng trưởng KT-XH. Các chính sách này tập trung vào đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục; mở rộng cơ hội tiếp cận giáo dục; thúc đẩy xã hội hóa; tăng cường đầu tư ngân sách; đồng thời hoàn thiện cơ chế ưu đãi về thuế, đất đai và đầu tư đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

Trong bối cảnh chuyển đổi số, hội nhập quốc tế và phát triển kinh tế tri thức, hệ thống giáo dục đang đứng trước yêu cầu đổi mới toàn diện nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo và đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao. Bên cạnh những thành tựu về mở rộng quy mô và nâng cao khả năng tiếp cận giáo dục, hệ thống giáo dục Việt Nam vẫn đối mặt với nhiều thách thức về chất lượng đào tạo chưa đồng đều giữa các vùng miền, khoảng cách giữa đào tạo và nhu cầu thị trường lao động còn lớn, cơ sở vật chất và nguồn lực tài chính ở nhiều cơ sở giáo dục còn hạn chế, từ đó đặt ra yêu cầu tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển giáo dục theo hướng bền vững và hiệu quả.

Hệ thống thể chế về giáo dục và đào tạo trong những năm vừa qua được hoàn thiện đầy đủ¹. Luật Giáo dục năm 2019 đã khẳng định *Nhà nước khuyến*

¹ Ngày 10/12/2025, Quốc hội đã thông qua 03 Luật về lĩnh vực giáo dục, gồm: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học (sửa đổi) và Luật Giáo dục nghề nghiệp (sửa đổi). Đồng thời, thông

khích, tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân đầu tư, đóng góp trí tuệ, công sức, tài sản cho giáo dục. Điều 85 và Điều 103 Luật Giáo dục năm 2019 đã cụ thể chính sách ưu đãi đối với trường dân lập, trường tư thục. Năm 2025, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, với quan điểm “*giáo dục công lập là trụ cột, giáo dục ngoài công lập là thành phần quan trọng cấu thành hệ thống giáo dục quốc dân; xây dựng nền tảng giáo dục mở, liên thông, bảo đảm cơ hội học tập công bằng, bình đẳng cho mọi người, đáp ứng nhu cầu xã hội, thúc đẩy học tập suốt đời*”; đổi mới mạnh mẽ thể chế, tạo cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội cho phát triển giáo dục và đào tạo. Tiếp tục xây dựng cơ chế, chính sách đủ mạnh khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo, thực hiện chính sách khuyến khích xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, Nhà nước đã ban hành các VBQPPL khuyến khích xã hội hóa, được đánh giá là tương đối đầy đủ, phù hợp với thực tiễn.

So với các quốc gia trên thế giới, giáo dục Việt Nam đang ở giai đoạn “chuyển đổi và mở rộng”, trong khi các nước OECD đã chuyển sang giai đoạn tái cấu trúc và tối ưu hóa hệ thống giáo dục dựa trên công nghệ, năng lực và toàn cầu hóa. Bối cảnh phát triển giáo dục của các quốc gia hiện nay chịu tác động mạnh mẽ của quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế tri thức, toàn cầu hóa và chuyển đổi số. Giáo dục ngày càng đóng vai trò trung tâm trong chiến lược phát triển quốc gia, với trọng tâm là phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, có năng lực sáng tạo và khả năng thích ứng với thay đổi của thị trường lao động. Đồng thời, xu hướng già hóa dân số tại nhiều quốc gia phát triển thúc đẩy sự phát triển của giáo dục suốt đời và đào tạo lại kỹ năng, trong khi chuyển đổi số làm thay đổi căn bản phương thức dạy và học, hướng tới mô hình giáo dục linh hoạt, cá nhân hóa và xuyên biên giới.

Với quan điểm nguyên tắc nền tảng giáo dục là dịch vụ công có tính chất đặc biệt, Nhà nước cần can thiệp và hỗ trợ từ chính sách tài khóa, trong đó ưu đãi tập trung giảm chi phí tiếp cận giáo dục, khuyến khích đầu tư xã hội vào giáo dục, thúc đẩy giáo dục phi lợi nhuận. Ưu đãi trong giáo dục không chỉ là công cụ tài khóa mà là chính sách phát triển nguồn nhân lực, trong đó trọng tâm là miễn hoặc giảm thuế cho cơ sở giáo dục công lập và phi lợi nhuận, đồng thời khuyến khích đầu tư xã hội vào giáo dục, hỗ trợ trực tiếp người học và bảo đảm khả năng tiếp cận giáo dục cho mọi tầng lớp dân cư. Chính sách ưu đãi phát triển giáo dục của các quốc gia hiện nay đều hướng tới mục tiêu chung là mở rộng tiếp cận giáo dục, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và khuyến khích xã hội hóa giáo dục. Trong khi Việt Nam tập trung vào mở rộng quy mô và xã hội hóa hệ thống giáo dục, thì các nước OECD đã phát triển hệ thống ưu đãi theo hướng phân tầng, gắn chặt với hiệu quả, chất lượng và cơ chế thị trường.

Để thực hiện mục tiêu tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội, thu

hút nguồn lực tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư cho phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo nhân lực đáp ứng yêu cầu của cách mạng lần thứ tư và hội nhập quốc tế, việc hoàn thiện thể chế, chính sách đột phá phát triển giáo dục và đào tạo là cần thiết.

2. Quá trình thực hiện tổng kết, đánh giá

Thực hiện các định hướng của Đảng và Nhà nước, ý kiến chỉ đạo của các cấp về xây dựng và hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật, Bộ Tài chính đã phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương tổ chức thực hiện đánh giá tổng kết thực hiện Luật Thuế SDĐPNN, Luật Thuế TNDN như sau:

- Thực hiện Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15 ngày 05/11/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH), Quyết định số 2114/QĐ-TTg ngày 16/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án Định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, Bộ Tài chính đã tổng hợp ý kiến các Bộ, ngành, địa phương và kinh nghiệm quốc tế để xây dựng Báo cáo nghiên cứu, rà soát các luật thuế, trong đó có thuế SDĐPNN, thuế SDĐNN, thuế TNDN. Theo đó, ngày 16/3/2023, Chính phủ đã có Báo cáo số 71/BC-CP gửi UBTVQH về Kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15, trong đó đã báo cáo kết quả rà soát, nghiên cứu đối với các Luật thuế.

- Thực hiện Nghị quyết số 123/2026/UBTVQH15 ngày 03/4/2026 của UBTVQH quy định bổ sung vào Chương trình lập pháp năm 2026 trình Quốc hội cho ý kiến và thông qua tại kỳ họp thứ 2 (tháng 10/2026) đối với dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế SDĐPNN, Bộ Tài chính đã có công văn số 4081/BTC-CST ngày 02/4/2026 gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo về nghiên cứu, tổng kết, đánh giá và đề xuất sửa đổi Luật Thuế SDĐPNN. Bộ Tài chính (Cục Thuế) cũng đã có công văn yêu cầu Thuế các tỉnh, thành phố thực hiện việc tổng kết, đánh giá thi hành Luật.

- Ngày 14/6/2025, Quốc hội thông qua Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/10/2025 và áp dụng từ kỳ tính thuế TNDN năm 2025. Bộ Tài chính kịp thời, chủ động trong công tác tổ chức triển khai Luật Thuế TNDN và chỉ đạo tổ chức các hoạt động cần thiết để đưa Luật Thuế TNDN vào thực tiễn, cụ thể:

- + Bộ Tài chính đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế TNDN.

- + Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 20/2026/TT-BTC ngày 12/3/2026 quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế TNDN và Nghị định số 320/2025/NĐ-CP.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, tổ chức thi hành Luật Thuế SDĐPNN

a) Tình hình triển khai ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Thuế

SDĐPNN

- Về chính sách thuế: Luật Thuế SDĐPNN được Quốc hội khoá XII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 17/6/2010. Sau khi Luật Thuế SDĐPNN được ban hành, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 53/2011/NĐ-CP ngày 01/7/2011 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế SDĐPNN; Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 153/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 hướng dẫn về thuế SDĐPNN và Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 hướng dẫn việc miễn thuế SDĐPNN đối với những hộ gia đình, cá nhân.

- Về quản lý thu thuế SDĐPNN, Chính phủ đã kịp thời ban hành Nghị định và Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư hướng dẫn, cụ thể: Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành (Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 373/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ; Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính) quy định đầy đủ về trình tự, thủ tục, hồ sơ khai thuế, miễn thuế, giảm thuế đảm bảo phù hợp với chính sách thuế và tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế trong thực hiện nghĩa vụ thuế.

Nhìn chung, để triển khai thực thi Luật Thuế SDĐPNN, nhiều văn bản hướng dẫn đã được ban hành tạo cơ sở pháp lý cho việc tăng cường quản lý nhà nước về đất đai, khuyến khích tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất tiết kiệm, có hiệu quả, góp phần động viên sự đóng góp của người sử dụng đất và NSNN và ổn định nguồn thu cho ngân sách địa phương.

b) Tình hình hướng dẫn tổ chức thực hiện Luật Thuế SDĐPNN

Trong giai đoạn 2020-2025, công tác tổ chức thực hiện chính sách thuế SDĐPNN nhìn chung được triển khai đồng bộ, nghiêm túc và phù hợp quy định pháp luật hiện hành. Cục Thuế với vai trò chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức tập huấn nhằm đảm bảo thống nhất trong toàn hệ thống, đồng thời chỉ đạo Thuế địa phương phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương các cấp, nhằm bảo đảm việc quản lý thuế được thực hiện đúng quy định, thu đúng, thu đủ và kịp thời vào ngân sách nhà nước. Trong đó, cơ quan thuế giữ vai trò chủ trì trong công tác lập bộ thuế, tính thuế, theo dõi việc thực hiện nghĩa vụ của người nộp thuế và tổ chức quản lý thu; chính quyền địa phương, đặc biệt là UBND cấp xã, có trách nhiệm phối hợp rà soát đối tượng phát sinh, tuyên truyền, vận động và hỗ trợ người dân thực hiện nghĩa vụ thuế; người nộp thuế có trách nhiệm kê khai trung thực, đầy đủ các thông tin về diện tích, mục đích sử dụng đất và nộp thuế đúng thời hạn theo quy định.

Để triển khai Luật Thuế SDĐPNN và các văn bản hướng dẫn thi hành hiệu quả, cơ quan thuế các cấp đã chủ động tham mưu cho UBND cùng cấp ban hành các văn bản chỉ đạo, kế hoạch triển khai, thành lập ban chỉ đạo hoặc tổ chức thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương; đồng thời phối hợp với các sở, ngành liên quan, nhất là cơ quan nông nghiệp và môi trường, trong việc hướng dẫn kê khai thông tin đất đai, rà soát dữ liệu quản lý và xác định nghĩa vụ thuế. Các đơn vị thuế trực tiếp quản lý tại cơ sở phát huy vai trò tham

muu cho chính quyền địa phương trong việc triển khai các biện pháp nghiệp vụ, tổ chức lập bộ, đơn đốc thu nộp, kịp thời nắm bắt và phản ánh các khó khăn, vướng mắc phát sinh để đề xuất giải pháp xử lý hoặc kiến nghị hoàn thiện chính sách cho phù hợp với thực tiễn.

Hàng năm, cơ quan thuế ban hành kịp thời các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo các đơn vị trực thuộc và phối hợp báo cáo, đề xuất UBND địa phương chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện. Nội dung chỉ đạo tập trung vào công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế, xác nhận và tiếp nhận tờ khai thuế SDDPNN, ký hợp đồng ủy nhiệm thu, chuẩn hóa dữ liệu quản lý thuế, cập nhật và hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai, cũng như điều chỉnh kịp thời thông tin làm căn cứ xác định nghĩa vụ thuế. Qua đó, công tác tổ chức thực hiện chính sách thuế SDDPNN tại các địa phương cơ bản được triển khai đồng bộ, thống nhất, từng bước hiện đại hóa, đáp ứng yêu cầu quản lý thuế trong từng giai đoạn. Cơ quan Thuế một số tỉnh, thành phố đẩy mạnh tuyên truyền nộp thuế SDDPNN bằng phương thức điện tử qua eTax Mobile, về xác nhận Tờ khai thuế SDDPNN, về ký Hợp đồng ủy nhiệm thu, về chuẩn hóa dữ liệu, hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai trong chiến dịch 90 ngày đêm để làm giàu, làm sạch cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai (năm 2025)...

Việc phân công nhiệm vụ giữa các cấp được thực hiện rõ ràng, đảm bảo thông tin được truyền đạt kịp thời và đầy đủ. Nhờ đó, các quy định pháp luật về thuế SDDPNN được triển khai tương đối thống nhất, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý thuế trên phạm vi cả nước.

c) Tình hình triển khai phổ biến, tuyên truyền tại các cơ quan thu ở địa phương

Ngay từ khi Luật Thuế SDDPNN và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Bộ Tài chính xác định công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt nhằm nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận và đảm bảo việc thực thi pháp luật của người nộp thuế.

- Kết quả triển khai công tác tuyên truyền, phổ biến quy định pháp luật

Trong giai đoạn 2020-2025, cơ quan thuế các cấp đã chủ động triển khai nhiều hình thức tuyên truyền phù hợp với từng nhóm đối tượng, thông qua hội thảo, tập huấn, đối thoại với người nộp thuế, hệ thống báo chí, phát thanh, truyền hình, cổng thông tin điện tử, niêm yết công khai tại trụ sở cơ quan thuế và UBND cấp xã, phát hành tài liệu hướng dẫn cũng như tuyên truyền trên các nền tảng số như Zalo, Fanpage và ứng dụng eTax Mobile. Đồng thời, cơ quan thuế thường xuyên tổ chức tập huấn, phổ biến chính sách, hướng dẫn nghiệp vụ cho công chức các cấp, công chức cấp xã tham gia quản lý thuế SDDPNN và các tổ chức, cá nhân được ủy nhiệm thu nhằm thống nhất cách hiểu, cách thực hiện các quy định của pháp luật, kịp thời giải đáp các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

Nhìn chung, trong giai đoạn này, công tác tổ chức thực hiện thuế SDDPNN đã có nhiều chuyển biến tích cực theo hướng chuyên nghiệp, minh

bach và hiện đại hơn, đặc biệt trong việc ứng dụng công nghệ thông tin và cải cách thủ tục hành chính thuế, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và tuân thủ pháp luật của người nộp thuế.

- Công tác hỗ trợ người nộp thuế

Cùng với công tác tuyên truyền, cơ quan thuế tiếp tục duy trì nhiều hình thức hỗ trợ người nộp thuế như hướng dẫn trực tiếp tại bộ phận một cửa, hỗ trợ qua điện thoại, thư điện tử, đường dây nóng và các kênh điện tử của ngành Thuế, kịp thời giải đáp các vướng mắc trong quá trình kê khai, xác định nghĩa vụ thuế và nộp thuế. Đồng thời, việc hướng dẫn sử dụng dịch vụ thuế điện tử, ứng dụng eTax Mobile, thanh toán không dùng tiền mặt và biên lai điện tử được tăng cường, góp phần tạo thuận lợi cho người nộp thuế và giảm chi phí tuân thủ.

Bên cạnh những kết quả tích cực đã đạt được, công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế vẫn còn một số hạn chế, khó khăn. Do đối tượng chịu thuế rộng, phân tán, chủ yếu là cá nhân, hộ gia đình, trong khi nguồn lực cho công tác tuyên truyền còn hạn chế và thói quen tiếp cận thông tin của người dân chưa đồng nhất giữa khu vực đô thị và nông thôn, nên việc phổ biến chính sách chưa bảo đảm tính đồng đều và hiệu quả. Điều này dẫn đến tình trạng một bộ phận người nộp thuế, đặc biệt ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa còn gặp khó khăn trong tiếp cận thông tin, chưa nắm đầy đủ quy định về nghĩa vụ thuế. Bên cạnh đó, công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế chủ yếu được thực hiện theo hướng phổ biến, cung cấp kiến thức cơ bản về chính sách thuế SDĐPNN, nhằm giúp người dân nắm được các quy định chung và nghĩa vụ thuế theo quy định. Với đặc thù đối tượng người nộp thuế đông, phân tán và đa dạng, nội dung tuyên truyền khó có thể đi sâu, chỉ tiết đến từng trường hợp cụ thể phát sinh trong thực tiễn. Do đó, việc hướng dẫn chuyên sâu, xử lý các tình huống cụ thể vẫn cần được thực hiện thông qua các hình thức hỗ trợ trực tiếp hoặc giải đáp riêng lẻ theo từng trường hợp.

Những hạn chế nêu trên phần nào ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng công tác kê khai, lập bộ, cũng như việc đôn đốc thu nộp thuế tại cơ sở, đồng thời, làm gia tăng nhu cầu hỗ trợ trực tiếp từ phía cơ quan thuế. Bên cạnh đó, việc triển khai các kênh tuyên truyền hiện đại bước đầu đã được quan tâm, tuy nhiên, do nội dung tuyên truyền còn mang tính phổ biến chung, chủ yếu theo hình thức cung cấp thông tin một chiều, nên mức độ lan tỏa và tương tác trên các nền tảng số còn hạn chế. Trong thời gian tới, cần tiếp tục hoàn thiện nội dung và phương thức tuyên truyền theo hướng linh hoạt, phù hợp với từng nhóm đối tượng; đồng thời tăng cường nguồn lực và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao hiệu quả công tác hỗ trợ người nộp thuế.

d) Hiện đại hóa công tác kê khai và thu nộp thuế SDĐPNN

Thực hiện chủ trương chuyển đổi số và hiện đại hóa công tác quản lý thuế, trong giai đoạn 2020-2025, ngành Thuế tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thuế SDĐPNN, từng bước chuyển từ phương thức quản lý thủ công sang quản lý trên nền tảng dữ liệu điện tử.

- Công tác kê khai thuế: Người nộp thuế đã có thể thực hiện kê khai thuế điện tử thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan thuế. Việc điện tử hóa hồ sơ khai thuế góp phần đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho người nộp thuế, nâng cao chất lượng dữ liệu và tạo thuận lợi cho công tác quản lý, lưu trữ, khai thác thông tin của cơ quan thuế.

Cơ quan thuế đang nghiên cứu xây dựng “tờ khai gợi ý” trên cơ sở dữ liệu hiện có. Theo đó, hệ thống thông tin quản lý thuế sẽ tự động tạo lập tờ khai thuế 4 để hỗ trợ người nộp thuế kê khai và xác định số thuế phải nộp trên cơ sở dữ liệu của cơ quan thuế và dữ liệu cơ quan thuế sử dụng, khai thác được từ các cơ quan nhà nước khác, tổ chức, cá nhân theo quy định. Đây là một trong những giải pháp nhằm từng bước tự động hóa thủ tục hành chính thuế, góp phần giảm thời gian kê khai, hạn chế sai sót và nâng cao chất lượng dữ liệu phục vụ công tác quản lý thuế.

- Công tác thu, nộp thuế: Cơ quan thuế đã triển khai ứng dụng eTax Mobile, cho phép người nộp thuế tra cứu nghĩa vụ thuế, nhận thông báo điện tử, nộp thuế trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt và tra cứu biên lai điện tử trên thiết bị di động. Đồng thời, ngành Thuế đã tăng cường kết nối với hệ thống ngân hàng thương mại, Kho bạc Nhà nước, Cổng Dịch vụ công quốc gia; triển khai thanh toán điện tử 24/7, áp dụng mã QR trên thông báo thuế, tạo thuận lợi cho người nộp thuế trong thực hiện nghĩa vụ tài chính và từng bước hiện đại hóa công tác thu, nộp thuế.

Bên cạnh đó, việc triển khai biên lai điện tử theo quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ, Thông tư 32/2025/TTBTC ngày 31/5/2025 của Bộ Tài chính cũng góp phần hiện đại hóa quy trình thu thuế SDDPNN.

Các giải pháp trên đã góp phần đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ của người nộp thuế, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công và từng bước hiện đại hóa công tác quản lý thuế SDDPNN.

2. Kết quả thi hành Luật Thuế SDDPNN

Chính sách thuế SDDPNN được ban hành trên cơ sở tổng kết, đánh giá và kế thừa chính sách thuế nhà, đất trước đây (Pháp lệnh thuế nhà, đất), tuy nhiên, chính sách thuế SDDPNN thay đổi cơ bản về căn cứ tính thuế để phù hợp với quy định của Luật Đất đai. Từ khi ban hành đến nay, Luật Thuế SDDPNN chưa được sửa đổi, bổ sung.

2.1. Những kết quả đạt được

Chính sách thuế SDDPNN đã được hoàn thiện theo đúng định hướng cải cách hệ thống thuế, phí và lệ phí được xác định trong các văn kiện, nghị quyết của Đảng và Nhà nước, đồng thời đã bám sát các mục tiêu, định hướng xác định trong Chiến lược cải cách hệ thống chính sách thuế giai đoạn 2011-2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 732/QĐ-TTg ngày 18/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ. Qua đó, đã góp phần quan trọng trong việc

tăng cường quản lý nhà nước đối với đất đai, khuyến khích tổ chức, cá nhân sử dụng đất tiết kiệm, có hiệu quả, nhờ đó đã động viên hợp lý, kịp thời các nguồn lực cho NSNN. Qua hơn 15 năm triển khai thực hiện, chính sách thuế SDĐPNN đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận:

a) Chính sách thuế SDĐPNN khắc phục được mặt hạn chế của chính sách thuế nhà, đất, đảm bảo đồng bộ, thống nhất với pháp luật hiện hành và từng bước phù hợp với thông lệ quốc tế

- Về đối tượng chịu thuế:

Trước năm 2012, chính sách thuế đối với nhà, đất thực hiện theo Pháp lệnh thuế nhà, đất số 69-LCT/HĐNN8 ngày 31/7/1992 và Pháp lệnh số 34-L/CTN ngày 19/5/1994 sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh thuế nhà, đất. Theo quy định của Pháp lệnh thuế nhà, đất thì đối tượng chịu thuế là đất ở, đất xây dựng công trình; tạm thời chưa có quy định về thuế nhà và chưa thu thuế nhà. Do đó, đối tượng nộp thuế là các tổ chức, cá nhân có quyền sử dụng đất ở, đất xây dựng công trình.

Ngày 26/11/2003, Quốc hội đã ban hành Luật Đất đai số 13/2003/QH11, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2004, theo đó quy định cụ thể về phân loại đất theo mục đích sử dụng, trong đó nhóm đất phi nông nghiệp². Theo đó, tại Luật Thuế SDĐPNN quy định đối tượng chịu thuế là đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị; đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp (*bao gồm: đất xây dựng khu công nghiệp; đất làm mặt bằng xây dựng cơ sở sản xuất, kinh doanh; đất khai thác, chế biến khoáng sản; đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm*) và đất phi nông nghiệp sử dụng vào mục đích kinh doanh. Quy định này đảm bảo phù hợp với phân loại đất đai theo quy định pháp luật đất đai tại thời điểm ban hành (Luật Đất đai năm 2003).

- Về căn cứ tính thuế:

Pháp lệnh thuế nhà, đất quy định căn cứ tính thuế dựa trên cơ sở thuế sử dụng đất nông nghiệp (SDĐNN) là diện tích đất, hạng đất và mức thuế. Hạng đất tính thuế được xác định căn cứ vào các yếu tố chất đất, vị trí, địa hình, khí hậu, thời tiết... Quy định này phù hợp với việc phân loại để thu thuế SDĐNN nhưng không phù hợp với đất ở, đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp và không phù hợp với căn cứ tính thuế sử dụng đất là giá đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2003.

Căn cứ tính thuế SDĐPNN đã chuyển từ tính theo thuế SDĐNN (tính bằng thóc) sang tính thuế dựa trên giá trị (giá tính thuế và thuế suất). Giá tính thuế đối với đất được xác định bằng diện tích đất tính thuế nhân với giá của 1m² đất. Diện tích đất tính thuế là diện tích đất thực tế sử dụng; trường hợp có quyền

² Bao gồm các loại đất: Đất ở; đất xây dựng trụ sở cơ quan, xây dựng công trình sự nghiệp; đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp; Đất sử dụng vào mục đích công cộng; Đất do các cơ sở tôn giáo sử dụng; Đất có công trình là đình, đền, miếu, am, từ đường, nhà thờ họ; Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa; Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối và mặt nước chuyên dùng; Đất phi nông nghiệp khác theo quy định của Chính phủ.

sử dụng nhiều thửa đất ở thì diện tích đất tính thuế là tổng diện tích các thửa đất tính thuế. Giá của 1m² đất là giá đất theo mục đích sử dụng do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (UBND cấp tỉnh) quy định và được ổn định theo chu kỳ 05 năm, kể từ ngày Luật có hiệu lực thi hành. Việc quy định căn cứ tính thuế theo giá đất đã góp phần đảm bảo công bằng giữa các vùng, các đô thị, giữa thành thị với nông thôn, giữa đồng bằng trung du và miền núi, phù hợp với thông lệ quốc tế.

Từ khi Luật Thuế SDĐPNN có hiệu lực thi hành, cơ quan thuế đã thực hiện quản lý thuế theo 03 chu kỳ ổn định 05 năm: 2012-2016, 2017-2021 và 2022-2026. Quy định này đã tạo cơ sở pháp lý thống nhất để xác định giá tính thuế, đảm bảo tính ổn định của nghĩa vụ thuế trong từng chu kỳ, tạo thuận lợi cho người nộp thuế trong thực hiện nghĩa vụ thuế và cơ quan thuế trong công tác lập bộ, quản lý thuế. Với đặc điểm là sắc thuế có số lượng người nộp thuế lớn, phát sinh trên phạm vi toàn quốc và được thu hằng năm, việc sử dụng giá đất tại bảng giá đất làm căn cứ tính thuế được các địa phương đánh giá là phù hợp, đảm bảo tính khả thi trong tổ chức thực hiện.

- Về thuế suất:

Trước năm 2012, theo quy định tại Pháp lệnh thuế nhà, đất thì về mức thuế được tính bằng kilogam thóc trên 1 hecta của từng hạng đất căn cứ vào mục đích sử dụng và khả năng thu hoa lợi trên đất. Mức thuế cụ thể là bằng từ 1 đến 32 lần mức thuế SDĐNN cao nhất trong vùng và chia theo từng loại đất đô thị, đất nông thôn, đất ven đô theo hướng mức thuế đối với đất đô thị cao hơn đất nông thôn từ 3 đến 32 lần. Quy định tại Pháp lệnh thuế nhà, đất chưa có sự điều tiết cao đối với những đối tượng có quyền sử dụng đất với diện tích lớn để khuyến khích sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả và hạn chế đầu cơ về đất.

Tại Luật Thuế SDĐPNN hiện hành quy định thuế suất đối với đất ở áp dụng theo Biểu thuế lũy tiến từng phần (mức thuế suất là 0,03% đối với diện tích đất trong hạn mức, 0,07% (*gấp 2,5 lần thuế suất đối với diện tích đất trong hạn mức*) đối với diện tích đất từ trên 1 đến 3 lần hạn mức và 0,15% (*gấp 5 lần thuế suất đối với diện tích đất trong hạn mức*) đối với diện tích đất trên 3 lần hạn mức); đối với đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp là 0,03%; đất sử dụng không đúng mục đích, đất chưa sử dụng theo đúng quy định là 0,15% (*gấp 5 lần thuế suất đối với diện tích đất trong hạn mức*); đất lấn, chiếm là 0,2% (*gấp gần 7 lần thuế suất đối với diện tích đất trong hạn mức*). Biểu thuế suất lũy tiến phản ánh mức độ điều tiết đối với việc sử dụng đất ngoài hạn mức theo đúng chủ trương của Đảng tại Nghị quyết số 18/NQ-TW³, góp phần khuyến khích sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả.

- Về miễn, giảm thuế:

Các quy định miễn, giảm thuế SDĐPNN hiện hành đảm bảo phù hợp với

³ Nghị quyết số 18/NQ-TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành trung ương về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao

thực tế tại địa phương, đồng bộ và thống nhất với các ưu đãi miễn, giảm theo pháp luật về đầu tư, góp phần thực hiện chính sách an sinh xã hội. Cụ thể:

+ Luật Thuế SDĐPNN quy định bổ sung miễn thuế đối với các đối tượng thuộc diện chính sách, phù hợp với chủ trương của Đảng tại Nghị quyết số 18/NQ-TW về ưu đãi đối với các đối tượng chính sách: quy định bổ sung một số đối tượng thuộc diện miễn, giảm thuế như đất ở trong hạn mức của thương binh hạng 3/4, 4/4; người hưởng chính sách như thương binh hạng 3/4, 4/4; bệnh binh hạng 2/3, 3/3; con của liệt sỹ không được hưởng trợ cấp hàng tháng...

+ Luật Thuế SDĐPNN bổ sung đối tượng ưu đãi đầu tư phù hợp với pháp luật về đầu tư. Cùng với các chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác của Nhà nước, ưu đãi thuế SDĐPNN góp phần thu hút và định hướng dòng vốn, tạo lợi thế so sánh, giảm chi phí ban đầu, tăng lợi nhuận cho nhà đầu tư, thúc đẩy đầu tư vào các ngành, vùng kinh tế đặc biệt.

+ Luật Thuế SDĐPNN bổ sung đối tượng ưu đãi đầu tư đối với một số lĩnh vực khuyến khích xã hội hóa, bao gồm lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, môi trường. Ưu đãi thuế đóng vai trò là “đòn bẩy” kinh tế quan trọng, thúc đẩy xã hội hóa bằng cách giảm chi phí đầu tư và tăng lợi nhuận cho các doanh nghiệp, tổ chức trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, môi trường. Chính sách này khuyến khích đầu tư tư nhân, giảm tải NSNN, nâng cao chất lượng dịch vụ công và đảm bảo an sinh xã hội.

Đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo, theo quy định Luật Thuế SDĐPNN thì đất của cơ sở thực hiện xã hội hóa được miễn thuế. Chính sách ưu đãi thuế sử dụng đất đối với lĩnh vực giáo dục là phù hợp về mặt lý luận kinh tế và thông lệ quốc tế, do giáo dục tạo ra ngoại ứng tích cực và mang tính công ích cao, cần Nhà nước can thiệp để khuyến khích đầu tư.

Chính sách ưu đãi thuế SDĐPNN trong thời gian qua đã góp phần quan trọng trong việc thực hiện chủ trương xã hội hóa giáo dục và đào tạo tại Việt Nam thông qua việc giảm bớt gánh nặng tài chính, khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư phát triển cơ sở giáo dục ngoài công lập. Các ưu đãi về thuế TNDN, thuế sử dụng đất và tiền thuê đất đã tạo điều kiện mở rộng quy mô giáo dục, đa dạng hóa loại hình đào tạo và huy động thêm nguồn lực xã hội cho phát triển giáo dục, qua đó hỗ trợ nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ giáo dục và giảm áp lực đầu tư từ NSNN.

Việc miễn thuế trực tiếp giảm gánh nặng tài chính, tăng tính khả thi cho các dự án giáo dục công lập tự chủ và ngoài công lập, cơ chế ưu đãi là yếu tố quyết định trong việc huy động nguồn lực xã hội và doanh nghiệp đầu tư vào giáo dục và đào tạo, tạo động lực kinh tế cho doanh nghiệp, tổ chức phi lợi nhuận, nhà đầu tư tư nhân tham gia vào giáo dục.

Thứ nhất, huy động nguồn lực xã hội, phát triển hệ thống cơ sở giáo dục ngoài công lập.

Phát triển hệ thống cơ sở giáo dục ngoài công lập là một trong những kết quả nổi bật của quá trình xã hội hóa giáo dục tại Việt Nam. Số lượng cơ sở giáo

dục ngoài công lập tăng nhanh ở nhiều cấp học như mầm non, phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học, góp phần mở rộng quy mô đào tạo và đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng đa dạng của xã hội. Nhiều cơ sở giáo dục ngoài công lập đã đầu tư cơ sở vật chất hiện đại, đổi mới phương pháp đào tạo và tăng cường hợp tác quốc tế, qua đó góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và giảm áp lực cho hệ thống giáo dục công lập. Điều này góp phần đa dạng hóa hệ thống giáo dục và đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng lớn của xã hội.

Theo số liệu thống kê của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong năm học 2024-2025, cả nước có 40.973 cơ sở giáo dục từ mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và các cơ sở giáo dục đại học với 25,7 triệu học sinh, sinh viên trên toàn quốc. Trong đó có 3.935 cơ sở ngoài công lập đạt 9,6% và hơn 2,3 triệu học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục ngoài công lập đạt 9,29%, còn chưa đạt so với mục tiêu đề ra⁴.

Biểu 1. Thống kê cơ sở giáo dục và đào tạo giai đoạn 2024 - 2025

Loại hình cơ sở giáo dục	Số lượng cơ sở giáo dục			Số người học tại các cơ sở giáo dục		
	Toàn quốc	Ngoài công lập	Tỷ lệ %	Toàn quốc	Ngoài công lập	Tỷ lệ %
Mầm non	15.199	3.137	20,6	4.830.927	1.048.247	21,7
Tiểu học	12.147	137	1,1	8.876.320	154.765	1,7
THCS	10.716	2.449	0,8	6.513.021	101.793	1,6
THPT	2.973	676	16,4	2.989.182	336.981	11,3
Đại học	243	67	30	2.485.166	509.315	27,7
GDNN và GDTX	1.163	645	40			

Nguồn: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thứ hai, thúc đẩy hội nhập quốc tế trong giáo dục, tạo điều kiện thu hút đầu tư nước ngoài vào giáo dục, phát triển các chương trình liên kết quốc tế, mở rộng hợp tác học thuật và nghiên cứu, hỗ trợ quá trình quốc tế hóa giáo dục của Việt Nam. Theo số liệu thống kê của Bộ Giáo dục và đào tạo⁵, hiện có 32 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư trong lĩnh vực giáo dục tại Việt Nam, trong đó lớn nhất là Hoa Kỳ, Singapore và Hàn Quốc. Lĩnh vực giáo dục nhận được vốn FDI lớn nhất là giáo dục đại học, chiếm 37,5% tổng vốn FDI trong giáo dục.

⁴ Tại Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 04/6/2019 của Chính phủ về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư cho phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 – 2025 có nêu mục tiêu: “*Đẩy mạnh huy động các nguồn lực của xã hội, thúc đẩy sự phát triển của các cơ sở giáo dục ngoài công lập đạt tỷ lệ 8,75% số cơ sở và 8,9% người học vào năm 2020 và lần lượt là 13,5% và 16% vào năm 2025*”.

⁵ Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện chủ trương xã hội hóa và Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 04/6/2019 của Chính phủ (công văn số 442/BGDĐT-KHTC ngày 28/1/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Các ưu đãi về thuế cùng với ưu đãi về tiền thuê đất, tiền sử dụng đất là các điều kiện mở rộng hợp tác về giáo dục, từng bước hình thành các mô hình liên kết đào tạo, đặc biệt là ở các khu vực đô thị lớn. Các nguồn lực xã hội đã góp phần đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học hiện đại, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

Biểu 2. Đánh giá kết quả miễn thuế SDDPNN đối với cơ sở giáo dục đào tạo giai đoạn 2023-2025

Số TT	Chỉ tiêu	Số hồ sơ (tờ khai)			Diện tích (ha)			Số thuế được miễn, giảm (tỷ đồng)		
		2023	2024	2025	2023	2024	2025	2023	2024	2025
1	Tổng số cơ sở giáo dục, đào tạo	38.781	41.254	43.458	64.793	71.165	72.251	54,03	56,78	38,39
1.1	Cơ sở giáo dục, đào tạo được miễn, giảm thuế	13.265	14.473	14.955	40.089	45.511	44.173	54	57	38
	- Cơ sở giáo dục, đào tạo công lập	88	93	92	76	89	89	1,27	1,51	1,32
	- Cơ sở giáo dục, đào tạo ngoài công lập	13.177	14.380	14.863	40.013	45.422	44.084	52,76	55,27	37,07
1.2	Cơ sở giáo dục, đào tạo hiện đang nộp thuế	25.516	26.781	28.503	24.704	25.654	28.078	-	-	-

Nguồn: Bộ Tài chính

- Về đăng ký, kê khai, nộp thuế:

Do căn cứ tính thuế thay đổi cơ bản so với Pháp lệnh thuế nhà, đất cũ nên việc quy định cụ thể về đăng ký kê khai, nộp thuế đã tạo điều kiện kê khai, tính thuế, đặc biệt đối với trường hợp người nộp thuế có quyền sử dụng nhiều thửa đất. Theo quy định thì người có nhiều thửa đất ngoài việc đăng ký, kê khai, tính và nộp thuế đối với từng thửa đất có quyền sở hữu tại địa phương thì người nộp thuế còn phải lập tờ khai tổng hợp tất cả các thửa đất có quyền sử dụng tại nơi người nộp thuế lựa chọn để xác định hạn mức đất ở tính thuế. Sau khi trừ đi số thuế đã nộp tại các địa phương nơi cơ quyền sử dụng đất, phần chênh lệch còn lại sẽ được nộp tại địa phương nơi người nộp thuế đã lựa chọn. Quy định này trong thực tiễn đã góp phần quản lý nhà nước về đất đai, hạn chế đầu cơ về đất.

b) Góp phần tăng cường quản lý nhà nước đối với đất đai, khuyến khích tổ chức, cá nhân sử dụng đất tiết kiệm, có hiệu quả, khuyến khích thị trường BĐS phát triển lành mạnh

Do căn cứ tính thuế SDĐPNN đã chuyển từ tính theo thuế SDĐNN (tính bằng thóc) sang tính thuế dựa trên giá trị (giá tính thuế và thuế suất) đòi hỏi phải thống kê lại việc sử dụng đất của tổ chức, cá nhân, hộ gia đình đang có quyền sử dụng đất. Qua đó, góp phần quản lý sử dụng đất đai, điều tiết với người sử dụng nhiều đất, góp phần chống đầu cơ cũng như khuyến khích sử dụng đất đai tiết kiệm, hiệu quả.

Tại Luật Thuế SDĐPNN quy định mức thuế lũy tiến đối với đất ở (kể cả đất nền, đất xây dựng nhà biệt thự, nhà liền kề, nhà phân lô) để đánh thuế cao đối với trường hợp có nhiều đất ở như sau: 0,03% đối với phần diện tích trong hạn mức, 0,07% đối với phần diện tích vượt không quá 3 lần hạn mức và 0,15% đối với phần diện tích vượt trên 3 lần hạn mức. Trường hợp có nhiều thửa đất ở trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì phải cộng tổng diện tích các thửa đất ở chịu thuế để xác định theo biểu thuế lũy tiến từng phần đối với phần diện tích đất vượt hạn mức. Quy định nêu trên đã góp phần tăng cường quản lý nhà nước về đất đai, khuyến khích tổ chức, cá nhân sử dụng đất tiết kiệm, có hiệu quả, góp phần hạn chế đầu cơ về đất, khuyến khích phát triển thị trường BĐS minh bạch, bền vững.

Ngoài ra, việc thực hiện Luật cũng nâng cao hơn trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về đất đai, nâng cao trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế trong việc nâng cấp dữ liệu về đất đai để nắm bắt các thông tin về đất, theo dõi tình hình dịch chuyển về nhà, đất thuộc diện đăng ký nhằm phục vụ cho yêu cầu quản lý thu thuế SDĐPNN.

c) Động viên sự đóng góp của người sử dụng đất vào NSNN, góp phần tăng thu cho NSĐP để thực hiện các nhiệm vụ chi của địa phương

Do được xây dựng trên cơ sở của chính sách thuế nhà, đất trước đây nên mức thu thuế SDĐPNN không cao với mức thuế suất cơ bản là 0,03% và có điều tiết cao hơn đối với trường hợp sử dụng đất với diện tích lớn, trường hợp có quyền sử dụng nhiều thửa đất ở và trường hợp sử dụng đất không đúng mục đích, đất chưa sử dụng theo đúng quy định, đất lấn, chiếm, cụ thể: Thuế suất thuế SDĐPNN đối với đất ở áp dụng theo biểu thuế lũy tiến từng phần (mức thuế suất là 0,03%, 0,07% và 0,15%); đối với đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp là 0,03%; đất sử dụng không đúng mục đích, đất chưa sử dụng theo đúng quy định là 0,15%; đất lấn, chiếm là 0,2%. Biểu thuế suất lũy tiến phản ánh mức độ điều tiết mạnh đối với việc sử dụng đất ngoài hạn mức.

Trong giai đoạn 2021-2025, số thu thuế SDĐPNN duy trì xu hướng tăng qua các năm, từ 2.025 tỷ đồng năm 2021 lên 3.907 tỷ đồng năm 2025 (tăng khoảng 1,9 lần sau 05 năm), bình quân đạt 3.279 tỷ đồng/năm. Số thu thuế SDĐPNN trong những năm qua là nguồn thu ổn định, góp phần động viên đóng

góp của người sử dụng đất vào NSNN, tạo nguồn thu cho NSDP để thực hiện các nhiệm vụ chi của NSDP. Số thu thuế SDĐPNN tuy là số thu không lớn nhưng là nguồn thu ổn định, tạo được nguồn thu thường xuyên, phục vụ tốt yêu cầu quản lý và điều tiết vĩ mô nền kinh tế, tăng thêm nguồn kinh phí giúp Nhà nước đầu tư vào lĩnh vực quản lý đất đai, từng bước thực hiện chính sách động viên công bằng giữa các tầng lớp dân cư, góp phần thực hiện các nhiệm vụ chi của địa phương.

Biểu 3. Số thu thuế SDĐPNN giai đoạn 2021-2025

Đơn vị tính: tỷ đồng

Năm	Số thu NSNN (tỷ đồng)	Tốc độ tăng trưởng (%)	Tỷ trọng số thu thuế SDĐPNN trong tổng thu NSNN do cơ quan thuế quản lý thu (%)
2021	2.025	97,9	0,14
2022	3.205	158,3	0,21
2023	3.401	106,1	0,22
2024	3.861	113,5	0,22
2025	3.907	101,2	0,17
Bình quân	3.279	115,4	0,19

Nguồn: Bộ Tài chính

Mặc dù số thu tuyệt đối tăng qua các năm, mức đóng góp của thuế SDĐPNN trong tổng thu NSNN do cơ quan thuế quản lý thu vẫn rất hạn chế. Trong cả giai đoạn 2021-2025, tỷ trọng số thu chỉ dao động từ 0,14% đến 0,22%, bình quân đạt khoảng 0,19%. Sau khi tăng lên mức 0,22% trong các năm 2023-2024, tỷ trọng này giảm xuống còn 0,17% vào năm 2025. Điều đó cho thấy tốc độ tăng của thuế SDĐPNN thấp hơn tốc độ tăng chung của các khoản thu NSNN, nên vai trò của sắc thuế này trong cơ cấu thu ngân sách hầu như chưa có sự thay đổi đáng kể.

Biểu 4. Các khoản thu từ đất giai đoạn 2022-2025

Các khoản thu từ đất	Số thu bình quân giai đoạn 2022- 2025 (tỷ đồng)	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN từ đất (%)
Thuế SDĐPNN	3.594	0,9
Thuế sử dụng đất nông nghiệp	8	0,002
Tiền thuê đất	54.484	13,6
Tiền sử dụng đất	273.432	68,2

Thu tiền bán nhà thuộc sở hữu nhà nước	1.413	0,4
Thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng BĐS	30.896	7,7
Thuế TNDN từ chuyển nhượng BĐS	26.419	6,6
Lệ phí trước bạ nhà đất	10.826	2,7

Nguồn: Bộ Tài chính

2.2. Một số tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả tích cực nêu trên, qua đánh giá tình hình thực hiện chính sách thuế SĐDPNN đã bộc lộ những hạn chế, bất cập cụ thể như sau:

a) Về đối tượng chịu thuế và đối tượng không chịu thuế

Thứ nhất, về đối tượng chịu thuế và đối tượng không chịu thuế

- Đối tượng chịu thuế SĐDPNN, bao gồm: (i) Đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị; (ii) Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, bao gồm: đất xây dựng khu công nghiệp; đất làm mặt bằng xây dựng cơ sở sản xuất, kinh doanh; đất khai thác, chế biến khoáng sản; đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm; (iii) Đất phi nông nghiệp thuộc đối tượng không chịu thuế nhưng sử dụng vào mục đích kinh doanh.

- Đối tượng không chịu thuế SĐDPNN, bao gồm: (i) Đất sử dụng vào mục đích công cộng, bao gồm: đất giao thông, thủy lợi; đất xây dựng công trình văn hóa, y tế, giáo dục và đào tạo, thể dục thể thao phục vụ lợi ích công cộng; đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; đất xây dựng công trình công cộng khác theo quy định của Chính phủ; (ii) Đất do cơ sở tôn giáo sử dụng; (iii) Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa; (iv) Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối và mặt nước chuyên dùng; (v) Đất có công trình là đình, đền, miếu, am, từ đường, nhà thờ họ; (vi) Đất xây dựng trụ sở cơ quan, xây dựng công trình sự nghiệp, đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; (vii) Đất phi nông nghiệp khác theo quy định của pháp luật.

Nhìn chung, qua rà soát, đánh giá cho thấy quy định về đối tượng chịu thuế tại Luật Thuế SĐDPNN đã bao quát tương đối đầy đủ các loại đất theo quy định của pháp luật về đất đai tại thời điểm ban hành (Luật Đất đai năm 2003). Tuy nhiên, pháp luật về Luật đất đai năm 2024 đã có sự thay đổi, hoàn thiện theo thể chế kinh tế thị trường, trong đó có sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện về phân loại đất. Qua rà soát thì cách phân loại đối tượng chịu thuế SĐDPNN còn chưa thống nhất với cách phân loại đất phi nông nghiệp theo quy định của Luật Đất đai năm 2024, cụ thể:

Tại Luật Đất đai năm 2024 quy định nhóm đất phi nông nghiệp theo mục đích sử dụng: (i) Đất ở, gồm đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị; (ii) Đất xây dựng trụ sở cơ quan; (iii) Đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; (iv)

Đất xây dựng công trình sự nghiệp; (v) Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp; (vi) Đất sử dụng vào mục đích công cộng; (vii) Đất sử dụng cho hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng; (viii) Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng, đất cơ sở lưu trữ tro cốt; (ix) Đất có mặt nước chuyên dùng; (x) Đất phi nông nghiệp khác. Theo đó, Luật Đất đai năm 2024 đã có sửa đổi về phân loại đất so với Luật Đất đai năm 2003 như sau:

- Đối với đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp:

+ Bổ sung “đất cụm công nghiệp”, “đất thương mại, dịch vụ”.

+ Thay thế cụm từ “đất làm mặt bằng xây dựng cơ sở sản xuất, kinh doanh” thành “đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp”; thay thế cụm từ “đất khai thác, chế biến khoáng sản” thành “đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản”.

+ Bỏ “đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm”.

- Thay thế cụm từ “đất giao thông” thành “đất công trình giao thông”; “đất thủy lợi” thành “đất công trình thủy lợi”; “đất do các tổ chức tôn giáo sử dụng” thành “đất sử dụng cho hoạt động tôn giáo”; “đất có công trình là đình, đền, miếu, am, từ đường, nhà thờ họ” thành “đất sử dụng cho hoạt động tín ngưỡng”; “đất làm nghĩa trang, nghĩa địa” thành “đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng, đất cơ sở lưu trữ tro cốt”.

- Bỏ “đất xây dựng các công trình văn hóa, y tế, giáo dục và đào tạo, thể dục thể thao phục vụ lợi ích công cộng”, “đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối”.

- Bổ sung “đất công trình cấp nước, thoát nước”; “đất công trình phòng, chống thiên tai”, “đất có di sản thiên nhiên”; “đất công trình xử lý chất thải; đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng; đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin; đất chợ dân sinh, chợ đầu mối; đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng”; “Đất xây dựng công trình sự nghiệp bao gồm: đất xây dựng cơ sở văn hóa, xã hội, y tế, giáo dục và đào tạo, thể dục, thể thao, khoa học và công nghệ, môi trường, khí tượng thủy văn, ngoại giao và công trình sự nghiệp khác hoặc đất xây dựng trụ sở của đơn vị sự nghiệp công lập khác”.

Do đó, để phù hợp với pháp luật về đất đai hiện hành, cần thiết nghiên cứu sửa đổi, bổ sung đối tượng chịu thuế và đối tượng không chịu thuế đối với đất cho phù hợp.

b) Về thuế suất

Kể từ ngày Luật Thuế SDĐPNN có hiệu lực thi hành (ngày 01/01/2012), chính sách thuế đối với đất mặc dù đã có những thay đổi khá căn bản về phương pháp tính thuế.

Thuế suất thuế SDĐPNN đối với đất ở áp dụng theo biểu thuế lũy tiến từng phần (mức thuế suất là 0,03%, 0,07% và 0,15%); đối với đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp là 0,03%; đất sử dụng không đúng mục đích, đất chưa sử dụng theo đúng quy định là 0,15%; đất lấn, chiếm là 0,2%.

Biểu 5. Kết quả thu thuế SDDPNN đối với đất ở năm 2025

	Số mã phi nông nghiệp (PNN) cơ quan thuế quản lý	Tỷ trọng so với tổng số mã PNN của đất ở (%)	Số thuế phát sinh (tỷ đồng)	Tỷ trọng so với tổng số thuế phát sinh của đất ở (%)
Đất trong hạn mức	23.758.737	94,4	2.347	81,8
Đất vượt dưới 3 lần hạn mức	1.257.633	5,0	369	12,9
Đất vượt trên 3 lần hạn mức	150.385	0,6	152	5,3
Tổng cộng	25.166.755	100	2.868	100

Nguồn: Bộ Tài chính

Kết quả quản lý thuế SDDPNN đối với đất ở năm 2025 cho thấy phần lớn số mã PNN cơ quan thuế đang quản lý là đất ở trong hạn mức với 23.758.737 mã, chiếm 94,4% tổng số mã PNN của đất ở. Trong khi đó, số mã PNN của diện tích đất ở vượt hạn mức chỉ chiếm tỷ trọng rất nhỏ. Cụ thể, diện tích vượt không quá 3 lần hạn mức có 1.257.633 mã PNN (chiếm khoảng 5% tổng số mã PNN của đất ở), trong khi phần diện tích đất vượt trên 3 lần hạn mức chỉ có 150.385 mã, chiếm 0,6%. Mặc dù là nhóm đất áp dụng mức thuế suất cao nhất nhưng đất vượt trên 3 lần hạn mức chỉ phát sinh số thuế là 152 tỷ đồng, tương ứng 5,3% tổng số thuế SDDPNN phát sinh của đất ở.

Kết quả trên cho thấy phạm vi áp dụng biểu thuế suất lũy tiến đối với diện tích đất ở vượt hạn mức trên thực tế còn chưa đáp ứng được yêu cầu. Kết quả này hoàn toàn không xuất phát từ bản thân các quy định pháp lý về mức thuế suất trong Luật, mà hệ quả trực tiếp từ những bất cập trong khâu tổ chức thực hiện tổ chức thực hiện. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, về việc tự kê khai, tự tính toán diện tích đất vượt hạn mức của người nộp thuế

Theo quy định hiện hành, người nộp thuế phải tự xác định trường hợp phải khai tổng hợp, tự xác định diện tích vượt hạn mức, tự kê khai và tính số thuế phải nộp tăng thêm do khai tổng hợp và chịu trách nhiệm về việc kê khai của mình theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. Tuy nhiên, việc tự theo dõi và định lượng diện tích lũy tiến đối với những người sở hữu nhiều thửa đất gặp nhiều khó khăn do các dữ liệu về hạn mức đất ở, giá đất có sự khác biệt lớn theo địa bàn và thay đổi qua từng thời kỳ và thậm chí do nhận thức của người nộp thuế. Điều này khiến người nộp thuế khó có đầy đủ thông tin đầu vào chính xác để tự giác hoàn thành nghĩa vụ, đặc biệt là trong các trường hợp đất đai có nhiều biến động do thừa kế, chia tách hoặc chuyển nhượng.

Thứ hai, về hiệu quả và đồng bộ cơ sở dữ liệu liên ngành

Do hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai và quản lý thuế chưa được kết nối, chia sẻ một cách hoàn chỉnh và liên thông, cơ quan thuế thiếu đi các công cụ hỗ trợ công nghệ để chủ động rà soát, nhận diện nhóm đối tượng thuộc diện phải khai tổng hợp. Khi thông tin đầu vào phục vụ công tác quản lý chủ yếu dựa trên tinh thần tự nguyện kê khai của người nộp thuế, việc đôn đốc và đưa các trường hợp diện tích vượt hạn mức vào diện điều tiết còn gặp nhiều khó khăn, chưa kiểm soát được toàn diện.

Thứ ba, về cơ chế phối hợp kiểm tra, quản lý của chính quyền địa phương

Quy định cho phép người dân có nhiều thửa đất được quyền tự lựa chọn nơi xác định hạn mức là một chính sách nhân văn, tạo sự chủ động tối đa cho người nộp thuế. Tuy nhiên, ở khâu tổ chức thực hiện, chính quyền địa phương chưa xây dựng được một cơ chế hậu kiểm phù hợp và đủ mạnh để giám sát tính chính xác của sự lựa chọn này. Hiện nay, công tác phối hợp đối chiếu, kiểm tra vẫn phụ thuộc vào việc rà soát thủ công, mà thiếu một quy trình kiểm tra liên thông tự động giữa cơ quan địa chính với cơ quan thuế, giữa các cơ quan thuế nơi có đất, khiến hệ thống cơ quan thuế cấp cơ sở gặp khó khăn trong việc theo dõi, phối hợp đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện nghĩa vụ lũy tiến một cách tập trung, liên tục.

c) Về miễn, giảm thuế

Đánh giá thực thi chính sách miễn, giảm thuế SDĐPNN cho thấy chính sách miễn, giảm thuế cơ bản đã phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương; bao quát được đối tượng ưu đãi và thực hiện chính sách đối với các đối tượng thuộc diện chính sách theo quy định của pháp luật hiện hành. Tuy nhiên, một số trường hợp miễn, giảm thuế cụ thể, cần thiết có rà soát về đối tượng miễn, giảm thuế để đảm bảo phù hợp với pháp luật hiện hành, cụ thể:

- Đối với đất của cơ sở thực hiện xã hội hóa: Tại Nghị định số 59/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định cụ thể 7 lĩnh vực xã hội hóa gồm có: Giáo dục-đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp. Do đó, có thể nghiên cứu bổ sung miễn thuế đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giám định tư pháp.

- Đối với đất xây dựng cơ sở nuôi dưỡng người già cô đơn, người khuyết tật, trẻ mồ côi: Tại Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội đã có quy định về các loại hình cơ sở trợ giúp xã hội⁶. Theo đó, có thể nghiên cứu sửa đổi theo hướng quy định chung nhóm đất xây dựng cho các cơ sở này là “*đất xây dựng cơ sở trợ giúp xã hội*”.

- Về mức miễn thuế SDĐPNN của hộ gia đình, cá nhân: thực tiễn cho

⁶ Điều 5 Nghị định số 103/2017/NĐ-CP quy định loại hình cơ sở trợ giúp xã hội, bao gồm: Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi; Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người khuyết tật; Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí; Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp thực hiện việc chăm sóc nhiều đối tượng bảo trợ xã hội hoặc đối tượng cần trợ giúp xã hội; Trung tâm công tác xã hội thực hiện việc tư vấn, chăm sóc khẩn cấp hoặc hỗ trợ những điều kiện cần thiết khác cho đối tượng cần trợ giúp xã hội; Cơ sở trợ giúp xã hội khác theo quy định của pháp luật.

thấy phần lớn trường hợp có số thuế phát sinh thấp nhưng vẫn phải thực hiện đầy đủ quy trình quản lý thuế, làm gia tăng chi phí hành chính so với hiệu quả thu. Trong điều kiện giá đất làm căn cứ tính thuế tăng theo các chu kỳ bảng giá đất, cần nghiên cứu điều chỉnh nâng mức miễn thuế⁷ thay cho mức 50.000 đồng hiện nay nhằm giảm số lượng trường hợp phải tổ chức thu đối với các khoản thu nhỏ lẻ, qua đó tinh gọn quy trình quản lý, tiết kiệm nguồn lực và nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện.

- Đối với đất của cơ sở giáo dục:

Qua tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện chính sách xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo cho thấy một số hạn chế, khó khăn như: (i) Mức độ xã hội hóa thường chỉ tập trung ở một số lĩnh vực, loại hình dễ đem lại lợi nhuận và tập trung ở các địa bàn có điều kiện KT-XH phát triển như các thành phố lớn, đông dân cư và có mức sống cao; chưa phát huy nhiều tác dụng ở các địa bàn khó khăn do yếu tố lợi nhuận của các doanh nghiệp tham gia đầu tư, chưa thu hút được các nhà đầu tư trong và ngoài nước xây dựng và phát triển giáo dục ngoài công lập ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, địa bàn đặc biệt khó khăn; (ii) Cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập, đặc biệt là cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động không ổn định, đi thuê nhà đất, không có tài sản đảm bảo để được thực hiện ưu đãi về tín dụng và tiếp nhận các hỗ trợ theo quy định.

Trong bối cảnh thế giới có những thay đổi sâu sắc, toàn diện, đặc biệt công nghệ số và trí tuệ nhân tạo đang tái định hình nền giáo dục trên phạm vi toàn cầu, mỗi quốc gia đều phải xác định lại tầm nhìn và chiến lược mới cho hệ thống giáo dục trong tương lai. Đất nước ta đang đứng trước vận hội lịch sử để phát triển bứt phá, yêu cầu xây dựng con người, xây dựng nguồn nhân lực đặt ra rất quan trọng và cấp bách, đòi hỏi phải đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 71-NQ/TW tập trung vào đột phá phát triển giáo dục và đào tạo và đặt mục tiêu Việt Nam đứng vào nhóm 20 quốc gia hàng đầu về hệ thống giáo dục vào năm 2045. Theo đó, tại Nghị quyết số 71-NQ/TW nêu nhiệm vụ, giải pháp: *“Đổi mới căn bản cơ chế, chính sách tài chính và đầu tư cho giáo dục, đào tạo”*; *“Xây dựng cơ chế, chính sách đủ mạnh khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp đầu tư phát triển giáo dục, đào tạo”*; *“Sửa đổi, bổ sung các VBQPPL có liên quan để bổ sung các quy định không thu tiền sử dụng đất, giảm tiền thuê đất, tiền thuế đất đối với các cơ sở giáo dục trong nước. Không áp dụng thuế TNDN đối với cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục tư thực hoạt động không vì lợi nhuận”*.

Thế chế hóa chủ trương về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, cần thiết có nghiên cứu sửa đổi, bổ sung ưu đãi thuế đối với cơ sở giáo dục và đào tạo nhằm thu hút nguồn lực đầu tư cho giáo dục, đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, góp phần nâng cao năng lực nội sinh quốc gia, là đột phá chiến lược để đất nước phát triển bứt phá và bền vững.

⁷ Khoảng 200.000 đồng/năm

d) Về đăng ký, khai, nộp thuế

Do căn cứ tính thuế thay đổi cơ bản so với Pháp lệnh thuế nhà, đất nên trong thời gian đầu thực hiện chính sách thuế SDDPNN còn gặp khó khăn, nhất là việc thực hiện kê khai, tính thuế của người nộp thuế và việc lập sổ bộ của cơ quan thuế. Trong trường hợp người nộp thuế có nhiều thửa đất phải kê khai tổng hợp thì cách tính thuế được đánh giá là khá phức tạp. Thực tế triển khai tại các địa phương cho thấy, mặc dù đã được cơ quan thuế tuyên truyền, hướng dẫn nhưng người nộp thuế vẫn khá lúng túng trong việc kê khai tổng hợp, hiệu quả thu thuế chưa cao, số thuế thu thêm phát sinh không nhiều.

Ngoài ra, cần thiết sửa đổi các quy định về nơi đăng ký, khai, nộp thuế để đảm bảo đồng bộ với cho phù hợp với pháp luật quản lý thuế và chính quyền địa phương 02 cấp, đồng thời phù hợp thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội.

Để đơn giản hóa thủ tục hành chính trong kê khai, nộp thuế SDDPNN, tại dự thảo các VBQPPL hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 (dự kiến có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2026), Bộ Tài chính dự kiến sửa đổi, bổ sung các quy định: (i) Bổ sung quy định người nộp thuế không phải nộp hồ sơ khai thuế SDDPNN trong trường hợp cơ quan thuế đã kết nối, chia sẻ, sử dụng được thông tin có trong cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, hệ thống thông tin quản lý thuế hoặc hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính, phiếu chuyển thông tin do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến và các thông tin, dữ liệu này đảm bảo đầy đủ căn cứ để cơ quan thuế tính thuế; (ii) Đơn giản hóa tờ khai thuế SDDPNN của hộ gia đình, cá nhân, cụ thể lược bỏ phần xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (UBND cấp xã, Văn phòng đăng ký đất đai) tại tờ khai thuế SDDPNN đối với hộ gia đình, cá nhân.

e) Về quản lý thuế

Sau hơn 15 năm thực hiện Luật Thuế SDDPNN, đến nay việc thu thuế đã đi vào ổn định. Sổ bộ thuế thường xuyên được cập nhật, bổ sung cho phù hợp với thực trạng biến động của tình hình đất đai tại địa phương. Người dân dần nhận thấy trách nhiệm và nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước, nghiêm chỉnh chấp hành thực hiện chính sách của Nhà nước. Tuy nhiên, do nguồn thu từ thuế SDDPNN thấp trong khi số lượng người nộp thuế lớn, một số quy định của Luật Thuế SDDPNN chưa phù hợp nên công tác quản lý thu thuế SDDPNN chưa được sự quan tâm đúng mức của chính quyền địa phương, từ đó, ảnh hưởng lớn đến hiệu quả thu thuế SDDPNN, ảnh hưởng đến nguồn thu thuế SDDPNN. công tác quản lý thu thuế SDDPNN đã phát sinh một số vấn đề cụ thể như sau:

- Không ít trường hợp đất lấn chiếm, đất sử dụng không đúng mục đích, đất chưa sử dụng theo đúng quy định chưa được phát hiện, xác định và đưa vào diện quản lý thuế để áp dụng mức thuế suất tương ứng.

Tổng kết cho thấy, vẫn còn tình trạng người nộp thuế không kê khai hoặc kê khai không đúng hiện trạng sử dụng đất. Mặt khác, việc phối hợp, trao đổi,

thông tin giữa các cơ quan ở nhiều nơi chưa thực sự hiệu quả. Sở Nông nghiệp và Môi trường (trước đây là Sở Tài nguyên và Môi trường), UBND cấp xã chưa phát hiện hoặc chưa chuyển thông tin về trường hợp đất lấn chiếm, đất sử dụng không đúng mục đích kịp thời cho cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ thuế. Bên cạnh đó, đối với trường hợp đã được xác định là đất lấn, chiếm, hoặc sử dụng không đúng mục đích, công tác quản lý thuế cũng gặp khó khăn do người sử dụng đất chuyển nhượng bằng giấy viết tay qua nhiều lần, người có quyền sử dụng đất không cư trú tại địa phương; thông tin về thửa đất chưa đầy đủ hoặc còn đang tranh chấp, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Việc kê khai, nộp thuế qua Etax Mobile đã được triển khai trên phạm vi toàn quốc. Tuy nhiên, việc triển khai trên thực tế còn gặp khó khăn tại các địa bàn vùng sâu, vùng xa, miền núi, đời sống người dân khó khăn, người nộp thuế là người cao tuổi chưa có điều kiện tiếp cận Internet; việc thực hiện nghĩa vụ thuế cần sự hỗ trợ, hướng dẫn của cơ quan thuế và cán bộ được uỷ nhiệm thu thuế, làm tăng khối lượng công việc của cán bộ thuế. Ngoài ra, việc triển khai các phương thức nộp thuế điện tử trong giai đoạn đầu còn gặp khó khăn đối với một bộ phận người dân chưa tiếp nhận được phương thức điện tử mới, người nộp thuế chưa làm định danh VNEID mức 2, chưa có tài khoản ngân hàng.

- Về chi phí hành chính, ủy nhiệm thu thuế: Về chi phí hành chính, nhiều địa phương phản ánh chi phí tổ chức thực hiện thu thuế SDĐPNN còn cao so với số thu thực tế, do cơ quan thuế và chính quyền cơ sở phải thực hiện đầy đủ các khâu như hướng dẫn kê khai, lập bộ, rà soát, cập nhật biến động, xét miễn giảm, in và phát hành thông báo, tổ chức thu và đôn đốc thu nộp. Đặc biệt, việc thực hiện cơ chế ủy nhiệm thu tại cấp xã tuy góp phần hỗ trợ tổ chức thu tại cơ sở nhưng cũng phát sinh thêm chi phí và thủ tục liên quan đến hợp đồng, chứng từ, thanh quyết toán, trong khi mức chi trả thù lao chưa thực sự tương xứng với khối lượng công việc, dẫn đến hiệu quả tổ chức thu còn thấp, phát sinh nhiều tình trạng nợ đọng.

g) Về công tác quản lý dữ liệu đất đai, cập nhật dữ liệu đất đai phục vụ thu thuế SDĐPNN

Dữ liệu đất đai là cơ sở quan trọng để cơ quan thuế xác định chính xác nghĩa vụ thuế SDĐPNN, đồng thời phục vụ rà soát, đối chiếu, phát hiện các trường hợp chưa kê khai hoặc kê khai không đầy đủ, sử dụng đất không đúng mục đích, đất lấn, chiếm, đất chưa sử dụng theo quy định và các trường hợp phải kê khai tổng hợp diện tích đất ở, qua đó góp phần hạn chế thất thu NSNN. Đối với thuế SDĐPNN có số lượng người nộp thuế rất lớn, được quản lý theo từng thửa đất và phát sinh nghĩa vụ thuế hằng năm, chất lượng và mức độ đầy đủ của cơ sở dữ liệu đất đai có ý nghĩa quyết định đến hiệu quả quản lý thuế.

Trong thời gian qua, công tác xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu đất đai phục vụ quản lý thuế được triển khai theo định hướng chuyển đổi số, tăng cường kết nối, chia sẻ thông tin điện tử với các cơ quan liên quan, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý thuế. Hiện nay, dữ liệu đất đai chủ yếu do cơ quan chuyên môn

về nông nghiệp và môi trường quản lý và được cung cấp cho cơ quan thuế khi phát sinh các trường hợp giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất, đăng ký biến động đất đai hoặc theo đề nghị của cơ quan thuế. Bên cạnh đó, cơ quan thuế quản lý thông tin thông từ hồ sơ khai thuế, hồ sơ miễn, giảm thuế của người nộp thuế và theo dõi đối với từng thửa đất trên sổ bộ thuế.

Trên thực tế, cơ sở dữ liệu đất đai hiện nay vẫn chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu quản lý thuế SDĐPNN. Cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia đang trong quá trình hoàn thiện; dữ liệu đất đai tại nhiều địa phương chưa đầy đủ, chưa đồng bộ và chưa được chuẩn hóa thống nhất; việc quản lý còn phân tán giữa các địa phương và chưa đáp ứng yêu cầu chia sẻ, khai thác dữ liệu theo thời gian thực. Vì vậy, mặc dù đã thiết lập cơ chế trao đổi thông tin điện tử, cơ quan thuế vẫn chủ yếu khai thác, sử dụng thông tin do cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cung cấp theo từng hồ sơ, từng vụ việc, chưa thể khai thác tổng thể cơ sở dữ liệu đất đai để phục vụ đối chiếu thông tin, phát hiện người nộp thuế chưa kê khai, xác định các trường hợp đất lấn chiếm, đất sử dụng không đúng mục đích, đất chưa sử dụng hoặc rà soát các trường hợp phải kê khai tổng hợp diện tích đất ở. Bên cạnh đó, tại một số địa phương, việc cung cấp thông tin của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường còn chậm, làm thời gian xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai kéo dài, ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết hồ sơ.

Bên cạnh đó, thông tin về người nộp thuế và thông tin thửa đất chưa được cập nhật kịp thời do hạn chế về nguồn lực; nhiều trường hợp người nộp thuế không cư trú tại địa phương nên việc xác minh, cập nhật thông tin gặp khó khăn, ảnh hưởng đến độ chính xác của dữ liệu và hiệu quả quản lý. Việc thiếu dữ liệu đầy đủ, chính xác cũng làm giảm hiệu quả đối chiếu giữa cơ quan thuế với cơ quan quản lý đất đai, ảnh hưởng đến việc xác định đúng người nộp thuế, đúng diện tích tính thuế và phát hiện các trường hợp còn bỏ sót nghĩa vụ thuế. Ngoài ra, hạ tầng công nghệ thông tin mặc dù đã từng bước được đầu tư nhưng chưa đồng bộ giữa các địa phương, ảnh hưởng đến hiệu quả kết nối, khai thác và xử lý dữ liệu giữa các cơ quan. Những hạn chế nêu trên làm giảm hiệu quả phối hợp giữa cơ quan thuế với cơ quan quản lý đất đai, ảnh hưởng đến việc xác định đầy đủ nghĩa vụ thuế và hiệu quả thực thi chính sách thuế SDĐPNN.

h) Về công tác ủy nhiệm thu thuế SDĐPNN

Do thuế SDĐPNN có số lượng người nộp thuế rất lớn, phân tán trên phạm vi rộng, chủ yếu là hộ gia đình, cá nhân nên cơ quan thuế thực hiện cơ chế ủy nhiệm thu cho UBND cấp xã để phối hợp quản lý thu theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. Với lợi thế là cơ quan quản lý trực tiếp tại địa bàn, chính quyền cấp xã có đầy đủ thông tin về người sử dụng đất, hiện trạng và biến động sử dụng đất, tình hình cư trú của người nộp thuế; đồng thời kịp thời phát hiện các trường hợp phát sinh nghĩa vụ thuế, thay đổi thông tin người nộp thuế, biến động về quyền sử dụng đất hoặc các trường hợp thuộc diện miễn, giảm thuế để phối hợp cung cấp thông tin cho cơ quan thuế. Bên được ủy nhiệm thu còn thực hiện các nhiệm vụ tuyên truyền, hướng dẫn người nộp thuế, gửi thông báo nộp

thuế, đơn đốc thực hiện nghĩa vụ thuế và phối hợp rà soát, cập nhật thông tin phục vụ công tác quản lý thuế.

Trong giai đoạn 2020-2025, cùng với quá trình chuyển đổi số của ngành Thuế, tỷ lệ người nộp thuế thực hiện nộp thuế bằng phương thức điện tử thông qua ứng dụng eTax Mobile, ứng dụng ngân hàng và các kênh thanh toán điện tử ngày càng tăng. Tuy nhiên, thực tiễn triển khai cho thấy việc thay đổi phương thức nộp thuế không làm thay đổi vai trò của cơ chế ủy nhiệm thu. Đối với thuế SDĐPNN, phần lớn người nộp thuế là hộ gia đình, cá nhân với số thuế phải nộp không lớn, phân bố trên phạm vi rộng; trong khi thông tin về người sử dụng đất và biến động đất đai thường phát sinh tại địa phương. Do đó, công tác quản lý không chỉ dừng lại ở việc tổ chức thu thuế mà còn bao gồm việc rà soát đối tượng quản lý, xác minh thông tin, hướng dẫn kê khai, tuyên truyền chính sách, phát thông báo và đơn đốc người nộp thuế thực hiện nghĩa vụ. Đây là những nhiệm vụ đòi hỏi sự phối hợp thường xuyên của chính quyền cấp xã và chưa thể thực hiện hoàn toàn bằng phương thức quản lý tập trung hoặc điện tử.

Đặc biệt, tại khu vực nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, nơi nhiều người nộp thuế là người cao tuổi hoặc còn hạn chế trong việc tiếp cận công nghệ thông tin, bên được ủy nhiệm thu vẫn là lực lượng trực tiếp hỗ trợ người dân kê khai, cài đặt và sử dụng các ứng dụng nộp thuế điện tử, hướng dẫn thanh toán không dùng tiền mặt và giải đáp các vướng mắc phát sinh. Ngay cả tại các địa bàn có tỷ lệ nộp thuế điện tử cao, bên được ủy nhiệm thu vẫn giữ vai trò quan trọng trong công tác tuyên truyền, chuẩn hóa thông tin người nộp thuế, rà soát biến động đất đai và đơn đốc thực hiện nghĩa vụ thuế. Thực tiễn triển khai tại các địa phương cho thấy cơ chế ủy nhiệm thu không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả quản lý thuế SDĐPNN mà còn tăng cường sự phối hợp giữa cơ quan thuế với người nộp thuế và chính quyền cơ sở, góp phần triển khai hiệu quả quá trình chuyển đổi số trong công tác quản lý thuế SDĐPNN, đặc biệt trong giai đoạn chuyển tiếp từ phương thức quản lý truyền thống sang quản lý thuế điện tử.

3. Kết quả thực hiện Luật Thuế TNDN

3.1. Kết quả đạt được

Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn đã thể chế hóa đầy đủ, kịp thời các chủ trương, định hướng của Đảng, Nhà nước về cải cách hệ thống chính sách thuế nói chung (Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Nghị quyết số 23/2021/QH15 của Quốc hội và Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ...), chính sách thuế TNDN nói riêng; đảm bảo tính minh bạch, dễ hiểu, dễ thực hiện, tính thống nhất, đồng bộ của pháp luật về thuế TNDN với quy định của pháp luật có liên quan; thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; khuyến khích, thu hút đầu tư vào các ngành, lĩnh vực và địa bàn ưu tiên. Bên cạnh đó, Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15 cũng sửa đổi, bổ sung các quy định của Luật Thuế TNDN trước đó để khắc phục được các vướng mắc trong quá trình thực tiễn thực hiện; tháo gỡ được các bất cập, chồng chéo trong hệ thống pháp luật về

thuế TNDN nhằm đảm bảo sự rõ ràng, thống nhất và ổn định của chính sách; tạo môi trường thuận lợi cho người nộp thuế tuân thủ pháp luật về thuế, đảm bảo thu đúng, thu đủ vào NSNN. Đảm bảo ổn định nguồn thu cho NSNN, góp phần cơ cấu lại thu NSNN theo hướng bền vững; có giải pháp phù hợp để khắc phục tình trạng chuyển giá, phòng chống trốn thuế, thất thu thuế, hạn chế hiệu quả các hành vi dịch chuyển lợi nhuận làm xói mòn cơ sở thuế. Ngoài ra, việc sửa đổi tại Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15 nhằm đảm bảo mục tiêu hội nhập quốc tế, phù hợp với xu hướng phát triển và xu hướng cải cách chính sách thuế TNDN trên thế giới.

3.2. Hạn chế, vướng mắc

Theo quy định của Luật Quản lý thuế thì thuế TNDN là loại thuế quyết toán theo năm nên đối với kỳ tính thuế TNDN năm 2025 thì doanh nghiệp phải nộp Tờ khai quyết toán thuế TNDN chậm nhất trước 31/3/2026 nên hiện tại, Bộ Tài chính chưa nhận được phản ánh về vướng mắc trong quá trình thực hiện Luật Thuế TNDN.

Đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo: Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15 tiếp tục giữ mức ưu đãi cao nhất đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo, đồng thời bổ sung một số chính sách đột phá, thúc đẩy phát triển giáo dục và đào tạo, cụ thể bổ sung quy định miễn, giảm thuế đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Với chính sách thuế này đã tạo môi trường hấp dẫn, tăng niềm tin cho nhà đầu tư trong và ngoài nước cho giáo dục và đào tạo, khuyến khích các doanh nghiệp gắn đào tạo với nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

Pháp luật thuế TNDN hiện hành có quy định ưu đãi cao đối với cơ sở giáo dục. Tại khoản 5 Điều 15 Luật Thuế TNDN quy định “*cơ sở giáo dục đại học công lập hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận được miễn thuế theo quy định của Chính phủ*”.

Biểu 4. THỐNG KÊ TÌNH HÌNH KHAI THUẾ TNDN CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC ĐÀO TẠO (Cộng chung TK 03/TNDN + TK 04/TNDN)

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Cơ sở giáo dục công lập			Cơ sở giáo dục ngoài công lập		
		2023	2024	2025	2023	2024	2025
1	Số thuế TNDN được miễn giảm (TK04)	2.160	3.807	15.662	1.514	1.854	2.814
2	Số thuế TNDN được ưu đãi, miễn giảm (TK03)	191.644	230.230	235.048	1.039.891	1.023.624	762.995
3	Số thuế TNDN phải nộp sau miễn giảm	565.599	794.083	735.142	84.421	121.314	110.077

	(TK04)						
4	Số thuế TNDN phải nộp sau ưu đãi, miễn giảm (TK03)	219.753	269.772	384.757	1.024.965	1.260.992	866.580
5	Tổng Số thuế TNDN phải nộp sau ưu đãi, miễn giảm (cộng TK 03 + TK04)	785.352	1.063.855	1.119.899	1.109.386	1.382.306	976.657

Ghi chú: Dữ liệu lấy trên Hệ thống QLT đến ngày 19/5/2026; Thống kê NNT có ngành nghề kinh doanh chính trong lĩnh vực GDĐT.

Nghị quyết số 71-NQ/TW có nêu nhiệm vụ, giải pháp: “Sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để bổ sung các quy định ... *Không áp dụng thuế TNDN đối với cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục tư thục hoạt động không vì lợi nhuận*”.

Qua rà soát các các Luật về giáo dục (Luật Giáo dục năm 2019, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Giáo dục năm 2025); Luật Giáo dục đại học năm 2025, Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2025) và các văn bản hướng dẫn đã có quy định về cơ sở giáo dục tư thục hoạt động không vì lợi nhuận, trong đó, cơ sở giáo dục đại học tư thục hoạt động không vì lợi nhuận xác định rõ: nguyên tắc hoạt động không vì lợi nhuận, không rút vốn, không hưởng lợi tức, chênh lệch thu chi tích lũy hàng năm là tài sản không phân chia của nhà trường, được sử dụng đầu tư phát triển cơ sở giáo dục theo nguyên tắc không hoàn lại.

Do đó, cần thiết phải sửa đổi, bổ sung Luật Thuế TNDN để thể chế hóa nhiệm vụ, giải pháp đã đặt ra tại Nghị quyết số 71-NQ/TW nêu trên.

4. Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

4.1. Khó khăn, vướng mắc

Chính sách thuế SDĐPNN đã được ban hành từ năm 2010, đến nay chưa được sửa đổi, bổ sung. Trong khi đó, hệ thống pháp luật về đất đai đã sửa đổi toàn diện các quy định về tài chính đất đai, đòi hỏi hệ thống thuế liên quan đến đất đai cũng phải tiếp tục được sửa đổi, bổ sung để bảo đảm sự đồng bộ giữa công cụ quản lý đất đai và công cụ điều tiết tài chính, qua đó nâng cao hiệu quả phân bổ và sử dụng nguồn lực đất đai.

4.2. Nguyên nhân của các tồn tại, hạn chế

Những tồn tại, hạn chế nói trên xuất phát từ cả các nguyên nhân khách quan và chủ quan. Cụ thể như sau:

a) Về nguyên nhân khách quan

Để thực hiện mục tiêu tái cơ cấu nguồn thu NSNN theo chủ trương của Đảng và Nhà nước, thực hiện Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15 ngày

05/11/2021 của UBTVQH, Quyết định số 2114/QĐ-TTg ngày 16/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án Định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, Bộ Tài chính đã tổng hợp ý kiến các Bộ, ngành, địa phương và kinh nghiệm quốc tế để xây dựng Báo cáo nghiên cứu, rà soát các luật thuế, trong đó có thuế SDĐPNN, thuế SDĐNN và các sắc thuế liên quan đến BĐS.

Theo đó, ngày 16/3/2023, Chính phủ đã có Báo cáo số 71/BC-CP gửi UBTVQH về Kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15, trong đó đã báo cáo kết quả rà soát, nghiên cứu đối với Luật Thuế SDĐPNN và Luật Thuế SDĐNN và đề xuất xây dựng dự án Luật Thuế BĐS, dự kiến đề nghị bổ sung vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024, trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ 8 và thông qua tại kỳ họp thứ 9 (tháng 5/2025).

Nhằm hoàn thiện chính sách thuế sử dụng đất, thúc đẩy sử dụng đất tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sử dụng đất ở Việt Nam, thực hiện chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước, tham khảo kinh nghiệm các quốc gia về chính sách thuế đối với BĐS, Bộ Tài chính thấy rằng cần thiết có nghiên cứu xây dựng Luật Thuế BĐS chung thay thế cho Luật Thuế SDĐPNN, Luật Thuế SDĐNN.

Tuy nhiên, thuế BĐS là chính sách thuế mới, có phạm vi điều chỉnh rộng, phức tạp, dự kiến sẽ có tác động lớn tới người dân, doanh nghiệp và thị trường BĐS và nền kinh tế. Qua phân tích bối cảnh, tình hình KT-XH và thị trường BĐS; định hướng, mục tiêu phát triển KT-XH giai đoạn 2021-2025 và nhận định tác động của chính sách thuế BĐS, Bộ Tài chính đã có Tờ trình số 160/TTr-BTC ngày 06/3/2024 báo cáo Thủ tướng Chính phủ về dự án Luật Thuế BĐS theo hướng Bộ Tài chính đề xuất tiếp tục nghiên cứu, tổng hợp kinh nghiệm quốc tế, xác định những vướng mắc, bất cập trong quá trình triển khai thi hành các chính sách thuế liên quan đến để báo cáo các cấp có thẩm quyền vào *thời điểm thích hợp*, và đã được Lãnh đạo Chính phủ đồng ý tại công văn số 1115/VPCP-PL ngày 02/4/2024.

b) Về nguyên nhân chủ quan

Mức độ ưu tiên trong công tác chỉ đạo, điều hành tại cơ sở chưa thực sự tương xứng: Do đặc thù sắc thuế này có số thu tuyệt đối thấp, chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng thu ngân sách (chỉ chiếm bình quân khoảng 0,9% tổng số thu từ đất giai đoạn 2022-2025)⁸, trong khi số lượng người nộp thuế lớn và phân tán. Hệ quả là chính quyền một số địa phương chưa dành sự quan tâm đúng mức trong việc chỉ đạo, đôn đốc và bố trí nguồn lực một cách toàn diện, sâu sát cho công tác hành chính thuế tại địa bàn.

Cơ chế phối hợp liên ngành thiếu tính kịp thời và liên thông: Vấn đề nổi “cộm” nhất trong tổ chức thực hiện là sự ngắt quãng thông tin giữa cơ quan quản lý đất đai (Văn phòng Đăng ký đất đai), chính quyền cấp xã và cơ quan

⁸ Xem xét tương quan với các khoản thu từ đất, thuế SDĐPNN chỉ chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong cơ cấu nguồn thu từ đất. Bình quân giai đoạn 2022-2025, số thu đạt khoảng 3.594 tỷ đồng, tương đương 0,9% tổng số thu từ đất, trong khi thu tiền sử dụng đất chiếm 68,2%, tiền thuê đất chiếm 13,6%, thuế TNCN từ hoạt động chuyển nhượng BĐS chiếm 7,7%, lệ phí trước bạ đối với nhà, đất chiếm 2,7%.

thuế. Việc chia sẻ, cập nhật các biến động về chủ sử dụng, diện tích, mục đích sử dụng, hoặc tình trạng lấn chiếm đất đai chưa được thực hiện chủ động và đồng bộ. Sự thiếu kết nối tự động này dẫn đến việc cơ quan thuế không có đủ dữ liệu đầu vào chính xác để lập bộ bộ thuế, khiến tỷ lệ đưa vào quản lý đối với các trường hợp vi phạm, sử dụng sai mục đích (đối tượng chịu thuế suất cao nhằm điều tiết hành vi) còn đạt thấp so với thực tế.

Hạn chế trong công tác số hóa và đồng bộ cơ sở dữ liệu: Mặc dù hệ thống cơ quan Thuế đã nỗ lực hiện đại hóa, nhưng việc tổ chức thực hiện vẫn bị động do tiến độ xây dựng, chuẩn hóa và chia sẻ dữ liệu đất đai quốc gia còn chậm. Hệ thống thông tin giữa cơ quan địa chính và cơ quan thuế chưa thực sự liên thông, buộc công tác quản lý vẫn phải duy trì nhiều công đoạn thủ công phức tạp (từ rà soát đối tượng, tiếp nhận hồ sơ đến phát hành thông báo, hạch toán số thuế được nộp).

Hiệu quả vận hành bộ máy chưa tối ưu so với chi phí: Việc tổ chức thu thuế hiện nay vẫn phụ thuộc nặng nề vào các khâu hành chính truyền thống và cơ chế ủy nhiệm thu tại cơ sở (do phần lớn người nộp thuế là hộ gia đình, cá nhân, nhiều đối tượng là người cao tuổi, ở vùng sâu vùng xa chưa tiếp cận được dịch vụ số). Sự phụ thuộc này làm phát sinh nhiều chi phí cho tổ chức triển khai, nhân lực và thời gian thực hiện.

II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Tại Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo có nêu nhiệm vụ, giải pháp: “*Đổi mới căn bản cơ chế, chính sách tài chính và đầu tư cho giáo dục, đào tạo*”; “*Xây dựng cơ chế, chính sách đủ mạnh khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp đầu tư phát triển giáo dục, đào tạo*”; “*Sửa đổi, bổ sung các VBQPPL có liên quan để bổ sung các quy định không thu tiền sử dụng đất, giảm tiền thuê đất, tiền thuế đất đối với các cơ sở giáo dục trong nước. Không áp dụng thuế TNDN đối với cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục tư thực hoạt động không vì lợi nhuận*”.

- Về thuế SDĐPNN: Để thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW, Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ, cần thiết nghiên cứu sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định tại Luật Thuế SDĐPNN hiện hành theo hướng:

Một là, rà soát đối tượng chịu thuế và đối tượng không chịu thuế để đảm bảo phù hợp, thống nhất với pháp luật về đất đai hiện hành.

Hai là, nghiên cứu bổ sung ưu đãi thuế SDĐPNN đối với cơ sở giáo dục – đào tạo trong nước nhằm thu hút nguồn lực xã hội, mở rộng khả năng cung ứng dịch vụ giáo dục, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, tạo nền tảng cho tăng trưởng kinh tế dài hạn, phù hợp với thông lệ quốc tế.

- Về thuế TNDN: Để thể chế hóa chủ trương tại Nghị quyết số 71-NQ/TW, cần thiết nghiên cứu bổ sung nội dung sửa đổi về thuế TNDN theo hướng sửa đổi quy định miễn thuế tại khoản 5 Điều 15 Luật Thuế TNDN áp dụng cho các cơ sở giáo dục, không phân biệt công lập hay tư thực.

Trên đây là báo cáo tổng kết tình hình thực hiện các Luật Thuế SDDPNN, Luật Thuế TNDN, trong đó có đánh giá thực thi chính sách thuế SDDPNN và thuế TNDN đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo./. *W*

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, CST (5b). *Cj*



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Tấn Cận
Lê Tấn Cận

BÁO CÁO

Về rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã tiến hành rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (SDĐPNN), Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) (sau đây gọi tắt là dự thảo Luật). Kết quả rà soát như sau:

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN RÀ SOÁT**1. Mục đích, yêu cầu rà soát****1.1. Mục đích rà soát**

Việc rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Luật nhằm mục đích:

- Đảm bảo tính hợp hiến, tính đồng bộ, tính thống nhất của dự thảo Luật trong hệ thống pháp luật.

- Thể chế hóa quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước về xã hội hóa đối với giáo dục - đào tạo, về chính sách thuế SDĐPNN, thuế TNDN.

- Tránh mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật khác, các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, hạn chế khoảng trống pháp lý trong quy định về thuế SDĐPNN, thuế TNDN.

1.2. Yêu cầu rà soát

- Việc rà soát đảm bảo toàn diện, khách quan, chính xác, bám sát các định hướng, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước.

- Đảm bảo phù hợp và thống nhất với hệ thống pháp luật có liên quan đến thuế SDĐPNN, thuế TNDN.

2. Phạm vi, nội dung, đối tượng rà soát**2.1. Về phạm vi, đối tượng rà soát**

Rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến thuế sử dụng đất; các Điều ước, cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia có liên quan và các văn bản quy phạm pháp luật (các Luật, Nghị quyết của Quốc hội, Pháp lệnh, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Nghị định, Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ...) có liên quan còn có hiệu lực đến thời điểm rà soát, bao gồm cả các văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành nhưng đến thời điểm rà soát chưa có hiệu lực.

2.2. Về nội dung rà soát

Rà soát các nội dung liên quan đến quy định của Luật Thuế SDĐPNN, Luật Thuế TNDN với các quy định của Đảng, các văn bản quy phạm pháp luật, Điều ước quốc tế có liên quan.

II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT

1. Chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến dự thảo Luật

Cải cách, hoàn thiện hệ thống chính sách thuế được xác định là một trong những nội dung quan trọng trong nhiều văn kiện, Nghị quyết của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội, trong đó vấn đề cải cách thuế SDĐPNN đã được đặt ra và thể hiện tại nhiều văn bản. Bộ Tài chính đã tiến hành rà soát tổng cộng 12 văn bản chủ trương, đường lối của Đảng có nội dung liên quan đến thuế SDĐPNN, cụ thể:

- Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước (NSNN), quản lý nợ công để đảm bảo nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững đã nêu quan điểm chỉ đạo: *“Hoàn thiện chính sách thu gắn với cơ cấu lại thu NSNN theo hướng bao quát toàn bộ các nguồn thu, mở rộng cơ sở thu nhất là các nguồn thu mới, phù hợp với thông lệ quốc tế...”*.

- Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng và quản lý phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 có nêu nhiệm vụ, giải pháp: *“Nghiên cứu, hoàn thiện chính sách thuế, phí liên quan đến bất động sản nhằm khuyến khích sử dụng nhà, đất có hiệu quả”*.

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao: *“...Rà soát chính sách, pháp luật về thuế SDĐPNN và thuế SDĐNN, xây dựng chính sách, pháp luật về thuế sử dụng đất theo thông lệ quốc tế, phù hợp với trình độ phát triển, điều kiện cụ thể và lộ trình thích hợp. Quy định mức thuế cao hơn đối với người sử dụng nhiều diện tích đất, nhiều nhà ở, đầu cơ đất, chậm sử dụng đất, bỏ đất hoang...”*.

- Nghị quyết số 161/2024/QH15 ngày 23/11/2024 của Quốc hội về tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chính sách, pháp luật về thị trường bất động sản và phát triển nhà ở xã hội có nêu nhiệm vụ, giải pháp: *“Sớm*

nghiên cứu, đề xuất, bổ sung, ban hành mới các luật về thuế, có quy định về mức thuế cao hơn đối với người sử dụng nhiều diện tích đất, nhiều nhà ở, chậm sử dụng đất, bỏ đất hoang bảo đảm đồng bộ với những nội dung đổi mới trong pháp luật về đất đai, nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng đất, thực hiện các mục tiêu tái phân phối thu nhập và động viên nguồn thu hợp lý, ổn định cho NSNN, trên cơ sở tham khảo thông lệ quốc tế và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam”.

- Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo có nêu nhiệm vụ, giải pháp: *“Sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để bổ sung các quy định không thu tiền sử dụng đất, giảm tiền thuê đất, tiền thuế đất đối với các cơ sở giáo dục trong nước. Không áp dụng thuế TNDN đối với cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục tư thực hoạt động không vì lợi nhuận”.*

- Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị có giao nhiệm vụ cho Bộ Tài chính xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thuế SDĐPNN và Luật Thuế TNDN trong năm 2026.

- Tại khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước quy định: *“Cơ quan, người có thẩm quyền phải ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn để xử lý các văn bản chịu sự tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy, bảo đảm hoàn thành trước ngày 01/3/2027”.*

- Tại Nghị quyết số 123/2026/UBTVQH15 ngày 03/4/2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định bổ sung vào chương trình lập pháp năm 2026 trình Quốc hội cho ý kiến và thông qua tại kỳ họp thứ 2 (tháng 10/2026) đối với dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế SDĐPNN.

- Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) 10 năm 2021-2030 và Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển KT-XH 5 năm 2016-2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển KT-XH 5 năm 2021-2025 đã đưa ra phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển KT-XH về thuế, phí như sau:

“Sửa đổi, bổ sung các luật về thuế, phí theo nguyên tắc thị trường, phù hợp với thông lệ quốc tế, gắn với cơ cấu lại nguồn thu, mở rộng cơ sở thuế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý thuế và áp dụng mức thuế suất hợp lý, hướng tới một hệ thống thuế đồng bộ, có cơ cấu bền vững, bảo đảm huy động hợp lý các nguồn lực cho NSNN, đồng thời góp phần thiết lập môi trường cạnh tranh phù hợp với quá trình hội nhập, phát triển của nền kinh tế”.

“Sửa đổi hệ thống luật và chính sách thuế, phí, lệ phí theo nguyên tắc thị trường, phù hợp với thông lệ quốc tế, nâng cao sức cạnh tranh của môi trường đầu tư. Mở rộng cơ sở thu, bảo đảm tính công bằng, trung lập của chính sách thuế, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, đơn giản hóa thủ tục hành chính,

giảm chi phí tuân thủ các thủ tục nộp thuế, phí của người dân và doanh nghiệp”.

- Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2045 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2161/QĐ-TTg ngày 22/12/2021 có giải pháp: “Điều chỉnh, bổ sung các loại thuế liên quan đến nhà ở để điều tiết thị trường BĐS nhà ở cho phù hợp với tình hình thực tế, tránh thất thoát NSNN”. Đồng thời giao Bộ Tài chính: “Nghiên cứu đề xuất bổ sung một số loại thuế liên quan đến thị trường BĐS như thuế tài sản nhà ở nhằm ổn định thị trường, hạn chế đầu cơ, khai thác có hiệu quả BĐS nhà ở và đảm bảo quyền lợi của Nhà nước...”.

- Chiến lược tài chính đến năm 2030 ban hành kèm theo Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 21/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Tài chính đến năm 2030 có nêu: “Hoàn thiện hệ thống chính sách thu gắn với cơ cấu lại thu NSNN theo hướng bao quát các nguồn thu, mở rộng cơ sở thu, nhất là các nguồn thu mới, phù hợp với thực tiễn, các cam kết hội nhập và thông lệ quốc tế tốt. Nghiên cứu xây dựng mức thuế suất hợp lý, bảo đảm tính công bằng, trung lập của hệ thống chính sách thuế. Tăng tỷ trọng thu nội địa trong tổng thu NSNN, bảo đảm tỷ trọng hợp lý giữa thuế gián thu và thuế trực thu. Rà soát, điều chỉnh chính sách ưu đãi thuế, loại bỏ các ưu đãi thuế không còn phù hợp với yêu cầu phát triển...”.

Hoàn thiện chính sách thu ngân sách đối với đất đai, tài sản, tài nguyên; có cơ chế phù hợp để khai thác nguồn lực từ đất đai cho phát triển cơ sở hạ tầng KT-XH. Trong đó, tiếp tục thực hiện miễn, giảm thuế SDDNN đến hết năm 2025 theo chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Nghiên cứu hoàn thiện chính sách thuế SDDPNN theo hướng tăng mức điều tiết đối với đất và bổ sung thu thuế đối với nhà nhằm khuyến khích sử dụng nhà, đất có hiệu quả, góp phần hạn chế đầu cơ nhà, đất, đảm bảo động viên nguồn thu hợp lý, ổn định cho NSNN, phù hợp với điều kiện KT-XH của Việt Nam và thông lệ quốc tế... Nghiên cứu điều tiết phân giá trị tăng thêm từ đất mà không do đầu tư của người sử dụng đất mang lại thông qua chính sách thuế, thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất”.

- Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030 (ban hành kèm theo Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ) có nêu giải pháp thực hiện: “Đối với các loại thuế liên quan đến tài sản (bao gồm cả thuế SDDNN và thuế SDDPNN): tiếp tục thực hiện miễn thuế SDDNN đến hết năm 2025 để góp phần thực hiện chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về phát triển nông nghiệp, nông thôn. Tổng kết, đánh giá tổng thể tình hình thực hiện chính sách thuế SDDPNN. Trên cơ sở đó, nghiên cứu hoàn thiện theo hướng tăng mức điều tiết đối với đất và bổ sung thu thuế đối với nhà nhằm khuyến khích sử dụng nhà, đất có hiệu quả, góp phần hạn chế đầu cơ nhà, đất, đảm bảo động viên nguồn thu hợp lý, ổn định cho NSNN, phù hợp với điều kiện KT-XH của Việt Nam và thông lệ quốc tế. Đồng thời, xây dựng chính sách thuế theo hướng đơn giản, dễ hiểu, dễ xác định rõ đối tượng chịu thuế tài sản, số

thuế phải nộp, đồng bộ với quy định của pháp luật về đất đai và quy định của pháp luật có liên quan”.

Qua rà soát, các quy định về sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số quy định của Luật Thuế SDĐPNN tại dự thảo Luật đã được nghiên cứu đảm bảo thể chế hóa đúng đắn quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước về thuế sử dụng đất.

2. Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Luật

- Các điều/khoản của Hiến pháp liên quan đến dự thảo Luật đã được rà soát là:

+ Khoản 1 và khoản 4 Điều 70 Hiến pháp quy định Quốc hội có quyền:

“1. Làm Hiến pháp và sửa đổi Hiến pháp; làm luật và sửa đổi luật;

...

4. Quyết định chính sách cơ bản về tài chính, tiền tệ quốc gia; quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế.”

+ Điều 53, Điều 54 Hiến pháp quy định: *“Đất đai... là tài sản công thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý”. “Đất đai là tài nguyên đặc biệt của quốc gia, nguồn lực quan trọng phát triển đất nước, được quản lý theo pháp luật”.*

Qua rà soát cho thấy, các nội dung quy định tại dự thảo Luật đảm bảo tính hợp hiến.

- Tổng số văn bản quy phạm pháp luật được rà soát liên quan đến dự thảo Luật là 29 văn bản, cụ thể:

- Có 12 Luật liên quan dự thảo Luật gồm: Luật Đất đai năm 2024, Luật Đầu tư năm 2025, Luật Ngân sách nhà nước năm 2025, Luật Quản lý thuế năm 2025, Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025, Luật Giáo dục năm 2019 được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật Giáo dục năm 2025, Luật Giáo dục đại học năm 2025, Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2025, Luật Nhà giáo năm 2025, Luật Thuế TNDN năm 2025, Luật Thuế thu nhập cá nhân năm 2025.

- Có 04 Nghị quyết liên quan dự thảo Luật gồm:

+ Nghị quyết số 217/2025/QH15 ngày 26/6/2025 của Quốc hội về miễn, hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

+ Nghị quyết số 218/2025/QH15 ngày 26/6/2025 của Quốc hội về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

+ Nghị quyết số 248/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội để thực hiện đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

+ Nghị quyết số 249/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa giáo dục giai đoạn 2026-2035.

- Có 08 Nghị định liên quan dự thảo Luật gồm:

+ Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

+ Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP.

+ Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.

+ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025.

+ Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non.

+ Nghị định số 230/2025/NĐ-CP ngày 19/8/2025 của Chính phủ quy định các trường hợp khác được miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định tại khoản 2 Điều 157 Luật Đất đai năm 2024.

+ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai.

+ Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.

- Có 02 Thông tư liên quan dự thảo Luật gồm:

+ Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

+ Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23/10/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.

- Có 03 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, gồm:

+ Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ về Danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

+ Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 6/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ;

+ Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 22/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ.

Qua rà soát, các quy định về sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số quy định của Luật Thuế SDĐPNN tại dự thảo Luật đã được nghiên cứu nhằm đảm bảo phù hợp, thống nhất và đồng bộ với quy định của pháp luật có liên quan.

3. Điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Luật

- Về thuế SDĐPNN:

Qua rà soát tại các hiệp định thương mại tự do (FTA) cũng như cam kết quốc tế hay Điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia ký kết cho thấy hiện không có nội dung cam kết cụ thể về thuế SDĐPNN, không có quy định mâu thuẫn, chồng chéo.

- Về thuế TNDN:

Đến nay, Việt Nam đã ký 80 Hiệp định tránh đánh thuế hai lần với các nước và vùng lãnh thổ. Trong số 80 Hiệp định đã ký, có 76 Hiệp định đã có hiệu lực, 04 Hiệp định (giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa An - giê - ri dân chủ và nhân dân, Chính phủ nước Cộng hòa A- Rập Ai Cập, Chính phủ Cộng hòa Ma-xê-đô-ni-a và Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ) chưa có hiệu lực.

Khoản 1 Điều 6 Luật Điều ước quốc tế quy định: Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó, trừ Hiến pháp. Các Hiệp định thuế chỉ phân chia quyền đánh thuế giữa hai quốc gia, không quy định về việc thực thi các quyền đánh thuế do quyền đánh thuế của mỗi nước sẽ được thực hiện theo các quy định cụ thể trong nội luật của mỗi nước.

Việc đàm phán, hợp tác quốc tế trên nguyên tắc có đi có lại. Trước khi quyết định ký điều ước quốc tế có quy định khác hoặc chưa được quy định trong Luật, Nghị quyết của Quốc hội quy định trái pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội hoặc điều ước quốc tế mà việc thực hiện cần sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, ban hành luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của UBTVQH, cơ quan có thẩm quyền quyết định ký điều ước quốc tế phải trình UBTVQH cho ý kiến (theo quy định tại Điều 14 Luật Điều ước quốc tế), một số điều ước quốc tế thuộc thẩm quyền phê chuẩn của Quốc hội (khoản 1 Điều 29

Luật Điều ước quốc tế).

Qua rà soát nội dung quy định của dự thảo Luật và quy định tại các Điều ước (Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ các quốc gia, vùng lãnh thổ) không có quy định mâu thuẫn, chồng chéo.

4. Phụ lục

Nội dung rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Luật tại Phụ lục kèm theo.

Trên đây là Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế SDDPNN, Luật Thuế TNDN./. *W*

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Bộ trưởng (để b/cáo);
- Lưu: VT, CST (Sb). *C*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Tấn Cận
Lê Tấn Cận

Phụ lục

RÀ SOÁT CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG, VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT, ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP, LUẬT THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

(kèm theo Báo cáo số 540/BC-BTC ngày 13/7/2026 của Bộ Tài chính)

1. Chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến dự thảo Luật

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO LUẬT	CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Tại toàn bộ dự thảo Luật.	Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng và quản lý phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 có nêu nhiệm vụ, giải pháp: “ <i>Nghiên cứu, hoàn thiện chính sách thuế, phí liên quan đến bất động sản nhằm khuyến khích sử dụng nhà, đất có hiệu quả</i> ”.	- Dự thảo Luật đã thể chế, cụ thể hóa yêu cầu rà soát, sửa đổi, hoàn thiện chính sách thuế SDĐPNN. - Dự thảo Luật quy định giảm thuế SDĐPNN đối với đất của cơ sở giáo dục - đào tạo trong nước phù hợp với chủ trương của Đảng về cơ chế, chính sách đột phá phát triển giáo dục - đào tạo.	
	Nghị quyết đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng đã nêu định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2026-2030: Xây dựng nền giáo dục quốc dân hiện đại, ngang tầm khu vực và thế giới. Nhận thức sâu sắc, đầy đủ và thực hiện nhất quán quan điểm giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, quyết định tương lai dân tộc; phát triển giáo dục và đào tạo là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và toàn dân. Đổi mới và hoàn thiện đồng bộ hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách về phát triển giáo dục và đào tạo.		
	Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 trong Văn kiện đại hội lần thứ XIII Đảng cộng sản Việt		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO LUẬT	CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	Nam đã đưa ra phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển KT-XH về thuế, phí: <i>Sửa đổi, bổ sung các luật về thuế, phí theo nguyên tắc thị trường, phù hợp với thông lệ quốc tế, gắn với cơ cấu lại nguồn thu NSNN, mở rộng cơ sở thuế.</i>		
	Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo có nêu nhiệm vụ, giải pháp: <i>“Sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để bổ sung các quy định không thu tiền sử dụng đất, giảm tiền thuê đất, tiền thuế đất đối với các cơ sở giáo dục trong nước...”</i>.		
	Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị có giao nhiệm vụ cho Bộ Tài chính xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung Luật thuế SDĐPNN trong năm 2026		
Tại khoản 4 Điều 1 dự thảo Luật đã sửa đổi, bổ sung quy định về miễn thuế SDĐPNN.	Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo có nêu nhiệm vụ, giải pháp: <i>“Sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để bổ sung các quy định không thu tiền sử dụng đất, giảm tiền thuê đất, tiền thuế đất đối với các cơ sở giáo dục trong nước...”</i>.	Đã thể chế hóa nội dung tại Nghị quyết số 71-NQ/TW.	
Điều 2 dự thảo Luật đã sửa đổi, bổ sung quy	Tại điểm 2 Phần III Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo	Đã thể chế hóa nội dung tại	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO LUẬT	CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
định về miễn định miễn thuế cho cơ sở giáo dục hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, không phân biệt cơ sở giáo dục công lập hay tư thực	dục và đào tạo xác định nhiệm vụ, giải pháp “ <i>Không áp dụng thuế TNDN đối với cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục tư thực hoạt động không vì lợi nhuận</i> ”.	Nghị quyết số 71-NQ/TW.	
Tại khoản 3 Điều 1 dự thảo Luật đã sửa đổi, bổ sung quy định về đăng ký, khai, tính và nộp thuế SDĐPNN.	Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước quy định: “ <i>Cơ quan, người có thẩm quyền phải ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn để xử lý các văn bản chịu sự tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy, bảo đảm hoàn thành trước ngày 01/3/2027</i> ”.	Đã thể chế hóa nội dung sửa đổi liên quan đến thực hiện chính quyền 02 cấp.	

2. Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Luật

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO LUẬT	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
1. Sửa đổi, bổ sung về đối tượng chịu thuế Tại khoản 1 Điều 1 dự thảo Luật quy định: “Điều 2. Đối tượng chịu thuế	Tại khoản 3 Điều 9 Luật Đất đai năm 2024 quy định nhóm đất phi nông nghiệp gồm: <i>“3. Nhóm đất phi nông nghiệp bao gồm các loại đất sau đây:</i>	Luật Thuế SDĐPNN hiện hành quy định đối tượng chịu thuế và đối tượng không chịu thuế phù hợp	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO LUẬT	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
1. Đất ở gồm đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị. 2. Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp gồm đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp; đất thương mại, dịch vụ; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản. 3. Đất phi nông nghiệp quy định tại Điều 3 của Luật này sử dụng vào mục đích kinh doanh”.	a) Đất ở, gồm đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị; b) Đất xây dựng trụ sở cơ quan; c) Đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh (sau đây gọi là đất quốc phòng, an ninh); d) Đất xây dựng công trình sự nghiệp, gồm: đất xây dựng cơ sở văn hóa, xã hội, y tế, giáo dục và đào tạo, thể dục, thể thao, khoa học và công nghệ, môi trường, khí tượng thủy văn, ngoại giao và công trình sự nghiệp khác hoặc đất xây dựng trụ sở của đơn vị sự nghiệp công lập khác;	với pháp luật đất đai tại thời điểm ban hành Luật. Nay, Luật Đất đai đã có điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung về phân loại đất. Do đó, việc quy định sửa đổi, bổ sung đối tượng chịu thuế/đối tượng không chịu thuế tại dự thảo Luật là đảm bảo tính phù hợp, thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành, và đảm bảo bao quát đối tượng chịu thuế SDĐPNN.	
2. Về sửa đổi về đối tượng không chịu thuế Tại khoản 2 Điều 1 quy định sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau: “Điều 3. Đối tượng không chịu thuế Đất phi nông nghiệp sử dụng không vào mục đích kinh doanh bao gồm: 1. Đất sử dụng vào mục đích công cộng bao gồm: đất công trình giao thông, đất công trình thủy lợi; đất công trình cấp nước, thoát nước; đất công trình phòng, chống thiên tai; đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên; đất công trình xử lý chất thải; đất công trình năng lượng, chiếu sáng công	đ) Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, gồm: đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp; đất thương mại, dịch vụ; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản; e) Đất sử dụng vào mục đích công cộng, gồm: đất công trình giao thông; đất công trình thủy lợi; đất công trình cấp nước, thoát nước; đất công trình phòng, chống thiên tai; đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên; đất công trình xử lý chất thải; đất công trình năng lượng, chiếu sáng		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO LUẬT	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
cộng; đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin; đất chợ dân sinh, chợ đầu mối; đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng. 2. Đất sử dụng cho hoạt động tôn giáo, đất sử dụng cho hoạt động tín ngưỡng. 3. Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt. 4. Đất có mặt nước chuyên dùng. 5. Đất xây dựng trụ sở cơ quan; Đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh. 6. Đất xây dựng công trình sự nghiệp bao gồm: đất xây dựng cơ sở văn hóa, xã hội, y tế, giáo dục và đào tạo, thể dục, thể thao, khoa học và công nghệ, môi trường, khí tượng thủy văn, ngoại giao và công trình sự nghiệp khác hoặc đất xây dựng trụ sở của đơn vị sự nghiệp công lập khác. 7. Đất phi nông nghiệp khác theo quy định của pháp luật đất đai”.	<i>cộng cộng; đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin; đất chợ dân sinh, chợ đầu mối; đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng;</i> <i>g) Đất sử dụng cho hoạt động tôn giáo (sau đây gọi là đất tôn giáo); đất sử dụng cho hoạt động tín ngưỡng (sau đây gọi là đất tín ngưỡng);</i> <i>h) Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt;</i> <i>i) Đất có mặt nước chuyên dùng;</i> <i>k) Đất phi nông nghiệp khác”.</i>		
3. Về sửa đổi, bổ sung quy định về đăng ký, khai, tính và nộp thuế Tại Khoản 3 Điều 1 quy định sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau: “Điều 8. Đăng ký, khai, tính và nộp thuế	Tại khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước quy định: “<i>Cơ quan, người có thẩm quyền phải ban hành văn bản quy phạm</i>	Quy định tại dự thảo Luật phù hợp, đồng bộ, thống nhất với pháp luật về quản lý thuế và tên gọi của các cấp hành chính theo chính	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO LUẬT	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
1. Người nộp thuế đăng ký, khai, tính và nộp thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. 2. Trường hợp người nộp thuế có quyền sử dụng nhiều thửa đất ở trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì cơ quan thuế căn cứ hệ thống thông tin quản lý thuế để hỗ trợ người nộp thuế trong việc khai thuế và tính số thuế chênh lệch tăng thêm do có quyền sử dụng nhiều thửa đất ở. Căn cứ tính thuế thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 7 Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp số 48/2010/QH12 và quy định sau: a) Diện tích tính thuế là tổng diện tích các thửa đất ở tính thuế trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. b) Hạn mức đất ở làm căn cứ tính thuế là hạn mức đất ở tại xã, phường, đặc khu nơi có thửa đất. Trường hợp có nhiều thửa đất ở vượt hạn mức đất ở hoặc không có thửa đất nào vượt hạn mức đất ở nhưng tổng diện tích các thửa đất vượt hạn mức đất ở thì hạn mức đất ở làm căn cứ tính thuế là hạn mức đất ở tại xã, phường, đặc khu nơi có thửa đất để người nộp thuế có số thuế	<i>pháp luật theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn để xử lý các văn bản chịu sự tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy, bảo đảm hoàn thành trước ngày 01/3/2027”.</i>	quyền địa phương 02 cấp.	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO LUẬT	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
phải nộp là thấp nhất. c) Giá tính thuế được áp dụng theo giá đất tại Bảng giá đất do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành tại nơi có thửa đất”.			
4. Về sửa đổi, bổ sung quy định về miễn thuế SDDPNN Tại khoản 4 Điều 1 dự thảo Luật quy định sửa đổi, bổ sung Điều 9 Luật Thuế SDDPNN như sau: “10. Đất sử dụng vào mục đích giáo dục và đào tạo của cơ sở giáo dục không thuộc trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 3 và khoản 2 Điều này. Diện tích đất được miễn thuế là tổng diện tích đất được nhà nước giao, cho thuê, nhận chuyển nhượng theo quy định pháp luật đất đai sử dụng vào mục đích giáo dục và đào tạo (không bao gồm diện tích đất sử dụng vào mục đích kinh doanh, thương mại, dịch vụ) ghi trên một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, Quyết định giao đất, Quyết định hoặc Hợp đồng cho thuê đất, hoặc các loại Giấy tờ	- Tại Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo có nêu nhiệm vụ, giải pháp: <i>“Sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để bổ sung các quy định không thu tiền sử dụng đất, giảm tiền thuê đất, tiền thuế đất đối với các cơ sở giáo dục trong nước. Không áp dụng thuế TNDN đối với cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục tư thục hoạt động không vì lợi nhuận”</i>. - Tại Điều 16 Luật Giáo dục 2019 quy định: <i>“Phát triển giáo dục, xây dựng xã hội học tập là sự nghiệp của Nhà nước và của toàn dân. Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong phát triển sự nghiệp giáo dục. Thực hiện đa dạng hóa các loại hình cơ sở giáo dục và hình thức giáo dục; khuyến khích, huy động và tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân tham gia phát triển sự nghiệp giáo dục; khuyến khích phát triển</i>	Việc sửa đổi, bổ sung quy định miễn thuế SDDPNN và thuế TNDN đối với cơ sở giáo dục đã thể chế hóa chủ trương của Đảng và Nhà nước về việc có cơ chế, chính sách đột phá phát triển giáo dục - đào tạo, phù hợp quy định pháp luật có liên quan góp phần khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư vào lĩnh vực giáo dục - đào tạo.	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO LUẬT	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền”.	cơ sở giáo dục dân lập, tự thực đáp ứng nhu cầu xã hội về giáo dục chất lượng cao...”		
5. Về sửa đổi, bổ sung quy định về miễn thuế TNDN đối với cơ sở giáo dục Tại Điều 2 dự thảo Luật quy định Sửa đổi khoản 5 và bổ sung khoản 5a vào sau khoản 5 Điều 15 Luật Thuế p TNDN như sau: “5. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập được miễn thuế theo quy định của Chính phủ. 5a. Cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục tự thực hoạt động không vì lợi nhuận được miễn thuế đối với: thu nhập từ hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục; lãi tiền gửi ngân hàng; kinh phí đặt hàng, giao nhiệm vụ của Nhà nước. Trường hợp phát sinh các khoản thu nhập khác với quy định tại khoản này cần được miễn thuế thì giao Chính phủ quy định. Trường hợp cơ sở giáo dục tự thực hoạt động không vì lợi nhuận thực hiện rút vốn	- Tại Điều 5 Luật số 124/2025/QH15 của Quốc hội về giáo dục nghề nghiệp quy định: “Tăng cường hợp tác công tư trong giáo dục nghề nghiệp. Khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp và tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp”.		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO LUẬT	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
hoặc chia lợi tức thì phải nộp lại toàn bộ tiền thuế đã được miễn theo quy định tại khoản này và tiền chậm nộp, tiền phạt (nếu có) theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. Việc xác định cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục tư thục hoạt động không vì lợi nhuận thực hiện theo quy định của pháp luật về giáo dục”.			



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

BẢN THUYẾT MINH QUY PHẠM HÓA CHÍNH SÁCH

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

TÊN CHÍNH SÁCH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO LUẬT	TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH TRONG CÁC QUY ĐỊNH
Chính sách 1: Sửa đổi, bổ sung đối tượng chịu thuế	Khoản 1 Điều 1 quy định sửa đổi, bổ sung Điều 2 Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp như sau: “Điều 2. Đối tượng chịu thuế 1. Đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị. 2. Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp bao gồm: đất xây dựng khu công nghiệp, cum công nghiệp; đất thương mại, dịch vụ; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp đất làm mặt bằng xây dựng cơ sở sản xuất, kinh doanh; đất sử dụng cho hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản; đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm. 3. Đất phi nông nghiệp quy định tại Điều 3 của Luật này sử dụng vào mục đích kinh doanh”.	- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Các quy định được sửa đổi, bãi bỏ, thay thế đều bảo đảm hợp hiến, hợp pháp; phù hợp, thống nhất với pháp luật đất đai hiện hành; không tạo ra mâu thuẫn, chồng chéo đối với quy định của hệ thống pháp luật khác. - Tác động về kinh tế - xã hội: Các quy định được sửa đổi, bãi bỏ, thay thế không làm cản trở hoạt động của người nộp thuế và các cá nhân, tổ chức có liên quan. Việc quy định cụ thể đối tượng chịu thuế đối với đất sẽ tăng cường vai trò quản lý nhà nước đối với nhóm đất phi nông nghiệp chịu thuế. - Tác động về giới: Nội dung của chính sách không có quy định liên quan đến vấn đề về giới nên không có tác động về giới, không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

TÊN CHÍNH SÁCH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO LUẬT	TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH TRONG CÁC QUY ĐỊNH
		- <i>Tác động của thủ tục hành chính:</i> Nội dung sửa đổi, bãi bỏ, thay thế không quy định về thủ tục hành chính, không làm tăng thủ tục hành chính, do đó, không có tác động về thủ tục hành chính.
Chính sách 2: Sửa đổi, bổ sung quy định về đối tượng không chịu thuế	Khoản 2 Điều 1 quy định sửa đổi, bổ sung Điều 3 Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp như sau: “Điều 3. Đối tượng không chịu thuế Đất phi nông nghiệp sử dụng không vào mục đích kinh doanh, bao gồm: 1. Đất sử dụng vào mục đích công cộng bao gồm: đất công trình giao thông; đất công trình thủy lợi; đất công trình cấp nước, thoát nước; đất công trình phòng, chống thiên tai; đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên; đất công trình xử lý chất thải; đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng; đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin; đất chợ dân sinh, chợ đầu mối; đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng đất xây dựng công trình văn hoá, y tế, giáo dục và đào tạo, thể dục thể thao phục vụ lợi ích công cộng; đất xây dựng công trình công cộng khác theo quy định của Chính phủ. 2. Đất sử dụng cho hoạt động tôn giáo, đất sử	- <i>Tác động đối với hệ thống pháp luật:</i> Các quy định được sửa đổi, bổ sung, thay thế đều bảo đảm hợp hiến, hợp pháp; phù hợp, đồng bộ, thống nhất với pháp luật có liên quan hiện hành; không tạo ra mâu thuẫn, chồng chéo đối với quy định của hệ thống pháp luật khác. Việc quy định đối tượng không chịu thuế đối với đất theo đề xuất sẽ đảm bảo phù hợp, đồng bộ, thống nhất với quy định của pháp luật đất đai về phân loại đất. - <i>Tác động về kinh tế - xã hội:</i> Việc quy định đối tượng không chịu thuế đối với đất theo giải pháp đề xuất đồng bộ với pháp luật có liên quan, theo đó, góp phần thực hiện chính sách KT-XH của Đảng và Nhà nước đối với nhóm đất phi nông nghiệp không sử dụng vào mục đích kinh doanh, đảm bảo an sinh xã hội, hỗ trợ, khuyến khích sử dụng đất vào mục đích công cộng. - <i>Tác động về giới:</i> Nội dung của chính sách không có quy định liên quan đến vấn đề về giới nên không có tác động về giới. Các giải pháp về chính sách nêu trên không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

TÊN CHÍNH SÁCH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO LUẬT	TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH TRONG CÁC QUY ĐỊNH
	dụng cho hoạt động tín ngưỡng Đất do cơ sở tôn giáo sử dụng. 3. Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa. 4. Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối và có mặt nước chuyên dùng. 5. Đất có công trình là đình, đền, miếu, am, từ đường, nhà thờ họ; 65. Đất xây dựng trụ sở cơ quan, xây dựng công trình sự nghiệp; đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh. 6. Đất xây dựng công trình sự nghiệp bao gồm: đất xây dựng cơ sở văn hóa, xã hội, y tế, giáo dục và đào tạo, thể dục, thể thao, khoa học và công nghệ, môi trường, khí tượng thủy văn, ngoại giao và công trình sự nghiệp khác hoặc đất xây dựng trụ sở của đơn vị sự nghiệp công lập khác. 7. Đất phi nông nghiệp khác theo quy định pháp luật đất đai".	- <i>Tác động của thủ tục hành chính:</i> Nội dung sửa đổi, thay thế không quy định về thủ tục hành chính, không làm tăng thủ tục hành chính, do đó, không có tác động về thủ tục hành chính.
Chính sách 3: Sửa đổi, bổ sung quy định đăng ký, khai,	Khoản 3 Điều 1 quy định sửa đổi, bổ sung Điều 8 Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp như sau:	- <i>Tác động đối với hệ thống pháp luật:</i> Các quy định được sửa đổi, bổ sung, thay thế đều bảo đảm hợp hiến, hợp pháp; phù hợp, đồng bộ, thống nhất với pháp luật

TÊN CHÍNH SÁCH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO LUẬT	TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH TRONG CÁC QUY ĐỊNH
tính và nộp thuế	“Điều 8. Đăng ký, khai, tính và nộp thuế 1. Người nộp thuế đăng ký, khai, tính và nộp thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. 2. Người nộp thuế đăng ký, khai, tính và nộp thuế tại cơ quan thuế cơ sở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh nơi có quyền sử dụng đất. Trường hợp ở vùng sâu, vùng xa, điều kiện đi lại khó khăn, người nộp thuế có thể thực hiện việc đăng ký, khai, tính và nộp thuế tại Ủy ban nhân dân cấp xã. Cơ quan thuế tạo điều kiện để người nộp thuế thực hiện nghĩa vụ của mình. 23. Trường hợp người nộp thuế có quyền sử dụng nhiều thửa đất ở thì trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì cơ quan thuế căn cứ hệ thống thông tin quản lý thuế để hỗ trợ người nộp thuế trong việc khai thuế và tính số thuế chênh lệch tăng thêm do có quyền sử dụng nhiều thửa đất ở. Căn cứ tính thuế thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 7 Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp số 48/2010/QH12 và quy định sau: a) Diện tích tính thuế là tổng diện tích các	về quản lý thuế hiện hành; không tạo ra mâu thuẫn, chồng chéo đối với quy định của hệ thống pháp luật khác. - Tác động về kinh tế - xã hội: Các quy định đưa ra không làm cản trở hoạt động của người nộp thuế và các cá nhân, tổ chức có liên quan. Giải pháp đảm bảo chính sách minh bạch, rõ ràng, thống nhất, dễ thực hiện, thuận lợi cho người nộp thuế khai thuế khi thực hiện kê khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp. - Tác động về giới: Nội dung của chính sách không có quy định liên quan đến vấn đề về giới nên không có tác động về giới. - Tác động của thủ tục hành chính: Nội dung sửa đổi, bổ sung không quy định về thủ tục hành chính, không làm tăng thủ tục hành chính, do đó, không có tác động về thủ tục hành chính.

TÊN CHÍNH SÁCH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO LUẬT	TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH TRONG CÁC QUY ĐỊNH
	thửa đất ở tính thuế trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Việc đăng ký, khai, tính và nộp thuế được quy định như sau: a) Người nộp thuế đăng ký, khai, tính và nộp thuế tại cơ quan thuế cơ sở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh nơi có quyền sử dụng đất; b) Hạn mức đất ở làm căn cứ tính thuế là hạn mức đất ở tại xã, phường, đặc khu nơi có thửa đất. Trường hợp có nhiều thửa đất ở vượt hạn mức đất ở hoặc không có thửa đất nào vượt hạn mức đất ở nhưng tổng diện tích các thửa đất vượt hạn mức đất ở thì hạn mức đất ở làm căn cứ tính thuế là hạn mức đất ở tại xã, phường, đặc khu nơi có thửa đất để người nộp thuế có số thuế phải nộp là thấp nhất. b) Người nộp thuế được lựa chọn hạn mức đất ở tại một xã, phường, đặc khu nơi có quyền sử dụng đất. Trường hợp có một hoặc nhiều thửa đất ở vượt hạn mức thì người nộp thuế được lựa chọn một nơi có thửa đất ở vượt hạn mức để xác định diện tích vượt hạn mức của các thửa đất. c) Giá tính thuế được áp dụng theo giá đất	

TÊN CHÍNH SÁCH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO LUẬT	TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH TRONG CÁC QUY ĐỊNH
	tại Bảng giá đất do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành của từng huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh tại nơi có thửa đất. Người nộp thuế lập tờ khai tổng hợp theo mẫu quy định để xác định tổng diện tích các thửa đất ở có quyền sử dụng và số thuế đã nộp, gửi cơ quan thuế nơi người nộp thuế đã lựa chọn để xác định hạn mức đất ở để nộp phần chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo quy định của Luật này và số thuế đã nộp”.	
Chính sách 4: Bổ sung quy định về miễn thuế SDDPNN	Tại khoản 4 Điều 1 quy định bổ sung khoản 10 vào Điều 9 Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp như sau: “10. Đất sử dụng vào mục đích giáo dục và đào tạo của cơ sở giáo dục không thuộc trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 3 và khoản 2 Điều này. Diện tích đất được miễn thuế là tổng diện tích đất được Nhà nước giao, cho thuê, nhận chuyển nhượng theo quy định pháp luật đất đai sử dụng vào mục đích giáo dục và đào tạo (không bao gồm diện tích đất sử dụng vào mục đích kinh doanh, thương mại, dịch vụ) ghi trên một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng	- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Quy định sửa đổi, bổ sung đều đảm bảo hợp hiến, hợp pháp; phù hợp, thống nhất với pháp luật thuế hiện hành, thống nhất với pháp luật về đầu tư trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, phù hợp với thông lệ quốc tế cũng như không tạo ra mâu thuẫn, chồng chéo đối với quy định của hệ thống pháp luật khác. - Tác động về kinh tế - xã hội: + Việc miễn thuế đối với đất sử dụng vào mục đích giáo dục và đào tạo của cơ sở giáo dục không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 9 của Luật Thuế SDDPNN là giải pháp góp phần giảm chi phí đầu vào cho tổ chức, cá nhân đầu tư vào lĩnh vực giáo dục – đào tạo, bảo đảm tiếp cận công bằng các nguồn lực xã hội cho hoạt động giáo dục – đào tạo.

TÊN CHÍNH SÁCH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO LUẬT	TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH TRONG CÁC QUY ĐỊNH
	nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, Quyết định giao đất, Quyết định hoặc Hợp đồng cho thuê đất, hoặc các loại Giấy tờ khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền”.	+ Thúc đẩy, khuyến khích, thu hút nguồn lực xã hội đầu tư vào lĩnh vực giáo dục – đào tạo, giảm áp lực lên khu vực công lập và mở rộng khả năng cung ứng dịch vụ công chất lượng cao. + Nâng cao chất lượng dịch vụ giáo dục, cải thiện chất lượng nguồn nhân lực, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, tạo nền tảng cho tăng trưởng kinh tế dài hạn. + Đối với ngân sách nhà nước (NSNN), việc bổ sung quy định miễn thuế SDĐPNN đối với đất sử dụng vào mục đích giáo dục và đào tạo của cơ sở giáo dục không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 9 của Luật dự kiến giảm thu NSNN khoảng 250 tỷ đồng¹. - Tác động về giới: Nội dung của chính sách không quy định các vấn đề liên quan đến chính sách giới nên không có tác động về giới, không ảnh hưởng đến việc thực hiện chính sách bình đẳng giới của Đảng và Nhà nước. - Tác động của thủ tục hành chính: Quy định bổ sung chính sách không làm tăng thủ tục hành chính, do đó, không có tác động về thủ tục hành chính.
Chính sách 5: Bổ sung quy định về miễn thuế TNDN	Tại Điều 2 quy định sửa đổi khoản 5 và bổ sung khoản 5a vào sau khoản 5 Điều 15 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:	- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Quy định bổ sung không xung đột và trái với các quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật khác như Hiến pháp, các

¹ Số liệu ước tính dựa trên số thu thuế SDĐPNN của các cơ sở giáo dục đào tạo năm 2025 tính trên toàn bộ diện tích đất (không phân biệt đất sử dụng cho mục đích giáo dục).

TÊN CHÍNH SÁCH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO LUẬT	TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH TRONG CÁC QUY ĐỊNH
đối với cơ sở giáo dục hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận	“5. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập, cơ sở giáo dục đại học công lập hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận được miễn thuế theo quy định của Chính phủ”. 6. Cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục tư thực hoạt động không vì lợi nhuận thành lập theo quy định của pháp luật được miễn thuế đối với: thu nhập từ hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục; lãi tiền gửi ngân hàng; kinh phí đặt hàng, giao nhiệm vụ của Nhà nước. Trường hợp phát sinh các khoản thu nhập khác với quy định tại khoản này cần được miễn thuế thì giao Chính phủ quy định. Trường hợp cơ sở giáo dục tư thực hoạt động không vì lợi nhuận thực hiện rút vốn hoặc chia lợi tức thì phải nộp lại toàn bộ tiền thuế đã được miễn theo quy định tại khoản này và tiền chậm nộp, tiền phạt (nếu có) theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. Việc xác định cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục tư thực hoạt động không vì lợi nhuận thực hiện theo quy định của pháp luật về giáo dục”.	Luật thuế hiện hành và các văn bản quy phạm pháp luật khác. Quy định bổ sung góp phần thúc đẩy việc phát triển các ngành, lĩnh vực ưu tiên theo định hướng của Đảng và Nhà nước, đảm bảo việc miễn thuế phù hợp với thực tiễn; đồng thời, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật, nâng cao tính minh bạch, ổn định của chính sách, giảm chi phí tuân thủ cho người nộp thuế và cơ quan quản lý thuế. - Tác động về kinh tế - xã hội: + Việc bổ sung miễn thuế đối với cơ sở giáo dục hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận giúp doanh nghiệp giảm số thuế TNDN phải nộp, từ đó có thể tận dụng được tối đa phần lợi nhuận để tái đầu tư cho cơ sở giáo dục, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. + Quy định này không làm cản trở hoạt động của tổ chức, cá nhân người nộp thuế. Thay vào đó còn có nhiều tác động tích cực như: Góp phần thúc đẩy mạnh mẽ XHH trong giáo dục đào tạo, góp phần khuyến khích các cơ sở giáo dục đổi mới phương thức quản lý, nâng cao chất lượng giảng dạy, cơ sở vật chất,... gián tiếp góp phần làm giảm giá học phí. Việc bổ sung quy định miễn thuế TNDN đối với cơ sở giáo dục sẽ góp phần quan trọng trong việc thực hiện các chủ trương, định hướng của Đảng về phát triển giáo dục, đào tạo.

TÊN CHÍNH SÁCH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO LUẬT	TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH TRONG CÁC QUY ĐỊNH
		+ Đối với NSNN, việc bổ sung quy định miễn thuế TNDN đối với cơ sở giáo dục hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận: Trường hợp số thuế TNDN phải nộp theo số liệu cung cấp đều là số thuế sau ưu đãi giảm và tất cả các cơ sở giáo dục công lập và cơ sở giáo dục ngoài công lập đều hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận thì sẽ làm giảm thu NSNN khoảng 2.200 tỷ đồng/năm. - Tác động về giới: Nội dung của chính sách không quy định các vấn đề liên quan đến chính sách giới nên không có tác động về giới, không ảnh hưởng đến việc thực hiện chính sách bình đẳng giới của Đảng và Nhà nước. - Tác động của thủ tục hành chính: Quy định bổ sung chính sách không làm tăng thủ tục hành chính, do đó, không có tác động về thủ tục hành chính.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

BẢN SO SÁNH

Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp với Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

LUẬT THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	THUYẾT MINH
CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Luật này quy định về đối tượng chịu thuế, đối tượng không chịu thuế; người nộp thuế; căn cứ tính thuế; đăng ký, khai, tính và nộp thuế; miễn, giảm thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.	Giữ nguyên	

LUẬT THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	THUYẾT MINH
Điều 2. Đối tượng chịu thuế 1. Đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị. 2. Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp bao gồm: đất xây dựng khu công nghiệp; đất làm mặt bằng xây dựng cơ sở sản xuất, kinh doanh; đất khai thác, chế biến khoáng sản; đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm. 3. Đất phi nông nghiệp quy định tại Điều 3 của Luật này sử dụng vào mục đích kinh doanh.	Điều 2. Đối tượng chịu thuế 1. Đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị. 2. Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp bao gồm: đất xây dựng khu công nghiệp, cụm công nghiệp; đất thương mại, dịch vụ; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp đất làm mặt bằng xây dựng cơ sở sản xuất, kinh doanh; đất sử dụng cho hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản; đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm. 3. Đất phi nông nghiệp quy định tại Điều 3 của Luật này sử dụng vào mục đích kinh doanh”.	Các quy định tại Điều 2 của Luật về đối tượng chịu thuế được sửa đổi, bổ sung để phù hợp, thống nhất với phân loại đất phi nông nghiệp theo quy định của Luật Đất đai năm 2024, đảm bảo bao quát đối tượng chịu thuế SDĐPNN.
Điều 3. Đối tượng không chịu thuế Đất phi nông nghiệp sử dụng không vào mục đích kinh doanh bao gồm: 1. Đất sử dụng vào mục đích công cộng bao gồm: đất giao thông, thủy lợi; đất xây dựng công trình văn hoá, y tế, giáo dục và đào tạo, thể dục thể thao phục vụ lợi ích công cộng; đất có di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh; đất xây dựng công trình công cộng khác theo quy định của Chính phủ; 2. Đất do cơ sở tôn giáo sử dụng;	Điều 3. Đối tượng không chịu thuế Đất phi nông nghiệp sử dụng không vào mục đích kinh doanh, bao gồm: 1. Đất sử dụng vào mục đích công cộng bao gồm: đất công trình giao thông; đất công trình thủy lợi; đất công trình cấp nước, thoát nước; đất công trình phòng, chống thiên tai; đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên; đất công trình xử lý chất thải; đất công trình năng lượng, chiếu sáng công	Các quy định tại Điều 3 của Luật về đối tượng không chịu thuế được sửa đổi, bổ sung để phù hợp, thống nhất với phân loại đất phi nông nghiệp theo quy định của Luật Đất đai năm 2024, đảm bảo bao quát đối tượng không chịu thuế SDĐPNN gồm các loại đất phi nông nghiệp sử dụng không vào mục đích kinh doanh.

LUẬT THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	THUYẾT MINH
3. Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa; 4. Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối và mặt nước chuyên dùng; 5. Đất có công trình là đình, đền, miếu, am, từ đường, nhà thờ họ; 6. Đất xây dựng trụ sở cơ quan, xây dựng công trình sự nghiệp, đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; 7. Đất phi nông nghiệp khác theo quy định của pháp luật.	cộng; đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin; đất chợ dân sinh, chợ đầu mối; đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng đất xây dựng công trình văn hoá, y tế, giáo dục và đào tạo, thể dục thể thao phục vụ lợi ích công cộng; đất xây dựng công trình công cộng khác theo quy định của Chính phủ. 2. Đất sử dụng cho hoạt động tôn giáo, đất sử dụng cho hoạt động tín ngưỡng Đất do cơ sở tôn giáo sử dụng. 3. Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa. 4. Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối và có mặt nước chuyên dùng. 5. Đất có công trình là đình, đền, miếu, am, từ đường, nhà thờ họ. 6.5. Đất xây dựng trụ sở cơ quan, xây dựng công trình sự nghiệp, đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh. 6. Đất xây dựng công trình sự nghiệp bao gồm: đất xây dựng cơ sở văn hóa, xã hội, y tế, giáo dục và đào tạo, thể dục, thể thao, khoa học và công nghệ, môi trường, khí tượng thủy văn, ngoại giao và công trình	

LUẬT THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	THUYẾT MINH
	sự nghiệp khác hoặc đất xây dựng trụ sở của đơn vị sự nghiệp công lập khác. 7. Đất phi nông nghiệp khác theo quy định pháp luật đất đai”.	
Điều 4. Người nộp thuế 1. Người nộp thuế là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có quyền sử dụng đất thuộc đối tượng chịu thuế quy định tại Điều 2 của Luật này. 2. Trường hợp tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận) thì người đang sử dụng đất là người nộp thuế. 3. Người nộp thuế trong một số trường hợp cụ thể được quy định như sau: a) Trường hợp được Nhà nước cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư thì người thuê đất là người nộp thuế; b) Trường hợp người có quyền sử dụng đất cho thuê đất theo hợp đồng thì người nộp thuế được xác định theo thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp trong hợp đồng không có thỏa thuận về người nộp thuế thì người có quyền sử dụng đất là người nộp thuế;	Giữ nguyên	

LUẬT THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	THUYẾT MINH
c) Trường hợp đất đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng đang có tranh chấp thì trước khi tranh chấp được giải quyết, người đang sử dụng đất là người nộp thuế. Việc nộp thuế không phải là căn cứ để giải quyết tranh chấp về quyền sử dụng đất; d) Trường hợp nhiều người cùng có quyền sử dụng một thửa đất thì người nộp thuế là người đại diện hợp pháp của những người cùng có quyền sử dụng thửa đất đó; đ) Trường hợp người có quyền sử dụng đất góp vốn kinh doanh bằng quyền sử dụng đất mà hình thành pháp nhân mới có quyền sử dụng đất thuộc đối tượng chịu thuế quy định tại Điều 2 của Luật này thì pháp nhân mới là người nộp thuế.		
CHƯƠNG II: CĂN CỨ TÍNH THUẾ, ĐĂNG KÝ, KHAI, TÍNH VÀ NỘP THUẾ	CHƯƠNG II: CĂN CỨ TÍNH THUẾ, ĐĂNG KÝ, KHAI, TÍNH VÀ NỘP THUẾ	
Điều 5. Căn cứ tính thuế Căn cứ tính thuế là giá tính thuế và thuế suất.	Giữ nguyên	
Điều 6. Giá tính thuế 1. Giá tính thuế đối với đất được xác định bằng diện tích đất tính thuế nhân với giá của 1m ² đất. 2. Diện tích đất tính thuế được quy định như sau: a) Diện tích đất tính thuế là diện tích đất thực tế sử	Giữ nguyên	

LUẬT THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	THUYẾT MINH
dụng. Trường hợp có quyền sử dụng nhiều thửa đất ở thì diện tích đất tính thuế là tổng diện tích các thửa đất tính thuế. Trường hợp được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để xây dựng khu công nghiệp thì diện tích đất tính thuế không bao gồm diện tích đất xây dựng kết cấu hạ tầng sử dụng chung; b) Đối với đất ở nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư bao gồm cả trường hợp vừa để ở, vừa để kinh doanh thì diện tích đất tính thuế được xác định bằng hệ số phân bổ nhân với diện tích nhà của từng tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng. Hệ số phân bổ được xác định bằng diện tích đất xây dựng nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư chia cho tổng diện tích nhà của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng. Trường hợp nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư có tầng hầm thì 50% diện tích tầng hầm của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng trong tầng hầm được cộng vào tổng diện tích nhà của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng để tính hệ số phân bổ; c) Đối với công trình xây dựng dưới mặt đất thì áp dụng hệ số phân bổ bằng 0,5 diện tích đất xây dựng chia cho tổng diện tích công trình của các tổ		

LUẬT THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	THUYẾT MINH												
chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng. 3. Giá của 1m² đất là giá đất theo mục đích sử dụng do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định và được ổn định theo chu kỳ 5 năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.														
Điều 7. Thuế suất 1. Thuế suất đối với đất ở bao gồm cả trường hợp sử dụng để kinh doanh áp dụng theo biểu thuế lũy tiến từng phần được quy định như sau: <table border="1" data-bbox="127 751 825 1166"> <thead> <tr> <th>Bậc thuế</th><th>Diện tích đất tính thuế (m²)</th><th>Thuế suất (%)</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td><td>Diện tích trong hạn mức</td><td>0,03</td></tr> <tr> <td>2</td><td>Phần diện tích vượt không quá 3 lần hạn mức</td><td>0,07</td></tr> <tr> <td>3</td><td>Phần diện tích vượt trên 3 lần hạn mức</td><td>0,15</td></tr> </tbody> </table> 2. Hạn mức đất ở làm căn cứ tính thuế là hạn mức giao đất ở mới theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành. Trường hợp đất ở đã có hạn mức theo quy định	Bậc thuế	Diện tích đất tính thuế (m ²)	Thuế suất (%)	1	Diện tích trong hạn mức	0,03	2	Phần diện tích vượt không quá 3 lần hạn mức	0,07	3	Phần diện tích vượt trên 3 lần hạn mức	0,15	Giữ nguyên	
Bậc thuế	Diện tích đất tính thuế (m ²)	Thuế suất (%)												
1	Diện tích trong hạn mức	0,03												
2	Phần diện tích vượt không quá 3 lần hạn mức	0,07												
3	Phần diện tích vượt trên 3 lần hạn mức	0,15												

LUẬT THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	THUYẾT MINH
trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì áp dụng như sau: a) Trường hợp hạn mức đất ở theo quy định trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thấp hơn hạn mức giao đất ở mới thì áp dụng hạn mức giao đất ở mới để làm căn cứ tính thuế; b) Trường hợp hạn mức đất ở theo quy định trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành cao hơn hạn mức giao đất ở mới thì áp dụng hạn mức đất ở cũ để làm căn cứ tính thuế. 3. Đất ở nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư, công trình xây dựng dưới mặt đất áp dụng mức thuế suất 0,03%. 4. Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp áp dụng mức thuế suất 0,03%. 5. Đất phi nông nghiệp quy định tại Điều 3 của Luật này sử dụng vào mục đích kinh doanh áp dụng mức thuế suất 0,03%. 6. Đất sử dụng không đúng mục đích, đất chưa sử dụng theo đúng quy định áp dụng mức thuế suất 0,15%. Trường hợp đất của dự án đầu tư phân kỳ theo đăng ký của nhà đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt thì không coi là đất chưa sử dụng và áp dụng mức thuế suất 0,03%. 7. Đất lấn, chiếm áp dụng mức thuế suất 0,2% và		

LUẬT THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	THUYẾT MINH
không áp dụng hạn mức. Việc nộp thuế không phải là căn cứ để công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp của người nộp thuế đối với diện tích đất lấn, chiếm.		
Điều 8. Đăng ký, khai, tính và nộp thuế 1. Người nộp thuế đăng ký, khai, tính và nộp thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. 2. Người nộp thuế đăng ký, khai, tính và nộp thuế tại cơ quan thuế huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh nơi có quyền sử dụng đất. Trường hợp ở vùng sâu, vùng xa, điều kiện đi lại khó khăn, người nộp thuế có thể thực hiện việc đăng ký, khai, tính và nộp thuế tại Ủy ban nhân dân xã. Cơ quan thuế tạo điều kiện để người nộp thuế thực hiện nghĩa vụ của mình. 3. Trường hợp người nộp thuế có quyền sử dụng nhiều thửa đất ở thì diện tích tính thuế là tổng diện tích các thửa đất ở tính thuế trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Việc đăng ký, khai, tính và nộp thuế được quy định như sau: a) Người nộp thuế đăng ký, khai, tính và nộp thuế tại cơ quan thuế huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh nơi có quyền sử dụng đất; b) Người nộp thuế được lựa chọn hạn mức đất ở tại một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	“Điều 8. Đăng ký, khai, tính và nộp thuế 1. Người nộp thuế đăng ký, khai, tính và nộp thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. 2. Người nộp thuế đăng ký, khai, tính và nộp thuế tại cơ quan thuế cơ sở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh nơi có quyền sử dụng đất. Trường hợp ở vùng sâu, vùng xa, điều kiện đi lại khó khăn, người nộp thuế có thể thực hiện việc đăng ký, khai, tính và nộp thuế tại Ủy ban nhân dân cấp xã. Cơ quan thuế tạo điều kiện để người nộp thuế thực hiện nghĩa vụ của mình. 23. Trường hợp người nộp thuế có quyền sử dụng nhiều thửa đất ở thì trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì cơ quan thuế căn cứ hệ thống thông tin quản lý thuế để hỗ trợ người nộp thuế trong việc khai thuế và tính số thuế chênh lệch tăng thêm do có quyền sử dụng nhiều	Các quy định tại Điều 8 của Luật về nơi đăng ký, khai, nộp thuế được sửa đổi, bổ sung để phù hợp với tên gọi theo tổ chức bộ máy mới sau sắp xếp và chính quyền địa phương 02 cấp, đồng bộ với pháp luật quản lý thuế.

LUẬT THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	THUYẾT MINH
nơi có quyền sử dụng đất. Trường hợp có một hoặc nhiều thửa đất ở vượt hạn mức thì người nộp thuế được lựa chọn một nơi có thửa đất ở vượt hạn mức để xác định diện tích vượt hạn mức của các thửa đất. Giá tính thuế được áp dụng theo giá đất của từng huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh tại nơi có thửa đất. Người nộp thuế lập tờ khai tổng hợp theo mẫu quy định để xác định tổng diện tích các thửa đất ở có quyền sử dụng và số thuế đã nộp, gửi cơ quan thuế nơi người nộp thuế đã lựa chọn để xác định hạn mức đất ở để nộp phần chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo quy định của Luật này và số thuế đã nộp.	thửa đất ở. Căn cứ tính thuế thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 7 Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp số 48/2010/QH12 và quy định sau: a) Diện tích tính thuế là tổng diện tích các thửa đất ở tính thuế trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Việc đăng ký, khai, tính và nộp thuế được quy định như sau: a) Người nộp thuế đăng ký, khai, tính và nộp thuế tại cơ quan thuế cơ sở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh nơi có quyền sử dụng đất; b) Hạn mức đất ở làm căn cứ tính thuế là hạn mức đất ở tại xã, phường, đặc khu nơi có thửa đất. Trường hợp có nhiều thửa đất ở vượt hạn mức đất ở hoặc không có thửa đất nào vượt hạn mức đất ở nhưng tổng diện tích các thửa đất vượt hạn mức đất ở thì hạn mức đất ở làm căn cứ tính thuế là hạn mức đất ở tại xã, phường, đặc khu nơi có thửa đất để người nộp thuế có số thuế phải nộp là thấp nhất. b) Người nộp thuế được lựa chọn hạn mức đất ở tại một xã, phường, đặc khu nơi có quyền sử dụng đất. Trường hợp có một hoặc	

LUẬT THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	THUYẾT MINH
	nhiều thửa đất ở vượt hạn mức thì người nộp thuế được lựa chọn một nơi có thửa đất ở vượt hạn mức để xác định diện tích vượt hạn mức của các thửa đất. c) Giá tính thuế được áp dụng theo giá đất tại Bảng giá đất do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành của từng huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh tại nơi có thửa đất. Người nộp thuế lập tờ khai tổng hợp theo mẫu quy định để xác định tổng diện tích các thửa đất ở có quyền sử dụng và số thuế đã nộp, gửi cơ quan thuế nơi người nộp thuế đã lựa chọn để xác định hạn mức đất ở để nộp phần chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo quy định của Luật này và số thuế đã nộp”.	
CHƯƠNG III: MIỄN THUẾ, GIẢM THUẾ	CHƯƠNG III: MIỄN THUẾ, GIẢM THUẾ	
Điều 9. Miễn thuế 1. Đất của dự án đầu tư thuộc lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư; dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; dự án đầu tư thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; đất của doanh nghiệp sử dụng trên 50% số lao động là thương binh, bệnh binh.	Điều 9. Miễn thuế 1. Đất của dự án đầu tư thuộc lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư; dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; dự án đầu tư thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; đất của doanh nghiệp sử dụng trên 50% số lao động là thương binh,	Bổ sung trường hợp miễn thuế đối với đất sử dụng vào mục đích giáo dục và đào tạo của cơ sở giáo dục không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 9 của Luật Thuế SDĐPNN để thể chế hóa chủ trương tại Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị đề tạo cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội cho

LUẬT THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	THUYẾT MINH
2. Đất của cơ sở thực hiện xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao, môi trường. 3. Đất xây dựng nhà tình nghĩa, nhà đại đoàn kết, cơ sở nuôi dưỡng người già cô đơn, người khuyết tật, trẻ mồ côi; cơ sở chữa bệnh xã hội. 4. Đất ở trong hạn mức tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. 5. Đất ở trong hạn mức của người hoạt động cách mạng trước ngày 19/8/1945; thương binh hạng 1/4, 2/4; người hưởng chính sách như thương binh hạng 1/4, 2/4; bệnh binh hạng 1/3; anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; mẹ Việt Nam anh hùng; cha đẻ, mẹ đẻ, người có công nuôi dưỡng liệt sỹ khi còn nhỏ; vợ, chồng của liệt sỹ; con của liệt sỹ được hưởng trợ cấp hàng tháng; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc da cam; người bị nhiễm chất độc da cam mà hoàn cảnh gia đình khó khăn. 6. Đất ở trong hạn mức của hộ nghèo theo quy định của Chính phủ. 7. Hộ gia đình, cá nhân trong năm bị thu hồi đất ở theo quy hoạch, kế hoạch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt thì được miễn thuế trong năm thực tế có thu hồi đối với đất tại nơi bị thu hồi và đất tại nơi ở mới.	bệnh binh. 2. Đất của cơ sở thực hiện xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao, môi trường. 3. Đất xây dựng nhà tình nghĩa, nhà đại đoàn kết, cơ sở nuôi dưỡng người già cô đơn, người khuyết tật, trẻ mồ côi; cơ sở chữa bệnh xã hội. 4. Đất ở trong hạn mức tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. 5. Đất ở trong hạn mức của người hoạt động cách mạng trước ngày 19/8/1945; thương binh hạng 1/4, 2/4; người hưởng chính sách như thương binh hạng 1/4, 2/4; bệnh binh hạng 1/3; anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; mẹ Việt Nam anh hùng; cha đẻ, mẹ đẻ, người có công nuôi dưỡng liệt sỹ khi còn nhỏ; vợ, chồng của liệt sỹ; con của liệt sỹ được hưởng trợ cấp hàng tháng; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc da cam; người bị nhiễm chất độc da cam mà hoàn cảnh gia đình khó khăn. 6. Đất ở trong hạn mức của hộ nghèo theo quy định của Chính phủ. 7. Hộ gia đình, cá nhân trong năm bị thu hồi đất ở theo quy hoạch, kế hoạch được cơ quan	phát triển giáo dục - đào tạo, phù hợp với xu hướng phát triển, khuyến khích, thu hút nguồn lực xã hội đầu tư vào lĩnh vực giáo dục - đào tạo.

LUẬT THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	THUYẾT MINH
8. Đất có nhà vườn được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận là di tích lịch sử - văn hoá. 9. Người nộp thuế gặp khó khăn do sự kiện bất khả kháng nếu giá trị thiệt hại về đất và nhà trên đất trên 50% giá tính thuế.	nhà nước có thẩm quyền phê duyệt thì được miễn thuế trong năm thực tế có thu hồi đối với đất tại nơi bị thu hồi và đất tại nơi ở mới. 8. Đất có nhà vườn được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận là di tích lịch sử - văn hoá. 9. Người nộp thuế gặp khó khăn do sự kiện bất khả kháng nếu giá trị thiệt hại về đất và nhà trên đất trên 50% giá tính thuế. 10. Đất sử dụng vào mục đích giáo dục và đào tạo của cơ sở giáo dục không thuộc trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 3 và khoản 2 Điều này. Diện tích đất được miễn thuế là tổng diện tích đất được nhà nước giao, cho thuê, nhận chuyển nhượng theo quy định pháp luật đất đai sử dụng vào mục đích giáo dục và đào tạo (không bao gồm diện tích đất sử dụng vào mục đích kinh doanh, thương mại, dịch vụ) ghi trên một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, Quyết định giao đất, Quyết định hoặc Hợp đồng cho thuê đất, hoặc các loại Giấy tờ khác của cơ quan	

LUẬT THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	THUYẾT MINH
	nhà nước có thẩm quyền.	
Điều 10. Giảm thuế Giảm 50% số thuế phải nộp cho các trường hợp sau đây: 1. Đất của dự án đầu tư thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư; dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; đất của doanh nghiệp sử dụng từ 20% đến 50% số lao động là thương binh, bệnh binh; 2. Đất ở trong hạn mức tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; 3. Đất ở trong hạn mức của thương binh hạng 3/4, 4/4; người hưởng chính sách như thương binh hạng 3/4, 4/4; bệnh binh hạng 2/3, 3/3; con của liệt sỹ không được hưởng trợ cấp hàng tháng; 4. Người nộp thuế gặp khó khăn do sự kiện bất khả kháng nếu giá trị thiệt hại về đất và nhà trên đất từ 20% đến 50% giá tính thuế.	Giữ nguyên	

LUẬT THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	THUYẾT MINH
Điều 11. Nguyên tắc miễn thuế, giảm thuế 1. Người nộp thuế được hưởng cả miễn thuế và giảm thuế đối với cùng một thửa đất thì được miễn thuế; người nộp thuế thuộc hai trường hợp được giảm thuế trở lên quy định tại Điều 10 của Luật này thì được miễn thuế. 2. Người nộp thuế đất ở chỉ được miễn thuế hoặc giảm thuế tại một nơi do người nộp thuế lựa chọn, trừ trường hợp quy định tại khoản 9 Điều 9 và khoản 4 Điều 10 của Luật này. 3. Người nộp thuế có nhiều dự án đầu tư được miễn thuế, giảm thuế thì thực hiện miễn, giảm theo từng dự án đầu tư. 4. Miễn thuế, giảm thuế chỉ áp dụng trực tiếp đối với người nộp thuế và chỉ tính trên số tiền thuế phải nộp theo quy định của Luật này.	Giữ nguyên	
CHƯƠNG IV: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	CHƯƠNG IV: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	
Điều 12. Hiệu lực thi hành 1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2012.	Điều 12. Điều khoản thi hành 1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2027.	

LUẬT THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	THUYẾT MINH
Điều 13. Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành những nội dung cần thiết của Luật này để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước.	Giữ nguyên	
LUẬT THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP	THUYẾT MINH
“Điều 15. Các trường hợp miễn thuế, giảm thuế khác ... 5. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập, cơ sở giáo dục đại học công lập hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận được miễn thuế theo quy định của Chính phủ”.	“Điều 15. Các trường hợp miễn thuế, giảm thuế khác... 5. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập, cơ sở giáo dục đại học công lập hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận được miễn thuế theo quy định của Chính phủ”. 5a. Cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục tư thực hoạt động không vì lợi nhuận được miễn thuế đối với: thu nhập từ hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục; lãi tiền gửi ngân hàng; kinh phí đặt hàng, giao nhiệm vụ của Nhà nước. Trường hợp phát sinh các khoản thu nhập khác với quy định tại khoản này cần được	Tại điểm 2 Phần III Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo xác định nhiệm vụ, giải pháp “<i>Không áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp đối với cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục tư thực hoạt động không vì lợi nhuận</i>”. Tại khoản 5 Điều 15 Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15 có quy định: “5. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập, cơ sở giáo dục đại học công lập hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận được miễn thuế theo quy định của Chính phủ”. Bên cạnh đó, cơ sở giáo dục công lập còn được miễn thuế theo quy định tại khoản 14 Điều 4 Luật Thuế TNDN số

LUẬT THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	THUYẾT MINH
	miễn thuế thì giao Chính phủ quy định. Trường hợp cơ sở giáo dục tư thực hoạt động không vì lợi nhuận thực hiện rút vốn hoặc chia lợi tức thì phải nộp lại toàn bộ tiền thuế đã được miễn theo quy định tại khoản này và tiền chậm nộp, tiền phạt (nếu có) theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. Việc xác định cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục tư thực hoạt động không vì lợi nhuận thực hiện theo quy định của pháp luật về giáo dục”.	67/2025/QH15. Đối với cơ sở giáo dục tư thực nếu đáp ứng tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn do Thủ tướng Chính phủ quy định thì được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo diện xã hội hóa (thuế suất 10% trong suốt thời gian thực hiện, đồng thời được miễn thuế tối đa 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp tối đa trong 9 năm tiếp theo đối với cơ sở xã hội hóa thực hiện tại địa bàn có điều kiện KT-XH khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn; đối với cơ sở xã hội hóa thực hiện tại địa bàn còn lại được miễn thuế tối đa 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp tối đa trong 5 năm tiếp theo). Trường hợp cơ sở giáo dục tư thực nếu có phân thu nhập để lại không chia để đầu tư phát triển cơ sở đó đạt tỷ lệ từ 25% trở lên thì sẽ được miễn thuế TNDN tương ứng đối với phân thu nhập để lại (khoản 12 Điều 4 Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15). Theo đó, để thể chế hóa chủ trương tại Nghị quyết số 71-NQ/TW, đề nghị bổ sung nội dung sửa đổi về thuế TNDN tại Điều 2 dự thảo Luật theo hướng sửa đổi quy định tại khoản 5 Điều 15 và bổ sung

LUẬT THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	THUYẾT MINH
		khoản 6 Điều 15 Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15 để quy định miễn thuế cho các cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục hoạt động không vì lợi nhuận. Ngoài ra, qua rà soát các văn bản quy phạm pháp luật thì hiện chưa có văn bản quy định rõ khái niệm “đơn vị công lập hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận” nói chung hay “<i>Tổ chức khoa học và công nghệ công lập</i>” và “<i>Cơ sở giáo dục đại học công lập</i>” hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận. Hiện hành, mới chỉ có các Luật về giáo dục quy định về cơ sở giáo dục tự thực hoạt động không vì lợi nhuận, trong đó, cơ sở giáo dục đại học tự thực hoạt động không vì lợi nhuận xác định rõ: nguyên tắc hoạt động không vì lợi nhuận, <u>không rút vốn, không hưởng lợi tức, chênh lệch thu chi tích lũy hàng năm là tài sản không phân chia của nhà trường, được sử dụng đầu tư phát triển cơ sở giáo dục theo nguyên tắc không hoàn lại.</u> Hiện tại, quy định “<i>Cơ sở giáo dục đại học công lập hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận</i>” được miễn thuế TNDN tại khoản 5 Điều 15 Luật Thuế TNDN số

LUẬT THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	THUYẾT MINH
		67/2025/QH15 đang gặp vướng mắc trong việc xác định đối tượng được miễn thuế (chưa có tiêu chí xác định “<i>cơ sở giáo dục đại học công lập hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận</i>”). Đây cũng là vướng mắc tương tự đối với “<i>Tổ chức khoa học và công nghệ công lập hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận</i>”. Đối với cơ sở giáo dục công lập hay tổ chức khoa học và công nghệ công lập thì chủ sở hữu là nhà nước, trường hợp các cơ sở công lập này tự chủ tài chính, có lãi thì phần lãi được trích lập vào Quỹ Phát triển sự nghiệp để đầu tư phát triển lại cho cơ sở công lập và trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động, <u>không thực hiện chia lợi nhuận này cho chủ sở hữu (là Nhà nước)</u>. Do đó, để tháo gỡ vướng mắc trong thực hiện, cần thiết sửa khoản 5 Điều 15 Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15 theo hướng bỏ cụm từ “hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận”, theo đó, “<i>Tổ chức khoa học và công nghệ công lập</i>” được miễn thuế không cần gắn với tiêu chí “<i>hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận</i>” vì bản thân đơn vị sự nghiệp công lập

LUẬT THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	THUYẾT MINH
		(chủ sở hữu là Nhà nước) đã là tổ chức hoạt động không vì lợi nhuận (không chia lợi nhuận cho chủ sở hữu – là Nhà nước).



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

BẢN TỔNG HỢP Ý KIẾN, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý, PHẢN BIỆN XÃ HỘI CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỐI VỚI DỰ ÁN LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP, LUẬT THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

1. Căn cứ xây dựng Bản tổng hợp, giải trình tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân

Căn cứ theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL), Bộ Tài chính đã có công văn số 8765/BTC-CST ngày 24/6/2026 gửi lấy ý kiến về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (SDĐPNN), Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN).

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân lấy ý kiến

Các cơ quan, tổ chức được gửi lấy ý kiến theo công văn số 8765/BTC-CST bao gồm các Đoàn đại biểu Quốc hội các tỉnh, thành phố, Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam về hồ sơ dự án Luật, đồng thời gửi đăng dự thảo trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, của Bộ Tài chính để lấy ý kiến rộng rãi của nhân dân.

Bộ Tài chính đã nhận được tổng số 57 văn bản tham gia ý kiến (24/34 Đoàn đại biểu Quốc hội; 11/17 Bộ, cơ quan ngang Bộ; 21/34 địa phương, 01 ý kiến của Hiệp hội, doanh nghiệp, các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân gửi văn bản trực tiếp hoặc gửi ý kiến tham gia qua Cổng thông tin Điện tử Chính phủ), trong đó: 18 đơn vị nhất trí hoàn toàn (02 Đoàn đại biểu Quốc hội, 02 Bộ, ngành, 14 tỉnh, thành phố); một số ý kiến khác cơ bản nhất trí, tham gia ý kiến về kết cấu, câu chữ cho phù hợp với quy định của Luật Ban hành VBQPPL; các ý kiến còn lại đã được Bộ Tài chính giải trình, tiếp thu đầy đủ.

Trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, Bộ Tài chính đã tổng hợp đầy đủ các ý kiến góp ý và giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý như sau:

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THẺ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
I. Nhóm vấn đề về Luật Thuế SDĐPNN			
1. Nhóm vấn đề về đối tượng chịu thuế, đối tượng không chịu thuế tại Luật Thuế SDĐPNN (khoản 1, khoản 2 Điều 1 dự thảo Luật)			
	Bộ Tư pháp (công văn số 5058/BTP-PLDSKT ngày 06/7/2026)	Về đối tượng không chịu thuế, khoản 2 Điều 2 dự thảo quy định theo hướng liệt kê chi tiết đất sử dụng vào mục đích công cộng. Quy định này liệt kê lại các loại đất công cộng được quy định tại Điều 9 Luật Đất đai năm 2024. Đề nghị cân nhắc dẫn chiếu đến quy định tại Luật Đất đai trong trường hợp không thu thuế đối với tất cả loại đất sử dụng vào mục đích công cộng, tránh phải sửa đổi khi pháp luật về đất đai có sự thay đổi; khoản 2 Điều 2 dự thảo Luật quy định đối tượng không chịu thuế: “Đất phi nông nghiệp khác theo quy định pháp luật đất đai” là không rõ ràng về mặt chính sách.	- Việc sửa đổi quy định về đối tượng không chịu thuế tại khoản 2 Điều 1 dự thảo Luật là kế thừa quy định về đối tượng không chịu thuế đối với đất phi nông nghiệp tại Luật Thuế SDĐPNN hiện hành và quy định về phân loại đất theo pháp luật về đất đai. - Việc quy định đối tượng không chịu thuế theo hướng liệt kê chi tiết nhằm đảm bảo tính minh bạch, rõ ràng về mặt chính sách, giúp người nộp thuế và cơ quan thuế dễ dàng tra cứu, áp dụng và thực hiện. Đồng thời, quy định này cũng phù hợp, đồng bộ với phân loại đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Pháp luật về đất đai hiện hành (Luật Đất đai năm 2024 và Nghị định số 102/2024/NĐ-CP của Chính phủ đã có quy định cụ thể xác định các loại đất phi nông nghiệp, trong đó có đất phi nông nghiệp khác).
	Đoàn ĐBQH tỉnh Tây Ninh (Công văn số 187/ĐĐBQH-CTQH ngày 9/7/2026)	Về đối tượng không chịu thuế: Đề nghị quy định cụ thể về “Đất phi nông nghiệp khác theo quy định pháp luật về đất đai” do thực tế triển khai quản lý thuế gặp vướng mắc với loại đất này.	
	Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long (công văn số 9691/UBND-TH	Khoản 7 Điều 3 dự thảo quy định: “7. Đất phi nông nghiệp khác theo quy định pháp luật đất đai”. Quy định này có phạm vi áp dụng khá rộng,	

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THẺ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	ngày 09/7/2026)	nếu pháp luật đất đai sau này bổ sung các loại đất mới thì các loại đất đó sẽ mặc nhiên trở thành đối tượng không chịu thuế. Theo đó, kiến nghị Ban soạn thảo nghiên cứu quy định trực tiếp hoặc giới hạn một phạm vi đối tượng cụ thể, không nên dẫn chiếu quá rộng sang luật chuyên ngành khác.	
	Đoàn ĐBQH tỉnh Thanh Hóa (Công văn số 119/ĐĐBQH-VP ngày 11/7/2026)	- Về đối tượng chịu thuế: Đề nghị nghiên cứu chỉnh lý khoản 2 Điều 2 theo hướng “2. Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp bao gồm: đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp; đất thương mại, dịch vụ; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về đất đai”. - Về đối tượng không chịu thuế: Đề nghị chỉnh lý theo hướng “7. Đất phi nông nghiệp khác không sử dụng vào mục đích kinh doanh theo quy định của pháp luật về đất đai, trừ trường hợp thuộc đối tượng chịu thuế quy định tại Điều 2 của Luật này”.	
	Bộ Ngoại giao (công văn số 5520/BNG-LPQT ngày 08/7/2026)	- Nhằm đảm bảo sự thống nhất và thuận lợi trong quá trình triển khai Luật, đề nghị làm rõ nguyên tắc xác định “mục đích kinh doanh” quy	- Luật Đất đai năm 2024 quy định người sử dụng đất phải sử dụng đúng mục đích ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc phân loại đất theo mục đích kinh doanh được dẫn

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THẺ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		định tại các khoản 1 và 2 Điều 1. - Đồng thời, đề nghị cân nhắc sử dụng thống nhất các thuật ngữ “không vào mục đích kinh doanh” và “không vì lợi nhuận” trong trường hợp các thuật ngữ này có cùng nội hàm.	chiếu theo quy định pháp luật đất đai. - 02 thuật ngữ “không vào mục đích kinh doanh” và “không vì lợi nhuận” sử dụng vào 02 mục đích khác nhau (theo quy định của Luật Đất đai và Luật Thuế TNDN), nội hàm của 02 thuật ngữ là khác nhau.
	Đoàn ĐBQH tỉnh Đồng Nai (công văn số 66/ĐĐBQH ngày 07/7/2026)	- Về đối tượng chịu thuế: Đề nghị làm rõ định nghĩa “đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản” để đảm bảo tính thống nhất với Luật Khoáng sản. - Về đối tượng không chịu thuế: Dự thảo bổ sung danh mục đất sử dụng vào mục đích công cộng không vào mục đích kinh doanh bao gồm: đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng, hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin. Việc mở rộng các đối tượng là phù hợp với xu thế chuyển đổi số và phát triển hạ tầng hiện đại. Đề nghị bổ sung quy định về việc “xác định ranh giới kinh doanh”. Đối với các công trình hạ tầng viễn thông hoặc năng lượng có kết hợp một phần hoạt động kinh doanh (như cho thuê hạ tầng dùng chung), cần quy định rõ tỷ lệ diện tích hoặc cơ chế phân tách để đảm bảo công bằng trong việc miễn thuế.	- Việc sửa đổi quy định về đối tượng không chịu thuế tại khoản 1, khoản 2 Điều 1 dự thảo Luật là để phù hợp, đồng bộ với phân loại đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2024, Nghị định số 102/2024/NĐ-CP và kế thừa quy định về đối tượng chịu thuế và đối tượng không chịu thuế tại Luật Thuế SDĐPNN hiện hành. - Tại Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai đã có quy định cụ thể về các loại đất thuộc nhóm đất phi nông nghiệp: “đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản” và “đất sử dụng vào mục đích công cộng”. Cụ thể: + Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản là đất thăm dò, khai thác hoặc khai thác gắn với chế biến khoáng sản, đất xây dựng các công trình phục vụ cho hoạt động khoáng sản, kể cả nhà

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long (công văn số 9691/UBND-TH) ngày 09/7/2026	Việc dẫn chiếu điều khoản không chịu thuế vào quy định của điều khoản chịu thuế là chưa bảo đảm sự thống nhất giữa các quy định trong dự thảo Luật. Bên cạnh đó, các loại đất quy định tại khoản 2 Điều 2 (đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đất thương mại, dịch vụ...) bản chất đều là đất sử dụng vào hoạt động kinh doanh. Việc bổ sung quy định "đất phi nông nghiệp sử dụng vào mục đích kinh doanh" tại khoản 3 Điều 2 dễ gây chồng chéo, trùng lặp. Theo đó, kiến nghị Ban soạn thảo xem xét, biên tập lại để làm rõ phạm vi áp dụng tại khoản 3 Điều 2 là áp dụng riêng cho các loại đất khác ngoài khoản 2 Điều 2, tránh chồng chéo nội dung.	làm việc, nhà nghỉ giữa ca và các công trình khác phục vụ cho người lao động gắn với khu vực khai thác khoáng sản và hành lang an toàn trong hoạt động khoáng sản đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, cho phép hoạt động theo quy định của pháp luật về khoáng sản, pháp luật về đầu tư và pháp luật khác có liên quan. + Đất sử dụng vào mục đích công cộng gồm: Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng là đất xây dựng nhà máy điện và công trình phụ trợ của nhà máy điện; công trình đập, kè, đường dẫn nước phục vụ cho nhà máy thủy điện; hệ thống đường dây truyền tải điện và trạm biến áp; công trình kinh doanh dịch vụ, sửa chữa, bảo dưỡng thuộc phạm vi nhà máy điện; hệ thống chiếu sáng công cộng;... Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin (trừ đất khu công nghệ thông tin tập trung theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều này) là đất xây dựng nhà, trạm, cột ăng ten, cột treo cáp, cống, bể, ống cáp, hào, tuy nèn kỹ thuật và công trình hạ tầng kỹ thuật liên quan khác để lắp đặt thiết bị phục vụ viễn thông và thiết bị được lắp đặt vào đó để phục vụ viễn

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			thông; trung tâm dữ liệu; kể cả hành lang bảo vệ an toàn các công trình để bảo đảm an toàn kỹ thuật mà không được sử dụng vào mục đích khác; hệ thống cơ sở khai thác bưu gửi và điểm phục vụ bưu chính; điểm bưu điện - văn hóa xã; công trình kinh doanh dịch vụ, sửa chữa, bảo dưỡng thuộc phạm vi công trình bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin. Theo đó, đề nghị giữ nguyên quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 1 dự thảo Luật.
	Đoàn ĐBQH tỉnh Cà Mau (công văn số 96/ĐĐBQH ngày 07/7/2026)	Luật Thuế SDĐPNN hiện hành chưa quy định nguyên tắc xác định diện tích chịu thuế đối với trường hợp đất được sử dụng vào nhiều mục đích. Trong khi đó, Luật Đất đai năm 2024 đã bổ sung nhiều quy định về sử dụng đất đa mục đích và cho phép sử dụng đất kết hợp nhiều mục đích trong một số trường hợp. Việc chưa có quy định tương ứng trong Luật Thuế SDĐPNN sẽ gây khó khăn trong việc xác định nghĩa vụ thuế và thiếu thống nhất với pháp luật về đất đai. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu bổ sung khoản 4 Điều 2 như sau: <i>"4. Trường hợp đất được sử dụng vào nhiều mục đích thì diện tích đất thuộc đối tượng chịu</i>	Pháp luật về thuế SDĐPNN hiện hành đã có quy định nguyên tắc xác định diện tích chịu thuế đối với đất phi nông nghiệp sử dụng vào mục đích kinh doanh, trong đó: - Luật Thuế SDĐPNN quy định diện tích tính thuế là diện tích đất thực tế sử dụng, đối với đất ở nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư bao gồm cả trường hợp vừa để ở, vừa để kinh doanh thì diện tích đất tính thuế được xác định bằng hệ số phân bổ nhân với diện tích nhà của từng tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng (khoản 2 Điều 6). - Tại Thông tư số 153/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 của Bộ Tài chính đã có quy định về

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THẺ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>thuế được xác định theo mục đích sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép hoặc theo diện tích thực tế sử dụng vào mục đích chịu thuế theo quy định của Chính phủ.</i> Việc bổ sung quy định này sẽ bảo đảm sự thống nhất với Luật Đất đai năm 2024, đồng thời tạo cơ sở pháp lý rõ ràng trong việc xác định diện tích chịu thuế đối với trường hợp sử dụng đất đa mục đích.	diện tích đất tính thuế đối với đất phi nông nghiệp chịu thuế sử dụng vào mục đích kinh doanh thì diện tích đất tính thuế là toàn bộ diện tích đất phi nông nghiệp sử dụng vào mục đích kinh doanh. Trường hợp không xác định được cụ thể diện tích đất sử dụng vào mục đích kinh doanh thì diện tích đất tính thuế được xác định theo phương pháp phân bổ theo tỷ lệ doanh số quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 153/2011/TT-BTC.
	UBND tỉnh Hà Tĩnh (công văn số 4923/STC-NST ngày 9/7/2026)	Đề nghị bổ sung tại khoản 3 Điều 2 về đối tượng chịu thuế như sau: <i>“Điều 2. Đối tượng chịu thuế</i> <i>...3. Đất phi nông nghiệp quy định tại Điều 3 của Luật này sử dụng toàn bộ hoặc một phần vào mục đích kinh doanh thì phần diện tích sử dụng vào mục đích kinh doanh thuộc đối tượng chịu thuế”.</i>	Theo đó, việc bổ sung nguyên tắc xác định diện tích chịu thuế đối với trường hợp đất được sử dụng vào nhiều mục đích là không cần thiết.
2. Nhóm vấn đề về đăng ký, khai, tính và nộp thuế tại Luật Thuế SDĐPNN (khoản 3 Điều 1 dự thảo Luật)			
	Đoàn ĐBQH tỉnh Lạng Sơn (công văn số 162/ĐĐBQH-VP ngày 08/7/2026)	Cụm từ “...nơi có quyền sử dụng đất để số thuế phải nộp là thấp nhất” chưa xác định rõ căn cứ lựa chọn hạn mức đất ở, có thể dẫn đến nhiều cách hiểu trong quá trình áp dụng.	Tiếp thu ý kiến tham gia của các Đoàn ĐBQH, để thống nhất cách hiểu, đảm bảo tính khả thi trong quá trình thực hiện, cơ quan soạn thảo sửa lại nội dung điểm b khoản 2 Điều 8 Luật

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì xem xét quy định rõ, xác định hạn mức đất ở theo hướng: <i>“... hạn mức đất ở làm căn cứ tính thuế là hạn mức của xã, phường, đặc khu nơi có thửa đất được lựa chọn để xác định số thuế phải nộp thấp nhất”</i> .	Thuế SDĐPNN (thể hiện tại khoản 3 Điều 1 dự thảo Luật) như sau: <i>“b) Hạn mức đất ở làm căn cứ tính thuế là hạn mức đất ở tại xã, phường, đặc khu tại nơi có thửa đất.</i>
	Đoàn ĐBQH tỉnh Tây Ninh (Công văn số 187/ĐĐBQH-CTQH ngày 9/7/2026)	Điểm b khoản 2 Điều 8 dự thảo Luật quy định “để số thuế phải nộp là thấp nhất” mang tính định tính và gây khó khăn cho việc tính thuế tự động trên các ứng dụng như eTax Mobile. Do đó, đề nghị có nghiên cứu quy định tiêu chí xác định cụ thể hoặc giao Chính phủ hướng dẫn chi tiết	
	Đoàn ĐBQH Thành phố Hải Phòng (công văn số 75/ĐĐBQH-CTQH ngày 06/7/2026)	Tại khoản 2 Điều 8 quy định: <i>“Trường hợp... tổng diện tích các thửa đất vượt hạn mức... thì hạn mức đất ở làm căn cứ tính thuế là hạn mức tại xã, phường, đặc khu nơi có quyền sử dụng đất để số thuế phải nộp là thấp nhất”</i> . Thuật ngữ “nơi có quyền sử dụng đất” còn chung chung, gây khó khăn khi người nộp thuế có đất ở nhiều xã khác nhau trong tỉnh. Đề nghị sửa thành: <i>“...thì hạn mức đất ở làm căn cứ tính thuế là hạn mức đất ở người nộp thuế phải nộp số thuế thấp nhất tại xã, phường, đặc khu nơi có quyền sử dụng đất”</i> cho phù hợp hơn.	<i>Trường hợp có nhiều thửa đất ở vượt hạn mức đất ở hoặc không có thửa đất nào vượt hạn mức đất ở nhưng tổng diện tích các thửa đất vượt hạn mức đất ở thì hạn mức đất ở làm căn cứ tính thuế là hạn mức đất ở tại xã, phường, đặc khu nơi có thửa đất để người nộp thuế có số thuế phải nộp là thấp nhất”</i> .

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Đoàn ĐBQH Thành phố Hà Nội (công văn số 161/TH-ĐDBQH ngày 09/7/2026)	Đề nghị thay cụm từ “nơi có quyền sử dụng đất” bằng “nơi có thửa đất” tại điểm b khoản 2 Điều 8 để thống nhất cách diễn đạt và tránh cách hiểu khác nhau. Trường hợp người nộp thuế có nhiều thửa đất ở tại nhiều xã, phường, đặc khu trong cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nên quy định rõ người nộp thuế được lựa chọn hạn mức đất ở làm căn cứ tính thuế; trường hợp không lựa chọn thì cơ quan thuế xác định theo nguyên tắc có lợi nhất cho người nộp thuế trên cơ sở dữ liệu hiện có.	
	Đoàn ĐBQH tỉnh Cà Mau (công văn số 96/ĐDBQH ngày 07/7/2026).	- Tại khoản 3 Điều 1 dự thảo Luật quy định: “2. Trường hợp người nộp thuế có quyền sử dụng nhiều thửa đất ở trong phạm vi tỉnh... Căn cứ tính thuế thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 7 Luật này và quy định sau...” Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo điều chỉnh lại thành: “2. Trường hợp người nộp thuế có quyền sử dụng nhiều thửa đất ở trong phạm vi tỉnh... Căn cứ tính thuế thực hiện theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 của Luật Thuế SDĐPNN số 48/2010/QH12 và quy định sau...” Lý do, dự thảo Luật này chỉ sửa đổi, bổ sung	Tiếp thu ý kiến về rà soát kỹ thuật văn bản tại dự thảo Luật.

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		một số điều của Luật Thuế SDĐPN, không sửa đổi Điều 6 và Điều 7 của Luật hiện hành. Vì vậy, việc viện dẫn là chưa chính xác về kỹ thuật lập pháp.	
	Đoàn ĐBQH tỉnh Quảng Trị (công văn số 140/ĐĐBQH-CTQH ngày 07/7/2026)	Cơ bản nhất trí với việc sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1. Tuy nhiên, đề nghị nêu rõ mức thuế suất được áp dụng đối với số thuế chênh lệch tăng thêm do có quyền sử dụng nhiều thửa đất ở; bổ sung thời điểm để áp dụng hạn mức đất ở làm căn cứ xác định hạn mức đất ở để người sử dụng đất thực hiện đăng ký, kê khai được thuận lợi; người sử dụng đất được biết mức thuế suất được tính để chủ động việc thực hiện nghĩa vụ tài chính đúng quy định của pháp luật. Đồng thời, bổ sung quy định giao Chính phủ hướng dẫn cách kê khai để đảm bảo tính thống nhất trong triển khai thực hiện.	Tại dự thảo Luật bổ sung quy định cơ quan thuế căn cứ hệ thống thông tin quản lý thuế để hỗ trợ người nộp thuế trong việc kê khai và tính số thuế phải nộp, đơn giản hóa thủ tục kê khai, nộp thuế đối với trường hợp người nộp thuế có nhiều thửa đất ở trong phạm vi một tỉnh; bổ sung quy định về cách xác định hạn mức đất ở làm căn cứ tính thuế trong các trường hợp trên cơ sở kế thừa nguyên tắc được quy định tại Thông tư số 153/2011/TT-BTC, làm căn cứ để cơ quan thuế xây dựng tờ khai gợi ý.
3. Nhóm vấn đề về miễn thuế đối với đất của cơ sở giáo dục tại Luật Thuế SDĐPN (khoản 4 Điều 1 dự thảo Luật)			
	Bộ Tư pháp (công văn số 5058/BTP-PLDSKT ngày 06/7/2026)	Về cơ bản, Bộ Tư pháp nhất trí sự cần thiết có chính sách hỗ trợ về thuế cho cơ sở giáo dục. Tuy nhiên, về mặt chính sách việc bổ sung các quy định tại dự thảo Luật có bảo đảm sự công bằng về mặt chính sách giữa cơ sở giáo dục đáp ứng các điều kiện về xã hội hóa và cơ sở không đáp ứng về	Tiếp thu và hoàn thiện tại điểm 2.2 dự thảo Tờ trình Chính phủ.

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục hay không? Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp Bộ Giáo dục và Đào tạo làm rõ vấn đề này.	
	Bộ Ngoại giao (công văn số 5520/BNG-LPQT ngày 08/7/2026)	Tại khoản 4 Điều 1, đề nghị cân nhắc cân nhắc dẫn chiếu pháp luật về đất đai thay vì liệt kê các loại giấy tờ nhằm đảm bảo tính ổn định của hệ thống pháp luật trong trường hợp có sự điều chỉnh pháp luật về đất đai, có thể theo hướng: “... <i>theo hồ sơ, giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai</i> ”.	- Việc quy định cụ thể các loại giấy tờ theo hướng liệt kê chi tiết theo quy định pháp luật đất đai nhằm đảm bảo tính minh bạch, rõ ràng về mặt chính sách, giúp người nộp thuế và cơ quan thuế dễ dàng tra cứu, áp dụng và thực hiện. Theo đó, đề nghị giữ nguyên quy định tại khoản 4. Điều 1 dự thảo Luật. - Về hồ sơ, thủ tục liên quan đến xác định miễn, giảm thuế SDĐPNN thực hiện theo pháp luật về quản lý thuế
	Đoàn ĐBQH tỉnh Điện Biên (công văn số 121/BD-ĐĐBQH ngày 7/7/2026)	Đề nghị Luật chỉ quy định đối tượng được miễn thuế; việc xác định diện tích được miễn thuế, hồ sơ chứng minh và trường hợp sử dụng đất vào nhiều mục đích giao Chính phủ quy định chi tiết.	
	Đoàn ĐBQH Thành phố Hà Nội (công văn số 161/TH-ĐĐBQH ngày 09/7/2026)	Đề nghị thay vì liệt kê từng loại giấy tờ như dự thảo, nên quy định khái quát: diện tích được miễn thuế được xác định theo giấy tờ về quyền sử dụng đất, hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai và dữ liệu quản lý thuế theo quy định của pháp luật. Quy định theo hướng này bảo đảm ổn định, tương thích với hồ sơ, dữ liệu điện tử và tránh phát sinh thủ tục yêu cầu cơ sở giáo dục phải nộp lại giấy tờ đã có trong hệ thống cơ quan nhà nước.	

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỀ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Đoàn ĐBQH tỉnh Khánh Hòa (công văn số 237/ĐĐBQH-VP ngày 09/7/2026)	Tại Khoản 4 Điều 1 bổ sung khoản 10 Điều 9 Luật Thuế SDĐPNN, có quy định diện tích đất được miễn thuế đối với cơ sở giáo dục là diện tích ghi trên một trong các loại giấy tờ, cụ thể có nêu: "...Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất...". Tuy nhiên theo quy định mới tại Luật Đất đai năm 2024, tên gọi của Giấy chứng nhận đã được thay đổi và chuẩn hóa lại thành "<i>Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</i>". Do đó, đề nghị sửa lại tên gọi của loại giấy tờ này tại dự thảo Luật để đảm bảo thống nhất quy định của Luật Đất đai năm 2024.	Tiếp thu ý kiến và sửa lại nội dung tại khoản 4 Điều 1 dự thảo Luật bổ sung khoản 10 Điều 9 Luật Thuế SDĐPNN.
	Đoàn ĐBQH tỉnh Quảng Ninh (công văn số 62/ĐĐBQH ngày 08/7/2026)	Đề nghị nghiên cứu quy định rõ hoặc giao quy định chi tiết tiêu chí xác định diện tích đất sử dụng đúng mục đích giáo dục, đào tạo và diện tích sử dụng vào hoạt động kinh doanh nhằm bảo đảm thống nhất trong áp dụng pháp luật.	Trên cơ sở ý kiến đề xuất của Bộ Giáo dục và Đào tạo (tại công văn số 2625/BGDĐT-KHTC ngày 15/5/2026), trong đó đề xuất chỉ miễn thuế đối với đất sử dụng vào mục đích giáo dục và đào tạo, dự thảo Luật đã thể hiện: diện

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Đoàn ĐBQH tỉnh Đồng Nai (công văn số 66/ĐĐBQH ngày 07/7/2026)	Đề nghị quy định chặt chẽ về diện tích đất được miễn thuế phải “không bao gồm diện tích đất sử dụng vào mục đích kinh doanh, thương mại, dịch vụ” ghi trên các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất. Cần có chế tài thu hồi số thuế đã miễn nếu cơ sở giáo dục sử dụng đất sai mục đích.	tích đất được miễn thuế là tổng diện tích đất được nhà nước giao, cho thuê, nhận chuyển nhượng theo quy định pháp luật đất đai sử dụng vào mục đích giáo dục và đào tạo (không bao gồm diện tích đất sử dụng vào mục đích kinh doanh, thương mại, dịch vụ) ghi trên một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, Quyết định giao đất, Quyết định hoặc Hợp đồng cho thuê đất, hoặc các loại Giấy tờ khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Theo đó, nguyên tắc chỉ miễn thuế đối với diện tích đất sử dụng vào mục đích giáo dục và đào tạo thể hiện trên giấy tờ hợp lệ do cơ quan có thẩm quyền cấp.
	Đoàn ĐBQH tỉnh Phú Thọ (công văn số 108/ĐĐBQH-VP ngày 07/7/2026)	Đề nghị nghiên cứu quy định rõ nguyên tắc miễn thuế theo mục đích sử dụng đất thực tế, không miễn thuế theo tư cách pháp nhân một cách tuyệt đối, chỉ nên miễn thuế đối với diện tích đất sử dụng trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo.	Việc quản lý các loại đất theo mục đích sử dụng được thực hiện theo quy định của Luật Đất đai, bao gồm các biện pháp hành chính, biện pháp kinh tế. Trong trường hợp kiểm tra nếu phát hiện cơ sở giáo dục thuộc đối tượng miễn thuế nhưng sử dụng không đúng mục đích thì cơ quan thuế thực hiện theo quy định của Luật Quản lý thuế như thu hồi toàn bộ số thuế được miễn, phạt chậm nộp, xử phạt vi phạm hành chính. Nếu cơ quan chức năng đã lập biên bản vi phạm, truy thu thuế nhưng vẫn cố tình tiếp tục sai phạm, Nhà
	Đoàn ĐBQH Thành phố Hà Nội (công văn số 161/TH-ĐĐBQH ngày 09/7/2026)	Đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh lý theo hướng chỉ miễn thuế đối với diện tích đất đang trực tiếp sử dụng cho hoạt động giáo dục, đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp; không bao gồm diện tích sử dụng vào mục đích kinh doanh, thương mại, dịch vụ hoặc cho thuê, liên doanh, liên kết	

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		không trực tiếp phục vụ hoạt động giáo dục.	nước thu hồi đất theo quy định Điều 81 Luật Đất đai năm 2024. Ngoài ra, tại Luật Thuế SDDPNN cũng đã có quy định áp dụng mức thuế suất cao hơn nhiều lần đất trong hạn mức đối với đất sử dụng không đúng mục đích (0,15%).
	Đoàn ĐBQH Thành phố Hải Phòng (công văn số 75/ĐĐBQH-CTQH ngày 06/7/2026)	Thực tiễn cho thấy, trong các cơ sở giáo dục hiện nay (đặc biệt là đại học hoặc trường liên cấp), việc tồn tại các khu vực dịch vụ phụ trợ như: căng-tin, nhà sách, bãi giữ xe, khu ký túc xá có thu phí hỗ trợ... là tất yếu và phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục. Nếu cơ quan quản lý thuế bóc tách cơ học diện tích này để tính thuế sẽ gây xung đột lớn và không khả thi trong thực tế kê khai. Đề nghị bổ sung quy định loại trừ loại hình dịch vụ phụ trợ thiết yếu: <i>“Diện tích đất được miễn thuế... không bao gồm diện tích đất sử dụng vào mục đích kinh doanh, thương mại, dịch vụ nằm ngoài quy hoạch cơ sở giáo dục hoặc không nhằm mục đích phục vụ trực tiếp cho người học và cán bộ giáo viên của cơ sở đó”</i>.	Tại dự thảo Luật quy định nguyên tắc chỉ miễn thuế đối với diện tích đất sử dụng vào mục đích giáo dục và đào tạo thể hiện trên giấy tờ hợp lệ do cơ quan có thẩm quyền cấp. Việc cấp Giấy chứng nhận dựa trên quy hoạch sử dụng đất. Về mục đích sử dụng đất phục vụ trực tiếp cho người học và cán bộ giáo viên của cơ sở phải được thực hiện theo phương án kinh doanh đã được phê duyệt. Theo đó, đề nghị giữ nguyên quy định tại dự thảo Luật.
	Đoàn ĐBQH Thành phố Hải Phòng (công	Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu chỉnh lý quy định theo hướng: Giữ đất của cơ sở giáo	Tiếp thu ý kiến và sửa lại khoản 10 Điều 9

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	văn số 75/ĐĐBQH-CTQH ngày 06/7/2026)	dục công lập và cơ sở tư thực hoạt động không vì lợi nhuận tại Điều 3 (không chịu thuế); còn đất của các cơ sở giáo dục tư thực hoạt động có lợi nhuận nhưng chưa đạt tiêu chí xã hội hóa thì đưa vào diện ưu đãi miễn hoặc giảm thuế có thời hạn tại Điều 9 cho phù hợp hơn.	Luật Thuế SDĐPNN (quy định tại khoản 4 Điều 1 dự thảo Luật) như sau: “10. Đất sử dụng vào mục đích giáo dục và đào tạo của cơ sở giáo dục không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 6 Điều 3 và khoản 2 Điều này...”
	Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long (công văn số 9691/UBND-TH) ngày 09/7/2026	Dự thảo Luật đề xuất bổ sung đối tượng miễn thuế đối với: “Đất sử dụng vào mục đích giáo dục và đào tạo của cơ sở giáo dục không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này”. Tuy nhiên, theo quy định chung tại Điều 3, đất giáo dục nếu không sử dụng vào mục đích kinh doanh thì đương nhiên thuộc đối tượng không chịu thuế. Việc tiếp tục đưa vào diện miễn thuế tại Điều 9 là không cần thiết.	
4. Nhóm vấn đề về căn cứ tính thuế tại Luật Thuế SDĐPNN			
	Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Ninh (công văn số 152/ĐĐBQH-CTQH ngày 08/7/2026)	Tại điểm c, khoản 2 Điều 8 dự thảo Luật có quy định: “Giá tính thuế được áp dụng theo giá đất tại Bảng giá đất do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành tại nơi có thửa đất”. Để bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật, đề nghị sửa đổi khoản 3 Điều 6 Luật	Tại khoản 3 Điều 6 Luật Thuế SDĐPNN quy định: “Giá của 1m ² đất là giá đất theo mục đích sử dụng do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định và được ổn định theo chu kỳ 5 năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành”.

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THẺ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Thuế SDĐPNN để đồng bộ với nội dung tại Điều 8 (Luật sửa đổi) và khoản 3 Điều 159 Luật Đất đai 2024. Luật Đất đai 2024 đã thay đổi căn bản cơ chế định giá đất khi trao quyền quyết định Bảng giá đất cho HĐND cấp tỉnh và yêu cầu cập nhật hằng năm kể từ 01/01/2026. Trong khi đó, Điều 6 Luật Thuế SDĐPNN vẫn giữ thẩm quyền thuộc về UBND và đặc biệt là duy trì cơ chế ổn định chu kỳ 05 năm.	Tại Điều 249 Luật Đất đai năm 2024 đã sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 6 của Luật Thuế SDĐPNN như sau: <i>“3. Giá của 01 m² đất là giá đất theo bảng giá đất tương ứng với mục đích sử dụng và được ổn định theo chu kỳ 05 năm”.</i> Theo đó, quy định về giá tính thuế được áp dụng theo Bảng giá đất do HĐND cấp tỉnh ban hành tại điểm c, khoản 2 Điều 8 dự thảo Luật là phù hợp, thống nhất với pháp luật đất đai hiện hành.
	Đoàn ĐBQH Thành phố Cà Mau (công văn số 96/ĐĐBQH ngày 07/7/2026)	Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu quy định giá tính thuế được xác định theo bảng giá đất do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định theo quy định của Luật Đất đai và được áp dụng thống nhất trong kỳ tính thuế nhằm bảo đảm phù hợp với cơ chế xác định giá đất hiện hành.	
	Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long (công văn số 9691/UBND-TH) ngày 09/7/2026	Đề nghị bổ sung quy định làm rõ cơ chế áp dụng giá đất tính thuế đối với tổ chức, xác định rõ trường hợp được giữ ổn định theo chu kỳ 5 năm hay phải thực hiện kê khai điều chỉnh khi bảng giá đất thay đổi.	
	Đoàn ĐBQH Thành phố Hà Nội (công văn số 161/TH-ĐĐBQH)	Đề nghị cân nhắc dẫn đạt điểm c khoản 2 Điều 8 theo hướng: “Giá tính thuế được áp dụng theo Bảng giá đất được quyết định, công bố theo quy định của pháp luật đất đai tại nơi có thửa đất”	

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	ngày 09/7/2026)	thay cho cách quy định “Bảng giá đất do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành”	
5. Nhóm vấn đề về điều khoản chuyển tiếp tại Luật Thuế SDĐPNN			
	Đoàn ĐBQH tỉnh Lạng Sơn (công văn số 162/ĐĐBQH-VP ngày 08/7/2026)	Đề nghị cơ quan chủ trì xem xét, nghiên cứu bổ sung điều khoản chuyển tiếp đối với các hồ sơ đề nghị miễn thuế, các hồ sơ đang được giải quyết hoặc các trường hợp đã được giao đất, cho thuê đất trước thời điểm Luật có hiệu lực để bảo đảm tính liên tục trong áp dụng pháp luật, tránh phát sinh vướng mắc khi triển khai trên thực tế.	- Về xác định nghĩa vụ thuế đối với các trường hợp đã kê khai trước thời điểm có hiệu lực thi hành: Thuế SDĐPNN là loại thuế khai và nộp theo năm, trong đó khai thuế lần đầu chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày phát sinh nghĩa vụ thuế. Từ năm thứ 2 trở đi, người nộp thuế nộp một lần chậm nhất là ngày 31/10 hàng năm. Dự thảo Luật dự kiến có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2027, áp dụng cho kỳ tính thuế năm 2027 sẽ không phát sinh các trường hợp kê khai trước trong năm 2026. - Về xử lý các trường hợp đang thực hiện theo quy định cũ (như các trường hợp các loại đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với tên gọi cũ theo phân loại đất theo pháp luật đất đai năm 2013): Khi đối chiếu loại đất giữa Luật Đất đai 2013 và Luật Đất đai năm 2024 để khai/nộp thuế, khi cơ quan thuế tính thuế SDĐPNN, hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai sẽ tự động cập nhật tên gọi cũ sang tên gọi mới (ví dụ:
	Đoàn ĐBQH tỉnh Tây Ninh (công văn số 187/ĐĐBQH - CTQH ngày 09/7/2026)	Đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định chuyển tiếp đối với các trường hợp đang được miễn thuế, giảm thuế hoặc đang thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định hiện hành.	
	Đoàn ĐBQH tỉnh Cà Mau (công văn số 96/ĐĐBQH ngày 07/7/2026)	Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung quy định về điều khoản chuyển tiếp, trong đó làm rõ thời điểm áp dụng bảng giá đất mới; việc xác định nghĩa vụ thuế đối với các trường hợp đã kê khai trước thời điểm Luật có hiệu lực; cũng như việc xử lý các trường hợp đang thực hiện theo quy định cũ nhằm bảo đảm thuận lợi trong quá trình tổ chức thực hiện và hạn chế	

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		phát sinh vướng mắc.	đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, đất thương mại dịch vụ...). Các loại giấy chứng nhận đã cấp trước đây vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý và người sử dụng đất không bắt buộc phải đổi sang sổ mới vì tên gọi loại đất. Người sử dụng đất chỉ cần thực hiện đính chính hoặc cấp đổi tên gọi loại đất mới khi phát sinh các giao dịch như: chuyển nhượng, thừa kế, thế chấp, hoặc khi chủ sở hữu có nhu cầu cấp đổi chủ động.
	Đoàn ĐBQH tỉnh Quảng Trị (công văn số 140/ĐĐBQH-CTQH ngày 07/7/2026)	Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung thêm quy định về điều khoản chuyển tiếp sau ngày Luật có hiệu lực thi hành để tránh vướng mắc khi áp dụng	
	Đoàn ĐBQH tỉnh Thái Nguyên (công văn số 118/ĐĐBQH-VP ngày 08/7/2026)	Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung các quy định về điều khoản chuyển tiếp đối với các loại đất thuộc đối tượng chịu thuế tại khoản 2 Điều 2 Luật Thuế SĐDPNN, bảo đảm không làm phát sinh thủ tục hành chính hoặc nghĩa vụ kê khai, điều chỉnh thông tin của người sử dụng đất chỉ do thay đổi tên gọi loại đất.	
6. Nhóm vấn đề khác tại Luật Thuế SĐDPNN			
	Đoàn ĐBQH Thành phố Đồng Nai (công văn số 66/ĐĐBQH ngày 07/7/2026)	Đề nghị bổ sung quy định về việc liên thông dữ liệu giữa cơ quan nông nghiệp và môi trường với cơ quan Thuế để tự động hóa việc tính thuế khi có sự điều chỉnh về bảng giá đất, giúp giảm thủ tục hành chính cho người nộp thuế.	- Việc phối hợp, chia sẻ và liên thông dữ liệu giữa các cơ quan địa phương liên quan đến xác định nghĩa vụ tài chính (trong đó có thuế SĐDPNN) được quy định tại pháp luật quản lý thuế, pháp luật đất đai. Trong đó: - Từ ngày 31/01/2026 (ngày Nghị định số 49/2026/NĐ-CP và Nghị định số 50/2026/NĐ-CP có hiệu lực thi hành), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm quy định trình tự, thủ tục
	Đoàn ĐBQH tỉnh Tây Ninh (Công văn số 187/ĐĐBQH-CTQH ngày 9/7/2026)	- Đề nghị bổ sung quy định trách nhiệm phối hợp, chia sẻ dữ liệu giữa cơ quan thuế, cơ quan quản lý đất đai và cơ quan quản lý giáo dục trong quá trình quản lý thuế.	

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỀ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		- Trong thực tế, hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai giữa ngành Thuế và ngành tài nguyên môi trường chưa hoàn toàn liên thông thời gian thực (làm sạch dữ liệu vẫn là chiến dịch khó khăn). Nếu quy định cứng “cơ quan thuế căn cứ hệ thống... để hỗ trợ tính” sẽ đẩy toàn bộ trách nhiệm sai sót dữ liệu về phía cơ quan thuế nếu hệ thống chưa cập nhật kịp thông tin mua bán, tách thửa của người dân, do đó đề nghị bổ sung quy định rõ trách nhiệm phối hợp chủ động của người nộp thuế.	hành chính về đất đai, quy định rõ trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm quyền trong các bước thực hiện trình tự, thủ tục, thời gian thực hiện, thành phần hồ sơ phải nộp để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai. - Để nâng cao hiệu quả kết nối, chia sẻ, trao đổi dữ liệu, Cục Thuế và Cục Quản lý đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường) đã ký Quy chế phối hợp số 01/QCPH-CT-CQLĐĐ ngày 07/01/2026 về trao đổi thông tin điện tử phục vụ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai. Đến nay, cơ quan thuế các tỉnh, thành phố đã thực hiện trao đổi thông tin điện tử với cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cùng cấp, từng bước hình thành cơ chế trao đổi thông tin thống nhất trên phạm vi toàn quốc. Đồng thời, cơ quan thuế cũng từng bước kết nối, đồng bộ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để phục vụ công tác quản lý thuế.
	Đoàn ĐBQH tỉnh Đồng Tháp (công văn số 166/ĐĐBQH-CTQH ngày 02/7/2026)	Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung quy định hoặc giao Chính phủ hướng dẫn nguyên tắc xử lý đối với các trường hợp dữ liệu chưa đầy đủ, chưa chính xác hoặc chưa có sự thống nhất giữa các cơ sở dữ liệu nhằm bảo đảm việc xác định nghĩa vụ thuế được đầy đủ, chính xác và thống nhất trong quá trình thực hiện.	
	Đoàn ĐBQH tỉnh Gia Lai (công văn số 142/ĐĐBQH-CTQH ngày 09/7/2026)	Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, bổ sung đánh giá khả năng kết nối cơ sở dữ liệu đất đai với cơ sở dữ liệu quản lý thuế khi Luật có hiệu lực thi hành.	Theo đó, việc quy định về liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật quản lý thuế, pháp luật đất đai và không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này.
	Đoàn ĐBQH Thành phố Hà Nội (công văn số 161/TH-ĐĐBQH)	Đề nghị bổ sung nội dung giao Chính phủ quy định chi tiết trách nhiệm của cơ quan thuế, cơ quan quản lý đất đai, cơ quan đăng ký đất đai và	

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THẺ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	ngày 09/7/2026)	Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc cung cấp, cập nhật, xác thực dữ liệu phục vụ tính thuế, miễn thuế, giảm thuế; bảo đảm vận hành thống nhất trong điều kiện không còn tổ chức chính quyền địa phương cấp huyện.	
	Đoàn ĐBQH tỉnh Cà Mau (công văn số 96/ĐDBQH ngày 07/7/2026)	- Luật Thuế SDĐPNN hiện hành chưa có quy định áp dụng chính sách thuế đối với trường hợp đất được Nhà nước giao, cho thuê nhưng không đưa vào sử dụng đúng thời hạn theo quy định của pháp luật về đất đai. Thực tế cho thấy tình trạng này vẫn xảy ra ở nhiều địa phương, làm giảm hiệu quả sử dụng đất và gây lãng phí nguồn lực. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu bổ sung quy định theo hướng áp dụng mức thuế cao hơn đối với trường hợp đất được giao, cho thuê nhưng không đưa vào sử dụng đúng thời hạn theo quy định của pháp luật về đất đai nhằm tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước, hạn chế đầu cơ, bỏ hoang đất và nâng cao hiệu quả sử dụng đất.	Tại Luật Thuế SDĐPNN đã có quy định áp dụng mức thuế suất lũy tiến đối với đất ở, quy định mức thuế suất cao hơn nhiều lần đất trong hạn mức đối với đất sử dụng không đúng mục đích, đất chưa sử dụng (chậm sử dụng) là 0,15% (gấp 05 lần so với mức thuế đối với diện tích đất trong hạn mức).
	UBND tỉnh Gia Lai (công văn số 3062/GLA-NVDTPC	Đề nghị chỉnh sửa nội dung “Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế SDĐPNN, Luật Thuế TNDN.” thành “Quốc	Tiếp thu ý kiến về rà soát kỹ thuật văn bản tại dự thảo Luật.

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	ngày 07/7/2026); Đoàn ĐBQH tỉnh Gia Lai (công văn số 142/ĐĐBQH-CTQH ngày 09/7/2026)	hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế SDĐPNN số 48/2010/QH12, Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15.” nhằm phù hợp theo hướng dẫn tại Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP. Ngoài ra, có ý kiến thêm về kỹ thuật trình bày tên dự thảo Luật, tên Điều.	
	Bộ Tư pháp (công văn số 5058/BTP-PLDSKT ngày 06/7/2026)	Đề nghị rà soát chủ trương sửa đổi Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về “Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao” và Luật Đất đai năm 2024 để hoàn thiện dự thảo Luật cho phù hợp.	Tiếp thu, hoàn thiện tại hồ sơ dự án Luật, cụ thể: Tại Luật Thuế SDĐPNN có quy định áp dụng mức thuế suất lũy tiến đối với đất ở (0,03% áp dụng đối với diện tích đất tính thuế trong hạn mức; 0,07% đối với phần diện tích đất vượt đất không vượt quá 03 lần hạn mức và 0,15% đối với phần diện tích đất vượt đất quá 03 lần hạn mức), quy định mức thuế suất cao hơn nhiều lần đất trong hạn mức đối với đất sử dụng không đúng mục đích, đất chưa sử dụng là 0,15% (gấp 05 lần so với mức thuế đối với diện tích đất trong hạn mức) và đối với đất lần, chiếm là 0,2% (gấp gần 07 lần so với mức thuế đối với diện tích đất trong hạn mức). Tại Luật Đất đai năm 2024 và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật chưa quy định về

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THẺ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			khái niệm, tiêu chí đất không sử dụng, đất chậm sử dụng, đất bỏ hoang. Theo đó, để triển khai các chủ trương của Đảng theo định hướng sửa đổi Nghị quyết số 18-NQ/TW, cần nghiên cứu bổ sung quy định về nội hàm, tiêu chí, trách nhiệm của các cơ quan chuyên ngành trong việc xác định đất chậm sử dụng, đất chưa sử dụng, đất bỏ hoang tại dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) để làm cơ sở nghiên cứu, đề xuất chính sách thuế.
	Đoàn ĐBQH tỉnh Cà Mau (công văn số 96/ĐĐBQH ngày 07/7/2026)	Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu mở rộng phạm vi sửa đổi Luật Thuế SDĐPNN số 48/2010/QH12 theo hướng rà soát, sửa đổi toàn diện các quy định không còn phù hợp với Luật Đất đai năm 2024 và các luật có liên quan; đồng thời, hoàn thiện chính sách thuế theo hướng phát huy vai trò điều tiết việc sử dụng đất, hạn chế đầu cơ, khuyến khích sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả và đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong công tác quản lý thuế.	Bộ Tài chính đã nghiên cứu toàn diện, hoàn thiện phạm vi sửa đổi tại dự thảo Luật, thể chế hóa quy định tại Luật Đất đai và định hướng sửa đổi, hoàn thiện chính sách tài chính đất đai. Tại Luật Thuế SDĐPNN có quy định áp dụng mức thuế suất lũy tiến đối với đất ở (0,03% áp dụng đối với diện tích đất tính thuế trong hạn mức; 0,07% đối với phần diện tích đất vượt đất không vượt quá 03 lần hạn mức và 0,15% đối với phần diện tích đất vượt đất quá 03 lần hạn mức), quy định mức thuế suất cao hơn nhiều lần đất trong hạn mức đối với đất sử dụng không đúng mục đích, đất chưa sử dụng là 0,15% (gấp 05 lần so với mức thuế đối với diện tích đất trong hạn mức) và đối với đất lần, chiếm là 0,2% (gấp gần 07 lần so với mức thuế đối với diện tích đất trong

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			<i>hạn mức</i>). Các quy định trên đã góp phần tăng cường quản lý nhà nước đối với đất đai, góp phần khuyến khích tổ chức, cá nhân sử dụng đất tiết kiệm, có hiệu quả.
	Đoàn ĐBQH tỉnh Nghệ An (công văn số 115/ĐĐBQH ngày 9/7/2026)	- Đề nghị bổ sung khoản 1 Điều 9 theo hướng không áp dụng miễn thuế đối với đất của dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư nếu dự án chậm tiến độ. - Đề nghị nghiên cứu bổ sung miễn thuế đối với trường hợp đất của cơ sở trợ giúp xã hội.	- Đối với dự án chậm tiến độ xử lý theo pháp luật đầu tư, đất đai, xử phạt vi phạm hành chính và quản lý thuế (trong đó pháp luật quản lý thuế đã có quy định xử lý trường hợp dự án đầu tư chậm triển khai như thu hồi toàn bộ số thuế được miễn, tiền phạt chậm nộp, xử phạt vi phạm hành chính...). - Nghiên cứu khi sửa tổng thể Luật thuế SDĐPN để đảm bảo bao quát các trường hợp thuộc diện ưu đãi theo các chính sách của Đảng và Nhà nước, không thuộc nội dung điều chỉnh của Luật này.
	Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long (công văn số 9691/UBND-TH) ngày 09/7/2026	Đề xuất phương án tiếp tục giao mức kinh phí Ủy nhiệm thu trên địa bàn đáp ứng theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 21/2026/TT-BTC ngày 17/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, tỷ lệ trích 6%.	Nội dung về ủy nhiệm thu được quy định ở pháp luật về quản lý thuế, không thuộc nội dung điều chỉnh của Luật này.
II. Nhóm vấn đề về Luật Thuế TNDN (Điều 2 dự thảo Luật)			

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỀ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
1. Nhóm vấn đề về tiêu chí để xác định cơ sở giáo dục tự thực hoạt động không vì lợi nhuận			
	Đoàn ĐBQH tỉnh Lạng Sơn (công văn số 162/ĐĐBQH-VP ngày 08/7/2026)	Tại Điều 2 bổ sung khoản 6 Điều 15 Luật Thuế TNDN, trong đó có nội dung: “<i>Việc xác định cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục tự thực hoạt động không vì lợi nhuận thực hiện theo quy định của pháp luật về giáo dục</i>”. Qua rà soát, pháp luật về giáo dục đã có quy định về cơ sở giáo dục tự thực hoạt động không vì lợi nhuận; tuy nhiên cần tiếp tục đánh giá mức độ đầy đủ của các quy định về tiêu chí, trình tự, thủ tục và cơ quan có thẩm quyền xác nhận đối tượng được hưởng chính sách miễn thuế nhằm bảo đảm việc áp dụng thống nhất trên thực tế. Trường hợp pháp luật chuyên ngành chưa quy định đầy đủ hoặc chưa rõ, đề nghị giao Chính phủ quy định chi tiết để bảo đảm thực hiện thống nhất, tránh lợi dụng chính sách và tạo thuận lợi cho cơ quan thuế trong quá trình thực hiện.	Về tiêu chí để xác định cơ sở giáo dục tự thực hoạt động không vì lợi nhuận đã được quy định trong các luật về giáo dục và các văn bản hướng dẫn. Tại dự thảo Luật cũng quy định “<i>Việc xác định cơ sở giáo dục công lập; cơ sở giáo dục tự thực hoạt động không vì lợi nhuận thực hiện theo quy định của pháp luật về giáo dục</i>”. Qua rà soát quy định của pháp luật chuyên ngành về giáo dục cho thấy các Luật về giáo dục và các văn bản hướng dẫn hiện hành đã có quy định đầy đủ về tiêu chí, trình tự, thủ tục và cơ quan có thẩm quyền xác nhận cơ sở giáo dục tự thực hoạt động không vì lợi nhuận. Quá trình thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc, Chính phủ sẽ chủ động hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền cho sửa đổi, bổ sung VBQPPL cho phù hợp với thực tiễn thực hiện.
	Đoàn ĐBQH tỉnh Đồng Nai (công văn số 66/ĐĐBQH ngày 07/7/2026)	Đề nghị quy định rõ tiêu chí “hoạt động không vì lợi nhuận” phải dựa trên báo cáo kiểm toán độc lập hàng năm. Việc xác định này cần đồng bộ với pháp luật về giáo dục để tránh tình trạng các cơ sở giáo dục trên danh nghĩa hoạt động “phi lợi nhuận” nhưng thực tế vẫn chỉ trả lợi tức ngầm cho các cổ đông.	Theo quy định của pháp luật về quản lý thuế, người nộp thuế tự khai, tự nộp và tự chịu trách nhiệm; cơ quan thuế có trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện nghĩa vụ thuế của người nộp thuế (hậu kiểm). Ngoài ra, doanh nghiệp còn bị

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Đoàn ĐBQH tỉnh Quảng Ninh (công văn số 62/ĐĐBQH ngày 08/7/2026)	Thống nhất với việc bổ sung chính sách miễn thuế đối với cơ sở giáo dục công lập và cơ sở giáo dục tư thực hoạt động không vì lợi nhuận. Tuy nhiên, đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu quy định rõ hoặc giao Chính phủ hướng dẫn cụ thể tiêu chí xác định cơ sở giáo dục hoạt động không vì lợi nhuận; cơ chế quản lý, kiểm tra việc sử dụng phần thu nhập được miễn thuế.	thanh tra, kiểm toán của cơ quan có chức năng về thanh tra, kiểm toán. Do đó, trường hợp các cơ sở giáo dục không vì lợi nhuận nhưng thực tế thực hiện có chi trả lợi tức ngầm, rút vốn... mà bị phát hiện qua thanh tra, kiểm tra thì sẽ bị truy thu thuế và xử phạt theo quy định.
	Đoàn ĐBQH tỉnh Gia Lai (công văn số 142/ĐĐBQH-VP ngày 07/7/2026)	Việc quy định bổ sung miễn thuế TNDN đối với cơ sở giáo dục công lập và cơ sở giáo dục tư thực hoạt động không vì lợi nhuận là chính sách phù hợp với xu hướng phát triển, khuyến khích, thu hút nguồn lực xã hội đầu tư vào lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Tuy nhiên, để bảo đảm chính sách được thực hiện đúng mục tiêu và tránh bị lợi dụng, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung quy định hoặc giao Chính phủ quy định các tiêu chí để xác định cơ sở giáo dục tư thực hoạt động không vì lợi nhuận.	
	Đoàn ĐBQH tỉnh Đắk Lắk (công văn số 191/ĐĐBQH ngày 08/7/2026)	Đề nghị cơ quan soạn thảo quy định chặt chẽ tiêu chí xác định cơ sở giáo dục tư thực hoạt động không vì lợi nhuận; nghiên cứu bổ sung quy định tại dự thảo Luật hoặc văn bản hướng dẫn quy định rõ các tiêu chí như: Không chia lợi nhuận cho nhà đầu tư dưới bất kỳ hình thức nào; Không được	

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		chuyển lợi nhuận thành các khoản chi phí bất hợp lý; Toàn bộ phần chênh lệch thu lớn hơn chi phải được tái đầu tư cho hoạt động giáo dục; Có cơ chế công khai, minh bạch tài chính và kiểm toán độc lập hằng năm. Việc quy định rõ các tiêu chí này sẽ hạn chế tình trạng lợi dụng mô hình phi lợi nhuận để hưởng ưu đãi thuế.	
2. Nhóm vấn đề về xác định khoản thu nhập được miễn thuế TNDN; cơ chế quản lý, kiểm tra việc sử dụng phần thu nhập được miễn thuế			
	Bộ GD&ĐT (công văn số 4330/BGDĐT-KHTC ngày 09/7/2026)	Tại Nghị quyết số 71 thì cơ sở giáo dục công lập và cơ sở giáo dục tư thực hoạt động không vì lợi nhuận được miễn thuế TNDN; Nghị quyết số 71 không quy định theo hướng chỉ được miễn trong một số trường hợp cụ thể. Do đó, đề nghị Ban soạn thảo rà soát căn cứ và sự phù hợp của việc quy định chỉ được miễn thuế đối với một số loại thu nhập như tại dự thảo Luật. Bên cạnh đó, tại Điều 2 dự thảo Luật quy định bổ sung khoản 6 Điều 15 Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15 còn có quy định: “<i>Trường hợp phát sinh các khoản thu nhập khác với quy định tại khoản này cần được miễn thuế thì giao Chính phủ quy định</i>”. Tuy nhiên, quy định này không phù hợp với khoản 4 Điều 70 Hiến pháp năm 2013 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội: “4.	- Tại Nghị quyết số 71 chỉ quy định nguyên tắc <i>không áp dụng thuế TNDN đối với cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục tư thực hoạt động không vì lợi nhuận</i>. Tuy nhiên, thể chế hóa chủ trương nêu trên, tại dự thảo Luật cần xác định rõ các khoản thu nhập được miễn thuế TNDN của cơ sở giáo dục bao gồm các khoản thu nhập liên quan đến hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ, hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục và khoản lãi tiền gửi ngân hàng để đảm bảo việc miễn thuế đúng đối tượng, đúng mục tiêu, tránh trường hợp doanh nghiệp lợi dụng chính sách để trục lợi, gây thất thu NSNN. Đây cũng là ý kiến của nhiều Đoàn ĐBQH. Ngoài ra, đối với một số khoản thu nhập như chuyển nhượng bất động sản, chuyển

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>Quyết định chính sách cơ bản về tài chính, tiền tệ quốc gia; quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế;”. Do đó, đề nghị Ban soạn thảo rà soát để bảo đảm nội dung của dự thảo Luật không trái với Hiến pháp năm 2013.</i>	nhượng vốn, sản xuất, kinh doanh hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt,... theo quy định của Luật Thuế TNDN hiện hành thì không áp dụng ưu đãi thuế đối với các khoản thu nhập này. Do đó, việc quy định miễn thuế TNDN đối với toàn bộ cơ sở giáo dục hoạt động không vì lợi nhuận là chưa phù hợp Luật Thuế TNDN hiện hành, chưa thống nhất với các đối tượng được ưu đãi thuế khác. - Về khoản thu nhập được miễn thuế giao Chính phủ quy định: + Nền kinh tế thị trường phát sinh các loại hình thu nhập mới liên tục nên nếu mỗi khoản thu nhập mới cần miễn thuế đều phải chờ Quốc hội cho ý kiến để sửa Luật thì sẽ làm mất đi cơ hội kinh doanh và giảm tính cạnh tranh của quốc gia, của doanh nghiệp, vì vậy để phù hợp với thực tiễn hoạt động của cơ sở giáo dục trước các biến động về kinh tế - xã hội, việc giao Chính phủ quy định trong một phạm vi cụ thể sẽ giúp chính sách ban hành nhanh chóng, kịp thời hỗ trợ doanh nghiệp và phù hợp thực tiễn hoạt động. + Quy định này là phù hợp với cơ chế ủy quyền lập pháp của Quốc hội, vì thực tiễn nhiều

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỀ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			luật thuế hiện hành (như Luật Thuế GTGT, Luật Thuế TNDN...) đều có các điều khoản quét dạng "Trường hợp khác do Thủ tướng Chính phủ hoặc Chính phủ quyết định". Các quy định này vẫn vận hành ổn định nhiều năm qua và không bị coi là vi hiến.
	Đoàn ĐBQH Thành phố Hà Nội (công văn số 161/TH-ĐDBQH ngày 09/7/2026)	- Về phạm vi thu nhập được miễn thuế, có ý kiến đề nghị bổ sung tiêu chí “trực tiếp phục vụ hoạt động giáo dục, đào tạo” và yêu cầu cơ sở giáo dục phải hạch toán riêng thu nhập được miễn thuế, sử dụng toàn bộ phần thu nhập được miễn thuế để đầu tư phát triển cơ sở giáo dục. Đối với các khoản như lãi tiền gửi ngân hàng, dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, giao Chính phủ quy định chi tiết tiêu chí xác định, cách hạch toán và kiểm soát việc sử dụng, tránh mở rộng ưu đãi sang các hoạt động kinh doanh thuần túy. - Có ý kiến đề nghị giới hạn rõ phạm vi ủy quyền đối với nội dung: “Trường hợp phát sinh các khoản thu nhập khác với quy định tại khoản này cần được miễn thuế thì giao Chính phủ quy định”, xem xét chỉ giao Chính phủ quy định đối với khoản thu nhập khác trực tiếp phục vụ hoạt động giáo dục, đào tạo, không nhằm mục đích phân phối lợi nhuận và được sử dụng để tái đầu tư	- Các khoản thu nhập được miễn thuế tại Điều 2 dự thảo Luật được rà soát, tổng hợp từ quy định của các Luật về giáo dục hiện hành. Tại dự thảo Luật cũng không có cụm từ “trực tiếp” phục vụ hoạt động giáo dục. Việc hạch toán riêng thu nhập được hưởng ưu đãi và không hưởng ưu đãi đã được quy định tại khoản 1 Điều 18 của Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15. - Về xem xét giới hạn phạm vi ủy quyền chỉ giao Chính phủ quy định đối với khoản thu nhập khác trực tiếp phục vụ hoạt động giáo dục, đào tạo: Tại khoản 4 Điều 3 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo đã quy định rõ về “<i>Dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục</i>” trong đó đã

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THẺ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		phát triển cơ sở giáo dục. Đồng thời, nghiên cứu bổ sung trong Luật các nguyên tắc, tiêu chí hoặc giới hạn phạm vi các khoản thu nhập được miễn thuế làm căn cứ để Chính phủ quy định chi tiết. - Có ý kiến đề nghị quy định về xử lý trường hợp sử dụng sai mục đích phần thu nhập được miễn thuế theo nguyên tắc thu hồi, truy thu tương ứng với phần thu nhập sử dụng sai mục đích; trường hợp cơ sở giáo dục rút vốn, chia lợi tức hoặc phân phối lợi ích trái với tiêu chí không vì lợi nhuận thì thu hồi toàn bộ số thuế đã được miễn có liên quan và xử lý tiền chậm nộp, tiền phạt theo pháp luật về quản lý thuế. Nội dung quy định này bảo đảm nghiêm minh, khả thi khi áp dụng. - Có ý kiến đề nghị nghiên cứu làm rõ nội hàm các cụm từ sau hoặc quy định cụ thể các tiêu chí xác định để đảm bảo thống nhất, thuận lợi trong áp dụng Luật: + Cụm từ "dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục" trong nội dung miễn thuế đối với thu nhập. + Cụm từ "đầu tư phát triển cơ sở giáo dục" trong nội dung sử dụng phần thu nhập được miễn thuế.	có "dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục khác". - Về mục đích sử phần thu nhập được miễn thuế và biện pháp quản lý sử dụng thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật chuyên ngành về giáo dục. Tại Luật Thuế TNDN chỉ quy định các nội dung liên quan đến chính sách thuế TNDN như việc xác định doanh thu, chi phí được trừ, thu nhập chịu thuế, thu nhập được miễn thuế, mức ưu đãi thuế... Khái niệm "dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục" đã được quy định cụ thể tại khoản 4 Điều 3 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. - Khái niệm "đầu tư phát triển cơ sở giáo dục" đã được quy định tại khoản 3 Điều 40 Luật Giáo dục đại học năm 2025 và khoản 2 Điều 16 Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2025.

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THẺ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Đoàn ĐBQH tỉnh Thanh Hóa (công văn số 119/ĐĐBQH-VP ngày 11/7/2026)	Đoàn ĐBQH tỉnh Thanh Hóa cơ bản thống nhất về chủ trương miễn thuế nhằm khuyến khích cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục tư thực hoạt động không vì lợi nhuận tái đầu tư cho giáo dục. Tuy nhiên, cụm từ “dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục” có nội hàm rộng, nếu không quy định tiêu chí cụ thể sẽ khó phân biệt với hoạt động kinh doanh thương mại thông thường, gây khó khăn cho cơ quan thuế và cơ sở giáo dục trong quá trình kê khai, thanh tra, kiểm tra. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu chỉnh lý theo hướng chỉ miễn thuế đối với dịch vụ phục vụ, hỗ trợ trực tiếp hoạt động giáo dục, đào tạo của chính cơ sở giáo dục và giao Chính phủ quy định danh mục, tiêu chí nhận diện cụ thể.	Khái niệm “<i>dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục</i>” đã được quy định cụ thể tại khoản 4 Điều 3 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, cụ thể: “<i>Dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục là dịch vụ được tổ chức để tạo điều kiện thuận lợi, nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục đáp ứng nhu cầu phát triển toàn diện của người học và hoạt động của cơ sở giáo dục nhưng không được ngân sách nhà nước đảm bảo hoặc chưa được cấu thành trong học phí. Dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục bao gồm các dịch vụ như: dịch vụ ăn uống, bán trú; dịch vụ đưa đón người học; dịch vụ y tế học đường; dịch vụ tư vấn tâm lý, hướng nghiệp, trải nghiệm hướng nghiệp; dịch vụ thư viện; dịch vụ công nghệ, học tập số; hoạt động ngoại khóa, kỹ năng sống; dịch vụ trông giữ, chăm sóc trẻ em, học sinh ngoài giờ; dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục khác</i>”. Các nội dung sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Luật đã được quy định cụ thể nên dự kiến không giao Chính phủ quy định chi tiết.
	UBND TP Hà Nội (công văn số 33610/HAN-NVDTPC ngày 06/7/2026)	Đề nghị chỉnh sửa như sau: “ <i>Cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục tư thực hoạt động không vì lợi nhuận thành lập theo quy định của pháp luật được miễn thuế đối với: thu nhập từ hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục (bao gồm: chăm sóc, đời sống, hỗ trợ học tập y tế & hướng nghiệp, phát triển cá nhân...), lãi tiền gửi ngân hàng; kinh</i>	

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỀ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>phí đặt hàng, giao nhiệm vụ của Nhà nước. Trường hợp phát sinh các khoản thu nhập khác với quy định tại khoản này cần được miễn thuế thì giao Chính phủ quy định”.</i>	Do đó, đề nghị giữ như dự thảo Luật.
	Đoàn ĐBQH TP Đà Nẵng (công văn số 119/ĐĐBQH-VP ngày 10/7/2026)	Dự thảo Luật chưa làm rõ phạm vi của “dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục”, trong khi thực tế ngoài hoạt động giáo dục, đào tạo, các cơ sở giáo dục còn phát sinh nhiều khoản thu từ các hoạt động phục vụ người học, hỗ trợ hoạt động đào tạo và khai thác cơ sở vật chất theo quy định của pháp luật (ký túc xá, căn tin, thư viện, khai thác sân bãi, cơ sở vật chất,...). Việc chưa có căn cứ rõ ràng để phân định khoản thu nào thuộc diện được miễn thuế và khoản thu nào là hoạt động kinh doanh phải thực hiện nghĩa vụ thuế có thể dẫn đến cách hiểu và áp dụng không thống nhất giữa cơ quan quản lý thuế và người nộp thuế, đồng thời làm giảm tính minh bạch của chính sách ưu đãi thuế. Do đó, đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định trên như sau: “...thu nhập từ hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ; thu nhập từ các hoạt động dịch vụ phục vụ trực tiếp, hỗ trợ hoạt động học tập, sinh hoạt của người học tại cơ sở giáo dục theo danh mục cụ thể do Chính phủ quy định; ...”.	

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THẺ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Đoàn ĐBQH tỉnh Phú Thọ (công văn số 108/ĐĐBQH-VP ngày 07/7/2026)	Đề nghị cơ quan soạn thảo tiếp tục làm rõ phạm vi thu nhập được miễn thuế, chỉ nên miễn thuế đối với thu nhập trực tiếp từ hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, lãi tiền gửi ngân hàng phát sinh từ nguồn thu hợp pháp của cơ sở giáo dục và kinh phí đặt hàng, giao nhiệm vụ của Nhà nước. Đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, đầu tư tài chính, cho thuê tài sản hoặc dịch vụ thương mại không gắn trực tiếp với mục tiêu giáo dục thì cần thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định chung. Đồng thời, bổ sung cơ chế hậu kiểm chặt chẽ đối với cơ sở giáo dục được miễn thuế, bao gồm: công khai báo cáo tài chính; báo cáo việc sử dụng phần thu nhập được miễn thuế; cam kết không chia lợi tức, không rút vốn trái quy định; kiểm soát giao dịch liên kết, hợp đồng dịch vụ nội bộ, tiền thuê, tiền lương hoặc chi phí bất thường có khả năng làm phát sinh việc chuyển lợi ích trá hình cho nhà đầu tư, người quản lý hoặc tổ chức có liên quan. Trường hợp cơ sở giáo dục sử dụng phần thu nhập được miễn thuế không đúng mục đích, thực hiện chia lợi tức, rút vốn hoặc chuyển lợi ích trá hình thì phải kê khai, nộp lại số thuế đã được miễn, tiền chậm nộp và bị xử lý theo quy định của pháp luật	Tại dự thảo Luật đã quy định các khoản thu nhập được miễn thuế. Theo đó, trường hợp cơ sở giáo dục phát sinh các khoản thu nhập ngoài khoản thu nhập được miễn thuế thì thực hiện nộp thuế TNDN theo quy định. Về cơ chế hậu kiểm như: công khai báo cáo tài chính; báo cáo việc sử dụng phần thu nhập được miễn thuế; cam kết không chia lợi tức, không rút vốn trái quy định; kiểm soát giao dịch liên kết, hợp đồng dịch vụ nội bộ, tiền thuê, tiền lương hoặc chi phí bất thường có khả năng làm phát sinh việc chuyển lợi ích trá hình cho nhà đầu tư, người quản lý hoặc tổ chức có liên quan... đã được quy định của pháp luật chuyên ngành, pháp luật về quản lý thuế (Theo quy định của pháp luật về quản lý thuế, người nộp thuế tự khai, tự nộp và tự chịu trách nhiệm; cơ quan thuế có trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện nghĩa vụ thuế của người nộp thuế (hậu kiểm). Ngoài ra, doanh nghiệp còn bị thanh tra, kiểm toán của cơ quan có chức năng về thanh tra, kiểm toán. Do đó, trường hợp các cơ sở giáo dục không vì lợi nhuận nhưng thực tế thực hiện có chi trả lợi tức ngầm, rút vốn... mà bị phát hiện qua thanh tra, kiểm tra thì sẽ bị truy thu thuế và xử phạt theo

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THẺ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		về quản lý thuế.	quy định). Tại Luật Thuế TNDN chỉ quy định các nội dung liên quan đến chính sách thuế TNDN như việc xác định doanh thu, chi phí được trừ, thu nhập chịu thuế, thu nhập được miễn thuế, mức ưu đãi thuế...
	Đoàn ĐBQH tỉnh Gia Lai (công văn số 142/ĐĐBQH-VP ngày 07/7/2026)	Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, bổ sung đánh giá tác động của chính sách này đối với nguồn thu ngân sách.	Về đánh giá tác động của chính sách đối với nguồn thu ngân sách: Trường hợp tất cả các cơ sở giáo dục công lập và cơ sở giáo dục ngoài công lập đều hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận thì sẽ làm giảm thu NSNN khoảng 2.200 tỷ đồng/năm.
	Đoàn ĐBQH tỉnh Quảng Ninh (công văn số 62/ĐĐBQH ngày 08/7/2026)	Quy định trách nhiệm và biện pháp xử lý đối với trường hợp sử dụng không đúng mục đích nhằm bảo đảm chính sách được thực hiện đúng đối tượng, đúng mục tiêu, công khai, minh bạch và hạn chế việc lợi dụng chính sách.	Về mục đích sử dụng phần thu nhập được miễn thuế và biện pháp quản lý sử dụng thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật chuyên ngành về giáo dục. Tại Luật Thuế TNDN chỉ quy định các nội dung liên quan đến chính sách thuế TNDN như việc xác định doanh thu, chi phí được trừ, thu nhập chịu thuế, thu nhập được miễn thuế, mức ưu đãi thuế...
	Đoàn ĐBQH tỉnh Đắk Lắk (công văn số 191/ĐĐBQH ngày 08/7/2026)	Dự thảo Luật quy định miễn thuế đối với thu nhập từ hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, dịch vụ phục vụ giáo dục và lãi tiền gửi ngân hàng. Tuy nhiên, cần làm rõ việc xử lý đối với các khoản thu nhập từ	Dự thảo Luật quy định miễn thuế đối với thu nhập từ hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, dịch vụ phục vụ giáo dục và lãi tiền gửi ngân hàng. Theo đó, các khoản thu nhập không thuộc các khoản

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		hoạt động liên doanh, liên kết; cho thuê tài sản; kinh doanh dịch vụ không gắn trực tiếp với hoạt động giáo dục; chuyển nhượng tài sản hoặc các hoạt động đầu tư tài chính khác. Đề nghị chỉ miễn thuế đối với các khoản thu nhập trực tiếp phục vụ mục tiêu giáo dục và đào tạo; các khoản thu nhập mang tính thương mại cần tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định.	thu nhập được miễn thuế thì cơ sở giáo dục thực hiện kê khai, nộp thuế theo quy định.
	Thanh tra Chính phủ (công văn số 2149/TTCP-C.VI ngày 06/7/2026)	Tại Điều 2 dự thảo, sửa đổi Luật Thuế TNDN (bổ sung khoản 6 Điều 15): dự thảo quy định cơ sở giáo dục “<i>thực hiện rút vốn hoặc chia lợi tức thì phải nộp lại toàn bộ tiền thuế đã được miễn theo quy định tại khoản này và tiền chậm nộp, tiền phạt</i>”. Thanh tra Chính phủ đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu bổ sung điều khoản loại trừ trách nhiệm nộp lại thuế đối với trường hợp rút vốn do giải thể, phá sản vì lý do bất khả kháng hoặc thay đổi quy hoạch của Nhà nước; đồng thời xác định rõ mốc thời gian tính tiền chậm nộp kể từ ngày rút vốn, chia lợi tức không đúng quy định.	Đề nghị giữ như dự thảo Luật với lý do: điều kiện để cơ sở giáo dục tự thực được miễn thuế là “hoạt động không vì lợi nhuận”; trường hợp cơ sở giáo dục tự thực hoạt động vì lợi nhuận đã được hưởng ưu đãi thuế TNDN ở mức cao nhất theo cơ chế xã hội hóa (thuế suất 10% trong suốt thời gian hoạt động, miễn thuế tối đa 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp tối đa 9 năm hoặc 5 năm tiếp theo tùy thuộc vào địa bàn hoạt động). Do đó, nếu vì lý do nào đó, cơ sở giáo dục không đáp ứng được điều kiện hoạt động không vì lợi nhuận thì chỉ được hưởng ưu đãi thuế theo điều kiện xã hội hóa (nếu đáp ứng điều kiện cơ sở thực hiện xã hội hóa). Về việc truy thu thuế và tính tiền chậm nộp, tiền phạt đã được quy định cụ thể tại pháp luật về quản lý thuế. Do đó, nội dung này tại dự

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THẺ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			thảo Luật chỉ dẫn chiếu theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.
3. Nhóm vấn đề khác tại Luật Thuế TNDN			
	Đoàn ĐBQH tỉnh Quảng Ninh (công văn số 62/ĐĐBQH ngày 08/7/2026)	Đề nghị Ban soạn thảo cân nhắc mở rộng đối tượng cho các tổ chức KH&CN ngoài công lập hoạt động không vì lợi nhuận để khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp đầu tư cho nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và thương mại hóa kết quả nghiên cứu, huy động hiệu quả nguồn lực xã hội cho phát triển KH&CN.	Về đề nghị bổ sung đối tượng được miễn thuế TNDN là các tổ chức KH&CN ngoài công lập hoạt động không vì lợi nhuận: Theo quy định của Luật Thuế TNDN hiện hành thì tổ chức KH&CN ngoài công lập nếu là doanh nghiệp KH&CN đã được hưởng ưu đãi thuế TNDN ở mức cao nhất (thuế suất 10% trong 15 năm, miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo). Bên cạnh đó, Luật Thuế TNDN hiện hành cũng quy định thu nhập từ việc thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, thu nhập từ bán sản phẩm làm ra từ công nghệ mới lần đầu tiên áp dụng ở Việt Nam, thu nhập từ bán sản phẩm sản xuất thử nghiệm trong thời gian sản xuất thử nghiệm bao gồm cả sản xuất thử nghiệm có kiểm soát theo quy định của pháp luật được miễn thuế 03 năm. Ngoài ra, Luật KHCN và đổi mới sáng tạo không có quy định về “ <i>tổ chức KH&CN tư thực hoạt động không vì lợi nhuận</i> ” để làm căn cứ đề xuất miễn thuế cho đối tượng này.
	Đoàn ĐBQH tỉnh Đồng Nai (công văn số 66/ĐĐBQH ngày 07/7/2026)	Đề nghị Ban soạn thảo cân nhắc mở rộng đối tượng cho các tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập hoạt động không vì lợi nhuận để thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp sáng tạo. Việc chi ưu tiên khởi công lập có thể tạo ra sự bất bình đẳng trong tiếp cận các ưu đãi chính sách.	
	UBND TP Đà Nẵng (công văn số 6143/DAN-NVDTPC ngày 08/7/2026)	Đề nghị bổ sung thêm quy định về ưu đãi thuế đối với các tổ chức khoa học công nghệ ngoài công lập để phù hợp với Luật KHCN và đổi mới sáng tạo.	
	Đoàn ĐBQH tỉnh Nghệ An (công văn số 115/ĐĐBQH ngày 09/7/2026)	Đề nghị bổ sung thêm quy định về ưu đãi thuế đối với các tổ chức khoa học công nghệ ngoài công lập để phù hợp với các định hướng chiến lược và chính sách phát triển khoa học công nghệ	

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		và đổi mới sáng tạo theo tinh thần Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 12/12/2024 của Bộ Chính trị và quy định của Luật khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2024.	Do đó, đề nghị giữ như dự thảo Luật.
	UBND tỉnh Gia Lai (công văn số 3062/GLA-NVDTPC ngày 07/7/2026)	Đề nghị chỉnh sửa tên của Điều này từ “Điều 2. Sửa đổi khoản 5 và bổ sung khoản 6 Điều 15 Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15” thành “Điều 2. Sửa đổi khoản 5 và bổ sung khoản 5a vào sau khoản 5 Điều 15 Luật Thuế TNDN” vì Điều 15 Luật Thuế TNDN có 06 khoản. Theo đó, đề nghị chỉnh sửa số thứ tự các khoản trong nội dung sửa đổi, bổ sung tại Điều này cho phù hợp.	Tiếp thu, thể hiện tại dự thảo Luật
	UBND tỉnh Lai Châu (công văn số 4190/STC-QLDN&ĐKKD ngày 07/7/2026)	Đề nghị chỉnh sửa kỹ thuật trình bày “bổ sung khoản 6 Điều 15” thành “bổ sung khoản 5a vào sau khoản 5 Điều 15 Luật Thuế TNDN”	
	Bộ Tư pháp (công văn số 5058/BTP-PLDSKT ngày 06/7/2026)	Điều 2 dự thảo Luật bổ sung khoản 6 Điều 15 Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15 quy định: “Cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục tư thục hoạt động không vì lợi nhuận thành lập theo quy định của pháp luật được miễn thuế đối với: thu nhập từ ... nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ... Trường hợp phát sinh các khoản thu nhập khác với quy định tại khoản này cần được miễn	Nội dung “Thu nhập từ việc thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số... Thu nhập tại khoản này được miễn thuế tối đa không quá 03 năm” được quy định tại khoản 4 Điều 4 Luật số 67/2025/QH15; còn nội dung “Thu nhập từ chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực ưu tiên chuyển giao công nghệ cho tổ chức, cá nhân ở

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THẺ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		thuế thì giao Chính phủ quy định. Việc xác định cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục tư thục hoạt động không vì lợi nhuận thực hiện theo quy định của pháp luật về giáo dục". Tuy nhiên, khoản 4 Điều 4 Luật số 67/2025/QH15 quy định thu nhập được miễn thuế: "Thu nhập từ việc thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số... Thu nhập tại khoản này được miễn thuế tối đa không quá 03 năm"; khoản 13 Điều 4 Luật số 67/2025/QH15 quy định: "Thu nhập từ chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực ưu tiên chuyển giao công nghệ cho tổ chức, cá nhân ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn". Đối chiếu quy định tại Điều 2 dự thảo Luật và khoản 4 và khoản 13 Điều 4 Luật số 67/2025/QH15, có sự trùng lặp hoặc không thống nhất về chính sách (cả hai Điều, khoản cùng quy định miễn thuế đối với thu nhập từ hoạt động nghiên cứu khoa học, nhưng khoản 4 Điều 4 Luật số 67/2025/QH15 chỉ áp dụng trong vòng 3 năm; đối với hoạt động chuyển giao công nghệ chỉ miễn thuế thu nhập từ chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực ưu tiên và chuyển giao cho tổ chức, cá nhân ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn). Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp Bộ Khoa học và Công nghệ,	địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn" được quy định khoản 13 Điều 4 Luật số 67/2025/QH15; các quy định này được kế thừa từ Luật số 32/2013/QH13, đã thực hiện trong nhiều năm, không phát sinh vướng mắc. Quá trình xây dựng Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15 cũng không có ý kiến (bao gồm cả Bộ Tư pháp) về nội dung này. Ngoài ra, tại khoản 1 Điều 12 Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15 đã quy định: "... Trong cùng một thời gian, nếu doanh nghiệp được hưởng nhiều mức ưu đãi thuế khác nhau theo quy định của Luật này đối với cùng một khoản thu nhập thì doanh nghiệp được lựa chọn áp dụng mức ưu đãi thuế có lợi nhất". Do đó, trường hợp khoản thu nhập của doanh nghiệp trong cùng thời gian được hưởng nhiều mức ưu đãi khác nhau thì doanh nghiệp được chọn hưởng ưu đãi có lợi nhất. Quy định về miễn thuế đối với nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ tại Luật Thuế TNDN hiện hành đều gắn với điều kiện cụ thể (về địa bàn) hoặc có thời gian nhất định (03 năm). Đối với quy định tại Điều 2 dự thảo Luật đang xác định thu nhập được miễn thuế của cơ sở

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THẺ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Bộ Giáo dục và Đào tạo đề đề xuất chính sách thống nhất, phù hợp.	giáo dục bao gồm: <i>thu nhập từ ... nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ...</i> chỉ gắn với điều kiện là thu nhập của cơ sở giáo dục công lập hoặc cơ sở giáo dục tư thực hoạt động không vì lợi nhuận. Quy định này phù hợp với chủ trương của Nghị quyết số 71 và Nghị quyết số 57. Do đó, đề nghị giữ như dự thảo Luật. Ngoài ra, tại khoản 1 Điều 12 Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15 đã quy định: “... Trong cùng một thời gian, nếu doanh nghiệp được hưởng nhiều mức ưu đãi thuế khác nhau theo quy định của Luật này đối với cùng một khoản thu nhập thì doanh nghiệp được lựa chọn áp dụng mức ưu đãi thuế có lợi nhất”. Do đó, trường hợp khoản thu nhập của doanh nghiệp trong cùng thời gian được hưởng nhiều mức ưu đãi khác nhau thì doanh nghiệp được chọn hưởng ưu đãi có lợi nhất.
	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (công văn số 6082/NHNN-TCKT ngày 09/7/2026)	Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung trường hợp được miễn, giảm thuế (tại Điều 14 hoặc Điều 15 Luật Thuế TNDN) đối với việc thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất của Nhà nước qua một trong hai phương thức sau: (1) Doanh nghiệp thuộc đối tượng được hỗ trợ lãi suất vay vốn các ngân hàng thương mại theo các quy định của Chính phủ được	Đề nghị giữ như dự thảo, với lý do sau: Điều 1 Luật Thuế TNDN quy định về phạm vi điều chỉnh, bao gồm: “<i>Luật này quy định về người nộp thuế, thu nhập chịu thuế, thu nhập được miễn thuế, căn cứ tính thuế, phương pháp tính thuế và ưu đãi thuế TNDN</i>”. Nội dung đề xuất ngân hàng thương mại thực hiện hỗ trợ lãi suất cho khách hàng, sau đó

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		giảm thuế TNDN bằng số tiền lãi được hỗ trợ. (2) Ngân hàng thương mại đã hỗ trợ lãi suất cho khách hàng theo các quy định của Chính phủ được giảm thuế TNDN bằng số tiền lãi đã hỗ trợ cho khách hàng.	giảm thẳng số tiền đã hỗ trợ lãi suất này vào số thuế TNDN phải nộp trước khi nộp thuế TNDN vào ngân sách nhà nước hoặc doanh nghiệp thuộc đối tượng được hỗ trợ lãi suất vay vốn các ngân hàng thương mại theo các quy định của Chính phủ được giảm thuế TNDN bằng số tiền lãi được hỗ trợ không phải nội dung liên quan đến doanh thu, chi phí, thu nhập chịu thuế TNDN hay ưu đãi thuế TNDN. Do đó, nội dung này không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Thuế TNDN nên đề xuất bổ sung quy định tại Luật Thuế TNDN là không phù hợp. Mặt khác, trường hợp trong kỳ tính thuế mà doanh nghiệp, ngân hàng thương mại bị lỗ thì sẽ không phát sinh số thuế TNDN phải nộp để trừ đi số tiền đã bỏ ra hỗ trợ lãi suất cho khách hàng. Ngoài ra, nếu cho phép doanh nghiệp, ngân hàng thương mại giảm thẳng số tiền đã hỗ trợ lãi suất này vào số thuế TNDN phải nộp trước khi nộp thuế TNDN vào ngân sách nhà nước sẽ không phản ánh đúng số thu thuế TNDN vào ngân sách nhà nước và được quản lý sử dụng theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Vì vậy, đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nghiên cứu đề xuất phương án khác đảm bảo khả thi trong thực hiện.

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	UBND tỉnh Hà Tĩnh (công văn số 4923/STC-NST ngày 09/7/2026)	Tại khoản 5 Điều 2 dự thảo, đề nghị sửa thành: <i>“Điều 2. Sửa đổi khoản 5 và bổ sung khoản 6 Điều 15 Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15 “5. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập được miễn thuế đối với thu nhập từ hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo quy định của Chính phủ.””</i> Lý do đề nghị: Để xác định rõ phạm vi thu nhập được miễn thuế của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, bảo đảm chính sách ưu đãi thuế tập trung đúng vào hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ là lĩnh vực Nhà nước khuyến khích. - Tại khoản 6 Điều 2 dự thảo, đề nghị sửa thành: <i>“Điều 2. Sửa đổi khoản 5 và bổ sung khoản 6 Điều 15 Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15 “6. Cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục tư thực hoạt động không vì lợi nhuận thành lập theo quy định của pháp luật được miễn thuế đối với: thu nhập từ hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục; lãi tiền gửi ngân hàng; kinh phí đặt hàng, giao nhiệm vụ của Nhà nước. Trường hợp phát sinh các khoản thu nhập khác với quy định tại khoản này cần</i>	Đề nghị giữ như dự thảo Luật vì khoản thu nhập được miễn thuế của Tổ chức khoa học và công nghệ công lập đã được quy định cụ thể tại điểm a khoản 5 Điều 21 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế TNDN. Đề nghị giữ như dự thảo Luật vì tên các khoản thu nhập được liệt kê tại dự thảo Luật được dẫn chiếu theo các luật về giáo dục.

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỀ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>được miễn thuế thì giao Chính phủ quy định..."</i> Lý do đề nghị: Đề quy định cụ thể các khoản thu nhập được miễn thuế đối với cơ sở giáo dục công lập và cơ sở giáo dục tư thực hoạt động không vì lợi nhuận, bảo đảm việc áp dụng chính sách ưu đãi thuế được rõ ràng, minh bạch và thống nhất trong thực tiễn.	
III. Kiến nghị chung			
	Bộ Tư pháp (công văn số 5058/BTP-PLDSKT ngày 06/7/2026); Bộ Quốc phòng (công văn số 4870/BQP-TC ngày 06/7/2026)	Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ việc bổ sung Luật Thuế TNDN tại Tờ trình Chính phủ.	Tiếp thu và hoàn thiện tại Mục VII dự thảo Tờ trình Chính phủ.
	Bộ Quốc phòng (công văn số 4870/BQP-TC ngày 06/7/2026)	Tại dự thảo Tờ trình chỉ nêu cơ sở pháp lý liên quan đến đất của cơ sở giáo dục là chưa đầy đủ. Do đó, đề nghị bổ sung cơ sở pháp lý của các loại đất còn lại để đảm bảo đánh giá đầy đủ các cơ sở pháp lý đối với các loại đất đề xuất không phải chịu thuế tại dự thảo.	Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Tờ trình Chính phủ.
	Bộ Tư pháp (công văn số 5058/BTP-PLDSKT ngày 06/7/2026)	Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo hoàn thiện thành phần hồ sơ, tổ chức lấy ý kiến theo quy định tại Luật Ban hành VBQPPL và thực hiện theo mẫu	Tiếp thu, hoàn thiện Báo cáo tổng kết theo hướng đánh giá toàn diện vướng mắc, bất cập trong quá trình thực hiện Luật Thuế SDĐPNN,

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		ban hành kèm theo Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/04/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành VBQPPL, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo đánh giá toàn diện vướng mắc, bất cập trong quá trình thực hiện Luật số 48/2010/QH12, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15; Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 116/2025/QH15, Luật số 127/2025/QH15, Luật số 133/2025/QH15, Luật số 141/2025/QH15, Luật số 143/2025/QH15, xác định do tổ chức thi hành hay do quy định của pháp luật, từ đó đề xuất sửa đổi, bổ sung các Luật cho phù hợp.	đánh giá hiệu quả thu thuế SDĐPNN và nguyên nhân của các vướng mắc, bất cập.
	Bộ Nội vụ (công văn số 7061/BNV-PC ngày 07/7/2026)	1. Về Hồ sơ dự án Luật: Đề nghị tiếp tục rà soát, hoàn thiện Hồ sơ dự thảo Luật bảo đảm đúng quy định của Luật Ban hành VBQPPL, tính thống nhất, đồng bộ với hệ thống pháp luật liên quan, cam kết quốc tế, Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính. Theo đó, đề nghị đánh giá kỹ, cụ thể, đầy đủ hơn các nội dung vướng mắc bất cập tại các quy định liên quan	Tiếp thu và hoàn thiện tại hồ sơ dự án Luật.

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		của Luật Giáo dục năm 2019 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Giáo dục năm 2025), Luật Đất đai năm 2024, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp nhằm bảo đảm đủ cơ sở hoàn thiện quy định về các phân loại đất chịu thuế/đất không chịu thuế SDDPNN; đồng thời bảo đảm phù hợp với tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp quy định về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền tại Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025. 2. Về dự thảo Luật: Đề nghị rà soát, chỉnh lý hoàn thiện nội dung sửa đổi, bổ sung nhằm bảo đảm thực hiện nghiêm Kết luận số 119/KL số ngày 28/01/2025 của Bộ Chính trị về định hướng đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật, Nghị quyết số 66- NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, phù hợp Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật; đồng thời bảo đảm sự nhất quán với quan điểm xây dựng dự án Luật đã nêu tại Tờ trình, phù hợp chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển giáo dục - đào tạo, khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư vào lĩnh	

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THẺ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		vực giáo dục đào tạo.	
	Đoàn ĐBQH Thành phố Hải Phòng (công văn số 75/ĐDBQH-CTQH ngày 06/7/2026)	1) Về Dự thảo Tờ trình - Hồ sơ hiện tại chưa cung cấp số liệu dự báo định lượng chính xác tổng số hút thu ngân sách nhà nước là bao nhiêu tỷ đồng/năm cho cả hai sắc thuế này, mà chỉ mới dừng lại ở việc đánh giá định tính. Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung cho tăng tính thuyết phục hơn. - Tờ trình không đề cập việc lấy ý kiến chính thức của Bộ Giáo dục và Đào tạo với tư cách cơ quan quản lý chuyên ngành (mặc dù Báo cáo tổng kết có sử dụng số liệu, công văn của Bộ Giáo dục và Đào tạo). Đề nghị làm rõ, bổ sung nội dung này để bảo đảm tính đầy đủ, thận trọng khi ban hành chính sách tác động trực tiếp đến ngành giáo dục. - Đây là nội dung chính sách có tác động ngân sách lớn, đề nghị được thể hiện là vấn đề cần xin ý kiến của Chính phủ, Quốc hội khi quyết định, thay vì trình bày như một nội dung đã hoàn toàn thống nhất, không còn vấn đề cần cân nhắc thêm. 2) Về Dự thảo Báo cáo tổng kết thi hành luật	Tiếp thu và hoàn thiện hồ sơ dự án Luật.

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THẺ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		- Báo cáo chưa phân tích sâu nguyên nhân tại sao các cơ sở này không đạt tiêu chí xã hội hóa (do rào cản từ quy hoạch quỹ đất của địa phương hay do quy định tiêu chí của Chính phủ quá cao?). Đề nghị tách biệt rõ nguyên nhân do luật thuế hay do luật đất đai và các văn bản dưới luật để có giải pháp xử lý tận gốc. - Đề nghị nghiên cứu, bổ sung số liệu cụ thể hơn tại dự thảo Báo cáo tổng kết. 3) Về Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, VBQPPL, điều ước quốc tế - Về phương pháp rà soát: Đề nghị nghiên cứu bổ sung để bảo đảm tính khách quan, đa chiều của công tác rà soát. - Về rà soát điều ước quốc tế liên quan đến thuế TNDN: Đề nghị nghiên cứu, đánh giá thêm nội dung này để bảo đảm tính tương thích với các cam kết khuyến khích, bảo hộ đầu tư mà Việt Nam đã ký kết. 4) Về Bản thuyết minh quy phạm hóa chính sách - Về đánh giá tác động thủ tục hành chính: Để được hưởng miễn thuế TNDN theo khoản 6 Điều 15 mới, cơ sở giáo dục tư thục phải chứng	

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THẺ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		minh, duy trì điều kiện “hoạt động không vì lợi nhuận” theo pháp luật về giáo dục, đồng thời cơ quan thuế phải thực hiện việc hậu kiểm, xác minh điều kiện này định kỳ. Về bản chất, đây là quy trình xác nhận, kiểm soát điều kiện hưởng ưu đãi làm phát sinh thêm công việc cho cả người nộp thuế và cơ quan quản lý thuế, cần được đánh giá đầy đủ hơn về chi phí tuân thủ, chi phí quản lý phát sinh, dù có thể không thuộc phạm vi thủ tục hành chính theo nghĩa hẹp (cấp phép, chứng nhận). - Về ước tính tác động ngân sách nhà nước: Đề nghị làm rõ hơn phương pháp, cơ sở dữ liệu tính toán, đặc biệt là số liệu 2.200 tỷ đồng/năm đối với thuế TNDN, do phạm vi đối tượng được miễn thuế mở rộng đáng kể so với quy định hiện hành (hiện chỉ giới hạn ở cơ sở giáo dục đại học công lập hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận). 5) Về Bản so sánh Dự thảo Luật Đề nghị rà soát để bảo đảm tính thống nhất về thuật ngữ giữa các tài liệu trong Hồ sơ dự án Luật.	
	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (công văn số	Đề nghị bổ sung khái toán số kinh phí ngân sách nhà nước giảm từ việc quy định ưu đãi thuế	Tiếp thu, hoàn thiện hồ sơ dự án Luật.

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THẺ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	4214/BVHTTDL-PC ngày 09/7/2026)	tại dự thảo Luật so với quy định hiện hành.	

QUỐC HỘI KHÓA XVI
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 166/ĐĐBQH-CTQH

Đồng Tháp, ngày 02 tháng 7 năm 2026

V/v đóng góp ý kiến đối với
dự án Luật SĐBS một số điều của Luật
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật
Thuế thu nhập doanh nghiệp

Kính gửi: Bộ Tài chính

Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Tháp tiếp nhận Công văn số 8765/BTC-CST ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Bộ Tài chính về việc đề nghị đóng góp ý kiến đối với dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Qua nghiên cứu, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Tháp có một số ý kiến như sau:

1. Sự cần thiết ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

Qua hơn 15 năm triển khai thực hiện chính sách thuế SĐDPNN, qua rà soát, đánh giá cho thấy quy định về đất thuộc đối tượng chịu thuế và đất thuộc đối tượng không chịu thuế tại Luật Thuế SĐDPNN đã không còn phù hợp với Luật Đất đai năm 2024 (do có sự thay đổi, hoàn thiện theo thể chế kinh tế thị trường, trong đó có sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện về phân loại đất).

Bên cạnh, việc thực hiện các chính sách xã hội hóa trong giáo dục thời gian qua đã đạt được những kết quả tích cực trong huy động nguồn lực xã hội, gia tăng số lượng cơ sở ngoài công lập và giảm áp lực đầu tư công trực tiếp. Tuy nhiên, hiệu quả thực thi chưa đồng đều giữa các vùng miền, khu vực tư nhân vẫn tập trung chủ yếu ở đô thị, trong khi khả năng tiếp cận của nhóm thu nhập thấp còn hạn chế. Trên thực tế, nhiều cơ sở đủ điều kiện hoạt động nhưng chưa đủ điều kiện xã hội hóa để được hưởng các chính sách ưu đãi của Nhà nước. Khó khăn lớn nhất của các cơ sở giáo dục trong việc đạt tiêu chí xã hội hóa là yêu cầu đồng thời về quy mô diện tích đất, tiêu chuẩn cơ sở vật chất, nguồn nhân lực chuyên môn và điều kiện pháp lý để được xác nhận hưởng ưu đãi. Trong bối cảnh giá đất đô thị cao, thủ tục tiếp cận đất sạch còn phức tạp và năng lực tài chính của nhiều cơ sở ngoài công lập còn hạn chế, việc đáp ứng đầy đủ các tiêu chí xã hội hóa theo quy định hiện hành vẫn là một thách thức lớn.

Từ các vấn đề trên, nhằm đảm bảo thể chế hóa đầy đủ chủ trương, định hướng của Đảng, Nhà nước về hoàn thiện chính sách thuế sử dụng đất và chính sách đột phá, phát triển lĩnh vực giáo dục - đào tạo; góp phần xây dựng các văn bản luật về thuế đồng bộ với hệ thống pháp luật, phù hợp với thông lệ quốc tế; khuyến khích thu hút nguồn lực xã hội đầu tư vào lĩnh vực giáo dục - đào tạo, nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo nhân lực đáp ứng yêu cầu cách mạng 4.0

và hội nhập quốc tế, tạo nguồn lực để phát triển KT-XH, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Tháp thống nhất việc xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Nội dung góp ý cụ thể

Tại khoản 3 Điều 1 dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 8 Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp hiện hành có nội dung: *"Trường hợp người nộp thuế có quyền sử dụng nhiều thửa đất ở trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì cơ quan thuế căn cứ hệ thống thông tin quản lý thuế để hỗ trợ người nộp thuế trong việc khai thuế và tính số thuế chênh lệch tăng thêm do có quyền sử dụng nhiều thửa đất ở..."*. Quy định này góp phần đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo sự tiện lợi cho người nộp thuế và phù hợp với định hướng tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thuế. Tuy nhiên, việc xác định nghĩa vụ thuế theo quy định này phụ thuộc nhiều vào tính đầy đủ, chính xác của dữ liệu về quyền sử dụng đất được cập nhật trên hệ thống thông tin quản lý thuế. Trong trường hợp dữ liệu chưa được cập nhật kịp thời hoặc chưa thống nhất với cơ sở dữ liệu đất đai thì có thể dẫn đến việc xác định chưa đầy đủ, chính xác số thuế phải nộp hoặc phải điều chỉnh nghĩa vụ thuế sau khi đã kê khai.

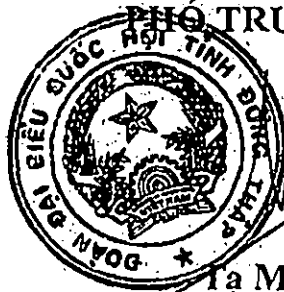
Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung quy định hoặc giao Chính phủ hướng dẫn nguyên tắc xử lý đối với các trường hợp dữ liệu chưa đầy đủ, chưa chính xác hoặc chưa có sự thống nhất giữa các cơ sở dữ liệu nhằm bảo đảm việc xác định nghĩa vụ thuế được đầy đủ, chính xác và thống nhất trong quá trình thực hiện.

Trên đây là một số ý kiến đóng góp của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Tháp đối với dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập Doanh nghiệp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CVP, PCVP (d/c Lý);
- Phòng Công tác Quốc hội;
- Lưu: VT, CTQH. Tr.

TM. ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
KT. TRƯỞNG ĐOÀN
PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN



Tạ Minh Tâm

**QUỐC HỘI KHÓA XVI
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 73 /ĐDBQH-VP

Tuyên Quang, ngày 06 tháng 7 năm 2026

V/v tham gia ý kiến đối với hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

Kính gửi: Bộ Tài chính

Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Tuyên Quang nhận được Văn bản số 8765/BTC-CST ngày 24/6/2026 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Sau khi nghiên cứu hồ sơ chính sách, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Tuyên Quang có ý kiến như sau:

1. Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Tuyên Quang cơ bản thống nhất hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, hồ sơ được chuẩn bị công phu, đầy đủ, cơ bản bảo đảm yêu cầu theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

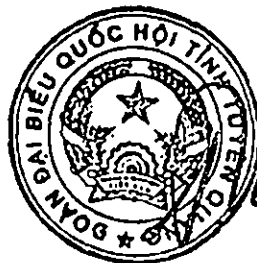
2. Đề nghị Bộ Tài chính tiếp tục rà soát các quy định của dự thảo Luật nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, khả thi của hệ thống pháp luật và sự phù hợp với các luật chuyên ngành có liên quan.

Trên đây là ý kiến tham gia của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Tuyên Quang đối với hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trưởng đoàn ĐBQH tỉnh (báo cáo);
- LĐ VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Phòng CTQH;
- Lưu: VT, (Lg).

**TM. ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
KT. TRƯỞNG ĐOÀN
PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN**



[Signature]
Lý Thị Lan

An Giang, ngày 06 tháng 7 năm 2026

Số: 101/ĐĐBQH-VP

V/v góp ý hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi
nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh An Giang nhận được Công văn số 8765/BTC-SCT ngày 24/6/2026 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Qua nghiên cứu hồ sơ dự án Luật nêu trên, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh An Giang có ý kiến như sau:

Hồ sơ dự án Luật đã được chuẩn bị tương đối đầy đủ, cơ bản đáp ứng yêu cầu theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Các tài liệu trong hồ sơ gồm có: (1) Dự thảo Tờ trình; (2) Dự thảo Luật; (3) Báo cáo tổng kết việc thi hành Luật; (4) Báo cáo rà soát chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Luật; (5) Bản thuyết minh quy phạm hóa chính sách; (6) Bản so sánh. Bên cạnh đó, cơ quan soạn thảo đang đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo bổ sung đánh giá tác động đối với các đề xuất tại dự thảo Luật. Nhìn chung, hồ sơ cơ bản bảo đảm căn cứ chính trị, pháp lý, thực tiễn; nội dung sửa đổi có trọng tâm, phù hợp yêu cầu phát triển giáo dục - đào tạo, cải cách chính sách thuế và đồng bộ hệ thống pháp luật.

Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh An Giang cơ bản thống nhất với sự cần thiết ban hành Luật, phạm vi sửa đổi và các chính sách chủ yếu của dự thảo. Dự thảo đã tập trung vào 05 nhóm chính sách chính: hoàn thiện đối tượng chịu thuế; hoàn thiện đối tượng không chịu thuế; điều chỉnh quy định về đăng ký, khai, tính và nộp thuế; bổ sung miễn thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với đất sử dụng cho giáo dục, đào tạo; bổ sung miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục tư thục không vì lợi nhuận. Các chính sách này cơ bản bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, không làm phát sinh thủ tục hành chính mới và phù hợp định hướng xã hội hóa giáo dục.

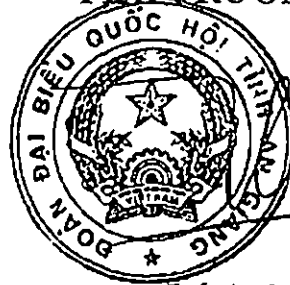
Tuy nhiên, đề nghị cơ quan soạn thảo tiếp tục rà soát, hoàn thiện hồ sơ dự án Luật và bổ sung đánh giá tác động đối với các đề xuất tại dự thảo Luật. Đồng thời, cần bảo đảm tính thống nhất giữa dự thảo Luật với Bản thuyết minh quy phạm hóa chính sách và Bản so sánh dự thảo Luật với Luật hiện hành.

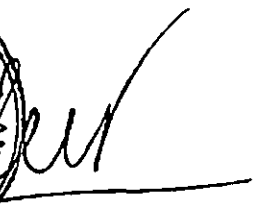
Trên đây là ý kiến góp ý của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh An Giang đối với hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp./.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Lãnh đạo Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các ĐBQH khóa XVI;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Các Phòng thuộc Văn phòng;
- Lưu: VT, qththam.

TM. ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
KT. TRƯỞNG ĐOÀN
PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN




Lý Anh Thu

QUỐC HỘI KHÓA XVI
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sơn La, ngày 07 tháng 7 năm 2026

Số: 53/ĐĐBQH-VP

V/v tham gia ý kiến hồ sơ dự án Luật
sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp,
Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Căn cứ Công văn số 8765/BTC-CST ngày 24/6/2026 của Bộ Tài chính về việc xin ý kiến tham gia hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; sau khi nghiên cứu nội dung, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh có ý kiến như sau:

1. Thống nhất về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp nhằm kịp thời thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng về phát triển giáo dục; hoàn thiện chính sách thuế theo hướng đồng bộ, thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành; khuyến khích, thu hút các nguồn lực xã hội đầu tư cho giáo dục, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

2. Đề nghị Bộ Tài chính tiếp tục rà soát quá trình sửa đổi, bổ sung Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp và Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; bảo đảm sự phù hợp, thống nhất giữa các quy định của pháp luật về đất đai, giáo dục, giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp, quản lý thuế.

Trên đây là một số ý kiến tham gia của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Sơn La đối với hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trưởng Đoàn ĐBQH (B/c);
- Các vị ĐBQH trong Đoàn;
- Lãnh đạo VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Phòng Công tác Quốc hội;
- Lưu: VT, CTQH.

TM. ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
KT. TRƯỞNG ĐOÀN
PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN



Hoàng Ngân Hoàn

Số: 62 /ĐĐBQH

Quảng Ninh, ngày 08 tháng 7 năm 2026

V/v tham gia ý kiến hồ sơ dự án Luật
SĐBS một số điều của Luật Thuế sử
dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu
nhập doanh nghiệp

Kính gửi: Bộ Tài chính

Căn cứ Công văn số 8756/BTC-CST ngày 24/6/2026 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến hồ sơ dự án Luật SĐBS một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, sau khi nghiên cứu các tài liệu liên quan, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Ninh có ý kiến như sau:

1. Về sự cần thiết sửa đổi Luật

Đoàn ĐBQH tỉnh Quảng Ninh nhất trí với sự cần thiết sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp và Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp nhằm kịp thời thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng; cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp (sửa đổi); bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật; đồng thời khắc phục những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thi hành các luật hiện hành.

Việc sửa đổi, bổ sung các luật lần này cũng góp phần tiếp tục hoàn thiện chính sách thuế theo hướng minh bạch, công bằng, đơn giản, hiện đại; tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; thúc đẩy chuyển đổi số trong quản lý thuế và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu đất đai, cơ sở dữ liệu thuế phục vụ công tác quản lý.

2. Về nội dung sửa đổi Luật

2.1. Về sửa đổi Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp

- Thống nhất với việc sửa đổi quy định về đối tượng chịu thuế và đối tượng không chịu thuế theo hướng phân định rõ đất sử dụng vào mục đích kinh doanh và đất không sử dụng vào mục đích kinh doanh. Quy định này bảo đảm nguyên tắc đánh thuế đúng đối tượng, phù hợp với mục đích sử dụng đất, góp phần bảo đảm công bằng trong thực hiện nghĩa vụ thuế và nâng cao hiệu quả quản lý thuế.

- Thống nhất với quy định cơ quan thuế hỗ trợ người nộp thuế xác định nghĩa vụ thuế đối với trường hợp có nhiều thửa đất ở trong cùng tỉnh, thành phố. Đây là quy định mới, phù hợp với định hướng chuyển đổi số trong quản lý thuế. **Đề nghị** Ban soạn thảo tiếp tục hoàn thiện các điều kiện bảo đảm tổ chức thực hiện, nhất là đẩy nhanh việc hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai, cơ sở dữ liệu thuế; tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa cơ quan thuế, cơ quan quản lý đất đai và các cơ quan có liên quan, bảo đảm thông tin đầy đủ, chính xác, cập nhật kịp thời.

Đối với quy định miễn thuế sử dụng đất đối với diện tích đất phục vụ mục đích giáo dục và đào tạo, Đoàn ĐBQH tỉnh thống nhất với chính sách của dự thảo Luật. Chính sách này góp phần giảm chi phí hoạt động, tạo điều kiện để các cơ sở giáo dục tập trung đầu tư cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo. **Đề nghị** Ban soạn thảo nghiên cứu quy định rõ hoặc giao quy định chi tiết tiêu chí xác định diện tích đất sử dụng đúng mục đích giáo dục, đào tạo và diện tích sử dụng vào hoạt động kinh doanh nhằm bảo đảm thống nhất trong áp dụng pháp luật.

2.2. Về sửa đổi Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thống nhất với việc bổ sung chính sách miễn thuế đối với cơ sở giáo dục công lập và cơ sở giáo dục tư thực hoạt động không vì lợi nhuận. Đây là chính sách có ý nghĩa thiết thực, thể hiện sự khuyến khích của Nhà nước đối với phát triển giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

Tuy nhiên, **đề nghị** Ban soạn thảo nghiên cứu quy định rõ hoặc giao Chính phủ hướng dẫn cụ thể tiêu chí xác định cơ sở giáo dục hoạt động không vì lợi nhuận; cơ chế quản lý, kiểm tra việc sử dụng phần thu nhập được miễn thuế; đồng thời quy định trách nhiệm và biện pháp xử lý đối với trường hợp sử dụng không đúng mục đích nhằm bảo đảm chính sách được thực hiện đúng đối tượng, đúng mục tiêu, công khai, minh bạch và hạn chế việc lợi dụng chính sách.

Ngoài ra tại Điều 2. Sửa đổi khoản 5 Điều 15 đề nghị bổ sung: “5. *Tổ chức khoa học và công nghệ công lập, tổ chức khoa học và công nghệ do doanh nghiệp, cá nhân thành lập và doanh nghiệp khoa học và công nghệ được miễn thuế theo quy định của Chính phủ*”.

Lý do: Việc bổ sung quy định này nhằm thể chế hóa chủ trương của Đảng về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; đồng thời khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp đầu tư cho nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và thương mại hóa kết quả nghiên cứu, huy động hiệu quả nguồn lực xã hội cho

phát triển khoa học và công nghệ, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng tăng trưởng và năng lực cạnh tranh quốc gia.

Trên đây là ý kiến của Đoàn ĐBQH tỉnh Quảng Ninh tham gia đối với hồ sơ dự án Luật SĐBS một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp trân trọng đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, tiếp thu và hoàn thiện hồ sơ dự án Luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c BTTU, TĐĐBQH tỉnh;
- Các vị ĐBQH Đoàn Quảng Ninh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Phòng CTQH;
- Lưu: VT, QH3.

Ký bởi: Cao Hải Đăng
Ký bởi: Nguyễn Chiến Thắng

TM. ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
KT. TRƯỞNG ĐOÀN
PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN



Nguyễn Thị Thu Hà

QUỐC HỘI KHÓA XVI
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 162/ĐĐBQH-VP

Lạng Sơn, ngày 08 tháng 7 năm 2026

V/v tham gia ý kiến đối với
hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Thuế sử dụng
đất phi nông nghiệp, Luật Thuế
thu nhập doanh nghiệp

Kính gửi: Bộ Tài chính

Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Lạng Sơn nhận được Công văn số 8765/BTC-CST ngày 24/6/2026 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, bao gồm: (1) Dự thảo Tờ trình Chính phủ; (2) Dự thảo Luật; (3) Báo cáo tổng kết thi hành Luật; (4) Thuyết minh quy phạm hóa chính sách; (5) Bản so sánh dự thảo Luật với các Luật hiện hành; (6) Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan. Sau khi nghiên cứu, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Lạng Sơn tham gia ý kiến như sau:

1. Nhất trí với sự cần thiết ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp và Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp nhằm kịp thời thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng về đổi mới chính sách thuế, đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, đồng thời bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật với Luật Đất đai năm 2024 và các quy định có liên quan. Việc sửa đổi, bổ sung Luật cũng góp phần hoàn thiện chính sách thuế theo hướng minh bạch, công bằng, tạo điều kiện khuyến khích xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục, thu hút các nguồn lực đầu tư phát triển giáo dục; nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng đất phi nông nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và thực hiện Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030.

2. Góp ý đối với dự thảo Luật

2.1. Tại khoản 3 Điều 1 sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 8 Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp quy định như sau:

“b) Hạn mức đất ở làm căn cứ tính thuế là hạn mức đất ở tại xã, phường, đặc khu nơi có thửa đất. Trường hợp có nhiều thửa đất ở vượt hạn mức đất ở hoặc không có thửa đất nào vượt hạn mức đất ở nhưng tổng diện tích các thửa đất vượt hạn mức đất ở thì hạn mức đất ở làm căn cứ tính thuế là hạn mức đất ở tại xã, phường, đặc khu nơi có quyền sử dụng đất để số thuế phải nộp là thấp nhất”.

Cụm từ “...nơi có quyền sử dụng đất để số thuế phải nộp là thấp nhất” chưa xác định rõ căn cứ lựa chọn hạn mức đất ở, có thể dẫn đến nhiều cách hiểu trong quá trình áp dụng.

Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì xem xét quy định rõ, xác định hạn mức đất ở theo hướng: “...*hạn mức đất ở làm căn cứ tính thuế là hạn mức của xã, phường, đặc khu nơi có thửa đất được lựa chọn để xác định số thuế phải nộp thấp nhất*”.

2.2. Tại Điều 2 bổ sung khoản 6 Điều 15 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, trong đó có nội dung: “*Việc xác định cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục tư thực hoạt động không vì lợi nhuận thực hiện theo quy định của pháp luật về giáo dục*”.

Qua rà soát, pháp luật về giáo dục đã có quy định về cơ sở giáo dục tư thực hoạt động không vì lợi nhuận; tuy nhiên cần tiếp tục đánh giá mức độ đầy đủ của các quy định về tiêu chí, trình tự, thủ tục và cơ quan có thẩm quyền xác nhận đối tượng được hưởng chính sách miễn thuế nhằm bảo đảm việc áp dụng thống nhất trên thực tế. Trường hợp pháp luật chuyên ngành chưa quy định đầy đủ hoặc chưa rõ, đề nghị giao Chính phủ quy định chi tiết để bảo đảm thực hiện thống nhất, tránh lợi dụng chính sách và tạo thuận lợi cho cơ quan thuế trong quá trình thực hiện.

2.3. Đề nghị cơ quan chủ trì xem xét, nghiên cứu bổ sung điều khoản chuyển tiếp đối với các hồ sơ đề nghị miễn thuế, các hồ sơ đang được giải quyết hoặc các trường hợp đã được giao đất, cho thuê đất trước thời điểm Luật có hiệu lực để bảo đảm tính liên tục trong áp dụng pháp luật, tránh phát sinh vướng mắc khi triển khai trên thực tế.

Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Lạng Sơn trân trọng kính gửi Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- LĐVP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Phòng Công tác Quốc hội;
- Lưu: VT.

TM. ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

KT. TRƯỞNG ĐOÀN

PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN



Nguyễn Đăng Ân

Số: 96 /ĐĐBQH

Cà Mau, ngày 07 tháng 7 năm 2026

V/v góp ý hồ sơ dự án Luật Sửa
đổi, bổ sung một số điều của Luật
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp,
Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Cà Mau nhận được Công văn số 8765/BTC-CST ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến đối với hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ dự án Luật và các tài liệu kèm theo, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Cà Mau cơ bản thống nhất với sự cần thiết sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp nhằm bảo đảm tính thống nhất với Luật Đất đai năm 2024 và các quy định pháp luật có liên quan. Tuy nhiên, phạm vi sửa đổi của dự thảo Luật còn tương đối hẹp, chủ yếu tập trung xử lý một số nội dung mang tính kỹ thuật, trong khi nhiều quy định của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp hiện hành đã bộc lộ bất cập nhưng chưa được nghiên cứu sửa đổi, nhất là các quy định về đối tượng chịu thuế, căn cứ tính thuế, thuế suất và chức năng điều tiết việc sử dụng đất. Để tiếp tục hoàn thiện dự thảo Luật, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và nâng cao tính khả thi khi tổ chức thực hiện, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Cà Mau có một số ý kiến như sau:

1. Về phạm vi sửa đổi của dự thảo Luật

Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Cà Mau đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu mở rộng phạm vi sửa đổi Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp số 48/2010/QH12 theo hướng rà soát, sửa đổi toàn diện các quy định không còn phù hợp với Luật Đất đai năm 2024 và các luật có liên quan; đồng thời, hoàn thiện chính sách thuế theo hướng phát huy vai trò điều tiết việc sử dụng đất, hạn chế đầu cơ, khuyến khích sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả và đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong công tác quản lý thuế.

2. Về đối tượng chịu thuế quy định tại Điều 2 Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp

Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp hiện hành chưa quy định nguyên tắc xác định diện tích chịu thuế đối với trường hợp đất được sử dụng vào nhiều mục đích. Trong khi đó, Luật Đất đai năm 2024 đã bổ sung nhiều quy định về sử

dụng đất đa mục đích và cho phép sử dụng đất kết hợp nhiều mục đích trong một số trường hợp. Việc chưa có quy định tương ứng trong Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp sẽ gây khó khăn trong việc xác định nghĩa vụ thuế và thiếu thống nhất với pháp luật về đất đai.

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu bổ sung khoản 4 Điều 2 như sau:

“4. Trường hợp đất được sử dụng vào nhiều mục đích thì diện tích đất thuộc đối tượng chịu thuế được xác định theo mục đích sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép hoặc theo diện tích thực tế sử dụng vào mục đích chịu thuế theo quy định của Chính phủ.”

Việc bổ sung quy định này sẽ bảo đảm sự thống nhất với Luật Đất đai năm 2024, đồng thời tạo cơ sở pháp lý rõ ràng trong việc xác định diện tích chịu thuế đối với trường hợp sử dụng đất đa mục đích.

3. Về căn cứ tính thuế quy định tại Điều 5 Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp

Điều 5 của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp hiện hành được xây dựng trên cơ sở cơ chế bảng giá đất theo quy định của pháp luật đất đai trước đây. Trong khi đó, Luật Đất đai năm 2024 đã bãi bỏ khung giá đất và quy định bảng giá đất được xây dựng theo nguyên tắc mới, bảo đảm tiệm cận giá thị trường.

Do đó, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Cà Mau đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu quy định giá tính thuế được xác định theo bảng giá đất do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định theo quy định của Luật Đất đai và được áp dụng thống nhất trong kỳ tính thuế nhằm bảo đảm phù hợp với cơ chế xác định giá đất hiện hành.

4. Về chính sách thuế đối với đất chậm đưa vào sử dụng

Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp hiện hành chưa có quy định áp dụng chính sách thuế đối với trường hợp đất được Nhà nước giao, cho thuê nhưng không đưa vào sử dụng đúng thời hạn theo quy định của pháp luật về đất đai. Thực tế cho thấy tình trạng này vẫn xảy ra ở nhiều địa phương, làm giảm hiệu quả sử dụng đất và gây lãng phí nguồn lực.

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu bổ sung quy định theo hướng áp dụng mức thuế cao hơn đối với trường hợp đất được giao, cho thuê nhưng không đưa vào sử dụng đúng thời hạn theo quy định của pháp luật về đất đai nhằm tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước, hạn chế đầu cơ, bỏ hoang đất và nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

5. Về kỹ thuật lập pháp tại khoản 3 Điều 1 dự thảo Luật

Khoản 3 Điều 1 dự thảo Luật quy định: *“2. Trường hợp người nộp thuế có quyền sử dụng nhiều thửa đất ở trong phạm vi tỉnh... Căn cứ tính thuế thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 7 Luật này và quy định sau...”*

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo điều chỉnh lại thành:

“2. Trường hợp người nộp thuế có quyền sử dụng nhiều thửa đất ở trong phạm vi tỉnh... Căn cứ tính thuế thực hiện theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp số 48/2010/QH12 và quy định sau...”

Lý do, dự thảo Luật này chỉ sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, không sửa đổi Điều 6 và Điều 7 của Luật hiện hành. Vì vậy, việc viện dẫn là chưa chính xác về kỹ thuật lập pháp.

- Đối với điều khoản chuyển tiếp, dự thảo Luật cũng chưa quy định về điều khoản chuyển tiếp để thực hiện. Do đó, đề nghị Ban soạn thảo bổ sung quy định về điều khoản chuyển tiếp; thời điểm áp dụng bảng giá đất mới; việc xử lý trường hợp đã kê khai trước khi luật có hiệu lực.

6. Về điều khoản chuyển tiếp

Dự thảo Luật chưa quy định điều khoản chuyển tiếp để xử lý các trường hợp phát sinh trong quá trình chuyển tiếp sang cơ chế quản lý mới. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung quy định về điều khoản chuyển tiếp, trong đó làm rõ thời điểm áp dụng bảng giá đất mới; việc xác định nghĩa vụ thuế đối với các trường hợp đã kê khai trước thời điểm Luật có hiệu lực; cũng như việc xử lý các trường hợp đang thực hiện theo quy định cũ nhằm bảo đảm thuận lợi trong quá trình tổ chức thực hiện và hạn chế phát sinh vướng mắc.

Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Cà Mau gửi Bộ Tài chính tổng hợp, nghiên cứu, tiếp thu trong quá trình hoàn thiện dự thảo Luật./.

Nơi nhận: Ước

- Như trên;
- Lãnh đạo Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Phòng Công tác Quốc hội;
- Lưu: VT, (P).

**TL. TRƯỞNG ĐOÀN
CHÁNH VĂN PHÒNG**



Triệu Hiệp Nghĩa

QUỐC HỘI KHÓA XVI
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Phủ Thọ, ngày 07 tháng 7 năm 2026

Số: 108 /ĐĐBQH-VP
V/v tham gia ý kiến đối với hồ sơ dự án luật

Kính gửi: Bộ Tài chính

Đoàn ĐBQH tỉnh Phú Thọ nhận được Văn bản số 8765/BTC-CST ngày 24/6/2026 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến hồ sơ dự án Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Sau khi nghiên cứu, Đoàn ĐBQH tỉnh Phú Thọ có ý kiến như sau:

1. Về hồ sơ dự án luật

- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh nhận thấy cơ quan soạn thảo đã chuẩn bị hồ sơ dự án Luật đầy đủ theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, bám sát chủ trương của Đảng, bảo đảm cơ sở chính trị và cơ sở pháp lý của việc sửa đổi Luật.

- Tuy nhiên, về cách tiếp cận các chính sách tại Tờ trình đề nghị cơ quan soạn thảo cơ cấu lại phần sự cần thiết ban hành theo hướng trực tiếp hơn, lấy vấn đề pháp lý cần xử lý làm trung tâm, làm rõ các điểm nghẽn của pháp luật hiện hành, gồm: quy định về đối tượng chịu thuế, đối tượng không chịu thuế chưa thống nhất với phân loại đất theo Luật Đất đai năm 2024; quy định về đăng ký, khai, tính và nộp thuế chưa phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp và tổ chức cơ quan thuế mới; chính sách ưu đãi thuế đối với giáo dục còn bó hẹp ở nhóm cơ sở đáp ứng tiêu chí xã hội hóa, chưa bao quát đầy đủ các cơ sở giáo dục hoạt động hợp pháp, nhất là cơ sở giáo dục công lập và cơ sở giáo dục tư thục hoạt động không vì lợi nhuận.

2. Về các chính sách

2.1. Về phân loại chính sách trong hồ sơ

Qua nghiên cứu, Đoàn ĐBQH tỉnh đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu phân định rõ hai nhóm chính sách trong Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp:

- Nhóm thứ nhất là các nội dung sửa đổi mang tính kỹ thuật, nhằm bảo đảm đồng bộ pháp luật, gồm sửa đổi đối tượng chịu thuế, đối tượng không chịu thuế và quy định về đăng ký, khai, tính, nộp thuế.

- Nhóm thứ hai là các nội dung thay đổi chính sách thực chất, gồm miễn thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với đất sử dụng vào mục đích giáo dục, đào tạo và miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục tư thực hoạt động không vì lợi nhuận. Đối với nhóm chính sách thứ hai, cần đánh giá kỹ hơn về phạm vi đối tượng được hưởng, điều kiện hưởng ưu đãi, tác động đến ngân sách nhà nước, cơ chế kiểm soát và nguy cơ lợi dụng chính sách.

2.2. Đối với chính sách 4, bổ sung quy định về miễn thuế sử dụng đất phi nông nghiệp

Đoàn ĐBQH tỉnh đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu quy định rõ nguyên tắc miễn thuế theo mục đích sử dụng đất thực tế, không miễn thuế theo tư cách pháp nhân một cách tuyệt đối, chỉ nên miễn thuế đối với diện tích đất sử dụng trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, thư viện, phòng thí nghiệm, ký túc xá và các công trình phục vụ trực tiếp người học. Đối với phần diện tích sử dụng vào mục đích kinh doanh thương mại, cho thuê mặt bằng, dịch vụ không trực tiếp phục vụ hoạt động giáo dục thì phải kê khai, nộp thuế theo quy định.

2.3. Đối với chính sách 5, bổ sung quy định về miễn thuế TNDN đối với cơ sở giáo dục hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận

Đoàn ĐBQH tỉnh đề nghị cơ quan soạn thảo tiếp tục làm rõ phạm vi thu nhập được miễn thuế, chỉ nên miễn thuế đối với thu nhập trực tiếp từ hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, lãi tiền gửi ngân hàng phát sinh từ nguồn thu hợp pháp của cơ sở giáo dục và kinh phí đặt hàng, giao nhiệm vụ của Nhà nước. Đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, đầu tư tài chính, cho thuê tài sản hoặc dịch vụ thương mại không gắn trực tiếp với mục tiêu giáo dục thì cần thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định chung.

Đồng thời, bổ sung cơ chế hậu kiểm chặt chẽ đối với cơ sở giáo dục được miễn thuế, bao gồm: công khai báo cáo tài chính; báo cáo việc sử dụng phần thu nhập được miễn thuế; cam kết không chia lợi tức, không rút vốn trái quy định; kiểm soát giao dịch liên kết, hợp đồng dịch vụ nội bộ, tiền thuê, tiền lương hoặc chi phí bất thường có khả năng làm phát sinh việc chuyển lợi ích trá hình cho nhà đầu tư, người quản lý hoặc tổ chức có liên quan. Trường hợp cơ sở giáo dục sử dụng phần thu nhập được miễn thuế không đúng mục đích, thực hiện chia lợi tức,

rút vốn hoặc chuyển lợi ích trả hình thì phải kê khai, nộp lại số thuế đã được miễn, tiền chậm nộp và bị xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Trên đây là ý kiến của Đoàn ĐBQH tỉnh Phú Thọ tham gia đóng góp vào hồ sơ dự án Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, trân trọng đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TĐ, các PTĐ ĐBQH tỉnh;
- CVP, PCVP (đ/c Lượng);
- Phòng CTQH;
- Lưu VT, CTQH (QH²).

**TM. ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
KT. TRƯỞNG ĐOÀN
PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN**



Nguyễn Văn Mạnh

Số: 140 /ĐĐBQH-CTQH

Quảng Trị, ngày 07 tháng 7 năm 2026

V/v góp ý đối với hồ sơ dự án Luật
sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp,
Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

Kính gửi: Bộ Tài chính

Đoàn đại biểu Quốc hội (ĐBQH) tỉnh Quảng Trị nhận được Công văn số 8765/BTC-CST ngày 24/6/2026 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Qua nghiên cứu, Đoàn ĐBQH tỉnh Quảng Trị cơ bản thống nhất với dự thảo Tờ trình của Bộ Tài chính; đồng thời, tham gia một số ý kiến đối với Dự thảo Luật như sau:

- Đề nghị Bộ Tài chính tiếp tục rà soát các quy định có liên quan đến các luật khác, như Luật Đất đai, Luật Quản lý thuế, Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, Luật Giáo dục nghề nghiệp,... để sửa đổi, bổ sung, bảo đảm sự thống nhất giữa các văn bản Luật.

- Tại khoản 3 Điều 1 dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 8 của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (Đăng ký, khai, tính và nộp thuế) quy định như sau:

“2. Trường hợp người nộp thuế có quyền sử dụng nhiều thửa đất ở trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì cơ quan thuế căn cứ hệ thống thông tin quản lý thuế để hỗ trợ người nộp thuế trong việc khai thuế và tính số thuế chênh lệch tăng thêm do có quyền sử dụng nhiều thửa đất ở. Căn cứ tính thuế thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 7 Luật này và quy định sau:

a) ...

b) Hạn mức đất ở làm căn cứ tính thuế là hạn mức đất ở tại xã, phường, đặc khu nơi có thửa đất. Trường hợp có nhiều thửa đất ở vượt hạn mức đất ở hoặc không có thửa đất nào vượt hạn mức đất ở nhưng tổng diện tích các thửa đất vượt hạn mức đất ở thì hạn mức đất ở làm căn cứ tính thuế là hạn mức đất ở tại xã, phường, đặc khu nơi có quyền sử dụng đất để số thuế phải nộp là thấp nhất.

c) ...”.

Đoàn ĐBQH cơ bản nhất trí với việc sửa đổi, bổ sung nêu trên. Tuy nhiên, đề nghị đơn vị soạn thảo nghiên cứu nêu rõ mức thuế suất được áp dụng đối với số thuế chênh lệch tăng thêm do có quyền sử dụng nhiều thửa đất ở; bổ sung thời điểm để áp dụng hạn mức đất ở làm căn cứ xác định hạn mức đất ở để người sử dụng đất thực hiện đăng ký, kê khai được thuận lợi; người sử dụng đất được biết mức thuế suất được tính để chủ động việc thực hiện nghĩa vụ tài chính đúng quy định của pháp luật. Đồng thời, bổ sung quy định giao Chính phủ hướng dẫn cách kê khai để đảm bảo tính thống nhất trong triển khai thực hiện.

- Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung thêm Điều 4 quy định về điều khoản chuyển tiếp sau ngày Luật có hiệu lực thi hành để tránh vướng mắc khi áp dụng.

Trên đây là một số ý kiến góp ý bước đầu của Đoàn ĐBQH tỉnh Quảng Trị đối với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; kính gửi Bộ Tài chính để tổng hợp, tiếp thu, hoàn thiện hồ sơ Dự án Luật./.

Nơi nhận:

- LĐ và các ĐBQH thuộc Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chánh VP, Phó CVP phụ trách CTQH;
- Phòng CTQH;
- Lưu: VT.

TM. ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

KT. TRƯỞNG ĐOÀN

TRƯỞNG ĐOÀN



Nguyễn Minh Tâm

QUỐC HỘI KHÓA XVI
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 66/ĐĐBQH

Đồng Nai, ngày 04 tháng 7 năm 2026

V/v góp ý dự thảo Luật sửa đổi bổ, sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Công văn số 8765/BTC-CST ngày 24/06/2026 của Bộ Tài chính về việc xin ý kiến đối với dự thảo Luật sửa đổi bổ, sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, qua xem xét, nghiên cứu, Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Đồng Nai cơ bản thống nhất với các nội dung tại Dự thảo. Bên cạnh đó, để Dự thảo Luật được hoàn thiện, Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Đồng Nai có một số ý kiến góp ý như sau:

I. Về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (Điều 1)

1. Về đối tượng chịu thuế (Điều 2)

- Dự thảo Luật quy định đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp bao gồm đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đất thương mại, dịch vụ, và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản. Đề nghị Ban soạn thảo làm rõ định nghĩa “*đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản*” để đảm bảo tính thống nhất với Luật Khoáng sản. Cần phân biệt rõ diện tích đất thực tế khai thác chịu thuế và diện tích đất thuộc vành đai an toàn hoặc đất chờ phục hồi môi trường để có mức thuế suất hoặc miễn giảm phù hợp, tránh gây áp lực tài chính cho doanh nghiệp khai thác khoáng sản.

2. Về đối tượng không chịu thuế (Điều 3)

- Dự thảo bổ sung danh mục đất sử dụng vào mục đích công cộng không vào mục đích kinh doanh bao gồm: đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng, hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin. Việc mở rộng các đối tượng là phù hợp với xu thế chuyển đổi số và phát triển hạ tầng hiện đại. Đề nghị bổ sung quy định về việc “xác định ranh giới kinh doanh”. Đối với các công trình hạ tầng viễn thông hoặc năng lượng có kết hợp một phần hoạt động kinh doanh (như cho thuê hạ tầng dùng chung), cần quy định rõ tỷ lệ diện tích hoặc cơ chế phân tách để đảm bảo công bằng trong việc miễn thuế.

3. Về đăng ký, khai, tính và nộp thuế (Điều 8)

- Dự thảo Luật quy định giá tính thuế được áp dụng theo giá đất tại bảng giá đất do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố ban hành tại nơi có thửa đất. Việc áp dụng bảng giá đất của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành

phổ cần được cập nhật thường xuyên để sát với giá thị trường. Đề nghị bổ sung quy định về việc liên thông dữ liệu giữa cơ quan nông nghiệp và môi trường với cơ quan Thuế để tự động hóa việc tính thuế khi có sự điều chỉnh về bảng giá đất, giúp giảm thiểu thủ tục hành chính cho người nộp thuế.

- Về hạn mức đất ở làm căn cứ tính thuế, Dự thảo quy định tính trên tổng diện tích các thửa đất trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Đề nghị Ban soạn thảo làm rõ cơ chế phối hợp chia sẻ dữ liệu đất đai liên tỉnh, thành phố để kiểm soát hạn mức đối với người nộp thuế có quyền sử dụng đất ở các tỉnh, thành phố khác nhau, tránh thất thu thuế.

4. Về miễn thuế cho cơ sở giáo dục (Điều 9)

- Dự thảo luật bổ sung khoản 10 Điều 9 về miễn thuế cho diện tích đất sử dụng vào mục đích giáo dục và đào tạo của cơ sở giáo dục không thuộc trường hợp công lập. Đây là chính sách khuyến khích xã hội hóa giáo dục rất tích cực. Tuy nhiên, đề nghị quy định chặt chẽ về diện tích đất được miễn thuế phải *“không bao gồm diện tích đất sử dụng vào mục đích kinh doanh, thương mại, dịch vụ”* ghi trên các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất. Cần có chế tài thu hồi số thuế đã miễn nếu cơ sở giáo dục sử dụng đất sai mục đích.

II. Về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (Điều 2)

1. Về miễn thuế cho tổ chức Khoa học và Công nghệ

- Dự thảo Luật quy định tổ chức khoa học và công nghệ công lập được miễn thuế theo quy định của Chính phủ. Đề nghị Ban soạn thảo cân nhắc mở rộng đối tượng cho các tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập hoạt động không vì lợi nhuận để thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp sáng tạo. Việc chỉ ưu tiên khởi công lập có thể tạo ra sự bất bình đẳng trong tiếp cận các ưu đãi chính sách.

2. Về ưu đãi thuế cho cơ sở giáo dục không vì lợi nhuận

- Dự thảo Luật quy định cơ sở giáo dục công lập và cơ sở giáo dục tự thực hoạt động không vì lợi nhuận được miễn thuế đối với thu nhập từ hoạt động giáo dục, nghiên cứu khoa học, lãi tiền gửi ngân hàng. Đề nghị quy định rõ tiêu chí *“hoạt động không vì lợi nhuận”* phải dựa trên báo cáo kiểm toán độc lập hàng năm. Việc xác định này cần đồng bộ với pháp luật về giáo dục để tránh tình trạng các cơ sở giáo dục trên danh nghĩa hoạt động *“phi lợi nhuận”* nhưng thực tế vẫn chỉ trả lợi tức ngầm cho các cổ đông.

III. Về điều khoản thi hành (Điều 3)

1. Về hiệu lực thi hành

- Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2027, đề nghị Ban soạn thảo xem xét rà soát quy định lộ trình để phù hợp và đồng bộ với các luật liên quan như Luật Đất đai (sửa đổi) và Luật Quản lý thuế. Cần có khoảng thời gian ít nhất 06 tháng từ khi ban hành đến khi có hiệu lực để cơ

quan thuế địa phương kịp thời nâng cấp hệ thống thông tin quản lý nộp thuế theo các quy định mới.

Trên đây là nội dung góp ý dự thảo dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp của Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Đồng Nai. Đề nghị Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận: *h*

- Như trên;
- Trưởng đoàn, các PTĐ;
- Các vị ĐBQH thành phố;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT (P.CTQH).

Hà - 2026

TM. ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
KT. TRƯỞNG ĐOÀN
PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN THƯỜNG TRỰC



Bùi Xuân Thống

Số: 152/ĐĐBQH-CTQH

Bắc Ninh, ngày 08 tháng 7 năm 2026

V/v đóng góp ý kiến đối với hồ sơ dự án
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của
Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp,
Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

Kính gửi: Bộ Tài chính

Căn cứ Công văn 8765/BTC-CST ngày 24/6/2026 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến đối với hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Bắc Ninh cơ bản nhất trí với các nội dung trong dự án Luật. Ngoài ra, xin góp ý nội dung sau:

Về khoản 3, Điều 1 (Sửa đổi, bổ sung Điều 8 về Đăng ký, khai, tính và nộp thuế; Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp số 48/2010/QH12)

Tại điểm c, khoản 2 Điều 8 dự thảo Luật có quy định: “Giá tính thuế được áp dụng theo giá đất tại Bảng giá đất do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành tại nơi có thửa đất”, và tại khoản 3 Điều 159 Luật Đất đai 2024 có quy định: “Hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung bảng giá đất để công bố và áp dụng từ ngày 01 tháng 01 của năm tiếp theo.”. Tuy nhiên, tại khoản 3, Điều 6 về giá tính thuế của Luật hiện hành giữ nguyên quy định: “Giá của 1m² đất là giá đất theo mục đích sử dụng do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định và được ổn định theo chu kỳ 5 năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.”. Để bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật, đề nghị sửa đổi Khoản 3 Điều 6 Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp để đồng bộ với nội dung tại Điều 8 (Luật sửa đổi) và khoản 3 Điều 159 Luật Đất đai 2024. Luật Đất đai 2024 đã thay đổi căn bản cơ chế định giá đất khi trao quyền quyết định Bảng giá đất cho Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và yêu cầu cập nhật hằng năm kể từ 01/01/2026. Trong khi đó, Điều 6 Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp vẫn giữ thẩm quyền thuộc về Ủy ban nhân dân và đặc biệt là duy trì cơ chế ổn định chu kỳ 05 năm. Sự mâu thuẫn này không chỉ gây lúng túng cho cơ quan hành chính

trong việc chọn căn cứ tính thuế mà còn tạo ra rủi ro pháp lý về "giá tính thuế" khi Luật Đất đai đã bãi bỏ khung giá đất và áp dụng giá sát thị trường hàng năm.

Ngoài những nội dung trên, Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Ninh sẽ tiếp tục nghiên cứu và có ý kiến đóng góp trong quá trình hoàn thiện dự án Luật.

Trên đây là ý kiến tham gia đóng góp về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật thuế thu nhập doanh nghiệp của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Bắc Ninh./. *ft.*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Đoàn ĐBQH tỉnh (báo cáo);
- Các vị ĐBQH Đoàn Bắc Ninh (để biết);
- Lãnh đạo VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CTQH.

TM. ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
KT. TRƯỞNG ĐOÀN
PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN



Trần Thị Vân

QUỐC HỘI KHÓA XVI
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 75 /ĐĐBQH-CTQH

Hải Phòng, ngày 06 tháng 7 năm 2026

V/v tham gia ý kiến đối với Hồ sơ dự án
luật sửa đổi, bổ sung một số điều của
Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp,
Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

Kính gửi: Bộ Tài chính

Theo Công văn số 8765/BTC-CST ngày 24/6/2026 của Bộ Tài chính về việc xin ý kiến đối với Hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, sau khi nghiên cứu Hồ sơ, Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hải Phòng nhận thấy: Hồ sơ dự án Luật đã được Bộ Tài chính chuẩn bị công phu, có hệ thống, bảo đảm đầy đủ các thành phần theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; nội dung sửa đổi, bổ sung bám sát chủ trương của Đảng tại Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, có cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn rõ ràng, kèm theo các viện dẫn, số liệu cụ thể. Việc lồng ghép nội dung sửa đổi Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp và Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp trong cùng một dự án Luật là hợp lý, tránh phải xây dựng riêng nhiều dự án luật có cùng phạm vi, mục tiêu điều chỉnh.

Để góp phần hoàn thiện Hồ sơ dự án Luật, Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hải Phòng tham gia ý kiến như sau:

1) Về Dự thảo Tờ trình

Dự thảo Tờ trình dẫn chiếu Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị, là cơ sở chính trị rất quan trọng, đặt ra yêu cầu cấp bách về việc “*Không áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp đối với cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục tư thục hoạt động không vì lợi nhuận*” và “*giảm tiền thuế đất đối với các cơ sở giáo dục trong nước*”. Do đó, việc xây dựng một luật sửa đổi hai luật thuế để kịp thời thể chế hóa là hoàn toàn hợp hiến, hợp pháp. Bên cạnh đó, Dự thảo Tờ trình xác định việc miễn thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế sử dụng đất phi nông nghiệp cho các cơ sở giáo dục chưa đạt tiêu chí xã hội hóa sẽ làm giảm một phần nguồn thu ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, hồ sơ hiện tại *chưa cung cấp số liệu dự báo định lượng chính xác tổng số hụt thu ngân sách nhà nước là bao nhiêu tỷ đồng/năm* cho cả hai sắc thuế này, mà chỉ mới dừng lại ở việc đánh giá định tính. Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung cho tăng tính thuyết phục hơn.

- Về quá trình lấy ý kiến (Mục III): Tờ trình nêu đã gửi lấy ý kiến các Bộ, ngành, địa phương, trong đó có 06 Bộ bắt buộc theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Ngoại giao, Quốc phòng, Công an, Nội vụ, Tư pháp,

Khoa học và Công nghệ). Tuy nhiên, đối tượng chịu tác động trực tiếp, chủ yếu của chính sách lần này là các cơ sở giáo dục - đào tạo, trong khi Tờ trình không đề cập việc lấy ý kiến chính thức của Bộ Giáo dục và Đào tạo với tư cách cơ quan quản lý chuyên ngành (mặc dù Báo cáo tổng kết có sử dụng số liệu, công văn của Bộ Giáo dục và Đào tạo). Đề nghị làm rõ, bổ sung nội dung này để bảo đảm tính đầy đủ, thận trọng khi ban hành chính sách tác động trực tiếp đến ngành giáo dục.

- Về việc thể hiện ý kiến góp ý đã tiếp thu: Tờ trình nêu *“Bộ Tài chính đã nhận được các văn bản tham gia ý kiến... đã được nghiên cứu, tiếp thu, giải trình”* nhưng chưa tóm lược nội dung các ý kiến góp ý quan trọng, có tính chất phản biện (nếu có), đặc biệt là các ý kiến khác nhau (nếu có) về phạm vi mở rộng đối tượng miễn thuế thu nhập doanh nghiệp sang khối cơ sở giáo dục tư thục hoạt động không vì lợi nhuận ở mọi cấp học. Đề nghị nghiên cứu bổ sung để đại biểu Quốc hội có đầy đủ thông tin khi xem xét, cho ý kiến.

- Về Mục IV.3.10 *“Các vấn đề còn ý kiến khác nhau cần xin ý kiến: Không”*: Qua nghiên cứu Hồ sơ cho thấy, việc mở rộng đối tượng miễn thuế thu nhập doanh nghiệp từ phạm vi hiện hành (chỉ áp dụng đối với *“cơ sở giáo dục đại học công lập hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận”*) sang toàn bộ *“cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục tư thục hoạt động không vì lợi nhuận”* ở tất cả các cấp học là một thay đổi có tính chất mở rộng đáng kể phạm vi ưu đãi, dự kiến làm giảm thu ngân sách nhà nước khoảng 2.200 tỷ đồng/năm theo Bản thuyết minh quy phạm hóa chính sách. Đây là nội dung chính sách có tác động ngân sách lớn, đề nghị được thể hiện là vấn đề cần xin ý kiến của Chính phủ, Quốc hội khi quyết định, thay vì trình bày như một nội dung đã hoàn toàn thống nhất, không còn vấn đề cần cân nhắc thêm.

2) Về Dự thảo Báo cáo tổng kết thi hành luật

- Dự thảo Báo cáo tổng kết chỉ ra có đến 28.503 cơ sở giáo dục hiện đang phải nộp thuế đất (do không đáp ứng tiêu chí xã hội hóa về diện tích, mật độ quy hoạch...). Việc buộc các cơ sở này nộp thuế đất tạo ra sự bất bình đẳng trong tiếp cận ưu đãi đầu tư giáo dục. Tuy nhiên, Báo cáo chưa phân tích sâu nguyên nhân tại sao các cơ sở này không đạt tiêu chí xã hội hóa (do rào cản từ quy hoạch quỹ đất của địa phương hay do quy định tiêu chí của Chính phủ quá cao?). Đề nghị tách biệt rõ nguyên nhân do luật thuế hay do luật đất đai và các văn bản dưới luật để có giải pháp xử lý tận gốc.

- Tại Biểu 2 của Dự thảo Báo cáo, số cơ sở giáo dục hiện đang nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (25.516 - 28.503 hồ sơ/năm trong giai đoạn 2023 - 2025) lớn hơn nhiều so với số được miễn, giảm thuế (13.265 - 14.955 hồ sơ/năm), song Báo cáo chưa phân tích trong số cơ sở đang nộp thuế, bao nhiêu là sử dụng đất trực tiếp phục vụ mục đích giáo dục - đào tạo (thuộc diện sẽ được miễn theo chính sách mới) và bao nhiêu sử dụng cho mục đích kinh doanh, thương mại, dịch vụ khác (không thuộc diện miễn). Bản thuyết minh cũng tự chú thích số liệu ước tính giảm thu 250 tỷ đồng/năm (thuế sử dụng đất phi nông nghiệp) được tính trên toàn bộ diện tích đất, không phân biệt mục đích sử dụng, cho thấy độ chính xác còn hạn chế. Đề nghị nghiên cứu, bổ sung số liệu cụ thể hơn.

3) Về Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế

- Về phương pháp rà soát: Báo cáo đã thực hiện rà soát tương đối toàn diện (12 văn bản chủ trương, đường lối của Đảng; 29 văn bản quy phạm pháp luật trong nước; các điều ước quốc tế có liên quan), có trích dẫn, đối chiếu cụ thể theo từng nội dung sửa đổi của dự thảo Luật, là phương pháp rà soát đúng đắn. Tuy nhiên, kết quả rà soát chủ yếu trình bày theo hướng khẳng định “*đã thể chế hóa*”, “*phù hợp, thống nhất*”, mà chưa có nội dung phân tích, chỉ ra khả năng còn có cách hiểu, cách tiếp cận khác hoặc những điểm cần tiếp tục cân nhắc, điều chỉnh (nếu có). Đề nghị nghiên cứu bổ sung để bảo đảm tính khách quan, đa chiều của công tác rà soát.

- Về rà soát điều ước quốc tế liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp: Báo cáo nêu Việt Nam đã ký 80 Hiệp định tránh đánh thuế hai lần và kết luận không có quy định mâu thuẫn, chồng chéo. Tuy nhiên, Báo cáo chưa phân tích khía cạnh nguyên tắc đối xử quốc gia, không phân biệt đối xử giữa nhà đầu tư trong nước và nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục (theo Tờ trình, hiện có 32 quốc gia, vùng lãnh thổ có dự án đầu tư trong lĩnh vực giáo dục tại Việt Nam), trong khi chính sách miễn thuế thu nhập doanh nghiệp mới chỉ áp dụng cho cơ sở giáo dục hoạt động “*không vì lợi nhuận*” - là mô hình chưa phổ biến đối với nhiều dự án đầu tư giáo dục có vốn nước ngoài hoạt động theo mô hình vì lợi nhuận. Đề nghị nghiên cứu, đánh giá thêm nội dung này để bảo đảm tính tương thích với các cam kết khuyến khích, bảo hộ đầu tư mà Việt Nam đã ký kết.

4) Về Bản thuyết minh quy phạm hóa chính sách

- Về đánh giá tác động thủ tục hành chính: Bản thuyết minh đánh giá tất cả các chính sách đều “*không làm tăng thủ tục hành chính*”. Tuy nhiên, để được hưởng miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo khoản 6 Điều 15 mới, cơ sở giáo dục tư thục phải chứng minh, duy trì điều kiện “*hoạt động không vì lợi nhuận*” theo pháp luật về giáo dục, đồng thời cơ quan thuế phải thực hiện việc hậu kiểm, xác minh điều kiện này định kỳ. Về bản chất, đây là quy trình xác nhận, kiểm soát điều kiện hưởng ưu đãi làm phát sinh thêm công việc cho cả người nộp thuế và cơ quan quản lý thuế, cần được đánh giá đầy đủ hơn về chi phí tuân thủ, chi phí quản lý phát sinh, dù có thể không thuộc phạm vi *thủ tục hành chính* theo nghĩa hẹp (cấp phép, chứng nhận).

- Về ước tính tác động ngân sách nhà nước: Số liệu ước tính giảm thu ngân sách nhà nước khoảng 250 tỷ đồng/năm (thuế sử dụng đất phi nông nghiệp) và khoảng 2.200 tỷ đồng/năm (thuế thu nhập doanh nghiệp) là thông tin quan trọng để đại biểu Quốc hội cân nhắc, quyết định. Đề nghị làm rõ hơn phương pháp, cơ sở dữ liệu tính toán, đặc biệt là số liệu 2.200 tỷ đồng/năm đối với thuế thu nhập doanh nghiệp, do phạm vi đối tượng được miễn thuế mở rộng đáng kể so với quy định hiện hành (hiện chỉ giới hạn ở cơ sở giáo dục đại học công lập hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận).

5) Về Bản so sánh Dự thảo Luật

Bản so sánh đã thể hiện đầy đủ, rõ ràng các nội dung sửa đổi, bổ sung so với quy định hiện hành của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, có thuyết minh lý do kèm theo từng nội dung, thuận lợi cho việc theo dõi, đối chiếu. Tuy nhiên, đề nghị rà soát, thống nhất thuật ngữ sử dụng xuyên suốt trong Hồ sơ dự án Luật; ví dụ, một số nội dung thuyết minh sử dụng cụm từ rút gọn “*đất tôn giáo*”, “*đất tín ngưỡng*” trong khi Dự thảo Luật và Bản so sánh sử dụng cụm từ đầy đủ “*đất sử dụng cho hoạt động tôn giáo*”, “*đất sử dụng cho hoạt động tín ngưỡng*”. Đề nghị rà soát để bảo đảm tính thống nhất về thuật ngữ giữa các tài liệu trong Hồ sơ dự án Luật.

6) Về một số điều khoản cụ thể của Dự thảo Luật

6.1. Về Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp số 48/2010/QH12

- *Tại khoản 1 (sửa đổi Điều 2. Đối tượng chịu thuế) và khoản 2 (sửa đổi Điều 3. Đối tượng không chịu thuế):*

Dự thảo đã viện dẫn và chuẩn hóa thuật ngữ theo Luật Đất đai năm 2024, trong đó có các khái niệm như *đất cụm công nghiệp*, *đất thương mại, dịch vụ*, *đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp* đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ.

Tuy nhiên ở khoản 6 Điều 3 đưa “*Đất xây dựng công trình sự nghiệp bao gồm... giáo dục và đào tạo...*” vào diện *Đối tượng không chịu thuế* (nếu không dùng vào mục đích kinh doanh). Trong khi đó, khoản 4 Điều 1 dự thảo lại bổ sung khoản 10 Điều 9 quy định “*Đất sử dụng vào mục đích giáo dục và đào tạo của cơ sở giáo dục không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này*”, tức là thuộc diện *Miễn thuế*. Ở đây có sự chồng chéo, mâu thuẫn về mặt bản chất kỹ thuật lập pháp giữa hai khái niệm “*Không thuộc đối tượng chịu thuế*” (Điều 3) và “*Miễn thuế*” (Điều 9). Nếu đất giáo dục phi lợi nhuận hoặc công lập đã thuộc Điều 3 (không chịu thuế) thì không cần và không thể nằm ở Điều 9 (miễn thuế). Biện pháp “*Miễn thuế*” chỉ áp dụng cho đối tượng “*Chịu thuế*” nhưng được Nhà nước ưu đãi. Đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ: Đất giáo dục nào thuộc Điều 3 và đất giáo dục nào thuộc Điều 9 và nghiên cứu chỉnh lý quy định theo hướng: *Giữ đất của cơ sở giáo dục công lập và cơ sở tư thực hoạt động không vì lợi nhuận tại Điều 3 (không chịu thuế); còn đất của các cơ sở giáo dục tư thực hoạt động có lợi nhuận nhưng chưa đạt tiêu chí xã hội hóa thì đưa vào diện ưu đãi miễn hoặc giảm thuế có thời hạn tại Điều 9 cho phù hợp hơn.*

- *Tại khoản 3 (Sửa đổi Điều 8. Đăng ký, khai, tính và nộp thuế):*

Cơ quan soạn thảo đã bám sát Nghị quyết số 190/2025/QH15 để thay đổi các thuật ngữ phù hợp với mô hình chính quyền địa phương mới; đồng thời bổ sung quy định cơ quan thuế sử dụng hệ thống thông tin để hỗ trợ tính thuế chênh lệch lũy tiến khi người nộp thuế có nhiều thửa đất trong cùng một tỉnh là phù hợp tình hình mới. Tuy nhiên, điểm b Khoản 2 Điều 8 quy định: “*Trường hợp... tổng diện tích các thửa đất vượt hạn mức... thì hạn mức đất ở làm căn cứ tính thuế là hạn mức tại xã, phường, đặc khu nơi có quyền sử dụng đất để số thuế phải nộp là thấp nhất*”. Thuật ngữ “*nơi có quyền sử dụng đất*” còn chung chung, gây khó

khẩn khi người nộp thuế có đất ở nhiều xã khác nhau trong tỉnh. Đề nghị sửa thành: ***“...thì hạn mức đất ở làm căn cứ tính thuế là hạn mức đất ở người nộp thuế phải nộp số thuế thấp nhất tại xã, phường, đặc khu nơi có quyền sử dụng đất”*** cho phù hợp hơn.

- *Tại khoản 4 (bổ sung Khoản 10 Điều 9. Miễn thuế đối với đất giáo dục):*

Dự thảo quy định diện tích đất được miễn thuế dựa trên các giấy tờ quyền sử dụng đất hợp pháp, nhưng ***“không bao gồm diện tích đất sử dụng vào mục đích kinh doanh, thương mại, dịch vụ”***. Thực tiễn cho thấy, trong các cơ sở giáo dục hiện nay (đặc biệt là đại học hoặc trường liên cấp), việc tồn tại các khu vực dịch vụ phụ trợ như: căng-tin, nhà sách, bãi giữ xe, khu ký túc xá có thu phí hỗ trợ... là tất yếu và phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục. Nếu cơ quan quản lý thuế bóc tách cơ học diện tích này để tính thuế sẽ gây xung đột lớn và không khả thi trong thực tế kê khai. Đề nghị bổ sung quy định loại trừ loại hình dịch vụ phụ trợ thiết yếu: ***“Diện tích đất được miễn thuế... không bao gồm diện tích đất sử dụng vào mục đích kinh doanh, thương mại, dịch vụ nằm ngoài quy hoạch cơ sở giáo dục hoặc không nhằm mục đích phục vụ trực tiếp cho người học và cán bộ giáo viên của cơ sở đó”***.

6.2. Về Điều 2. Sửa đổi khoản 5 và bổ sung khoản 6 Điều 15 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15

Tại khoản 6 Điều 15 (Miễn thuế đối với cơ sở giáo dục công lập và tư thục không vì lợi nhuận), đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu:

- *Về danh mục thu nhập được miễn thuế:*

+ Dự thảo quy định miễn thuế cho các nguồn thu đào tạo, nghiên cứu, chuyên gia công nghệ, dịch vụ hỗ trợ và cả ***“lãi tiền gửi ngân hàng”***. Quy định miễn thuế cho ***“lãi tiền gửi ngân hàng”*** đối với một cơ sở giáo dục tư thục hoạt động không vì lợi nhuận tiềm ẩn nguy cơ trục lợi rất lớn. Doanh nghiệp có thể lợi dụng danh nghĩa ***“không vì lợi nhuận”***, gửi hàng trăm tỷ đồng vốn thặng dư vào ngân hàng để nhận lãi miễn thuế, thay vì tái đầu tư trực tiếp vào cơ sở vật chất giảng dạy.

+ Theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định số 263/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập... Theo đó Tổ chức khoa học và công nghệ công lập ngoài thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ còn thực hiện các nhiệm vụ khác, đảm bảo chức năng, nhiệm vụ theo đơn vị sự nghiệp công lập có thể có nhiều nguồn thu nhập chịu thuế khác ngoài thu nhập chịu thuế từ hoạt động khoa học và công nghệ. Vì vậy, tại nội dung này, đề nghị xây dựng chính sách theo hướng chỉ miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các khoản thu nhập chịu thuế phát sinh từ hoạt động khoa học và công nghệ của Tổ chức khoa học và công nghệ công lập, thu nhập chịu thuế từ hoạt động khác vẫn phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định.

- *Về cơ chế hậu kiểm (chế tài hoàn thuế):* Đoạn 2 Khoản 6 quy định nếu cơ sở tư thục không vì lợi nhuận thực hiện ***“rút vốn hoặc chia lợi tức”*** thì phải nộp

lại toàn bộ tiền thuế đã được miễn. Tuy nhiên, quy định này chưa rõ ràng về phạm vi thời gian, phải nộp lại số thuế đã miễn của năm xảy ra vi phạm hay nộp lại toàn bộ số thuế đã được miễn từ trước đến nay (truy thu vô thời hạn)? Nếu truy thu vô thời hạn thì có tính tiền chậm nộp trên toàn bộ số thuế đó không? Thiết kế điều khoản như dự thảo hiện tại sẽ dẫn đến sự tùy nghi, thiếu nhất quán trong thực thi của cơ quan thuế địa phương. Do vậy, đề nghị:

Đối với lãi tiền gửi ngân hàng: Chỉ miễn thuế đối với lãi tiền gửi phát sinh từ nguồn học phí và các quỹ phát triển hợp pháp được trích lập phục vụ giáo dục, không miễn thuế đối với lãi tiền gửi từ nguồn vốn kinh doanh thuần túy.

Chỉnh lý đoạn văn về chế tài vi phạm như sau: *“Trường hợp cơ sở giáo dục... thực hiện rút vốn hoặc chia lợi tức thì phải thực hiện kê khai, nộp lại toàn bộ số tiền thuế đã được miễn trong suốt thời gian không duy trì đúng điều kiện hoạt động không vì lợi nhuận và bị xử lý phạt, tính tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế”*.

Trên đây là ý kiến góp ý đối với Hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp của Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hải Phòng, kính gửi Bộ Tài chính nghiên cứu, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Đoàn ĐBQH TP (để b/c);
- CVP, PCVP (NTQ);
- Lưu: VT, LĐT.

TM. ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
KT. TRƯỞNG ĐOÀN
PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN



Lã Thanh Tân

Số: 118 /ĐĐBQH-VP

Thái Nguyên, ngày 08 tháng 7 năm 2026

V/v tham gia ý kiến hồ sơ dự án
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của
Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp,
Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

Kính gửi: Bộ Tài chính

Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Thái Nguyên nhận được Công văn số 8765/BTC-CST ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến đối với hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Sau khi nghiên cứu, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Thái Nguyên có ý kiến như sau:

1. Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Thái Nguyên cơ bản nhất trí và đánh giá cao công tác chuẩn bị hồ sơ dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Hồ sơ đã thể hiện đầy đủ cơ sở chính trị, pháp lý, sự cần thiết của việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp nhằm thể chế hóa đầy đủ chủ trương, định hướng của Đảng, Nhà nước về hoàn thiện chính sách thuế sử dụng đất, có chính sách đột phá, phát triển lĩnh vực giáo dục - đào tạo nêu tại điểm 2 Phần III Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị nhằm thu hút nguồn lực xã hội, giảm áp lực lên khu vực công lập và mở rộng khả năng cung ứng dịch vụ công chất lượng cao.

2. Nội dung góp ý cụ thể đối với dự thảo Luật

Tại khoản 2 Điều 2 dự thảo Luật quy định về đối tượng chịu thuế bao gồm: “Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp bao gồm: đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp; đất thương mại, dịch vụ; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản”.

Việc sửa đổi nội dung trên nhằm đảm bảo thống nhất về tên gọi và hệ thống phân loại đất, phù hợp với quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 9 Luật Đất đai năm 2024. Tuy nhiên, dự thảo Luật chưa quy định về điều khoản chuyển tiếp đối với các loại đất trên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tên gọi cũ như: “đất xây dựng khu công nghiệp”; “đất làm mặt bằng xây dựng cơ sở sản xuất, kinh doanh”; “đất khai thác, chế biến khoáng sản”; “đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm”.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan Thuế và cá nhân, doanh nghiệp được giao quyền sử dụng đất trong quá trình kê khai, nộp thuế sử dụng đất. Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung các quy định về **điều khoản chuyển tiếp** đối với các loại đất trên, bảo đảm không làm phát sinh thủ tục hành chính hoặc nghĩa vụ kê khai, điều chỉnh thông tin của người sử dụng đất chỉ do thay đổi tên gọi loại đất.

Trên đây là ý kiến tham gia của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Thái Nguyên gửi Bộ Tài chính; Cục Quản lý, giám sát chính sách thuế, phí và lệ phí, Bộ Tài chính tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Quản lý, giám sát chính sách thuế, phí và lệ phí, Bộ Tài chính;
- Lãnh đạo Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT, CTQH.Quydn.

TM. ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
KT. TRƯỞNG ĐOÀN
PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN



Hà Sỹ Huân

QUỐC HỘI KHÓA XVI
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TỈNH GIA LAI

Số: 142 /ĐĐBQH-CTQH

V/v tham gia ý kiến đối với hồ sơ
dự án Luật sửa đổi, bổ sung một
số điều của Luật Thuế sử dụng đất
phi nông nghiệp, Luật Thuế thu
nhập doanh nghiệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 09 tháng 7 năm 2026

Kính gửi: Bộ Tài chính

Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai nhận được Công văn số 8765/BTC-CST ngày 24/6/2026 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về Hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Qua nghiên cứu, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai cơ bản thống nhất với Hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; đồng thời, tham gia một số ý kiến đối với dự thảo Luật như sau:

1. Căn cứ ban hành Luật

Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, chỉnh sửa nội dung “*Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.*” thành “*Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp số 48/2010/QH12, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15.*” nhằm phù hợp theo hướng dẫn tại Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Khoản 3 Điều 1 dự thảo Luật (sửa đổi, bổ sung Điều 8 Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp)

Tại khoản 3 Điều 1 dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 8 Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp quy định:

“Điều 8. Đăng ký, khai, tính và nộp thuế

.....

2. Trường hợp người nộp thuế có quyền sử dụng nhiều thửa đất ở trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì cơ quan thuế căn cứ hệ thống thông tin quản lý thuế để hỗ trợ người nộp thuế trong việc khai thuế và tính số thuế chênh lệch tăng thêm do có quyền sử dụng nhiều thửa đất ở...”

Dự thảo Luật quy định trường hợp người nộp thuế có quyền sử dụng nhiều thửa đất ở trong phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì cơ quan thuế căn cứ hệ thống thông tin quản lý thuế để hỗ trợ xác định số thuế phải nộp. Theo dự thảo, Luật có hiệu lực từ ngày 01/01/2027. Trong khi đó, việc xây dựng, chuẩn hóa và liên thông giữa cơ sở dữ liệu đất đai với cơ sở dữ liệu quản lý thuế vẫn đang được triển khai; tại một số địa phương, dữ liệu còn trong quá trình cập nhật, hoàn thiện, nhất là sau khi sắp xếp đơn vị hành chính và điều chỉnh bảng giá đất. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, bổ sung đánh giá khả năng kết nối cơ sở dữ liệu đất đai với cơ sở dữ liệu quản lý thuế khi Luật này có hiệu lực thi hành để nghiên cứu, quy định cho phù hợp.

3. Điều 2 dự thảo Luật (sửa đổi, bổ sung Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp)

- Đề nghị nghiên cứu, chỉnh sửa tên của Điều này từ ***“Điều 2. Sửa đổi khoản 5 và bổ sung khoản 6 Điều 15 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15”*** thành ***“Điều 2. Sửa đổi khoản 5 và bổ sung khoản 5a vào sau khoản 5 Điều 15 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp”*** vì Điều 15 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp có 06 khoản. Đồng thời, đề nghị chỉnh sửa số thứ tự các khoản trong nội dung sửa đổi, bổ sung tại Điều này cho phù hợp.

- Việc quy định bổ sung miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với cơ sở giáo dục công lập và cơ sở giáo dục tư thực hoạt động không vì lợi nhuận là chính sách phù hợp với xu hướng phát triển, khuyến khích, thu hút nguồn lực xã hội đầu tư vào lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Tuy nhiên, để bảo đảm chính sách được thực hiện đúng mục tiêu và tránh bị lợi dụng, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung quy định hoặc giao Chính phủ quy định các tiêu chí để xác định cơ sở giáo dục tư thực hoạt động không vì lợi nhuận. Ngoài ra, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, bổ sung đánh giá tác động của chính sách này đối với nguồn thu ngân sách.

4. Kỹ thuật trình bày

- Đề đảm bảo phù hợp theo hướng dẫn tại Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP, đề nghị nghiên cứu, chỉnh sửa:

+ Chỉnh sửa cách trình bày tên dự thảo Luật thành:

“LUẬT

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP, LUẬT THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP”

+ Điều 1 dự thảo Luật: Chỉnh sửa cách trình bày tên của Điều này từ ***“Điều***

1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp số 48/2010/QH12 thành **“Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp”**. Theo đó, đề nghị nghiên cứu, chỉnh sửa nội dung tương tự tại tên của Điều 2 dự thảo Luật cho phù hợp.

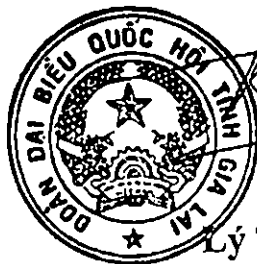
- Khoản 4 Điều 1 dự thảo Luật: Đề nghị nghiên cứu, chỉnh sửa tên của khoản này từ **“Bổ sung khoản 10 Điều 9 như sau:”** thành **“Bổ sung khoản 10 vào sau khoản 9 Điều 9 như sau:”** cho rõ nghĩa nội dung quy định.

Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai gửi ý kiến tham gia đề Bộ Tài chính nghiên cứu, tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp./. *phut*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Lãnh đạo VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Phòng CTQH;
- Lưu: VT, CTQH. *VR*

TM. ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
KT. TRƯỞNG ĐOÀN
PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN



phut
 Lý Tiết Hạnh

QUỐC HỘI KHÓA XVI
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 237 /ĐĐBQH-VP

Khánh Hòa, ngày 09 tháng 7 năm 2026

V/v góp ý kiến hồ sơ dự án Luật sửa
đổi, bổ sung một số điều của Luật
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp,
Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Theo đề nghị của Bộ Tài chính tại Văn bản số 8765/BTC-CST ngày 24/6/2026 về việc lấy ý kiến hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Khánh Hòa (Đoàn ĐBQH) đã tổ chức lấy ý kiến góp ý bằng văn bản đối với một số cơ quan hữu quan ở địa phương và các vị đại biểu Quốc hội trong Đoàn ĐBQH.

Trên cơ sở góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, Đoàn ĐBQH tổng hợp góp ý như sau:

1. Những vấn đề chung

Các ý kiến thống nhất với việc cần thiết phải sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp nhằm thể chế hóa các chủ trương của Đảng, đồng thời điều chỉnh các quy định về đối tượng chịu thuế, không chịu thuế để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với sự thay đổi về phân loại đất của Luật Đất đai năm 2024 và mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

2. Về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tại Khoản 4 Điều 1 bổ sung khoản 10 Điều 9 Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, có quy định diện tích đất được miễn thuế đối với cơ sở giáo dục là diện tích ghi trên một trong các loại giấy tờ, cụ thể có nêu: "...Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất...". Tuy nhiên theo quy định mới tại Luật Đất đai năm 2024, tên gọi của Giấy chứng nhận đã được thay đổi và chuẩn hóa lại thành "*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất*".

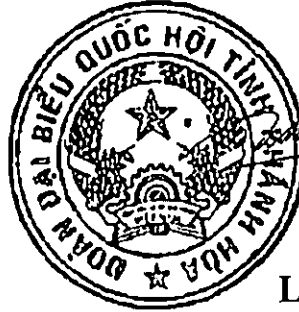
Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh sửa lại tên gọi của loại giấy tờ này tại dự thảo Luật để đảm bảo sử dụng chuẩn xác thuật ngữ thống nhất với các quy định của Luật Đất đai năm 2024.

Đoàn ĐBQH tỉnh Khánh Hòa trân trọng gửi Bộ Tài chính./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các vị ĐBQH tỉnh;
- LĐ VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng CTQH, NTg.

TM. ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
KT. TRƯỞNG ĐOÀN
PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN



[Handwritten signature]
Lê Hữu Trí

QUỐC HỘI KHÓA XVI
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 62 /ĐĐBQH

Quảng Ninh, ngày 08 tháng 7 năm 2026

V/v tham gia ý kiến hồ sơ dự án Luật
SĐBS một số điều của Luật Thuế sử
dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu
nhập doanh nghiệp

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số:.....89105.....
Ngày:	09-07-2026
Chuyên:	
Số và ký hiệu HS:	

Kính gửi: Bộ Tài chính

Căn cứ Công văn số 8756/BTC-CST ngày 24/6/2026 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến hồ sơ dự án Luật SĐBS một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, sau khi nghiên cứu các tài liệu liên quan, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Ninh có ý kiến như sau:

1. Về sự cần thiết sửa đổi Luật

Đoàn ĐBQH tỉnh Quảng Ninh nhất trí với sự cần thiết sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp và Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp nhằm kịp thời thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng; cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp (sửa đổi); bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật; đồng thời khắc phục những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thi hành các luật hiện hành.

Việc sửa đổi, bổ sung các luật lần này cũng góp phần tiếp tục hoàn thiện chính sách thuế theo hướng minh bạch, công bằng, đơn giản, hiện đại; tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; thúc đẩy chuyển đổi số trong quản lý thuế và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu đất đai, cơ sở dữ liệu thuế phục vụ công tác quản lý.

2. Về nội dung sửa đổi Luật

2.1. Về sửa đổi Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp

- Thống nhất với việc sửa đổi quy định về đối tượng chịu thuế và đối tượng không chịu thuế theo hướng phân định rõ đất sử dụng vào mục đích kinh doanh và đất không sử dụng vào mục đích kinh doanh. Quy định này bảo đảm nguyên tắc đánh thuế đúng đối tượng, phù hợp với mục đích sử dụng đất, góp phần bảo đảm công bằng trong thực hiện nghĩa vụ thuế và nâng cao hiệu quả quản lý thuế.

- Thống nhất với quy định cơ quan thuế hỗ trợ người nộp thuế xác định nghĩa vụ thuế đối với trường hợp có nhiều thửa đất ở trong cùng tỉnh, thành phố. Đây là quy định mới, phù hợp với định hướng chuyển đổi số trong quản lý thuế. Đề nghị Ban soạn thảo tiếp tục hoàn thiện các điều kiện bảo đảm tổ chức thực hiện, nhất là đẩy nhanh việc hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai, cơ sở dữ liệu thuế; tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa cơ quan thuế, cơ quan quản lý đất đai và các cơ quan có liên quan, bảo đảm thông tin đầy đủ, chính xác, cập nhật kịp thời.

Đối với quy định miễn thuế sử dụng đất đối với diện tích đất phục vụ mục đích giáo dục và đào tạo, Đoàn ĐBQH tỉnh thống nhất với chính sách của dự thảo Luật. Chính sách này góp phần giảm chi phí hoạt động, tạo điều kiện để các cơ sở giáo dục tập trung đầu tư cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo. Đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu quy định rõ hoặc giao quy định chi tiết tiêu chí xác định diện tích đất sử dụng đúng mục đích giáo dục, đào tạo và diện tích sử dụng vào hoạt động kinh doanh nhằm bảo đảm thống nhất trong áp dụng pháp luật.

2.2. Về sửa đổi Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thống nhất với việc bổ sung chính sách miễn thuế đối với cơ sở giáo dục công lập và cơ sở giáo dục tư thực hoạt động không vì lợi nhuận. Đây là chính sách có ý nghĩa thiết thực, thể hiện sự khuyến khích của Nhà nước đối với phát triển giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

Tuy nhiên, đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu quy định rõ hoặc giao Chính phủ hướng dẫn cụ thể tiêu chí xác định cơ sở giáo dục hoạt động không vì lợi nhuận; cơ chế quản lý, kiểm tra việc sử dụng phần thu nhập được miễn thuế; đồng thời quy định trách nhiệm và biện pháp xử lý đối với trường hợp sử dụng không đúng mục đích nhằm bảo đảm chính sách được thực hiện đúng đối tượng, đúng mục tiêu, công khai, minh bạch và hạn chế việc lợi dụng chính sách.

Ngoài ra tại Điều 2. Sửa đổi khoản 5 Điều 15 đề nghị bổ sung: “5. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập, tổ chức khoa học và công nghệ do doanh nghiệp, cá nhân thành lập và doanh nghiệp khoa học và công nghệ được miễn thuế theo quy định của Chính phủ”.

Lý do: Việc bổ sung quy định này nhằm thể chế hóa chủ trương của Đảng về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; đồng thời khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp đầu tư cho nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và thương mại hóa kết quả nghiên cứu, huy động hiệu quả nguồn lực xã hội cho

phát triển khoa học và công nghệ, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng tăng trưởng và năng lực cạnh tranh quốc gia.

Trên đây là ý kiến của Đoàn ĐBQH tỉnh Quảng Ninh tham gia đối với hồ sơ dự án Luật SĐBS một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp trân trọng đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, tiếp thu và hoàn thiện hồ sơ dự án Luật./.

Nơi nhận:

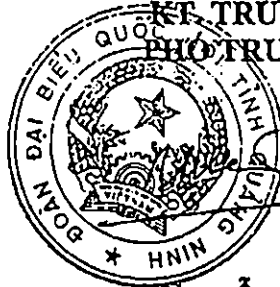
- Như trên;
- Đ/c BTTU, TĐĐBQH tỉnh;
- Các vị ĐBQH Đoàn Quảng Ninh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Phòng CTQH;
- Lưu: VT, QH3.

Ký bởi: Cao Hải Đăng
Ký bởi: Nguyễn Chiến Thắng

TM. ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

KT. TRƯỞNG ĐOÀN

PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN



Nguyễn Thị Thu Hà

SUBJECTS

Số: 121/BC-ĐDBQH

Điện Biên, ngày 07 tháng 7 năm 2026

BÁO CÁO

Tổng hợp ý kiến tham gia vào dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

BỘ TÀI CHÍNH	
Số: 89165	Ngày 09-07-2026
Chuyên: <i>CST</i>	
Số và ký hiệu HS:	

Căn cứ Công văn số 8765/BTC-CST ngày 24/6/2026 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; sau khi xin ý kiến các vị đại biểu Quốc hội tỉnh, Đoàn đại biểu Quốc hội (ĐBQH) tỉnh Điện Biên tổng hợp ý kiến tham gia vào dự thảo Luật như sau:

1. Về giá tính thuế (Điều 6 Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp số 48/2010/QH12)

- Tại điểm a khoản 2 Điều 6 Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp hiện hành quy định: “...Trường hợp được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để xây dựng khu công nghiệp thì diện tích đất tính thuế không bao gồm diện tích đất xây dựng kết cấu hạ tầng sử dụng chung.”. Tuy nhiên, khoản 1 Điều 1 dự thảo Luật (sửa đổi, bổ sung Điều 2 Luật số 48/2010/QH12) đã bổ sung đối tượng chịu thuế là “cụm công nghiệp”. Để bảo đảm tính thống nhất của dự thảo Luật, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 6 Luật số 48/2010/QH12 theo hướng bổ sung đối tượng “cụm công nghiệp”, cụ thể: “...Trường hợp được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để xây dựng khu công nghiệp, **cụm công nghiệp** thì diện tích đất tính thuế không bao gồm diện tích đất xây dựng kết cấu hạ tầng sử dụng chung.”.

2. Về miễn thuế (khoản 4 Điều 1 dự thảo luật bổ sung khoản 10 Điều 9)

Đoàn ĐBQH tỉnh thống nhất với chủ trương bổ sung đối tượng miễn thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với cơ sở giáo dục nhằm thể chế hóa Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị, góp phần khuyến khích thu hút nguồn lực xã hội đầu tư phát triển giáo dục.

Khoản 10 Điều 9 còn quy định khá chi tiết về căn cứ xác định diện tích được miễn thuế và hồ sơ chứng minh, tuy nhiên lại chưa bao quát được trường hợp đất sử dụng đồng thời cho mục đích giáo dục và kinh doanh, dịch vụ. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo quy định theo hướng Luật chỉ quy định đối tượng được miễn thuế; việc xác định diện tích được miễn thuế, hồ sơ chứng minh và trường hợp sử dụng đất vào nhiều mục đích giao Chính phủ quy định chi tiết.

Theo đó, đề nghị sửa khoản này như sau: “10. Đất của cơ sở giáo dục không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này được Nhà nước giao đất, cho thuê đất hoặc nhận chuyển nhượng theo quy định của pháp luật về đất đai để sử dụng vào mục đích giáo dục và đào tạo. Chính phủ quy định chi tiết khoản này”.

Trên đây là ý kiến tham gia vào dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp của Đoàn ĐBQH tỉnh Điện Biên, kính gửi Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- Trưởng đoàn ĐBQH tỉnh (để b/c);
- Các vị đại biểu Quốc hội tỉnh khóa XVI;
- LĐVP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Phòng Công tác Quốc hội;
- Lưu: VT.

TM. ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

KT. TRƯỞNG ĐOÀN

PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN



[Handwritten signature]
Lò Thị Luyện

QUỐC HỘI KHOÁ XVI
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số: 115 /ĐĐBQH

Nghệ An, ngày 09 tháng 7 năm 2026

V/v góp ý dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật thuế sử dụng đất phi
nông nghiệp, Luật thuế thu nhập doanh nghiệp

Kính gửi: Bộ Tài chính

Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Nghệ An nhận được Công văn số 8765/BTC-CST ngày 24/6/2026 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Qua nghiên cứu, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Nghệ An có ý kiến góp ý vào dự thảo luật như sau:

1. Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp số 48/2010/QH12

Đề nghị nghiên cứu, bổ sung quy định tại Điều 1 dự thảo Luật theo hướng sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 9 của Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp về miễn thuế, theo đó quy định rõ không áp dụng chính sách miễn thuế đối với đất của các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư; dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; dự án đầu tư thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn nếu dự án chậm tiến độ theo quy định của pháp luật. Lý do: nhằm bảo đảm chính sách ưu đãi thuế được áp dụng đúng mục tiêu, khuyến khích các nhà đầu tư triển khai dự án đúng tiến độ, đồng thời hạn chế tình trạng lợi dụng chính sách ưu đãi để chậm đưa đất vào sử dụng, gây lãng phí nguồn lực đất đai và ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý nhà nước.

Tại khoản 3 Điều 9 Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp về miễn thuế có quy định: “Đất xây dựng nhà tình nghĩa, nhà đại đoàn kết, *cơ sở nuôi dưỡng người già cô đơn, người khuyết tật, trẻ mồ côi*, cơ sở chữa bệnh xã hội”. Đề nghị nghiên cứu, bổ sung một khoản tại Điều 1 dự thảo luật về sửa đổi khoản 3 Điều 9 Luật hiện hành như sau: “Đất xây dựng nhà tình nghĩa, nhà đại đoàn kết, *cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở chữa bệnh xã hội*”. Lý do: để đảm bảo tính bao quát đối với các cơ sở trợ giúp xã hội theo quy định của pháp luật hiện hành được miễn thuế sử dụng đất phi nông nghiệp. Cụ thể: Tại Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội đã có quy định về các loại hình cơ sở trợ giúp xã hội bao gồm: “*Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi; Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; Cơ sở bảo trợ xã hội*

chăm sóc người khuyết tật; Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí; Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp thực hiện việc chăm sóc nhiều đối tượng bảo trợ xã hội hoặc đối tượng cần trợ giúp xã hội; Trung tâm công tác xã hội thực hiện việc tư vấn, chăm sóc khẩn cấp hoặc hỗ trợ những điều kiện cần thiết khác cho đối tượng cần trợ giúp xã hội; Cơ sở trợ giúp xã hội khác theo quy định của pháp luật". Do đó, đề nghị nghiên cứu sửa đổi theo hướng quy định chung nhóm đất xây dựng cho các cơ sở này.

2. Điều 2. Sửa đổi khoản 5 và bổ sung khoản 6 Điều 15 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15

Đề nghị bổ sung thêm quy định về ưu đãi thuế đối với các tổ chức khoa học công nghệ ngoài công lập để phù hợp với các định hướng chiến lược và chính sách phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo theo tinh thần Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 12/12/2024 của Bộ Chính trị và quy định của Luật khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2024.

Trên đây là góp ý vào hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật thuế thu nhập doanh nghiệp của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Nghệ An, kính đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Trưởng Đoàn ĐBQH (để b/c);
- PTĐ, ĐBQHCT;
- Chánh VP, Phó CVP (phụ trách);
- Phòng CTQH;
- Lưu: VT.

TM. ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
KT. TRƯỞNG ĐOÀN
PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN



[Signature]
Thái Thị An Chung

TỔNG HỢP

**Ý kiến góp ý vào hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của
Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Kính gửi: Bộ Tài chính

Theo đề nghị của Bộ Tài chính tại văn bản số 8765/BTC-CST ngày 24/6/2026 về việc lấy ý kiến góp ý đối với hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hà Nội tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các cơ quan liên quan và tổng hợp như sau:

I. Những vấn đề chung

Đa số ý kiến cơ bản thống nhất với sự cần thiết ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Dự án Luật đã thể chế hóa kịp thời, đúng đắn chủ trương đột phá phát triển giáo dục và đào tạo tại Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 281/NQ-CP của Chính phủ và các nghị quyết liên quan của Quốc hội. Việc sửa đổi, bổ sung chính sách miễn thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với đất giáo dục và miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với cơ sở giáo dục công lập, tư thực hoạt động không vì lợi nhuận là cần thiết, góp phần khuyến khích xã hội hóa, giảm áp lực đầu tư công, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và phù hợp với quy định tại Luật Đất đai 2024.

Tuy nhiên, Dự thảo còn một số hạn chế cần khắc phục như: một số nội dung còn mang tính kỹ thuật, chưa làm nổi bật đủ giá trị chiến lược, tính khả thi và cơ chế giám sát hậu kiểm; một số quy định về đối tượng, điều kiện hưởng ưu đãi và trách nhiệm thực thi chưa đủ cụ thể, dễ phát sinh vướng mắc khi áp dụng. Đề nghị cơ quan soạn thảo tiếp tục rà soát nội dung của Dự thảo Luật, đảm bảo chặt chẽ, minh bạch, công bằng, chống lạm dụng và tạo động lực thực sự cho đầu tư giáo dục chất lượng cao, hạn chế phát sinh thêm thủ tục hành chính cho người dân, tổ chức.

II. Những vấn đề cụ thể

1. Về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (Điều 1 dự thảo Luật)

a) Về đăng ký, khai, tính và nộp thuế tại khoản 3 Điều 1 dự thảo:

- Có ý kiến đề nghị nghiên cứu chỉnh lý quy định tại Điều 8 theo hướng cơ quan thuế không chỉ “hỗ trợ” người nộp thuế mà chủ động khai thác, kết nối, chia sẻ dữ liệu từ hệ thống thông tin quản lý thuế, cơ sở dữ liệu đất đai, cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành có liên quan để xác định, thông báo nghĩa vụ thuế. Người nộp thuế chỉ thực hiện kê khai, bổ sung, điều chỉnh trong trường hợp dữ liệu chưa có, chưa đầy đủ hoặc chưa chính xác. Cách tiếp cận này phù hợp với yêu cầu chuyển đổi số, giảm hồ sơ giấy, hạn chế yêu cầu người dân cung cấp lại thông tin mà cơ quan nhà nước đã có.

- Có ý kiến đề nghị bổ sung nội dung giao Chính phủ quy định chi tiết trách nhiệm của cơ quan thuế, cơ quan quản lý đất đai, cơ quan đăng ký đất đai và Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc cung cấp, cập nhật, xác thực dữ liệu phục vụ tính thuế, miễn thuế, giảm thuế; bảo đảm vận hành thống nhất trong điều kiện không còn tổ chức chính quyền địa phương cấp huyện.

b) Về hạn mức đất ở, giá tính thuế và cách xác định nghĩa vụ thuế đối với người có nhiều thửa đất

- Có ý kiến đề nghị thay cụm từ “*nơi có quyền sử dụng đất*” bằng “*nơi có thửa đất*” tại điểm b khoản 2 Điều 8 để thống nhất cách diễn đạt và tránh cách hiểu khác nhau. Trường hợp người nộp thuế có nhiều thửa đất ở tại nhiều xã, phường, đặc khu trong cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nên quy định rõ người nộp thuế được lựa chọn hạn mức đất ở làm căn cứ tính thuế; trường hợp không lựa chọn thì cơ quan thuế xác định theo nguyên tắc có lợi nhất cho người nộp thuế trên cơ sở dữ liệu hiện có.

- Có ý kiến đề nghị cân nhắc diễn đạt điểm c khoản 2 Điều 8 theo hướng: “*Giá tính thuế được áp dụng theo Bảng giá đất được quyết định, công bố theo quy định của pháp luật đất đai tại nơi có thửa đất*” thay cho cách quy định “*Bảng giá đất do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành*”, nhằm bảo đảm ổn định của quy phạm và phù hợp với trình tự xây dựng, quyết định, công bố bảng giá đất theo pháp luật đất đai.

c) Về miễn thuế đối với đất sử dụng vào mục đích giáo dục và đào tạo tại khoản 4 Điều 1 dự thảo

- Có ý kiến đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh lý theo hướng chỉ miễn thuế đối với diện tích đất đang trực tiếp sử dụng cho hoạt động giáo dục, đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp; không bao gồm diện tích sử dụng vào mục đích kinh doanh, thương mại, dịch vụ hoặc cho thuê, liên doanh, liên kết không trực tiếp phục vụ hoạt động giáo dục.

- Có ý kiến đề nghị thay vì liệt kê từng loại giấy tờ như dự thảo, nên quy định khái quát: diện tích được miễn thuế được xác định theo giấy tờ về quyền sử dụng đất, hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai và dữ liệu quản lý thuế theo quy định của pháp luật. Quy định theo hướng này bảo đảm ổn định, tương thích với hồ sơ, dữ liệu điện tử và tránh phát sinh thủ tục yêu cầu cơ sở giáo dục phải nộp lại giấy tờ đã có trong hệ thống cơ quan nhà nước.

2. Về sửa đổi khoản 5 và bổ sung khoản 6 Điều 15 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (Điều 2 dự thảo Luật)

- Về phạm vi thu nhập được miễn thuế, có ý kiến đề nghị bổ sung tiêu chí *“trực tiếp phục vụ hoạt động giáo dục, đào tạo”* và yêu cầu cơ sở giáo dục phải hạch toán riêng thu nhập được miễn thuế, sử dụng toàn bộ phần thu nhập được miễn thuế để đầu tư phát triển cơ sở giáo dục. Đối với các khoản như lãi tiền gửi ngân hàng, dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, giao Chính phủ quy định chi tiết tiêu chí xác định, cách hạch toán và kiểm soát việc sử dụng, tránh mở rộng ưu đãi sang các hoạt động kinh doanh thuần túy.

- Có ý kiến đề nghị giới hạn rõ phạm vi ủy quyền đối với nội dung: *“Trường hợp phát sinh các khoản thu nhập khác với quy định tại khoản này cần được miễn thuế thì giao Chính phủ quy định”*, xem xét chỉ giao Chính phủ quy định đối với khoản thu nhập khác trực tiếp phục vụ hoạt động giáo dục, đào tạo, không nhằm mục đích phân phối lợi nhuận và được sử dụng để tái đầu tư phát triển cơ sở giáo dục. Đồng thời, nghiên cứu bổ sung trong Luật các nguyên tắc, tiêu chí hoặc giới hạn phạm vi các khoản thu nhập được miễn thuế làm căn cứ để Chính phủ quy định chi tiết.

- Có ý kiến đề nghị quy định về xử lý trường hợp sử dụng sai mục đích phần thu nhập được miễn thuế theo nguyên tắc thu hồi, truy thu tương ứng với phần thu nhập sử dụng sai mục đích; trường hợp cơ sở giáo dục rút vốn, chia lợi tức hoặc phân phối lợi ích trái với tiêu chí không vì lợi nhuận thì thu hồi toàn bộ số thuế đã được miễn có liên quan và xử lý tiền chậm nộp, tiền phạt theo pháp luật về quản lý thuế. Nội dung quy định này bảo đảm nghiêm minh, khả thi khi áp dụng.

- Có ý kiến đề nghị nghiên cứu làm rõ nội hàm các cụm từ sau hoặc quy định cụ thể các tiêu chí xác định để đảm bảo thống nhất, thuận lợi trong áp dụng Luật:

+ Cụm từ "*dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục*" trong nội dung miễn thuế đối với thu nhập.

+ Cụm từ "*đầu tư phát triển cơ sở giáo dục*" trong nội dung sử dụng phần thu nhập được miễn thuế.

3. Về điều khoản thi hành (Điều 3 dự thảo Luật)

Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định chuyển tiếp theo hướng, các nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập doanh nghiệp được áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2027; nội dung về thuế sử dụng đất phi nông nghiệp được áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2027. Đồng thời, giao Chính phủ quy định chi tiết trình tự, hồ sơ, phương thức điện tử, kết nối dữ liệu và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan trong tổ chức thực hiện, bảo đảm Luật có hiệu lực đồng bộ, không làm phát sinh khoảng trống trong quản lý.

III. Những vấn đề khác

1. Về đánh giá tác động của chính sách

Có ý kiến đề nghị bổ sung nội dung đánh giá tác động của chính sách miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với cơ sở giáo dục hoạt động không vì lợi nhuận để làm rõ tính hiệu quả và tính khả thi của chính sách trước khi trình Quốc hội xem xét, quyết định. Trong đó, quan tâm bổ sung:

- Số lượng cơ sở giáo dục hoạt động không vì lợi nhuận hiện đang phát sinh thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp; số lượng cơ sở dự kiến được hưởng chính sách và mức giảm thu ngân sách nhà nước.

- Đánh giá mức độ tác động của chính sách trong việc khuyến khích các cơ sở giáo dục chuyển đổi sang mô hình hoạt động không vì lợi nhuận, sử dụng các khoản thu nhập được miễn thuế vào tái đầu tư cho hoạt động giáo dục.

- Đánh giá tổng thể mối quan hệ giữa các chính sách ưu đãi hiện hành đối với cơ sở giáo dục và chính sách miễn thuế được bổ sung tại dự thảo Luật nhằm bảo đảm tính đồng bộ của hệ thống chính sách ưu đãi, tránh chồng lấn ưu đãi và bảo đảm nguyên tắc công bằng của hệ thống pháp luật thuế.

2. Về Dự thảo Báo cáo tổng kết thi hành Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Có ý kiến đề nghị bổ sung số liệu cụ thể tại mục 1. Công tác chỉ đạo,

triển khai và tổ chức thi hành Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (trang 3) về kết quả triển khai, thi hành Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp như: số thu ngân sách từ thuế sử dụng đất phi nông nghiệp qua từng năm; số lượng người nộp thuế đúng thời gian quy định; số lượng người nộp thuế chưa biết về chính sách.

- Có ý kiến đề nghị bổ sung số liệu cụ thể tại mục **3.1. Kết quả đạt được** (trang 18) về số thu thuế thu nhập doanh nghiệp vào NSNN, số lượng doanh nghiệp đang hoạt động thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế đúng quy định, số doanh nghiệp được hưởng ưu đãi thuế.

- Có ý kiến đề nghị tại mục **3.2. Hạn chế, vướng mắc** (trang 19) chỉ đề cập các hạn chế, vướng mắc, các kết quả đạt được chuyển sang mục 3.1.

Trên đây là tổng hợp ý kiến đóng góp vào hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hà Nội gửi Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các đ/c Lãnh đạo Đoàn ĐBQH HN (để b/c);
- Các vị ĐBQH HN;
- Đ/c CVP; các đ/c PCVP;
- Lưu: VT, CTQH. ✓

TM. ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
KT. TRƯỞNG ĐOÀN
PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN



Trần Thanh Hà

Số: 187 /ĐĐBQH-CTQH

Tây Ninh, ngày 09 tháng 7 năm 2026

V/v góp ý kiến hồ sơ dự án Dự án Luật
sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp và
Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

Kính gửi: Bộ Tài chính

Đoàn đại biểu Quốc hội Tây Ninh nhận được Công văn số 8765/BTC-CST ngày 24/6/2026 của Bộ Tài chính về việc góp ý kiến hồ sơ dự án Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp và Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Sau khi nghiên cứu hồ sơ, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Tây Ninh có ý kiến như sau:

1. Về hồ sơ xây dựng chính sách

Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Tây Ninh thống nhất với sự cần thiết sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp và Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp nhằm thể chế hóa chủ trương của Đảng, hoàn thiện chính sách thuế, bảo đảm thống nhất với Luật Đất đai năm 2024 và các quy định pháp luật có liên quan; đồng thời tạo cơ chế khuyến khích phát triển giáo dục, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về thuế.

Hồ sơ dự án Luật được chuẩn bị tương đối đầy đủ theo quy định. Cơ quan soạn thảo đã nghiên cứu, tổng kết việc thi hành pháp luật, đánh giá tác động của chính sách, rà soát sự phù hợp với chủ trương của Đảng và hệ thống pháp luật có liên quan.

Tuy nhiên, qua nghiên cứu hồ sơ, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Tây Ninh nhận thấy một số nội dung của dự thảo cần tiếp tục rà soát để bảo đảm tính thống nhất và nâng cao tính khả thi, nhất là các quy định về đối tượng không chịu thuế, đăng ký, khai và tính thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; chính sách miễn thuế đối với cơ sở giáo dục và điều kiện xác định cơ sở giáo dục hoạt động không vì lợi nhuận để được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Một số ý kiến góp ý đối với dự thảo

2.1. Về đối tượng không chịu thuế (khoản 2 Điều 1)

Tại khoản 7 Điều 3 dự thảo quy định: “Đất phi nông nghiệp khác theo quy định pháp luật đất đai”. Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung cụm từ “sử dụng không vào mục đích kinh doanh”, cụ thể như sau: “7. Đất phi nông

ng nghiệp khác theo quy định pháp luật đất đai *sử dụng không vào mục đích kinh doanh*”.

Lý do: Thực tế triển khai quản lý thuế gặp vướng mắc lớn đối với loại đất “phi nông nghiệp khác” (theo quy định của Luật Đất đai) do loại đất này rất đa dạng và thường xuyên biến động mục đích sử dụng. Nếu quy định như dự thảo có thể dẫn đến cách hiểu mọi loại đất phi nông nghiệp khác đều thuộc diện không chịu thuế, gây khó khăn trong quản lý và tiềm ẩn nguy cơ lợi dụng chính sách để giảm nghĩa vụ thuế.

2.2. Về đăng ký, khai, tính và nộp thuế (khoản 3 Điều 1)

- Tại khoản 2 Điều 8, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung cụm từ “và thông tin kê khai của người nộp thuế” vào sau cụm từ “hệ thống thông tin quản lý thuế”, cụ thể như sau: “....cơ quan thuế căn cứ hệ thống thông tin quản lý thuế *và thông tin kê khai của người nộp thuế* để hỗ trợ người nộp thuế...”

Lý do: Trong thực tế, hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai giữa ngành Thuế và ngành tài nguyên môi trường chưa hoàn toàn liên thông thời gian thực (làm sạch dữ liệu vẫn là chiến dịch khó khăn). Nếu quy định cứng “cơ quan thuế căn cứ hệ thống... để hỗ trợ tính” sẽ đẩy toàn bộ trách nhiệm sai sót dữ liệu về phía cơ quan thuế nếu hệ thống chưa cập nhật kịp thông tin mua bán, tách thửa của người dân, do đó đề nghị bổ sung quy định rõ trách nhiệm phối hợp chủ động của người nộp thuế.

- Tại điểm b khoản 2 Điều 8, dự thảo luật quy định “*để số thuế phải nộp là thấp nhất*”, quy định này mang tính định tính và gây khó khăn cho việc tính thuế tự động trên các ứng dụng như eTax Mobile, có thể gây khó khăn trong việc xây dựng phần mềm tính thuế, cũng như chưa bảo đảm thống nhất trong quá trình áp dụng giữa các địa phương, do đó đề nghị nghiên cứu quy định tiêu chí xác định cụ thể hoặc giao Chính phủ hướng dẫn chi tiết.

2.3. Những vấn đề khác

- Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung quy định chuyển tiếp đối với các trường hợp đang được miễn thuế, giảm thuế hoặc đang thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định hiện hành khi Luật có hiệu lực thi hành.

Lý do: Dự thảo Luật sửa đổi nhiều quy định liên quan đến đối tượng chịu thuế, đối tượng không chịu thuế và chính sách miễn thuế đối với cơ sở giáo dục. Tuy nhiên, chưa có quy định xử lý đối với các trường hợp đang thực hiện theo chính sách hiện hành. Việc bổ sung quy định chuyển tiếp sẽ bảo đảm tính liên tục của chính sách, tránh phát sinh vướng mắc trong quá trình thực hiện.

- Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung quy định về trách nhiệm phối hợp, chia sẻ dữ liệu giữa cơ quan thuế, cơ quan quản lý đất đai và cơ quan quản lý giáo dục trong quá trình quản lý thuế.

Lý do: Việc xác định đối tượng chịu thuế, miễn thuế và theo dõi quá trình sử dụng đất, hoạt động của cơ sở giáo dục phụ thuộc nhiều vào dữ liệu của các cơ quan quản lý chuyên ngành. Nếu không có cơ chế phối hợp, chia sẻ thông tin đầy đủ và kịp thời sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý, làm phát sinh thủ tục xác minh và tăng chi phí cho người nộp thuế.

Trên đây là ý kiến góp ý đối với hồ sơ dự án Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp và Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Tây Ninh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Đoàn ĐBQH tỉnh;
- LĐVP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Phòng CTQH;
- Lưu: VT, TL.

TM. ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

KT. TRƯỞNG ĐOÀN

PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN



Lê Thị Song An

Thanh Hóa, ngày 11 tháng 7 năm 2026

Số: 119 /ĐĐBQH-VP
V/v góp ý hồ sơ dự án Luật sửa đổi,
bổ sung một số điều của Luật Thuế
sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật
Thuế thu nhập doanh nghiệp

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Công văn số 8765/BTC-CST ngày 24/6/2026 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, sau khi nghiên cứu hồ sơ dự án Luật, Đoàn đại biểu Quốc hội (ĐBQH) tỉnh Thanh Hóa tham gia một số ý kiến như sau:

I. Về những vấn đề chung

Đoàn ĐBQH tỉnh Thanh Hóa cơ bản thống nhất với sự cần thiết ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Dự thảo Luật có phạm vi sửa đổi tập trung, gồm các nhóm nội dung về đối tượng chịu thuế, đối tượng không chịu thuế, đăng ký, khai, tính và nộp thuế, miễn thuế sử dụng đất phi nông nghiệp và miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với một số cơ sở giáo dục. Các nội dung này cơ bản phù hợp với định hướng cải cách hệ thống thuế, thúc đẩy huy động nguồn lực xã hội cho giáo dục và nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng đất.

Tuy nhiên, để dự thảo Luật khi ban hành bảo đảm tính khả thi, minh bạch, hạn chế phát sinh vướng mắc trong tổ chức thực hiện, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát kỹ các quy định liên quan đến tiêu chí xác định đối tượng được ưu đãi, phạm vi thu nhập được miễn thuế, cơ chế hạch toán riêng, thẩm quyền quy định chi tiết của Chính phủ; đồng thời bổ sung đánh giá định lượng hơn về tác động đối với thu ngân sách địa phương, chi phí tuân thủ của người nộp thuế và năng lực quản lý của cơ quan thuế trong điều kiện cơ sở dữ liệu đất đai, dữ liệu thuế đang trong quá trình hoàn thiện.

II. Về một số nội dung cụ thể của dự thảo Luật

1. Về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (Điều 1 dự thảo Luật)

1.1. Về đối tượng chịu thuế tại Điều 2 Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp

Đề nghị nghiên cứu chỉnh lý khoản 2 Điều 2 theo hướng viện dẫn rõ pháp luật về đất đai: “2. Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp bao gồm: đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp; đất thương mại, dịch vụ; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về đất đai.”

1.2. Về đối tượng không chịu thuế tại Điều 3 Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp

Tại khoản 7 Điều 3 dự thảo Luật quy định: “*Đất phi nông nghiệp khác theo quy định pháp luật đất đai*”.

Đoàn ĐBQH tỉnh Thanh Hóa cho rằng, cách quy định này có thể gây khó khăn trong việc trong xác định đối tượng chịu thuế tại khoản 3 Điều 2 và xác định đối tượng không chịu thuế, nhất là đối với các trường hợp đất phi nông nghiệp có yếu tố khai thác, kinh doanh hoặc có sự thay đổi mục đích sử dụng trong thực tế. Do đó, đề bảo đảm rõ ràng, đề nghị chỉnh lý theo hướng: “*7. Đất phi nông nghiệp khác không sử dụng vào mục đích kinh doanh theo quy định của pháp luật về đất đai, trừ trường hợp thuộc đối tượng chịu thuế quy định tại Điều 2 của Luật này.*”

2. Về sửa đổi khoản 5 và bổ sung khoản 6 Điều 15 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (Điều 2 dự thảo Luật)

Tại Điều 2 dự thảo Luật quy định miễn thuế đối với thu nhập từ hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục; lãi tiền gửi ngân hàng; kinh phí đặt hàng, giao nhiệm vụ của Nhà nước. Đoàn ĐBQH tỉnh Thanh Hóa cơ bản thống nhất về chủ trương miễn thuế nhằm khuyến khích cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục tư thực hoạt động không vì lợi nhuận tái đầu tư cho giáo dục.

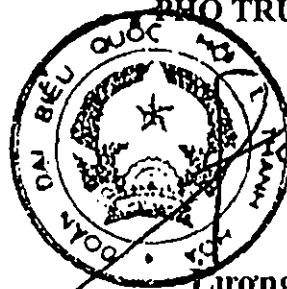
Tuy nhiên, cụm từ “*dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục*” có nội hàm rộng, nếu không quy định tiêu chí cụ thể sẽ khó phân biệt với hoạt động kinh doanh thương mại thông thường, gây khó khăn cho cơ quan thuế và cơ sở giáo dục trong quá trình kê khai, thanh tra, kiểm tra. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu chỉnh lý theo hướng chỉ miễn thuế đối với dịch vụ phục vụ, hỗ trợ trực tiếp hoạt động giáo dục, đào tạo của chính cơ sở giáo dục và giao Chính phủ quy định danh mục, tiêu chí nhận diện cụ thể.

Trên đây là ý kiến tham gia đối với hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Đoàn ĐBQH tỉnh Thanh Hóa trân trọng gửi Bộ Tài chính nghiên cứu, tổng hợp, tiếp thu, hoàn thiện hồ sơ dự án Luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Bí thư TU, Trưởng Đoàn ĐBQH tỉnh (để b/c);
- Đ/c ĐBQH chuyên trách;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT, Phòng CTQH.

TM. ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
KT. TRƯỞNG ĐOÀN
PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN



Lương Thị Hoa

QUỐC HỘI KHÓA XVI
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 191 /ĐĐBQH-VP

Đắk Lắk, ngày 08 tháng 7 năm 2026

V/v góp ý hồ sơ dự án Luật sửa đổi,
bổ sung một số điều của Luật Thuế sử
dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế
thu nhập doanh nghiệp

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Công văn số 8765/BTC-CST ngày 24/6/2026 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Sau khi nghiên cứu, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Đắk Lắk có ý kiến như sau:

1. Đối với nội dung sửa đổi Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp

- Đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định rõ nguyên tắc xác định đất sử dụng vào mục đích kinh doanh đối với các trường hợp sử dụng hỗn hợp.

Thực tiễn hiện nay có nhiều cơ sở giáo dục, y tế, văn hóa hoặc đơn vị sự nghiệp công lập vừa thực hiện nhiệm vụ công ích vừa khai thác một phần diện tích để kinh doanh dịch vụ. Dự thảo Luật chưa quy định rõ nguyên tắc phân định diện tích chịu thuế và diện tích không chịu thuế trong các trường hợp này. Do đó, đề nghị giao Chính phủ quy định chi tiết hoặc bổ sung nguyên tắc xác định diện tích đất sử dụng vào mục đích kinh doanh nhằm bảo đảm thống nhất trong áp dụng, hạn chế phát sinh tranh chấp và thất thu ngân sách nhà nước.

- Đoàn ĐBQH tỉnh thống nhất chủ trương miễn thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với đất sử dụng vào mục đích giáo dục và đào tạo của các cơ sở giáo dục. Đây là chính sách phù hợp với chủ trương xã hội hóa giáo dục, tạo điều kiện thu hút các nguồn lực xã hội đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo. Tuy nhiên, đề nghị nghiên cứu bổ sung cơ chế kiểm soát việc sử dụng đất đúng mục đích. Theo đó, chỉ miễn thuế đối với phần diện tích đất sử dụng trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo; trường hợp sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh liên kết hoặc các hoạt động thương mại khác thì phải thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định.

Bên cạnh đó, cần quy định rõ trách nhiệm của cơ sở giáo dục trong việc kê khai, xác định diện tích được miễn thuế và trách nhiệm của cơ quan quản lý đất đai, cơ quan thuế trong công tác kiểm tra, giám sát.

- Đề nghị đánh giá kỹ tác động đến ngân sách của chính sách miễn thuế.

Hồ sơ dự án Luật cần bổ sung đầy đủ hơn các số liệu về số lượng cơ sở giáo dục dự kiến được hưởng chính sách, quy mô diện tích đất được miễn thuế và mức giảm thu ngân sách hằng năm. Đây là cơ sở quan trọng để xem xét tính hợp lý và khả năng cân đối nguồn lực khi ban hành chính sách.

2. Đối với nội dung sửa đổi Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Về tiêu chí xác định cơ sở giáo dục tự thực hoạt động không vì lợi nhuận

Đây là nội dung rất quan trọng vì liên quan trực tiếp đến phạm vi đối tượng được hưởng ưu đãi thuế. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo quy định chặt chẽ tiêu chí xác định cơ sở giáo dục tự thực hoạt động không vì lợi nhuận; nghiên cứu bổ sung quy định tại dự thảo Luật hoặc văn bản hướng dẫn quy định rõ các tiêu chí như: Không chia lợi nhuận cho nhà đầu tư dưới bất kỳ hình thức nào; Không được chuyển lợi nhuận thành các khoản chi phí bất hợp lý; Toàn bộ phần chênh lệch thu lớn hơn chi phải được tái đầu tư cho hoạt động giáo dục; Có cơ chế công khai, minh bạch tài chính và kiểm toán độc lập hằng năm.

Việc quy định rõ các tiêu chí này sẽ hạn chế tình trạng lợi dụng mô hình phi lợi nhuận để hưởng ưu đãi thuế.

- Về phạm vi các khoản thu nhập được miễn thuế.

Dự thảo Luật quy định miễn thuế đối với thu nhập từ hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, dịch vụ phục vụ giáo dục và lãi tiền gửi ngân hàng. Tuy nhiên, cần làm rõ việc xử lý đối với các khoản thu nhập từ hoạt động liên doanh, liên kết; cho thuê tài sản; kinh doanh dịch vụ không gắn trực tiếp với hoạt động giáo dục; chuyển nhượng tài sản hoặc các hoạt động đầu tư tài chính khác.

Đề nghị chỉ miễn thuế đối với các khoản thu nhập trực tiếp phục vụ mục tiêu giáo dục và đào tạo; các khoản thu nhập mang tính thương mại cần tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định.

3. Góp ý khác

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục đánh giá đầy đủ tác động của các chính sách ưu đãi thuế đối với nguồn thu ngân sách nhà nước, khả năng thu hút đầu tư xã hội vào lĩnh vực giáo dục và tác động đến sự phát triển của hệ thống giáo dục ngoài công lập. Đồng thời, cần bảo đảm nguyên tắc ưu đãi thuế phải gắn với mục tiêu phát triển giáo dục, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và sử dụng hiệu quả nguồn lực đất đai; tránh tình trạng chính sách ưu đãi bị lợi dụng hoặc tạo ra sự thiếu công bằng giữa các chủ thể hoạt động trong cùng lĩnh vực.

QUỐC HỘI KHÓA XVI
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 119 /ĐĐBQH-VP

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 7 năm 2026

V/v góp ý hồ sơ dự án Luật sửa
đổi, bổ sung một số điều của Luật
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp,
Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

Kính gửi: Bộ Tài chính

Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Đà Nẵng nhận Công văn số 8765/BYT-CST ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Sau khi nghiên cứu các tài liệu liên quan, Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Đà Nẵng có ý kiến như sau:

I. VỀ HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT

Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Đà Nẵng cơ bản thống nhất với sự cần thiết ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp nhằm kịp thời thể chế hóa chủ trương của Đảng, hoàn thiện chính sách thuế, bảo đảm đồng bộ với Luật Đất đai năm 2024 và các quy định của pháp luật có liên quan. Hồ sơ dự án Luật được chuẩn bị cơ bản đầy đủ theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; nội dung sửa đổi tập trung giải quyết những vướng mắc phát sinh trong quá trình thi hành pháp luật, đồng thời góp phần tạo cơ sở pháp lý để thực hiện chính sách ưu đãi đối với lĩnh vực giáo dục, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về thuế.

Tuy nhiên, đề nghị Ban soạn thảo tiếp tục rà soát, đánh giá đầy đủ hơn tác động của các chính sách miễn thuế đối với nguồn thu ngân sách nhà nước, nhất là tác động đối với ngân sách địa phương; đồng thời làm rõ căn cứ xác định phạm vi đối tượng được hưởng ưu đãi và cơ chế tổ chức thực hiện nhằm bảo đảm tính thống nhất, minh bạch và khả thi sau khi Luật được ban hành.

II. VỀ GÓP Ý CỤ THỂ

1. Đối với sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp số 48/2010/QH12 (Điều 1)

- Khoản 1 Điều 1 dự thảo Luật quy định sửa đổi, bổ sung Điều 2 Luật hiện hành về đối tượng chịu thuế như sau: "3. *Đất phi nông nghiệp quy định tại Điều 3 của Luật này sử dụng vào mục đích kinh doanh*". Quy định này là cần thiết để tránh thất thu ngân sách nhà nước, tuy nhiên, trong thực tiễn còn phát sinh bất cập đối với các đơn vị sự nghiệp công lập cung ứng dịch vụ công ích thiết yếu như trường học hay bệnh viện. Hiện nay, hầu hết các đơn vị này đều dành một phần diện tích để trang bị các tiện ích thiết yếu, như: căn tin, nhà thuốc, bãi giữ xe,...

Bản chất các khu vực này phát sinh để hoạt động phụ trợ an sinh xã hội bắt buộc, không phải hoạt động kinh doanh thương mại thuần túy để phát sinh lợi nhuận.

Do đó, nhằm tháo gỡ rào cản tài chính và hỗ trợ các đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ an sinh, đề nghị Ban soạn thảo xem xét, bổ sung quy định cụ thể tại khoản 3 Điều 2: ***“Đất phi nông nghiệp quy định tại Điều 3 của Luật này sử dụng vào mục đích kinh doanh trừ phần diện tích đất thực tế dùng làm tiện ích nội bộ phục vụ người bệnh, học sinh tại các cơ sở y tế và giáo dục công lập thực hiện tự chủ tài chính”***.

- Khoản 3 Điều 1 dự thảo Luật quy định sửa đổi, bổ sung Điều 8 Luật hiện hành, trong đó quy định: ***“2. Trường hợp người nộp thuế có quyền sử dụng nhiều thửa đất ở trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì cơ quan thuế căn cứ hệ thống thông tin quản lý thuế để hỗ trợ người nộp thuế trong việc khai thuế và tính số thuế chênh lệch tăng thêm do có quyền sử dụng nhiều thửa đất ở”*** nhưng chưa quy định trách nhiệm của cơ quan quản lý đất đai trong việc cung cấp, cập nhật và bảo đảm tính chính xác của dữ liệu đất đai. Trong khi đó, đây là cơ sở trực tiếp để xác định diện tích tính thuế, hạn mức đất ở và giá tính thuế. Nếu dữ liệu đất đai chưa được cập nhật đầy đủ hoặc chưa đồng bộ với dữ liệu của cơ quan thuế sẽ phát sinh sai sót trong việc xác định nghĩa vụ thuế và có thể phát sinh khiếu nại trong quá trình thực hiện, gây ảnh hưởng đến quyền lợi của người dân.

Do đó, đề nghị Ban soạn thảo xem xét, bổ sung thêm khoản 3 Điều 8 như sau: ***“Chính phủ quy định việc kết nối, chia sẻ, cập nhật thông tin giữa cơ quan quản lý đất đai và cơ quan thuế”***.

- Khoản 4 Điều 1 dự thảo Luật quy định bổ sung khoản 10 Điều 9 Luật hiện hành: ***“10. Đất sử dụng vào mục đích giáo dục và đào tạo của cơ sở giáo dục không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.***

Diện tích đất được miễn thuế là tổng diện tích đất được nhà nước giao, cho thuê, nhận chuyển nhượng theo quy định pháp luật đất đai sử dụng vào mục đích giáo dục và đào tạo (không bao gồm diện tích đất sử dụng vào mục đích kinh doanh, thương mại, dịch vụ) ghi trên một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, Quyết định giao đất, Quyết định hoặc Hợp đồng cho thuê đất, hoặc các loại Giấy tờ khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.”

Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố thống nhất với chủ trương bổ sung chính sách miễn thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với đất sử dụng vào mục đích giáo dục và đào tạo nhằm thể chế hóa Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, nhằm tạo điều kiện khuyến khích đầu tư phát triển giáo dục. Tuy nhiên, dự thảo Luật quy định diện tích đất được miễn thuế ***“không bao gồm diện tích đất sử dụng vào mục đích kinh doanh, thương mại, dịch vụ”*** nhưng chưa quy định nguyên tắc xác định đối với trường hợp trên cùng một thửa đất hoặc trong cùng khuôn viên cơ sở giáo dục vừa có diện tích sử dụng cho hoạt động giáo dục, vừa có diện tích phục vụ hoạt động kinh doanh, thương mại, dịch vụ (căn tin, bãi giữ xe,...).

Do đó, để có cơ sở pháp lý xác định thống nhất diện tích đất được miễn thuế, hạn chế vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện, đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu, bổ sung vào cuối khoản 10 Điều 9 quy định: ***“...Chính phủ quy định nguyên tắc xác định diện tích đất được miễn thuế đối với trường hợp trên cùng thửa đất có hạng mục sử dụng vào mục đích giáo dục và hạng mục sử dụng vào mục đích kinh doanh, thương mại, dịch vụ.”***

2. Đối với sửa đổi khoản 5 và bổ sung khoản 6 Điều 15 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 (Điều 2)

Về sửa đổi khoản 6 Điều 15 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15, dự thảo Luật quy định: ***“Cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục tư thực hoạt động không vì lợi nhuận thành lập theo quy định của pháp luật được miễn thuế đối với: thu nhập từ hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục; ...”***. Tuy nhiên, dự thảo Luật chưa làm rõ phạm vi của ***“dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục”***, trong khi thực tế ngoài hoạt động giáo dục, đào tạo, các cơ sở giáo dục còn phát sinh nhiều khoản thu từ các hoạt động phục vụ người học, hỗ trợ hoạt động đào tạo và khai thác cơ sở vật chất theo quy định của pháp luật (ký túc xá, căn tin, thư viện, khai thác sân bãi, cơ sở vật chất,...). Việc chưa có căn cứ rõ ràng để phân định khoản thu nào thuộc diện được miễn thuế và khoản thu nào là hoạt động kinh doanh phải thực hiện nghĩa vụ thuế có thể dẫn đến cách hiểu và áp dụng không thống nhất giữa cơ quan quản lý thuế và người nộp thuế, đồng thời làm giảm tính minh bạch của chính sách ưu đãi thuế.

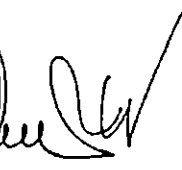
Do đó, đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định trên như sau: ***“...thu nhập từ hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ; thu nhập từ các hoạt động dịch vụ phục vụ trực tiếp, hỗ trợ hoạt động học tập, sinh hoạt của người học tại cơ sở giáo dục theo danh mục cụ thể do Chính phủ quy định; ...”***.

Trên đây là ý kiến của Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Đà Nẵng đối với hồ sơ dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trưởng Đoàn ĐBQH TP (báo cáo);
- CVP, PCVP A. Hưng;
- Lưu: VT, CTQH.

TM. ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
KT. TRƯỞNG ĐOÀN
PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN



Nguyễn Duy Minh

QUỐC HỘI KHOÁ XVI
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số: 115/ĐĐBQH

Nghệ An, ngày 19 tháng 7 năm 2026

V/v góp ý dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật thuế sử dụng đất phi
nông nghiệp, Luật thuế thu nhập doanh nghiệp

Kính gửi: Bộ Tài chính

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN số:	901/S1
Ngày	13-07-2026
Chuyên:	Gec. CST
Số và ký hiệu HS:	

Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Nghệ An nhận được Công văn số 8765/BTC-CST ngày 24/6/2026 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Qua nghiên cứu, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Nghệ An có ý kiến góp ý vào dự thảo luật như sau:

1. Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp số 48/2010/QH12

Đề nghị nghiên cứu, bổ sung quy định tại Điều 1 dự thảo Luật theo hướng sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 9 của Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp về miễn thuế, theo đó quy định rõ không áp dụng chính sách miễn thuế đối với đất của các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư; dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; dự án đầu tư thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn nếu dự án chậm tiến độ theo quy định của pháp luật. Lý do: nhằm bảo đảm chính sách ưu đãi thuế được áp dụng đúng mục tiêu, khuyến khích các nhà đầu tư triển khai dự án đúng tiến độ, đồng thời hạn chế tình trạng lợi dụng chính sách ưu đãi để chậm đưa đất vào sử dụng, gây lãng phí nguồn lực đất đai và ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý nhà nước.

Tại khoản 3 Điều 9 Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp về miễn thuế có quy định: “Đất xây dựng nhà tình nghĩa, nhà đại đoàn kết, *cơ sở nuôi dưỡng người già cô đơn, người khuyết tật, trẻ mồ côi*, cơ sở chữa bệnh xã hội”. Đề nghị nghiên cứu, bổ sung một khoản tại Điều 1 dự thảo luật về sửa đổi khoản 3 Điều 9 Luật hiện hành như sau: “Đất xây dựng nhà tình nghĩa, nhà đại đoàn kết, *cơ sở trợ giúp xã hội*, cơ sở chữa bệnh xã hội”. Lý do: để đảm bảo tính bao quát đối với các cơ sở trợ giúp xã hội theo quy định của pháp luật hiện hành được miễn thuế sử dụng đất phi nông nghiệp. Cụ thể: Tại Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội đã có quy định về các loại hình cơ sở trợ giúp xã hội bao gồm: “*Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi; Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; Cơ sở bảo trợ xã hội*

chăm sóc người khuyết tật; Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí; Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp thực hiện việc chăm sóc nhiều đối tượng bảo trợ xã hội hoặc đối tượng cần trợ giúp xã hội; Trung tâm công tác xã hội thực hiện việc tư vấn, chăm sóc khẩn cấp hoặc hỗ trợ những điều kiện cần thiết khác cho đối tượng cần trợ giúp xã hội; Cơ sở trợ giúp xã hội khác theo quy định của pháp luật". Do đó, đề nghị nghiên cứu sửa đổi theo hướng quy định chung nhóm đất xây dựng cho các cơ sở này.

2. Điều 2. Sửa đổi khoản 5 và bổ sung khoản 6 Điều 15 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15

Đề nghị bổ sung thêm quy định về ưu đãi thuế đối với các tổ chức khoa học công nghệ ngoài công lập để phù hợp với các định hướng chiến lược và chính sách phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo theo tinh thần Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 12/12/2024 của Bộ Chính trị và quy định của Luật khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2024.

Trên đây là góp ý vào hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật thuế thu nhập doanh nghiệp của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Nghệ An, kính đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Trưởng Đoàn ĐBQH (để b/c);
- PTĐ, ĐBQHCT;
- Chánh VP, Phó CVP (phụ trách);
- Phòng CTQH;
- Lưu: VT.

TM. ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
KT. TRƯỞNG ĐOÀN
PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN



Thái Thị An Chung

**CÔNG TY TNHH
ĐẠI HỌC RMIT VIỆT NAM**
MST: 0302169193

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 20260706/CV-RMIT

V/v: Ý kiến góp ý về dự thảo Luật sửa đổi,
bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh
nghiệp

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 07 năm 2026

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN số: 87738	
Ngày 07-07-2026	
Chuyên:	
Số và ký hiệu HS:	

**Kính gửi: Cục Quản lý, giám sát chính sách thuế, phí và lệ phí
Bộ Tài Chính**

Công ty TNHH Đại học RMIT Việt Nam (“RMIT Việt Nam”) trân trọng gửi lời chào và lời cảm ơn tới Quý Bộ đã tạo điều kiện để các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cơ sở giáo dục được tham gia đóng góp ý kiến đối với hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp và Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Chúng tôi được biết Bộ Tài chính đã ban hành Công văn số 8765/BTC-CST ngày 24/6/2026 về việc lấy ý kiến đối với hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp và Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (“Dự thảo”). Trong đó, Dự thảo đề xuất bổ sung quy định về miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với cơ sở giáo dục công lập và cơ sở giáo dục tư thực hoạt động không vì lợi nhuận.

RMIT Việt Nam đánh giá cao việc Dự thảo thể chế hóa Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị, theo đó không áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp đối với cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục tư thực hoạt động không vì lợi nhuận, kèm cơ chế kiểm soát phù hợp. Đây là bước tiến quan trọng để thu hút đầu tư dài hạn, thúc đẩy tái đầu tư cho người học và nâng cao chất lượng giáo dục. Để chính sách được thực thi minh bạch, hiệu quả và có tính dự đoán được, RMIT Việt Nam xin góp ý 3 nội dung cụ thể:

1. Kiến nghị làm rõ đối tượng áp dụng và cơ chế xác nhận tư cách cơ sở giáo dục hoạt động không vì lợi nhuận

Theo Dự thảo, đối tượng được miễn thuế bao gồm “cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục tư thực hoạt động không vì lợi nhuận thành lập theo quy định của pháp luật”. Dự thảo cũng quy định việc xác định cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục tư thực hoạt động không vì lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật về giáo dục.

Tuy nhiên, pháp luật giáo dục hiện hành ghi nhận nhiều mô hình ngoài công lập: cơ sở giáo dục tư thực, cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài, phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam. Cách viết “cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục tư thực” có thể dẫn đến cách hiểu loại trừ các mô hình có yếu tố nước ngoài đang hoạt động hợp pháp và cam kết không vì lợi nhuận – nhóm nhà đầu tư dài hạn mà chính sách hướng tới.

Theo đó, chúng tôi kiến nghị điều chỉnh lại câu chữ trong Dự thảo như sau:

“6. Cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục tư thực bao gồm cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài và phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam, hoạt động không vì lợi nhuận được thành lập theo quy định pháp luật được miễn thuế đối với: [...]”



Handwritten signature/initials.

Việc xác định cơ sở giáo dục hoạt động không vì lợi nhuận thực hiện theo quy định của pháp luật về giáo dục. Chính phủ quy định hồ sơ, trình tự xác nhận và cơ chế phối hợp giữa cơ quan thuế và cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục.

Việc làm rõ nội dung này sẽ giúp tránh cách hiểu khác nhau trong quá trình thực thi, đồng thời tạo sự yên tâm cho các nhà đầu tư giáo dục dài hạn, đặc biệt là các tổ chức giáo dục quốc tế hoạt động theo định hướng không vì lợi nhuận.

2. Đề nghị làm rõ mục đích sử dụng thu nhập được miễn thuế

Dự thảo hiện quy định trường hợp cơ sở giáo dục sử dụng phần thu nhập được miễn thuế không phải để đầu tư phát triển cơ sở giáo dục thì phải kê khai và nộp thuế đối với phần sử dụng không đúng quy định.

RMIT Việt Nam hoàn toàn ủng hộ nguyên tắc kiểm soát này. Đây là cơ chế cần thiết để bảo đảm chính sách miễn thuế được áp dụng đúng mục tiêu, tránh việc tận dụng ưu đãi thuế để phân phối lợi nhuận hoặc sử dụng nguồn lực không phù hợp với mục đích giáo dục.

Tuy nhiên chúng tôi cho rằng cụm “đầu tư phát triển cơ sở giáo dục” hiện chưa được pháp luật giáo dục định nghĩa chi tiết và có thể được diễn giải theo hướng chỉ bao gồm các khoản chi xây dựng, mua sắm tài sản cố định. Trong khi đó, các khoản chi trực tiếp cho chất lượng đào tạo – giảng dạy, chất lượng vận hành, chất lượng dịch vụ cho sinh viên, phát triển giảng viên, học bổng, nghiên cứu khoa học, công nghệ học tập, kiểm định chất lượng – hoàn toàn phù hợp mục tiêu phi lợi nhuận nhưng có thể bị coi là “sử dụng không đúng” và bị truy thuế.

Đồng thời, việc tích lũy nguồn lực qua nhiều năm cho dự án đầu tư lớn như phát triển cơ sở vật chất, mở rộng chương trình đào tạo, đầu tư công nghệ hoặc phát triển năng lực nghiên cứu cũng cần được quy định rõ là không bị xem là sử dụng sai mục đích, nếu cơ sở giáo dục có kế hoạch rõ ràng, hồ sơ chứng minh phù hợp và việc tích lũy đó phục vụ mục tiêu phát triển giáo dục.

Theo đó chúng tôi đề xuất điều chỉnh câu chữ trong dự thảo như sau:

Bổ sung: “Trong quá trình hoạt động, cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục tư thục bao gồm cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài và phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam, hoạt động không vì lợi nhuận được phép tích lũy thu nhập được miễn thuế qua các năm theo kế hoạch đầu tư và phát triển của cơ sở giáo dục. Trường hợp cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục tư thục hoạt động không vì lợi nhuận sử dụng phần thu nhập được miễn thuế quy định tại khoản này không phải để phục vụ hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, hỗ trợ người học và đầu tư phát triển cơ sở giáo dục thì phải thực hiện kê khai và nộp thuế đối với phần sử dụng không đúng quy định.”

3. Đề nghị có cơ chế chứng minh, báo cáo và kiểm soát khả thi

RMIT Việt Nam ủng hộ việc Dự thảo thiết lập cơ chế kiểm soát để bảo đảm các cơ sở giáo dục được miễn thuế thực hiện đúng mục tiêu hoạt động không vì lợi nhuận. Tuy nhiên, để chính sách có thể thu hút đầu tư dài hạn, cơ chế chứng minh và kiểm soát cần minh bạch, khả thi và có tính dự đoán được.

Theo đó, chúng tôi đề xuất bổ sung vào Dự thảo như sau:

"Chính phủ quy định chi tiết hồ sơ, chế độ báo cáo việc sử dụng thu nhập được miễn thuế theo nguyên tắc đánh giá bản chất, mục đích sử dụng, bảo đảm minh bạch và không làm phát sinh thủ tục hành chính không cần thiết."

4. Kết luận

RMIT Việt Nam tin rằng khi đối tượng áp dụng, mục đích sử dụng thu nhập miễn thuế, cơ chế hạch toán và cơ chế chứng minh được quy định rõ ràng, chính sách sẽ tạo niềm tin vững chắc cho các tổ chức giáo dục cam kết dài hạn đầu tư vào Việt Nam theo mô hình không vì lợi nhuận.

RMIT Việt Nam xin trân trọng đóng góp các ý kiến nêu trên để Quý Bộ xem xét trong quá trình hoàn thiện Dự thảo.

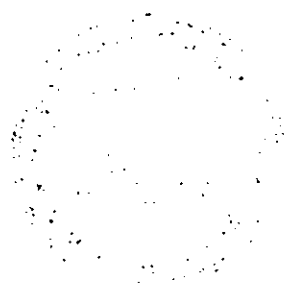
Xin trân trọng cảm ơn

TM. CÔNG TY TNHH
ĐẠI HỌC RMIT VIỆT NAM

(Ký và ghi rõ họ, tên)


GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH KIỂM KÊ TOÁN
TRƯỞNG





BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5069 /BCT-KHTC

Hà Nội, ngày 03 tháng 7 năm 2026

V/v tham gia ý kiến đối với dự án
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều
của Luật Thuế sử dụng đất phi
nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập
doanh nghiệp

Kính gửi: Bộ Tài chính

Trả lời Công văn số 8765/BTC-CST ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Bộ Công Thương có ý kiến như sau:

Tại Điều 2 dự thảo Luật, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ các chi phí được phép sử dụng từ phần thu nhập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp của các cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục tư thục hoạt động không vì lợi nhuận.

Đề nghị Bộ Tài chính tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, KHTC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Ký bởi: VĂN PHÒNG

Email:

vpht@moit.gov.vn

Cơ quan: BỘ CÔNG

THƯƠNG

Ngày ký: 03-07-2026

14:36:05 +07:00

Phan Thị Thắng

BỘ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1957 /BDTTG-PC
V/v góp ý hồ sơ dự án Luật

Hà Nội, ngày 03 tháng 7 năm 2026

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc đáp Công văn số 8765/BTC-CST ngày 24/6/2026 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Bộ Dân tộc và Tôn giáo nhất trí với sự cần thiết xây dựng dự án Luật nêu trên.

Đề nghị quý Bộ rà soát toàn bộ hồ sơ dự án Luật, bảo đảm phù hợp với chủ trương của Đảng và quy định của pháp luật liên quan.*th*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, PC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Thị Hà
Nông Thị Hà

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5058 /BTP-PLDSKT

Hà Nội, ngày 06 tháng 7 năm 2026

V/v góp ý hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế SDĐPN, Luật Thuế TNDN

Kính gửi: Bộ Tài chính

Trả lời Công văn số 8765/BTC-CST ngày 24/6/2026 của Bộ Tài chính đề nghị góp ý hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, căn cứ tài liệu được cung cấp và trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

I. Về sự cần thiết ban hành Luật

Năm 2012, Quốc hội đã ban hành Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp số 48/2010/QH12, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15; năm 2025 Quốc hội ban hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 116/2025/QH15, Luật số 127/2025/QH15, Luật số 133/2025/QH15, Luật số 141/2025/QH15, Luật số 143/2025/QH15. Về cơ sở chính trị, Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục yêu cầu: “*Xây dựng cơ chế, chính sách đủ mạnh khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp đầu tư phát triển giáo dục, đào tạo*”; “*Sửa đổi, bổ sung các VBQPPL có liên quan để bổ sung các quy định không thu tiền sử dụng đất, giảm tiền thuê đất, tiền thuế đất đối với các cơ sở giáo dục trong nước. Không áp dụng thuế TNDN đối với cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục tư thực hoạt động không vì lợi nhuận*”... (Mục I.1.1 dự thảo Tờ trình). Về cơ sở thực tiễn, Luật Đất đai số 31/2024/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 47/2024/QH15, Luật số 58/2024/QH15, Luật số 71/2025/QH15, Luật số 84/2025/QH15, Luật số 93/2025/QH15, Luật số 95/2025/QH15 đã sửa đổi quy định về phân loại đất, để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật cần thiết phải hoàn thiện quy định các loại đất chịu thuế/ không chịu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp... (như nêu tại mục 2 (trang 3) dự thảo Tờ trình). Trên cơ sở chính trị và thực tiễn nêu trên, Bộ Tài chính đề xuất xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp là cần thiết. Tuy nhiên, Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị giao Bộ Tài chính chủ trì xây dựng 02 dự án Luật (dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp và dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2026). Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ vấn đề này tại Tờ trình Chính phủ.

II. Về nội dung dự thảo Luật

Dự thảo Luật cần được tiếp tục rà soát với Luật Đất đai, Luật Giáo dục và các văn bản có liên quan để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật và tính khả thi sau khi ban hành, trong đó cần nhắc thêm một số vấn đề sau:

1. Khoản 4 Điều 1 dự thảo Luật bổ sung khoản 10 Điều 9 Luật số 48/2010/QH12 quy định miễn thuế đối với: *“Diện tích đất được miễn thuế là tổng diện tích đất được nhà nước giao, cho thuê, nhận chuyển nhượng theo quy định pháp luật đất đai sử dụng vào mục đích giáo dục và đào tạo (không bao gồm diện tích đất sử dụng vào mục đích kinh doanh, thương mại, dịch vụ) ghi trên một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, Quyết định giao đất, Quyết định hoặc Hợp đồng cho thuê đất, hoặc các loại Giấy tờ khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền”*. Mục 2.2 dự thảo Tờ trình nêu *“Trên thực tế nhiều cơ sở đủ điều kiện hoạt động nhưng chưa đủ điều kiện xã hội hóa để hưởng các chính sách ưu đãi của Nhà nước. Khó khăn lớn nhất của các cơ sở giáo dục trong việc đạt tiêu chí xã hội hóa là yêu cầu đồng thời về quy mô diện tích đất, tiêu chuẩn cơ sở vật chất, nguồn lực chuyên môn và điều kiện pháp lý để xác định nhận hưởng ưu đãi”*. Để giúp giảm gánh nặng chi phí vận hành, giảm giá dịch vụ, nâng cao khả năng duy trì hoạt động, thúc đẩy mở rộng quy mô, bảo đảm công bằng tiếp cận dịch vụ công thiết yếu của người dân, cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất ưu đãi tại khoản 4 Điều 1 dự thảo Luật. Về cơ bản, Bộ Tư pháp nhất trí sự cần thiết có chính sách hỗ trợ về thuế cho cơ sở giáo dục. Tuy nhiên, về mặt chính sách việc bổ sung các quy định tại dự thảo Luật có bảo đảm sự công bằng về mặt chính sách giữa cơ sở giáo dục đáp ứng các điều kiện về xã hội hóa và cơ sở không đáp ứng về xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục hay không? Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp Bộ Giáo dục và Đào tạo làm rõ vấn đề này.

2. Điều 2 dự thảo Luật bổ sung khoản 6 Điều 15 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 quy định:

“Cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục tư thực hoạt động không vì lợi nhuận thành lập theo quy định của pháp luật được miễn thuế đối với: thu nhập từ ... nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ... Trường hợp phát sinh các khoản thu nhập khác với quy định tại khoản này cần được miễn thuế thì giao Chính phủ quy định.

Việc xác định cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục tư thực hoạt động không vì lợi nhuận thực hiện theo quy định của pháp luật về giáo dục”.

Tuy nhiên, khoản 4 Điều 4 Luật số 67/2025/QH15 quy định thu nhập được miễn thuế: *“Thu nhập từ việc thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số... Thu nhập tại khoản này*

được miễn thuế tối đa không quá 03 năm”; khoản 13 Điều 4 Luật số 67/2025/QH15 quy định: “*Thu nhập từ chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực ưu tiên chuyển giao công nghệ cho tổ chức, cá nhân ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn*”. Đối chiếu quy định tại Điều 2 dự thảo Luật và khoản 4 và khoản 13 Điều 4 Luật số 67/2025/QH15, có sự trùng lặp hoặc không thống nhất về chính sách (cả hai Điều, khoản cùng quy định miễn thuế đối với thu nhập từ hoạt động nghiên cứu khoa học, nhưng khoản 4 Điều 4 Luật số 67/2025/QH15 chỉ áp dụng trong vòng 3 năm; đối với hoạt động chuyển giao công nghệ chỉ miễn thuế thu nhập từ chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực ưu tiên và chuyển giao cho tổ chức, cá nhân ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn). Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo đề xuất chính sách thống nhất, phù hợp.

3. Ngoài ra, đề nghị rà soát chủ trương sửa đổi Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về “Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao” và Luật Đất đai năm 2024 để hoàn thiện dự thảo Luật cho phù hợp.

III. Về hồ sơ, trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản

1. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo hoàn thiện thành phần hồ sơ, tổ chức lấy ý kiến theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và thực hiện theo mẫu ban hành kèm theo Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/04/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo đánh giá toàn diện vướng mắc, bất cập trong quá trình thực hiện Luật số 48/2010/QH12, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15; Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 116/2025/QH15, Luật số 127/2025/QH15, Luật số 133/2025/QH15, Luật số 141/2025/QH15, Luật số 143/2025/QH15, xác định do tổ chức thi hành hay do quy định của pháp luật, từ đó đề xuất sửa đổi, bổ sung các Luật cho phù hợp.

2. Về kỹ thuật soạn thảo văn bản, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh lý lại kỹ thuật soạn thảo văn bản cho chính xác, rõ ràng, dễ hiểu và thống nhất; bảo đảm tuân thủ quy định tại Điều 7 Luật BHVBQPPL số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15; Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP. Ví dụ: (i) về đối tượng không chịu thuế, khoản 2 Điều 2 dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 3 Luật số 31/2024/QH15 quy định theo hướng liệt kê chi tiết đất sử dụng vào mục

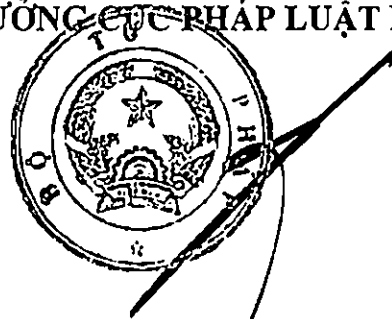
đích công cộng. Quy định này liệt kê lại các loại đất công cộng được quy định tại Điều 9 Luật Đất đai năm 2024. Đề nghị cân nhắc dẫn chiếu đến quy định tại Luật Đất đai trong trường hợp không thu thuế đối với tất cả loại đất sử dụng vào mục đích công cộng, tránh phải sửa đổi khi pháp luật về đất đai có sự thay đổi; (ii) khoản 2 Điều 2 dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 3 Luật số 31/2024/QH15 quy định đối tượng không chịu thuế: “*Đất phi nông nghiệp khác theo quy định pháp luật đất đai*”. Quy định này không rõ ràng về mặt chính sách trong trường hợp không phải tất cả loại đất phi nông nghiệp khác nào cũng thuộc đối tượng không chịu thuế.

Bộ Tư pháp xin gửi Bộ Tài chính để tham khảo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TT. Nguyễn Thanh Tú (để b/c);
- PCT Lê Đại Hải (để biết);
- Lưu: VT, Cục PLDSKT (PLKTTH, Thảo).

TL. BỘ TRƯỞNG
CỤC TRƯỞNG CỤC PHÁP LUẬT DÂN SỰ - KINH TẾ



Nguyễn Hồng Hải



Ký bởi: BỘ QUỐC PHÒNG

Ngày ký: 06-07-2026

14:25:51 +07:00

BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **4870**/BQP-TC

Hà Nội, ngày 06 tháng 7 năm 2026

V/v lấy ý kiến về hồ sơ dự án
Luật sửa đổi, bổ sung một số
điều của Luật Thuế sử dụng đất
phí nông nghiệp, Luật Thuế
thu nhập doanh nghiệp

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Phúc đáp Công văn số 8765/BTC-CST ngày 24/6/2026 của Bộ Tài chính về việc đề nghị Bộ Quốc phòng tham gia ý kiến đối hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phí nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Bộ Quốc phòng có ý kiến như sau:

1. Về hồ sơ dự án Luật

Theo quy định tại khoản 4 Điều 34 Luật Ban hành văn bản QPPL số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15, hồ sơ xin ý kiến đối với dự án Luật gồm: (1) Dự thảo tờ trình; (2) Dự thảo luật, pháp lệnh, nghị quyết; (3) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo; (4) Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo; (5) Bản đánh giá về thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, việc bảo đảm bình đẳng giới, chính sách dân tộc (nếu có); (6) Bản thuyết minh quy phạm hóa chính sách trong trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 27 của Luật này; (7) Bản so sánh dự thảo sửa đổi, bổ sung, thay thế với luật, pháp lệnh, nghị quyết hiện hành và các tài liệu khác (nếu có).

Như vậy, về hồ sơ, cơ quan chủ trì soạn thảo đã chuẩn bị đầy đủ, đúng quy định.

2. Về nội dung dự thảo Tờ trình

- Dự thảo Luật bổ sung các đối tượng không chịu thuế bao gồm: Đất sử dụng vào mục đích công cộng, đất tôn giáo, tín ngưỡng, đất nghĩa trang, nhà tang lễ, đất xây dựng các công trình sự nghiệp gồm: Đất xây dựng cơ sở văn hóa, xã hội, y tế, giáo dục và đào tạo, thể dục, thể thao... Tuy nhiên, tại phần 1.2. dự thảo Tờ trình chỉ nêu cơ sở pháp lý liên quan đến đất của cơ sở giáo dục là chưa đầy đủ. Do đó, đề nghị bổ sung cơ sở pháp lý của các loại đất còn lại để đảm bảo đánh giá đầy đủ các cơ sở pháp lý đối với các loại đất đề xuất không phải chịu thuế tại dự thảo.

- Tại phần cơ sở pháp lý nêu: “*Tại Nghị quyết số 123/2026/UBTVQH15 ngày 03/4/2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định bổ sung vào Chương trình lập pháp năm 2026 trình Quốc hội cho ý kiến và thông qua tại Kỳ họp thứ 2 (tháng 10/2026) đối với dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế SDDPNN.*” (chưa có nội dung cơ sở pháp lý đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp).

Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung đầy đủ cơ sở pháp lý đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

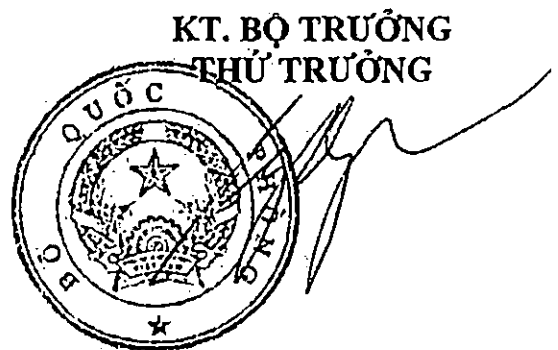
3. Về nội dung dự thảo Luật

Thông nhất với các điều, khoản tại dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Xin gửi Bộ Tài chính tổng hợp./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Bộ trưởng (đề b/c);
- C41;
- Lưu: VT, NCTH. Hang05.



Thượng tướng Nguyễn Quang Ngọc



THANH TRA CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **2149**/TTCP-C.VI

Hà Nội, ngày **06** tháng 7 năm 2026

V/v tham gia ý kiến đối hồ sơ dự án
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của
Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp
và Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thanh tra Chính phủ nhận được Văn bản số 8765/BTC-CST ngày 24/6/2026 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến đối với hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (SDĐPNN) và Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN). Sau khi nghiên cứu, Thanh tra Chính phủ có ý kiến như sau:

Tại Điều 2 dự thảo, sửa đổi Luật Thuế TNDN (bổ sung khoản 6 Điều 15): Dự thảo quy định cơ sở giáo dục "thực hiện rút vốn hoặc chia lợi tức thì phải nộp lại toàn bộ tiền thuế đã được miễn và tiền chậm nộp". Thanh tra Chính phủ đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, bổ sung điều khoản loại trừ trách nhiệm nộp lại thuế đối với trường hợp rút vốn do giải thể, phá sản vì lý do bất khả kháng hoặc thay đổi quy hoạch của Nhà nước; đồng thời, xác định rõ mốc thời gian tính tiền chậm nộp kể từ ngày rút vốn, chia lợi tức không đúng quy định.

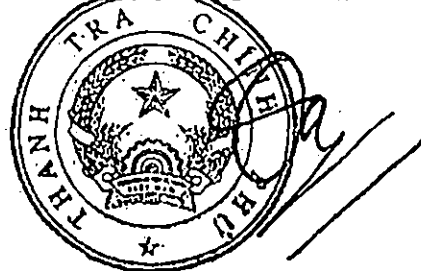
Đối với các nội dung còn lại, Thanh tra Chính phủ đề nghị Bộ Tài chính theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền tiếp tục rà soát, tiếp thu ý kiến tham gia của các Bộ, ngành, cơ quan có liên quan để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Luật, đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật, trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

Trân trọng./.

Nơi nhận: *Ưu*

- Như trên;
- Tổng Thanh tra Chính phủ (để b/c);
- Phó Tổng TTCP Lê Tiên Đạt;
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, C.VI.

**KT. TỔNG THANH TRA
PHÓ TỔNG THANH TRA**



Lê Tiên Đạt

Số: 7061 /BNV-PC

Hà Nội, ngày 07 tháng 7 năm 2026

V/v góp ý hồ sơ dự án Luật sửa đổi,
bổ sung một số điều của Luật Thuế
sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật
Thuế thu nhập doanh nghiệp

Kính gửi: Bộ Tài chính

Trả lời Công văn số 8765/BTC-CST ngày 24/6/2026 của Bộ Tài chính đề nghị góp ý hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:

1. Về Hồ sơ dự án Luật

a) Đề nghị tiếp tục rà soát, hoàn thiện Hồ sơ dự thảo Luật bảo đảm đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, tính thống nhất, đồng bộ với hệ thống pháp luật liên quan, cam kết quốc tế, Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính. Theo đó, đề nghị đánh giá kỹ, cụ thể, đầy đủ hơn các nội dung vướng mắc bất cập tại các quy định liên quan của Luật Giáo dục năm 2019 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Giáo dục năm 2025), Luật Đất đai năm 2024, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp nhằm bảo đảm đủ cơ sở hoàn thiện quy định về các phân loại đất chịu thuế/đất không chịu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; đồng thời bảo đảm phù hợp với tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp quy định về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền tại Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025

b) Tại Tờ trình nêu việc thi hành Luật sau khi được ban hành về cơ bản không làm phát sinh tăng nhu cầu mới về nguồn nhân lực để triển khai thực hiện. Tuy nhiên, đề nghị đánh giá kỹ nội dung này nhằm bảo đảm hiệu lực, hiệu quả thực thi khi dự án Luật được cấp có thẩm quyền thông qua.

2. Về dự thảo Luật

a) Đề nghị rà soát, chỉnh lý hoàn thiện nội dung sửa đổi, bổ sung nhằm bảo đảm thực hiện nghiêm Kết luận số 119/KL số ngày 28/01/2025 của Bộ Chính trị về định hướng đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật, Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành

pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, phù hợp Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật; đồng thời bảo đảm sự nhất quán với quan điểm xây dựng dự án Luật đã nêu tại Tờ trình, phù hợp chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển giáo dục - đào tạo, khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư vào lĩnh vực giáo dục đào tạo.

b) Về các nội dung khác, đề nghị nghiên cứu, tổng hợp các ý kiến của Bộ, ngành, cơ quan liên quan, địa phương, đối tượng chịu tác động của văn bản, chuyên gia, người làm thực tiễn nhằm bảo đảm tính hiệu lực thực thi, phù hợp với thực tiễn.

Trên đây là ý kiến của Bộ Nội vụ, đề nghị Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Cao Huy;
- Lưu: VT, PC (LQ Sinh).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Cao Huy

BỘ NGOẠI GIAO

Số: 5520 /BNG-LPQT

V/v góp ý dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2026

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Phúc Công văn số 8765/BTC-CST ngày 24/6/2026 của Quý Bộ đề nghị đóng góp ý kiến đối với hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, trong phạm vi phụ trách, Bộ Ngoại giao nhất trí với sự cần thiết xây dựng, ban hành Luật và có thêm ý kiến như sau:

1. Nhằm đảm bảo sự thống nhất và thuận lợi trong quá trình triển khai Luật, đề nghị Quý Bộ làm rõ nguyên tắc xác định “mục đích kinh doanh” quy định tại các khoản 1 và 2 Điều 1. Đồng thời, đề nghị cân nhắc sử dụng thống nhất các thuật ngữ “không vào mục đích kinh doanh” và “không vì lợi nhuận” trong trường hợp các thuật ngữ này có cùng nội hàm.

2. Tại khoản 4 Điều 1, đề nghị cân nhắc dẫn chiếu pháp luật về đất đai thay vì liệt kê các loại giấy tờ nhằm đảm bảo tính ổn định của hệ thống pháp luật trong trường hợp có sự điều chỉnh pháp luật về đất đai, có thể theo hướng: “... theo hồ sơ, giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai”.

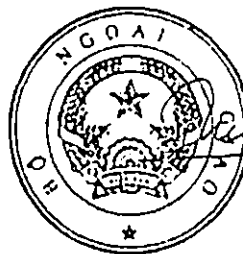
3. Về tính tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, tại dự thảo Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Luật, Quý Bộ đã có đánh giá tính tương thích của dự thảo Luật với các Hiệp định thương mại tự do (FTA) và các Hiệp định tránh đánh thuế hai lần với các nước và vùng lãnh thổ. Qua rà soát sơ bộ, Bộ Ngoại giao cơ bản nhất trí với nội dung đánh giá nêu trên của Quý Bộ.

Trên đây là ý kiến của Bộ Ngoại giao đề Quý Bộ tham khảo, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các đơn vị: NGKT, CPVNGĐ, HVNG, QTTV;
- Lưu: HC, LPQT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Ký bởi: Lê Anh Tuấn
Email: leanhluan@mofa.gov.vn
Cơ quan: VĂN PHÒNG,
BỘ NGOẠI GIAO
Ngày ký: 07-07-2026
19:28:10 +07:00

Lê Anh Tuấn

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:4960 /BKHCN-KHTC
V/v góp ý hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ
sung một số điều của Luật Thuế sử dụng
đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập
doanh nghiệp

Hà Nội, ngày 08 tháng 07 năm 2026

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc đáp Công văn số 8765/BTC-CST ngày 24/6/2026 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (dự thảo Luật); căn cứ chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước, sau khi nghiên cứu, Bộ Khoa học và Công nghệ có ý kiến như sau:

1. Nhất trí với sự cần thiết ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp nhằm thể chế hóa kịp thời chủ trương tại Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị; bảo đảm đồng bộ, thống nhất với pháp luật có liên quan.

2. Về nội dung liên quan đến lĩnh vực khoa học và công nghệ, dự thảo Luật đã tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động liên quan đến khoa học và công nghệ, hoạt động của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập, cụ thể:

(i) Bổ sung đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ vào đối tượng không chịu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (khoản 2 Điều 1 dự thảo Luật);

(ii) Loại bỏ điều kiện “hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận” đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập trong quy định miễn thuế thu nhập doanh nghiệp (Điều 2 dự thảo Luật).

Trên đây là ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ đối với hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, gửi Bộ Tài chính tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ dự án Luật theo quy định.

Trân trọng./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TTTr Bùi Hoàng Phương (để b/c);
- Vụ trưởng (để b/c);
- PVT Nguyễn Quyết Chiến;
- Lưu: VT, KHTC(TTT).

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH
PHÓ VỤ TRƯỞNG




Nguyễn Quyết Chiến

Số: 4214 /BVHTTDL-PC

Hà Nội, ngày 09 tháng 7 năm 2026

V/v góp ý dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật thuế thu nhập doanh nghiệp

Kính gửi: Bộ Tài chính

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nhận được Công văn số 8765/BTC-CST ngày 24/6/2026 của Bộ Tài chính về việc góp ý hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Sau khi nghiên cứu, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có ý kiến như sau:

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nhất trí với sự cần thiết ban hành Luật.
- Tại mục dự kiến nguồn lực bảo đảm thi hành Luật của dự thảo Tờ trình có nêu việc ban hành Luật không làm phát sinh nhu cầu mới về nguồn tài chính mới. Đề nghị bổ sung khái toán số kinh phí ngân sách nhà nước giảm từ việc quy định ưu đãi thuế tại dự thảo Luật so với quy định hiện hành.

Trên đây là ý kiến của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, trân trọng gửi Bộ Tài chính để tổng hợp. *[Signature]*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, PC, BH (05).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



[Signature]
Trịnh Thị Thủy

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 4330 /BGDDĐT-KHTC
V/v ý kiến về hồ sơ dự án Luật sửa
đổi, bổ sung một số điều của Luật
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp,
Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

Hà Nội, ngày 09 tháng 07 năm 2026

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc đáp Công văn số 8765/BTC-CST ngày 24/6/2026 của Bộ Tài chính về việc ý kiến về hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) có ý kiến như sau:

1. Ý kiến về hồ sơ dự án Luật sửa đổi:

Tại Điều 2 dự thảo Luật quy định bổ sung khoản 6 Điều 15 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 như sau: “6. Cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục tư thực hoạt động không vì lợi nhuận thành lập theo quy định của pháp luật được miễn thuế đối với: thu nhập từ hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục; lãi tiền gửi ngân hàng; kinh phí đặt hàng, giao nhiệm vụ của Nhà nước. Trường hợp phát sinh các khoản thu nhập khác với quy định tại khoản này cần được miễn thuế thì giao Chính phủ quy định.”.

Tại dự thảo Tờ trình có nêu cơ sở để bổ sung quy định về miễn thuế cho cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục tư thực hoạt động không vì lợi nhuận là Nghị quyết số 71-NQ-TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị (Nghị quyết 71). Qua rà soát, tại khoản 2 Mục III Nghị quyết số 71 có quy định: “Không áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp đối với cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục tư thực hoạt động không vì lợi nhuận.”. Như vậy, theo quy định trên tại Nghị quyết số 71 thì cơ sở giáo dục công lập và cơ sở giáo dục tư thực hoạt động không vì lợi nhuận được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp; Nghị quyết số 71 không quy định theo hướng chỉ được miễn trong một số trường hợp cụ thể. Do đó, đề nghị Ban soạn thảo rà soát căn cứ và sự phù hợp của việc quy định chỉ được miễn thuế đối với một số loại thu nhập như tại dự thảo Luật.

Bên cạnh đó, tại Điều 2 dự thảo Luật quy định bổ sung khoản 6 Điều 15 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 còn có quy định: “Trường hợp phát sinh các khoản thu nhập khác với quy định tại khoản này cần được miễn thuế thì giao Chính phủ quy định.”. Tuy nhiên, quy định này không phù hợp với khoản 4 Điều 70 Hiến pháp năm 2013 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội: “4. Quyết định chính sách cơ bản về tài chính, tiền tệ quốc gia; quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế.”. Do đó, đề nghị Ban soạn thảo rà soát để bảo đảm nội dung của dự thảo Luật không trái với Hiến pháp năm 2013.

2. Nội dung dự thảo Luật liên quan đến pháp luật về thuế, theo lĩnh vực quản lý nhà nước được giao, Bộ GDDT không có thông tin để đánh giá tác động đối với các đề xuất tại dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Trên đây là ý kiến của Bộ GDĐT, kính gửi Quý Bộ nghiên cứu, tổng hợp.

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Thứ trưởng;
- Lưu: VT, KHTC.



**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

Số: 6082 /NHNN – TCKT

V/v tham gia ý kiến về hồ sơ dự án Luật
sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật
Thuế thu nhập doanh nghiệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 09 tháng 7 năm 2026

Kính gửi: Bộ Tài chính

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) nhận được Công văn số 8765/BTC-CST ngày 24/06/2026 của Bộ Tài chính về lấy ý kiến về hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Qua rà soát dự thảo Luật, NHNN có ý kiến như sau:

Đối với Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung trường hợp được miễn, giảm thuế (tại Điều 14 hoặc Điều 15 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp) đối với việc thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất của Nhà nước qua một trong hai phương thức sau:

(1) Doanh nghiệp thuộc đối tượng được hỗ trợ lãi suất vay vốn các ngân hàng thương mại theo các quy định của Chính phủ được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp bằng số tiền lãi được hỗ trợ.

(2) Ngân hàng thương mại đã hỗ trợ lãi suất cho khách hàng theo các quy định của Chính phủ được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp bằng số tiền lãi đã hỗ trợ cho khách hàng.

Lý do:

Thời gian qua, các ngân hàng thương mại (NHTM) thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước và được cấp bù lãi suất từ nguồn đầu tư công theo quy định tại Luật Đầu tư công và Luật Ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, thực tế triển khai qua phương thức này không đảm bảo tính hiệu quả, khả thi, cụ thể: (i) Phát sinh nhiều hồ sơ thủ tục, gồm: lập dự toán, thanh toán định kỳ, quyết toán hằng năm; (ii) Công tác lập dự toán của NHNN/NHTM khó sát với nhu cầu thực tế do ảnh hưởng của nhiều yếu tố khách quan (đặc biệt là nhu cầu thực tế từ phía khách hàng) như: yêu cầu thực tiễn và chỉ đạo của Đảng, Nhà nước trong từng thời kỳ, nhu cầu thị trường,...; (iii) Qua thực tiễn triển khai các chính sách hỗ trợ lãi suất trước đây, nhiều khách hàng đề nghị được hỗ trợ trực tiếp thay vì thông qua NHTM¹. Tại Báo cáo số 1172/BC-BCA-ANKT ngày 5/5/2025, Bộ Công an cũng đề nghị thực hiện hỗ trợ trực tiếp đến đối tượng thụ hưởng nhằm giảm thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả, khả năng hấp thụ chính sách và tăng cường niềm tin của người dân, doanh nghiệp đối với Chính

¹ Như chương trình HTLS đối với các doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh thông qua các NHTM theo Nghị định 31/2022/NĐ-CP

phù.

Do đó, việc chuyển đổi phương thức từ “lập, thanh quyết toán vốn đầu tư công để hỗ trợ lãi suất” sang phương thức “giảm thuế thu nhập doanh nghiệp cho doanh nghiệp/hoặc NHTM” sẽ tạo điều kiện để: (i) khắc phục tồn tại của chính sách hỗ trợ lãi suất trước đây, nhất là trong bối cảnh chính sách hỗ trợ lãi suất đối với nhiều ngành, lĩnh vực, đối tượng sẽ được đẩy mạnh triển khai trong thời gian tới theo các Nghị quyết, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước về phát triển các ngành, lĩnh vực kinh tế²; (ii) Cho phép NHTM/doanh nghiệp được giảm trừ thuế tại kỳ quyết toán thuế mà không phải thực hiện các khâu lập dự toán, thanh toán, quyết toán theo trình tự, thủ tục ngân sách, đầu tư công; (iii) Đồng thời, phương thức này không làm phát sinh chi tiêu công trực tiếp, giúp giảm áp lực lên cân đối ngân sách nhà nước trong ngắn hạn (thay vì lập dự toán và cân đối nguồn để chi vào định kỳ, Nhà nước thực hiện chính sách thông qua giảm thu thuế cuối năm). Theo đó, giúp giảm thời gian, chi phí, thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho NHTM và doanh nghiệp khi thực hiện/thụ hưởng chính sách ưu đãi của Nhà nước.

Trên đây là ý kiến của NHNN gửi Bộ Tài chính để tổng hợp, xử lý tiếp./. /3

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thống đốc (để báo cáo);
- PTĐ Phạm Tiến Dũng;
- Vụ TD, Vụ PC (để p/hợp);
- Lưu: VP, TCKT2.LADung.

**KT.THÔNG ĐỐC
PHÓ THÔNG ĐỐC**



Phạm Tiến Dũng

² Nghị quyết số 79-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước: “Đối với dự án trọng điểm quốc gia, dự án đầu tư ở nước ngoài do cấp có thẩm quyền giao ngoài kế hoạch của doanh nghiệp, Nhà nước có chính sách bảo đảm đủ vốn, hỗ trợ lãi suất và cung cấp đủ tín dụng...”, Nghị quyết số 29/NQ-CP của Chính phủ: “Nghiên cứu, đề xuất cơ chế giao nhiệm vụ chính sách cho TCTD nhà nước (tín dụng cho các lĩnh vực ưu tiên, tín dụng theo các chương trình, kế hoạch của Chính phủ...) theo nguyên tắc có bù đắp chi phí hợp lý và đảm bảo khả năng cạnh tranh của TCTD nhà nước.”...

**CỤC THUẾ
THUẾ TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5068/QNG-NVDTPC

Quảng Ngãi, ngày 30 tháng 6 năm 2026

V/v tham gia tham gia ý kiến dự thảo
Nghị quyết về chính sách thuế đối với
một số mặt hàng xăng, dầu, nguyên liệu
sản xuất xăng, dầu và hồ sơ dự án Luật
sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật
Thuế thu nhập doanh nghiệp

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN số:.....	84.967
Ngày	02-07-2026
Chuyên:.....	Cục CST
Số và ký hiệu HS:.....	

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Tài chính tại số Công văn số 8671/BTC-CST ngày 23/6/2026 về việc xin ý kiến dự thảo Nghị quyết về chính sách thuế đối với một số mặt hàng xăng, dầu, nguyên liệu sản xuất xăng, dầu. Công văn số 8765/BTC-CST ngày 24/6/2026 về việc lấy ý kiến về hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Công văn số 3939/VP-KTTH ngày 26/6/2026 của Văn phòng UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc tham gia ý kiến dự thảo Nghị quyết về chính sách thuế đối với một số mặt hàng xăng, dầu, nguyên liệu sản xuất xăng, dầu và hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Nội dung này, Thuế tỉnh Quảng Ngãi tham gia ý kiến như sau:

1/ Thống nhất với dự thảo Nghị quyết về chính sách thuế đối với một số mặt hàng xăng, dầu, nguyên liệu sản xuất xăng, dầu.

Tuy nhiên, thời gian gần đây giá dầu thô trên thế giới (giá dầu Brent) giao động ở mức thấp từ 68 - 73 USD/thùng. Do đó, để không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện dự toán thu NSNN tại địa phương. Thuế tỉnh Quảng Ngãi kính đề nghị Bộ Tài chính xem xét trình Chính phủ ban hành Nghị quyết.

2/ Đối với hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuế tỉnh Quảng Ngãi thống nhất với toàn bộ nội dung của hồ sơ dự án Luật sửa đổi bổ sung.

Thuế tỉnh Quảng Ngãi có ý kiến kính trình Bộ Tài chính tổng hợp.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/cáo);
- Lãnh đạo Thuế tỉnh (b/cáo);
- Lưu: VT, NVDTPC (nbtri).

**KT. TRƯỞNG THUẾ TỈNH
PHÓ TRƯỞNG THUẾ TỈNH**



Đinh Thiên Khanh

**CỤC THUẾ
THUẾ TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5068/QNG-NVDTPC

Quảng Ngãi, ngày 30 tháng 6 năm 2026

V/v tham gia tham gia ý kiến dự thảo
Nghị quyết về chính sách thuế đối với
một số mặt hàng xăng, dầu, nguyên liệu
sản xuất xăng, dầu và hồ sơ dự án Luật
sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật
Thuế thu nhập doanh nghiệp

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN số:.....	84.9.67
Ngày	02-07-2026
Chuyển:	Cục CST
Số và ký hiệu HS:	

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Tài chính tại số Công văn số 8671/BTC-CST ngày 23/6/2026 về việc xin ý kiến dự thảo Nghị quyết về chính sách thuế đối với một số mặt hàng xăng, dầu, nguyên liệu sản xuất xăng, dầu. Công văn số 8765/BTC-CST ngày 24/6/2026 về việc lấy ý kiến về hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Công văn số 3939/VP-KTTH ngày 26/6/2026 của Văn phòng UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc tham gia ý kiến dự thảo Nghị quyết về chính sách thuế đối với một số mặt hàng xăng, dầu, nguyên liệu sản xuất xăng, dầu và hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Nội dung này, Thuế tỉnh Quảng Ngãi tham gia ý kiến như sau:

1/ Thống nhất với dự thảo Nghị quyết về chính sách thuế đối với một số mặt hàng xăng, dầu, nguyên liệu sản xuất xăng, dầu.

Tuy nhiên, thời gian gần đây giá dầu thô trên thế giới (giá dầu Brent) giao động ở mức thấp từ 68 - 73 USD/thùng. Do đó, để không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện dự toán thu NSNN tại địa phương. Thuế tỉnh Quảng Ngãi kính đề nghị Bộ Tài chính xem xét trình Chính phủ ban hành Nghị quyết.

2/ Đối với hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuế tỉnh Quảng Ngãi thống nhất với toàn bộ nội dung của hồ sơ dự án Luật sửa đổi bổ sung.

Thuế tỉnh Quảng Ngãi có ý kiến kính trình Bộ Tài chính tổng hợp.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/cáo);
- Lãnh đạo Thuế tỉnh (b/cáo);
- Lưu: VT, NVDTPC (nbtri).

**KT. TRƯỞNG THUẾ TỈNH
PHÓ TRƯỞNG THUẾ TỈNH**



Đinh Thiên Khanh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1730/UBND-KTTH

Lạng Sơn, ngày 04 tháng 7 năm 2026

V/v tham gia ý kiến đối với hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Thực hiện Công văn số 8765/BTC-CST ngày 24/6/2026 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Sau khi nghiên cứu, Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn nhất trí với hồ sơ dự án Luật do Bộ Tài chính chủ trì xây dựng.

Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn trân trọng báo cáo Bộ Tài chính./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Thuế tỉnh Lạng Sơn;
- C, PVP UBND tỉnh, Phòng KTTH, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KTTH_(MTH).

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Vi Thiện Việt

UBND TỈNH NGHỆ AN
SỞ TÀI CHÍNH

Số: 5855 /STC-NST

V/v tham gia ý kiến đối với hồ sơ
dự án Luật sửa đổi, bổ sung một
số điều của Luật Thuế sử dụng
đất phi nông nghiệp, Luật thuế
thu nhập doanh nghiệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 03 tháng 7 năm 2026

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh Nghệ An tại Công văn số 7619/UBND-KT ngày 25/6/2026 về việc tham gia ý kiến đối với hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và Công văn số 105/ĐĐBQH ngày 30/6/2026 của Đoàn Đại biểu Quốc hội về việc xin ý kiến hồ sơ dự án Luật (có Công văn số 8765/BTC-CST ngày 24/6/2026 của Bộ Tài chính kèm theo). Trên cơ sở tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan và nghiên cứu hồ sơ, tài liệu, Sở Tài chính Nghệ An thống nhất với dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

Trên đây là ý kiến của Sở Tài chính Nghệ An kính báo cáo Bộ Tài chính./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Đoàn ĐBQH tỉnh Nghệ An (để báo cáo);
- Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, NST (Hùng).

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Hồng Tuấn

**CỤC THUẾ
THUẾ TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6101 /TNG-NVDTPC
V/v tham gia ý kiến đối với hồ sơ dự án
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của
Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp,
Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thái Nguyên, ngày 02 tháng 7 năm 2026

BỘ TÀI CHÍNH
ĐẾN số: <u>8.681.4</u>
Ngày <u>06-07-2026</u>
Chuyên: <u>Cục CST</u>
Số và ký hiệu HS:

Kính gửi:

- Bộ Tài chính;
- UBND tỉnh Thái Nguyên

Thực hiện Công văn số 8765/BTC-CST ngày 24/6/2026 của Bộ Tài chính;
Công văn số 7762/UBND-KT ngày 26/6/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về
việc tham gia ý kiến hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế
sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Căn cứ chức năng,
nhiệm vụ, Thuế tỉnh Thái Nguyên có ý kiến tham gia như sau:

Thuế tỉnh Thái Nguyên đã triển khai nghiên cứu, lấy ý kiến tham gia của các
Sở, Ban, Ngành có liên quan và các Phòng, các Thuế cơ sở thuộc Thuế tỉnh Thái
Nguyên về Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất
phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Sau khi triển khai, Thuế tỉnh
Thái Nguyên nhất trí đối với Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung nêu trên.

Trên đây là ý kiến tham gia của Thuế tỉnh Thái Nguyên báo cáo Bộ Tài chính
và UBND tỉnh Thái Nguyên theo quy định./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Phó trưởng Thuế tỉnh (đ/c Liễu);
- Lưu: VT, NVDTPC. (lthuyen) 

**KT. TRƯỞNG THUẾ TỈNH
PHÓ TRƯỞNG THUẾ TỈNH**



Hoàng Thị Thu Liễu



**CỤC THUẾ
THUẾ TỈNH TUYÊN QUANG**

Số: ~~1284~~ /TQU-NVDTPC

V/v tham gia ý kiến dự thảo Luật sửa
đổi, bổ sung một số điều của Luật
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp,
Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tuyên Quang, ngày 07 tháng 7 năm 2026

Kính gửi:

- Bộ Tài chính;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Thực hiện Công văn số 4777/UBND-KTTH ngày 25/6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc tham gia ý kiến dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Ngày 26/6/2026 Thuế tỉnh Tuyên Quang đã ban hành Công văn số 1762/TQU-NVDTPC về việc lấy ý kiến tham gia đối với dự án Luật sửa đổi, bổ sung nêu trên gửi các đơn vị liên quan phối hợp tham gia ý kiến và các đơn vị thuộc Thuế tỉnh.

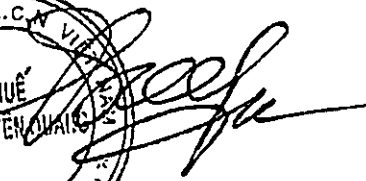
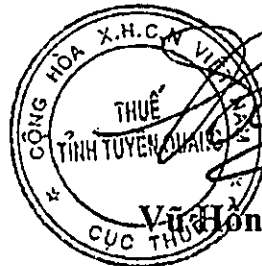
Thuế tỉnh Tuyên Quang đã nhận được ý kiến tham gia của các đơn vị, qua nghiên cứu và tổng hợp ý kiến nhất trí với nội dung dự thảo và không có ý kiến tham gia bổ sung.

Thuế tỉnh Tuyên Quang trân trọng báo cáo Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Thuế tỉnh;
- Lưu: VT, NVDTPC (Hà).

**KT. TRƯỞNG THUẾ TỈNH
PHÓ TRƯỞNG THUẾ TỈNH**


Vũ Hồng Diệp




**CỤC THUẾ
THUẾ THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **33610** /HAN-NVDTPC
V/v: tham gia ý kiến đối với hồ sơ
dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số
điều của Luật Thuế sử dụng đất phi
nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập
doanh nghiệp

Hà Nội, ngày **06** tháng **7** năm **2026**

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thuế TP Hà Nội nhận được công văn công văn số 12667/VP-KT ngày 27/06/2026 của UBND thành phố Hà Nội v/v/ lấy ý kiến về hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Sau khi nghiên cứu văn bản số 12667/VP-KT ngày 27/06/2026 của UBND thành phố Hà Nội, văn bản 8765/BTC-CST ngày 24/06/2026 của Bộ Tài chính và các tài liệu kèm theo, Thuế thành phố Hà Nội nhất trí chung với tinh thần của nội dung của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

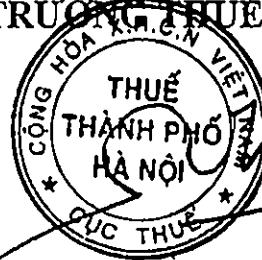
Đồng thời, Thuế thành phố Hà Nội tham gia bổ sung một số nội dung chi tiết (đính kèm).

Thuế thành phố Hà Nội kính gửi ý kiến để Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp./. *hân*

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND TP Hà Nội (để b/c);
- Trưởng thuế TP (để b/c);
- Lưu: VT, DTPC. *u (4)*

**KT. TRƯỞNG THUẾ THÀNH PHỐ
PHÓ TRƯỞNG THUẾ THÀNH PHỐ**



Vũ Hồng Long

TỔNG HỢP Ý KIẾN THAM GIA SỬA DỰ THẢO LUẬT
(Kèm theo Công văn số 33610 HAN-NVDTPC ngày 06 tháng 07 năm 2026 của Thuế thành phố Hà Nội)

STT	Điều, Khoản	QUY ĐỊNH TẠI DỰ THẢO LUẬT	KIẾN NGHỊ SỬA THÀNH:	Lý do sửa
A	Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp số 48/2010/QH12			
1	Khoản 2 Điều 2	"2. Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp bao gồm: đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp; đất thương mại, dịch vụ; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản."	"2. Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp bao gồm: đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp, <u>khu chế xuất</u> ; đất thương mại, dịch vụ; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản."	Cho đầy đủ, tránh bỏ sót
2	Khoản 1 Điều 3	"1. Đất sử dụng vào mục đích công cộng bao gồm: đất công trình giao thông; đất công trình thủy lợi; đất công trình cấp nước, thoát nước; đất công trình phòng, chống thiên tai; đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên; đất công trình xử lý chất thải; đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng; đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin; đất chợ dân sinh, chợ đầu mối; đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng"	1. Đất sử dụng vào mục đích công cộng bao gồm: đất công trình giao thông; đất công trình thủy lợi; đất công trình cấp nước, thoát nước; đất công trình phòng, chống thiên tai; đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên; đất công trình xử lý chất thải; đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng; đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, <u>điện lực</u> , công nghệ thông tin; đất chợ dân sinh, chợ đầu mối; đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng"	Cho đầy đủ, tránh bỏ sót
3	Khoản 5 Điều 3	"5. Đất xây dựng trụ sở cơ quan, đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh"	"5. Đất xây dựng trụ sở cơ quan <u>nhà nước</u> , đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh"	Cần ghi rõ để tránh nhầm với các cơ q khác
B	Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15			
1	Điều 2	"6. Cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục tư thục hoạt động không vì lợi nhuận thành lập theo quy định của pháp luật được miễn thuế đối với: thu nhập từ hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục; lãi tiền gửi ngân hàng; kinh phí đất hàng, giao nhiệm vụ của Nhà nước. Trường hợp phát sinh các khoản thu nhập khác với quy định tại khoản này cần được miễn thuế thì giao Chính phủ quy định"	6. Cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục tư thục hoạt động không vì lợi nhuận thành lập theo quy định của pháp luật được miễn thuế đối với: thu nhập từ hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục (<u>bao gồm: chi phí xuất, đất sản xuất, hỗ trợ học tập y tế & lương nghiệp, phát triển cá nhân...</u>); lãi tiền gửi ngân hàng; kinh phí đất hàng, giao nhiệm vụ của Nhà nước. Trường hợp phát sinh các khoản thu nhập khác với quy định tại khoản này cần được miễn thuế thì giao Chính phủ quy định"	Cần quy định rõ dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục gồm những dịch vụ gì? Dịch vụ này đi quy định tại Nghị định của Chính phủ (hiện nay là ghi định số 238/2025/NĐ

Th

**CỤC THUẾ
THUẾ TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 9502/BNI-NVDTPC

Bắc Ninh, ngày 08 tháng 07 năm 2026

V/v tham gia ý kiến vào dự thảo
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều
của Luật Thuế sử dụng đất phi nông
nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh
nghiệp

Kính gửi:

- Bộ Tài chính;
- UBND tỉnh Bắc Ninh.

Thực hiện Công văn số 8765/BTC-CST ngày 24/6/2026 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Công văn số 6713/UBND-KTTH ngày 26/6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh về việc tham gia ý kiến dự thảo Luật.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ dự thảo Luật và tổng hợp ý kiến tham gia của các đơn vị, Thuế tỉnh Bắc Ninh và các ý kiến tham gia nhất trí với nội dung dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuế tỉnh Bắc Ninh trân trọng báo cáo Bộ Tài chính và UBND tỉnh Bắc Ninh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Trưởng Thuế tỉnh (báo cáo);
- Các Phó Trưởng Thuế tỉnh;
- Lưu: VT, NVDTPC (ptdlinh02).

**KT. TRƯỞNG THUẾ TỈNH
PHÓ TRƯỞNG THUẾ TỈNH**



Nguyễn Văn Vĩnh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**


Ký bởi: UBND Tỉnh Điện Biên
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5873 /UBND-KT

Điện Biên, ngày 08 tháng 7 năm 2026

V/v tham gia ý kiến hồ sơ dự án
Luật sửa đổi, bổ sung một số
điều của Luật Thuế sử dụng đất
phi nông nghiệp, Luật thuế thu
nhập doanh nghiệp.

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Thực hiện Công văn số 8765/BTC-CST ngày 24/6/2026 của Bộ Tài chính
về việc lấy ý kiến về hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

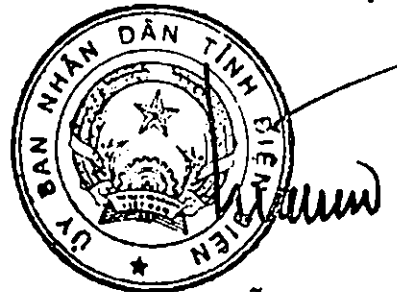
Sau khi nghiên cứu, Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên nhất trí với nội dung
hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi
nông nghiệp, Luật thuế thu nhập doanh nghiệp do Bộ Tài chính xây dựng.

Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên kính gửi Bộ Tài chính tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Đoạt

CỤC THUẾ
THUẾ TỈNH GIA LAI

Số: 3062 /GLA-NVDTPC

V/v tham gia ý kiến đối với hồ sơ
dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số
điều của Luật Thuế sử dụng đất phi
nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập
doanh nghiệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 07 tháng 7 năm 2026

Kính gửi:

- Bộ Tài chính;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ủy ban Nhân dân tỉnh Gia Lai tại công văn số 8619/UBND_KTTH ngày 25 tháng 6 năm 2026; văn bản số 136/ĐĐBQH-CTQH ngày 30/6/2026 của Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai, thực hiện Văn bản số 8765/BTC-CST ngày 24/06/2026 của Bộ Tài chính về lấy ý kiến về hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Thuế tỉnh Gia Lai đã triển khai đến Quý cơ quan, đơn vị và toàn bộ công chức, viên chức ngành thuế tham gia ý kiến đối với hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Qua nghiên cứu, thảo luận và tổng hợp ý kiến từ Quý cơ quan và các đơn vị trực thuộc, Thuế tỉnh Gia Lai tổng hợp một số ý kiến sau:

1. Căn cứ ban hành

Đề nghị chỉnh sửa nội dung “Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.” thành “Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp số 48/2010/QH12, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15.” nhằm phù hợp theo hướng dẫn tại Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

2. Điều 2 Dự thảo (sửa đổi, bổ sung Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp)

Đề nghị chỉnh sửa tên của Điều này từ “Điều 2. Sửa đổi khoản 5 và bổ sung khoản 6 Điều 15 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15” thành “Điều 2. Sửa đổi khoản 5 và bổ sung khoản 5a vào sau khoản 5 Điều 15 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp” vì Điều 15 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp có 06 khoản. Theo đó, đề nghị chỉnh sửa số thứ tự các khoản trong nội dung sửa đổi, bổ sung tại Điều này cho phù hợp.

3. Kỹ thuật trình bày

- Đề đảm bảo phù hợp theo hướng dẫn tại Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP, đề nghị chỉnh sửa:

+ Chỉnh sửa cách trình bày tên dự thảo Luật thành:

“LUẬT

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP, LUẬT THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP”

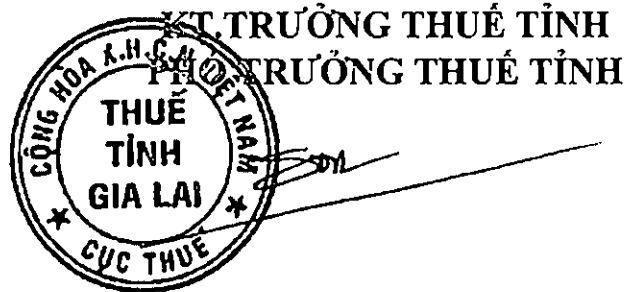
+ Điều 1 Dự thảo: Chỉnh sửa cách trình bày tên của Điều này từ “**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp số 48/2010/QH12**” thành “**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp**”. Theo đó, đề nghị chỉnh sửa nội dung tương tự tại tên của Điều 2 Dự thảo cho phù hợp.

- Khoản 4 Điều 1 Dự thảo: Đề nghị chỉnh sửa tên của khoản này từ “Bổ sung khoản 10 Điều 9 như sau:” thành “Bổ sung khoản 10 vào sau khoản 9 Điều 9 như sau:” cho rõ nghĩa nội dung quy định.

Thuế tỉnh Gia Lai có ý kiến Bộ Tài chính biết, tổng hợp./. *vu*

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Lãnh đạo Thuế tỉnh;
- Lưu: VT, NVDTPC (02b).



Nguyễn Ngọc Sơn

Số:4190/STC-QLDN&ĐKKD

Lai Châu, ngày 07 tháng 7 năm 2026

V/v tham gia ý kiến vào hồ sơ dự án
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của
Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp,
Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Công văn số 8765/BTC-CST ngày 24/6/2026 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Công văn số 5260/UBND-KTN ngày 26/6/2026 của UBND tỉnh về việc triển khai Công văn số 8765/BTC-CST ngày 24/6/2026 của Bộ Tài chính.

Sau khi nghiên cứu, Sở Tài chính tỉnh Lai Châu tham gia một số nội dung như sau: Đề nghị Cơ quan soạn thảo nghiên cứu, thiết kế, chỉnh sửa lại Điều 2 của dự thảo Luật cho chính xác, hoàn thiện hơn, cụ thể: Điều 2 của dự thảo dự Luật dự kiến sửa đổi khoản 2 và bổ sung khoản 6 Điều 15 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15, theo đó Điều 2 của dự thảo Luật như sau:

“Điều 2. Sửa đổi khoản 5 và bổ sung khoản 6 Điều 15 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15

5. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập được miễn thuế theo quy định của Chính phủ.

6. Cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục tư thục hoạt động không vì lợi nhuận thành lập theo quy định của pháp luật được miễn thuế đối với:...”

Tuy nhiên, việc cơ quan soạn thảo dự kiến quy định như trên là chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 60 và Điều 70 Nghị định 78/2025/NĐ-CP; hơn nữa Điều 15 của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 hiện tại đang có khoản 6 nên việc Điều 2 của dự thảo Luật thiết kế “bổ sung khoản 6 Điều 15 của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15” như trích dẫn ở trên là không chính xác.

Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, chỉnh sửa thiết kế lại Điều 2 của dự thảo Luật như sau:

“Điều 2. Sửa đổi bổ sung Điều 15 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 15 như sau:

5. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập được miễn thuế theo quy định của Chính phủ.

5a. Cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục tư thục hoạt động không vì lợi nhuận thành lập theo quy định của pháp luật được miễn thuế đối với:..."

Sở Tài chính tỉnh Lai Châu kính gửi Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Giám đốc Sở (b/c);
- Lưu: VT, QLDN&ĐKKD.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Đình Hùng

**CỤC THUẾ
THUẾ THÀNH PHỐ HUẾ**

Số: 1426 /HUE-NVDTPC

V/v tham gia ý kiến về hồ sơ dự án
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của
Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp
và Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Huế, ngày 07 tháng 7 năm 2026

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Công văn số 8765/BTC-CST ngày 24/6/2026 của Bộ Tài chính về việc tham gia ý kiến về hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp và Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố Huế tại Công văn số 9477/UBND-TC ngày 30/06/2026. Theo đó, Ủy ban nhân dân thành phố Huế giao Thuế thành phố Huế chủ trì tham gia ý kiến và trực tiếp báo cáo Bộ Tài chính (thay Ủy ban nhân dân thành phố Huế).

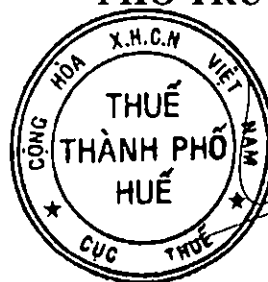
Thuế thành phố Huế đã tổ chức nghiên cứu, thảo luận hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp và Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Các ý kiến tham gia đều nhất trí với nội dung dự thảo, không có ý kiến bổ sung hay sửa đổi.

Thuế thành phố Huế tham gia ý kiến đối với hồ sơ dự thảo trên báo cáo Bộ Tài chính./

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND thành phố Huế (để báo cáo);
- Lưu: VT, NVDTTC. (04b)

**KT. TRƯỞNG THUẾ THÀNH PHỐ
PHÓ TRƯỞNG THUẾ THÀNH PHỐ**



Lê Văn Dũng

**CỤC THUẾ
THUẾ TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: 2208DLA-NVDTPC

V/v góp ý hồ sơ dự án Luật sửa
đổi, bổ sung một số điều của Luật
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp,
Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 08 tháng 7 năm 2026

Kính gửi: Bộ Tài chính

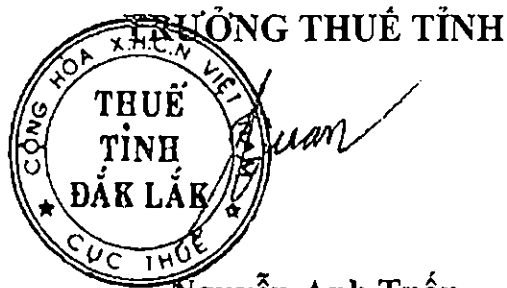
Ngày 29/6/2026, Thuế tỉnh nhận được Công văn số 9448/UBND-ĐTKT ngày 26/6/2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc góp ý hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, UBND tỉnh giao Thuế tỉnh Đắk Lắk chủ trì, triển khai đến các đơn vị nghiên cứu, có văn bản góp ý đối với nội dung dự thảo nêu trên.

Sau khi triển khai nghiên cứu, Thuế tỉnh Đắk Lắk thống nhất với nội dung hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, ban hành kèm theo Công văn số 8765/BTC-CST ngày 24/6/2026 của Bộ Tài chính.

Trên đây là ý kiến góp ý của Thuế tỉnh Đắk Lắk./

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/c)
- Lãnh đạo Thuế tỉnh;
- Lưu: VT, NVDTPC (02b).



Nguyễn Anh Tuấn

UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 7742 /STC-QLNS

Cần Thơ, ngày 08 tháng 7 năm 2026

V/v tham gia ý kiến vào hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Công văn số 7595/VPUB-KT ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; trong đó đề nghị Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan nghiên cứu, góp ý dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, gửi về Bộ Tài chính (đồng gửi Ủy ban nhân dân thành phố), theo đề nghị của Bộ Tài chính tại Công văn số 8765/BTC-CST ngày 24/6/2026.

Qua nghiên cứu nội dung hồ sơ dự án Luật, Sở Tài chính thành phố Cần Thơ thống nhất với nội dung hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Sở Tài chính thành phố Cần Thơ kính báo Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND thành phố (để b/c);
- Lưu: VT

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thanh Sĩ

**CỤC THUẾ
THUẾ TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1173/CBA-NVDTPC
V/v góp ý dự thảo hồ sơ Luật sửa
đổi, bổ sung một số điều của Luật
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp,
Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

Cao Bằng, ngày 07 tháng 7 năm 2026

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN Số:	889.71
Ngày	09-07-2026
Chuyển:	He CS
Số và ký hiệu HS:	

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Công văn số 8765/BTC-CST ngày 24/6/2026 của Bộ Tài chính; Công văn số 3633/VP-TH ngày 25/6/2026 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc lấy ý kiến về dự thảo hồ sơ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng giao Thuế tỉnh Cao Bằng chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan nghiên cứu, góp ý đối với dự thảo Thông tư nêu trên.

Qua tổng hợp ý kiến góp ý của sở, ban, ngành; UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đối với hồ sơ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

I. Ý kiến của Ủy ban nhân dân xã Phúc Hòa tại công văn số 1130/UBND-KT ngày 03/7/2026:

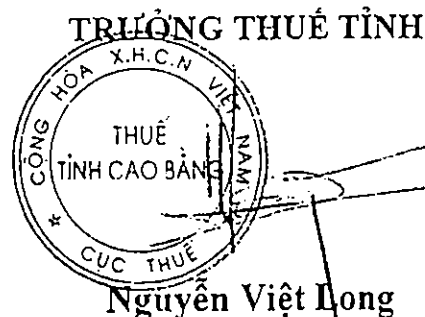
Tại Điều 8 đề nghị bổ sung: Việc đăng ký, kê khai và nộp thuế được thực hiện trên môi trường điện tử kết nối với cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia, cơ sở dữ liệu dân cư và cơ sở dữ liệu thuế.

II. Các đơn vị còn lại: nhất trí với hồ sơ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, không có ý kiến tham gia sửa đổi, bổ sung.

Thuế tỉnh Cao Bằng tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính././

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo Thuế tỉnh;
- Lưu: VT, NVDTPC.



**CỤC THUẾ
THUẾ TỈNH AN GIANG**

Số: 1667/AGI-NVDTPC

V/v góp ý hồ sơ dự án Luật sửa đổi,
bổ sung một số điều của Luật Thuế
sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật
Thuế thu nhập doanh nghiệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

An Giang, ngày 09 tháng 7 năm 2026

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN số:.....	88958.....
Ngày	09-07-2026
Chuyển:.....	Ng. C. S.
Số và ký hiệu HS:.....	

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Công văn số 8765/BTC-CST ngày 24/06/2026 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

Thực hiện Công văn số 12197/VP-KT ngày 27/06/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc góp ý hồ sơ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

Vấn đề này, Thuế tỉnh An Giang có ý kiến như sau:

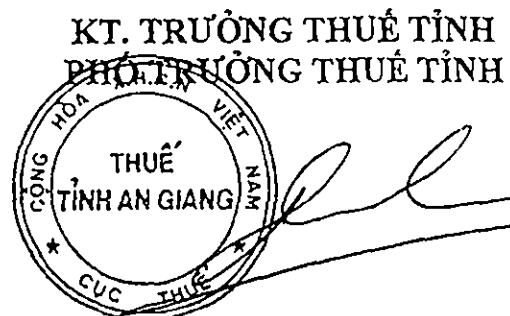
Thuế tỉnh An Giang đã triển khai hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp đến các Phòng chức năng và các Thuế cơ sở trên địa bàn tỉnh để tham gia ý kiến.

Qua nghiên cứu nội dung dự thảo và tổng hợp ý kiến của các đơn vị, Thuế tỉnh An Giang thống nhất với hồ sơ dự án Luật nêu trên và không có ý kiến khác.

Thuế tỉnh An Giang gửi ý kiến đóng góp đến Bộ Tài chính để tổng hợp. / Ng. C. S. ✓

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh An Giang (thay báo cáo);
- Trưởng Thuế tỉnh An Giang;
- Lưu: VT, NVDTPC, ddphuong. (ab)



Số: 9691 /UBND-TH

Vĩnh Long, ngày 09 tháng 7 năm 2026

V/v góp ý hồ sơ dự án Luật sửa
đổi, bổ sung một số điều của Luật
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp,
Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Công văn số 8765/BTC-CST ngày 24/6/2026 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Qua nghiên cứu nội dung hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long cơ bản thống nhất với nội dung các dự thảo; tuy nhiên, có ý kiến đóng góp như sau:

1. Đối với dự thảo dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

1.1. Về đối tượng chịu thuế (Khoản 1 Điều 1 sửa đổi, bổ sung Điều 2): Tại khoản 3 Điều 2 dự thảo Luật đang thực hiện dẫn chiếu đến Điều 3.

Kiến nghị Ban soạn thảo xem xét, biên tập lại để làm rõ phạm vi áp dụng tại khoản 3 Điều 2 là áp dụng riêng cho các loại đất khác ngoài khoản 2 Điều 2, tránh chồng chéo nội dung.

Lý do: Qua rà soát, Điều 3 đang quy định về đối tượng không chịu thuế. Việc dẫn chiếu điều khoản không chịu thuế vào quy định của điều khoản chịu thuế là chưa bảo đảm sự thống nhất giữa các quy định trong dự thảo Luật. Bên cạnh đó, các loại đất quy định tại khoản 2 Điều 2 (đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đất thương mại, dịch vụ...) bản chất đều là đất sử dụng vào hoạt động kinh doanh. Việc bổ sung quy định "đất phi nông nghiệp sử dụng vào mục đích kinh doanh" tại khoản 3 Điều 2 dễ gây chồng chéo, trùng lặp.

1.2. Về đối tượng không chịu thuế (Khoản 2 Điều 1 sửa đổi, bổ sung Điều 3):

Kiến nghị Ban soạn thảo nghiên cứu quy định trực tiếp hoặc giới hạn một phạm vi đối tượng cụ thể, không nên dẫn chiếu quá rộng sang luật chuyên ngành khác.

Lý do: Khoản 7 Điều 3 dự thảo quy định: "7. Đất phi nông nghiệp khác theo quy định pháp luật đất đai". Quy định này có phạm vi áp dụng khá rộng, nếu pháp luật đất đai sau này bổ sung các loại đất mới thì các loại đất đó sẽ mặc nhiên trở thành

đối tượng không chịu thuế, làm mở rộng phạm vi điều chỉnh của Luật Thuế mà chưa được xem xét, đánh giá đầy đủ.

1.3. Về các trường hợp miễn thuế (Khoản 4 Điều 1 bổ sung khoản 10 Điều 9):

Kiến nghị Ban soạn thảo nghiên cứu điều chỉnh theo hướng quy định đối tượng rõ ràng và thực hiện đồng bộ, chặt chẽ theo quy định của pháp luật chuyên ngành giáo dục.

Lý do: Dự thảo Luật đề xuất bổ sung đối tượng miễn thuế đối với: "Đất sử dụng vào mục đích giáo dục và đào tạo của cơ sở giáo dục không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này". Tuy nhiên, theo quy định chung tại Điều 3, đất giáo dục nếu không sử dụng vào mục đích kinh doanh thì đương nhiên thuộc đối tượng không chịu thuế. Việc tiếp tục đưa vào diện miễn thuế tại Điều 9 là không cần thiết.

Mặt khác, cụm từ "cơ sở giáo dục" chưa được phân loại rõ ràng (công lập, tư thục hay các trung tâm đào tạo ngắn hạn...), điều này dễ dẫn đến việc không thống nhất khi áp dụng.

2. Qua nghiên cứu, đối chiếu các quy định tại dự thảo Luật với các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành về quản lý thuế và thực tiễn triển khai tại địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu, xem xét một số nội dung sau:

2.1. Đề nghị trích tỷ lệ mức kinh phí Ủy nhiệm thu

Đề xuất phương án tiếp tục giao mức kinh phí Ủy nhiệm thu trên địa bàn đáp ứng theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 21/2026/TT-BTC ngày 17/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, tỷ lệ trích 6%.

Lý do: Trong luật chưa cụ thể hóa vấn đề này, đây là thực tế phát sinh trong quá trình triển khai luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp từ năm 2010 đến nay qua nhiều văn bản hướng dẫn.

2.2. Đề nghị bổ sung quy định làm rõ cơ chế áp dụng giá đất tính thuế đối với tổ chức, xác định rõ trường hợp được giữ ổn định theo chu kỳ 5 năm hay phải thực hiện kê khai điều chỉnh khi bảng giá đất thay đổi.

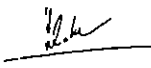
Lý do: Hiện nay, sau khi Nghị định số 126/2020/NĐ-CP¹ hết hiệu lực từ ngày 01/7/2026, dự thảo sửa đổi Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp², Luật Quản lý thuế 108/2025/QH15 và Nghị định số 252/2026/NĐ-CP³ chưa có quy định cụ thể về

¹ Điểm a.3 khoản 3 Điều 10 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ (văn bản hướng dẫn Luật Quản lý thuế cũ) có quy định tổ chức phải thực hiện kê khai lại chậm nhất là 30 ngày khi có phát sinh thay đổi các yếu tố làm thay đổi căn cứ tính thuế dẫn đến tăng, giảm số thuế phải nộp.

² Khoản 3 Điều 6 Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2010 quy định nguyên tắc: Giá của 1m² đất là giá đất theo mục đích sử dụng do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định và được ổn định theo chu kỳ 5 năm.

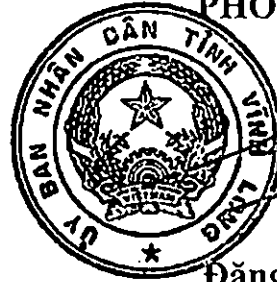
³ Điểm d khoản 1, tiết a.5 điểm a khoản 2 Điều 16 và khoản 1 Điều 21 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP của Chính phủ đã quy định cụ thể trách nhiệm tính thuế, địa bàn nộp hồ sơ và thời hạn nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp áp dụng riêng đối với hộ gia đình, cá nhân.

việc tổ chức phải kê khai như thế nào khi Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành bảng giá đất mới làm thay đổi căn cứ tính thuế. Điều này tạo khoảng trống pháp lý, dẫn đến cách hiểu và áp dụng không thống nhất giữa các địa phương.

Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long kính gửi Bộ Tài chính tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ theo quy định./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Thuế tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT, TH.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**


Đặng Văn Chính

UBND TỈNH HÀ TĨNH
SỞ TÀI CHÍNH

Số: 4923 /STC-NST
V/v góp ý dự án Luật sửa đổi, bổ
sung một số điều của Luật Thuế sử
dụng đất PNN, Luật Thuế TNDN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Tĩnh, ngày 09 tháng 7 năm 2026

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Văn bản số 8765/BTC-CST ngày 24/6/2026 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

Trên cơ sở nhiệm vụ UBND tỉnh Hà Tĩnh giao tại Văn bản số 6190/UBND-TH₂ ngày 26/6/2026, ý kiến của Thuế tỉnh Hà Tĩnh tại Văn bản số 2886/HTI-NVDTPC ngày 08/7/2026, Sở Tài chính Hà Tĩnh có ý kiến như sau:

1. Tại khoản 1 Điều 1 dự thảo, đề nghị sửa thành:

“Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp số 48/2010/QH12

“1. Sửa đổi, bổ sung Điều 2 như sau:

“Điều 2. Đối tượng chịu thuế

...3. Đất phi nông nghiệp quy định tại Điều 3 của Luật này sử dụng toàn bộ hoặc một phần vào mục đích kinh doanh thì phần diện tích sử dụng vào mục đích kinh doanh thuộc đối tượng chịu thuế.”

Lý do đề nghị: Để quy định rõ phạm vi diện tích đất thuộc đối tượng chịu thuế trong trường hợp đất phi nông nghiệp được sử dụng đồng thời cho nhiều mục đích, trong đó chỉ có một phần diện tích được sử dụng vào mục đích kinh doanh.

2. Đề xuất bổ sung thêm khoản 5 vào Điều 1 dự thảo, cụ thể:

“5. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 11 như sau:

“Điều 11. Nguyên tắc miễn thuế, giảm thuế

2. Người nộp thuế đất ở chỉ được miễn thuế hoặc giảm thuế tại một nơi một thửa đất do người nộp thuế lựa chọn, trừ trường hợp quy định tại khoản 9 Điều 9 và khoản 4 Điều 10 của Luật này.”

Lý do đề nghị: Để phù hợp với thực tế phát sinh trong quá trình quản lý thuế, khi người nộp thuế có nhiều thửa đất ở thuộc diện được xem xét miễn, giảm thuế theo quy định.

3. Tại khoản 5 Điều 2 dự thảo, đề nghị sửa thành:

“Điều 2. Sửa đổi khoản 5 và bổ sung khoản 6 Điều 15 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15

“5. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập được miễn thuế đối với thu nhập từ hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo quy định của Chính phủ.””

Lý do đề nghị: Để xác định rõ phạm vi thu nhập được miễn thuế của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, bảo đảm chính sách ưu đãi thuế tập trung đúng vào hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ là lĩnh vực Nhà nước khuyến khích.

4. Tại khoản 6 Điều 2 dự thảo, đề nghị sửa thành:

“Điều 2. Sửa đổi khoản 5 và bổ sung khoản 6 Điều 15 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15

“6. Cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục tư thực hoạt động không vì lợi nhuận thành lập theo quy định của pháp luật được miễn thuế đối với: thu nhập từ hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục; lãi tiền gửi ngân hàng; kinh phí đặt hàng, ~~giao nhiệm vụ~~ của Nhà nước. Trường hợp phát sinh các khoản thu nhập khác với quy định tại khoản này cần được miễn thuế thì giao Chính phủ quy định...”

Lý do đề nghị: Để quy định cụ thể các khoản thu nhập được miễn thuế đối với cơ sở giáo dục công lập và cơ sở giáo dục tư thực hoạt động không vì lợi nhuận, bảo đảm việc áp dụng chính sách ưu đãi thuế được rõ ràng, minh bạch và thống nhất trong thực tiễn.

Sở Tài chính Hà Tĩnh kính đề nghị Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT, NST.



KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Hồ Đức Đan

UBND TỈNH ĐỒNG THÁP

SỞ TÀI CHÍNH

Số: 6126 /STC-QLNS

V/v tham gia ý kiến hồ sơ dự án
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều
của Luật Thuế sử dụng đất phi
nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập
doanh nghiệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Tháp, ngày 10 tháng 7 năm 2026

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện ý kiến tại Công văn số 7786/VPUBND-KT ngày 28/6/2026 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc tham gia ý kiến hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

Căn cứ Công văn số 8765/BTC-CST ngày 24/6/2026 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

Sau khi nghiên cứu và tổng hợp ý kiến đóng góp của cơ quan, đơn vị, địa phương; Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp thống nhất dự thảo hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp đính kèm theo Công văn số 8765/BTC-CT ngày 24/6/2026 của Bộ Tài chính.

Kính gửi Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp./.

(Đính kèm: Công văn số 7786/VPUBND-KT ngày 28/6/2026 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND Tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo Sở Tài chính;
- Lưu: VT, P.QLNS (Tr. Ngạc).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
SỞ
TÀI CHÍNH
TỈNH ĐỒNG THÁP
Nguyễn Thanh Diệu



**CỤC THUẾ
THUẾ TỈNH CÀ MAU**

Số: 1841/CMA-NVDTPC

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Cà Mau, ngày 09 tháng 7 năm 2026

V/v góp ý dự thảo hồ sơ dự án
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều
của Luật Thuế sử dụng đất phi
nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập
doanh nghiệp

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau tại Công văn số 10188/UBND-KTTH ngày 26/6/2026 về việc tham gia góp ý dự thảo hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; giao Thuế tỉnh Cà Mau chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiên cứu, đóng góp ý kiến dự thảo dự án Luật và tổng hợp, báo cáo về Bộ Tài chính.

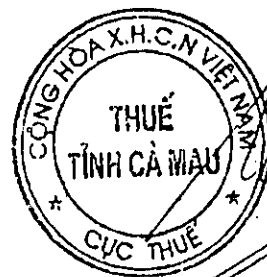
Qua nghiên cứu nội dung dự thảo hồ sơ dự án Luật và tổng hợp ý kiến của các đơn vị, Thuế tỉnh Cà Mau thống nhất nội dung dự thảo.

Trên đây là ý kiến tham gia đóng góp đối với dự thảo hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Thuế tỉnh Cà Mau báo cáo Bộ Tài chính./

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh Cà Mau (thay báo cáo);
- Lãnh đạo Thuế tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, NVDTPC, L.T.P.Quyen-02b.

TRƯỞNG THUẾ TỈNH



Lê Văn Sơn

Trên đây là một số ý kiến góp ý vào hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Đắk Lắk./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- LĐ Đoàn ĐBQH tỉnh (b/c);
- Các vị ĐBQH;
- LĐVP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, PCTQH.

TM. ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
KT. TRƯỞNG ĐOÀN
PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN



Nguyễn Thị Thu Nguyệt

CỤC THUẾ
THUẾ TỈNH NINH BÌNH

Số: 8760 /NBI-NVDTPC
V/v tham gia ý kiến hồ sơ dự án Luật
sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật
Thuế thu nhập doanh nghiệp.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Bình, ngày 09 tháng 7 năm 2026

Kính gửi:

- Bộ Tài chính;
- UBND tỉnh Ninh Bình.

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN SỐ:	904.80
Ngày	13-07-2026
Chuyên:	Luc CST
Số và ký hiệu HS:	

Thực hiện Công văn số 8765/BTC-CST ngày 24/6/2026 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

Thực hiện Công văn số 3679/VPUBND-VP5 ngày 26/6/2026 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc tham gia ý kiến hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

Thuế tỉnh Ninh Bình đã tổ chức triển khai đến các đơn vị liên quan nghiên cứu và tham gia góp ý hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Sau khi nghiên cứu, thảo luận, Thuế tỉnh Ninh Bình có một số ý kiến như sau:

Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp:

Tại Điều 2 quy định Điều 2. Sửa đổi khoản 5 và bổ sung khoản 6 Điều 15 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15:

"... 6. Cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục tư thực hoạt động không vì lợi nhuận thành lập theo quy định của pháp luật được miễn thuế đối với: thu nhập từ hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục; lãi tiền gửi ngân hàng; kinh phí đặt hàng, giao nhiệm vụ của Nhà nước. Trường hợp phát sinh các khoản thu nhập khác với quy định tại khoản này cần được miễn thuế thì giao Chính phủ quy định."

Cụm từ *"dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục"* trong dự thảo hiện nay chưa được định nghĩa trong khi trên thực tế cơ sở giáo dục phát sinh nhiều loại hình dịch vụ với tính chất khác nhau như thư viện, khảo thí, ký túc xá, xe đưa đón, căng tin, cho thuê hội trường, cung cấp nước sạch, coi xe, vệ sinh công cộng cho học sinh sinh viên... Việc không xác định rõ phạm vi các dịch vụ thuộc diện miễn thuế có thể dẫn đến nhiều cách hiểu, áp dụng không

thống nhất giữa cơ quan thuế và người nộp thuế, đồng thời tiềm ẩn nguy cơ mở rộng hoặc thu hẹp không đúng phạm vi ưu đãi của chính sách.

Đề nghị quy định rõ khái niệm, tiêu chí xác định hoặc quy định chi tiết các loại dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục được miễn thuế, bảo đảm việc áp dụng chính sách miễn thuế thống nhất, minh bạch và đúng mục tiêu khuyến khích phát triển giáo dục.

Trên đây là ý kiến tham gia hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuế tỉnh Ninh Bình trân trọng báo cáo./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Trưởng Thuế tỉnh (để báo cáo);
- Cục Thuế (để báo cáo);
- Lưu: VT, NVDTTC (P.Đ.Kiên.).

**KT. TRƯỞNG THUẾ TỈNH
PHÓ TRƯỞNG THUẾ TỈNH**



Vũ Đình Hồng

V/v tham gia ý kiến đối với hồ sơ dự án
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của
Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp,
Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 7 năm 2026

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Công văn số 8765/BTC-CST ngày 24/6/2026 của Bộ Tài chính về lấy ý kiến về hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Qua nghiên cứu, UBND thành phố Đà Nẵng có ý kiến tham gia như sau:

1. Tại khoản 3 Điều 1 dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 8 Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp quy định:

“3. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

Điều 8. Đăng ký, khai, tính và nộp thuế

2. Trường hợp người nộp thuế có quyền sử dụng nhiều thửa đất ở trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì cơ quan thuế căn cứ hệ thống thông tin quản lý thuế để hỗ trợ người nộp thuế trong việc khai thuế và tính số thuế chênh lệch tăng thêm do có quyền sử dụng nhiều thửa đất ở...”

Đề nghị sửa đổi thành: “2. Trường hợp người nộp thuế có quyền sử dụng nhiều thửa đất ở trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì người nộp thuế có nghĩa vụ tự kê khai tổng diện tích và lựa chọn vị trí thửa đất áp dụng hạn mức đất ở để xác định nghĩa vụ thuế. Cơ quan thuế căn cứ hệ thống thông tin quản lý thuế để cung cấp dữ liệu, hỗ trợ, hướng dẫn người nộp thuế thực hiện việc khai thuế, tính số thuế chênh lệch tăng thêm do có quyền sử dụng nhiều thửa đất ở nếu có đề nghị của người nộp thuế.”

Lý do: Người nộp thuế có trách nhiệm tự khai và lựa chọn phương án phù hợp theo quy định của pháp luật; đồng thời chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và đầy đủ của nội dung đã khai. Cơ quan thuế có trách nhiệm cung cấp thông tin, dữ liệu và thực hiện hỗ trợ, hướng dẫn người nộp thuế trong quá trình khai và nộp thuế theo quy định.

2. Tại Điều 2 dự thảo Luật sửa đổi khoản 5 và bổ sung khoản 6 Điều 15 Luật thuế TNDN số 67/2015/QH15

“Điều 2. Sửa đổi khoản 5 và bổ sung khoản 6 Điều 15 Luật thuế TNDN số 67/2015/QH15

5. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập được miễn thuế theo quy định của Chính phủ.”

Đề xuất bổ sung: “5. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập, tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập hoạt động không vì lợi nhuận thành lập theo quy định của pháp luật được miễn thuế theo quy định của Chính phủ.

Tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập hoạt động không vì lợi nhuận thành lập theo quy định của pháp luật được miễn thuế đối với: thu nhập từ hoạt động với mục đích nghiên cứu, chuyển giao công nghệ phục vụ cộng đồng, đào tạo, tư vấn công nghệ miễn phí; lãi tiền gửi ngân hàng; kinh phí đặt hàng, giao nhiệm vụ của Nhà nước. Trường hợp phát sinh các khoản thu nhập khác với quy định tại khoản này cần được miễn thuế thì giao Chính phủ quy định.

Trường hợp tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập hoạt động không vì lợi nhuận sử dụng phần thu nhập được miễn thuế quy định tại khoản này không phải để đầu tư phát triển khoa học, công nghệ theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo thì phải thực hiện kê khai và nộp thuế đối với phần sử dụng không đúng quy định; nếu thực hiện rút vốn hoặc chia lợi tức thì phải nộp lại toàn bộ tiền thuế đã được miễn theo quy định tại khoản này và tiền chậm nộp, tiền phạt (nếu có) thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.”

Lý do: Tại khoản 1 và điểm d khoản 2 Điều 37 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội quy định về bảo đảm quyền và cơ chế hỗ trợ đối với tổ chức ngoài công lập trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

“Điều 37. Bảo đảm quyền và cơ chế hỗ trợ đối với tổ chức ngoài công lập trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Tổ chức có hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ngoài công lập, bao gồm doanh nghiệp ngoài nhà nước, viện nghiên cứu tư nhân, tổ chức khoa học và công nghệ tư nhân, tổ chức phi lợi nhuận tư nhân và các tổ chức ngoài công lập khác (sau đây gọi chung là tổ chức ngoài công lập) được bảo đảm quyền tiếp cận bình đẳng với các chính sách, chương trình, nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước theo quy định của Luật này.

2. Tổ chức ngoài công lập có quyền sau đây:

...d) Hưởng chính sách ưu đãi về thuế, tín dụng, đất đai, đầu tư mạo hiểm, tiếp cận sàn giao dịch công nghệ và ưu đãi khác như đối với tổ chức công lập.”

Do đó, một số cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp thành lập tổ chức khoa học và công nghệ tuy nhiên hoạt động với mục đích nghiên cứu, chuyển giao công nghệ phục vụ cộng đồng, đào tạo, tư vấn công nghệ miễn phí (không vì mục đích lợi nhuận) ... Các tổ chức khoa học và công nghệ này vẫn có thể có doanh thu, tuy nhiên thu nhập được sử dụng hoàn toàn để tái đầu tư phục vụ nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng. Điều này hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển khoa học, công nghệ của quốc gia trong thời gian đến.

UBND thành phố Đà Nẵng kính gửi Bộ Tài chính tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT UBND thành phố;
- Thuế thành phố Đà Nẵng;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Kỳ Minh